

DỊCH – LÝ HUYỀN – CƠ

TỬ – VI THỰC – HÀNH

Hướng dẫn tất cả bí quyết an số và đoán số rành mạch
Đầy đủ các Phú đoán từng sao, từng cung, từng vận, hạn

*Mệnh thế do thiên quyền sở tác,
Hạnh hành phiêu ảnh dĩ ưu thiên
Thế sự phù trầm nan tri liệu,
Hoàn nhân bất khả đoạn thiên quyền.*

HI – DI TRẦN – ĐOÀN

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

52, Đại lộ Lê Lợi – SÀI GÒN

Sách này gồm 5 phần:

- PHẦN I:** Hướng dẫn rõ để có thể lập thành nhanh chóng một lá số ngay trên bàn tay.
- PHẦN II :** Phân tách kỹ tính tinh, âm dương từng vị sao.
- PHẦN III:** Phân đoán từng cung, đoán số mệnh, vận hạn với những bài Phú riêng biệt rõ ràng.
- PHẦN VI:** Những số Tử vi mẫu để chiêm nghiệm.
- PHẦN V:** Sưu tầm đầy đủ những Phú chữ hán của Trần Đoàn, Lã ngọc Thiềm, Ma Y Lão Tổ, Thái vi phú, Hoàng kim phú.



NHÃN GỎI: Mục đích tôi khi viết ra quyển Tử vi chính biện này, sau khi đã tham bát và học hỏi các sách chính truyền của nhiều bậc danh tiếng tại Trung Hoa, và cũng tham khảo dinh nghiệm mấy chục năm qua, chỉ nhằm vào việc giúp cho các bạn thích khảo cứu có thể tự mình an số và luận đoán lấy, hầu thoát ra khỏi vòng mê tín hão huyền mà hạng vô lương thường đem ra để lừa bịp người đời.

Bởi đó, tôi coi Tử vi là một khoa học thực sự để giải thích sự tương quan giữa cuộc sống con người trong vũ trụ, chứ không phải là giữa con người với ma quỷ, thần thánh.

Nó là một dịch lý sâu xa, mà không ai tự phụ là thật thông đạt, bởi vậy nếu có chi tiết nào làm bạn thắc mắc, xin cứ liên lạc với tôi, chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận và suy cứu thêm.

DỊCH LÝ – HUYỀN CƠ
SL I, CỬ XÁ, PHÚ LÂM A, CHỢ LỚN.

TỰA

Tìm hiểu họa phúc, hư thực của cuộc đời là một bài toán đã làm cho cả thế giới quan tâm. Từ thượng cổ đến nay, nước nào cũng có những khoa bói toán. Ngày nay có những nước văn minh như Pháp, Nhật, Mỹ v.v ... đã phát minh ra cách đoán lý số bằng máy. Gần đây, (vào đầu tháng 8 – 1969) đài phát thanh Mỹ lại loan báo một phát minh mới lạ lùng về một máy cực kỳ tối tân để đoán số Tử vi . máy này chỉ trong 2 phút đủ lập thành một lá số với 2.000 chữ đoán rõ vận mệnh con người.

Ai cũng biết Tử vi là một khoa số học của Trung Hoa được phát hiện từ đời nhà Tống do một bậc lý học uyên thâm là Trần Đoàn, và sau đó có nhiều bậc học thức khai triển và diễn dịch sâu rộng thêm, sắp đặt thành hệ thống.

Khoa học Tử vi ấy được truyền sang ta và tạo nên nhiều bậc tài ba, nhưng dần dần người ta đã biến nó ra thành mê tín dị đoan, bày chuyện cúng tế vị sao để giải hạn hoặc cầu phúc: vô tình lớp người này đã hạ thấp khoa học ấy xuống ngang hàng với loại bùa chú mê muội, hòng lừa gạt kẻ nông nổi.

Ngược dòng lịch sử, ta nhận thấy khoa Tử vi đã từ thuyết âm dương ngũ hành mà ra, vì người xưa nhận thấy đời sống con người có ảnh hưởng tương quan đến vạn vật trong vũ trụ: ngũ âm, ngũ sắc, ngũ tạng v.v .. đều được phối hợp với ngũ hành. Đến đời Hán, Đổng trọng Thư đã bàn rõ thuyết âm dương ngũ hành, đưa ra nhiều nhận xét tinh vi và thứ lớp làm cho nhiều học giả phải khâm phục.

Ong đã giải thích rằng: “trời đất hợp lại là một, chia ra là âm và dương, phân ra bốn mùa, sắp xếp theo ngũ hành: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy: có tương sinh và tương khắc lẫn nhau trong sự biến hóa.

Ở Hy Lạp, Pythagore cũng nhận định rằng: “Nguyên thủy của vạn vật là một thể duy nhất, từ một thể ấy biến ra lưỡng thể là một chất bất định bị lệ thuộc bởi một thể duy nhất làm nguyên nhân. Từ một thể duy nhất toàn bích và lưỡng thể bất định ấy nảy ra những số, những số biến ra những điểm, những điểm biến ra những vạch, những vạch biến ra những bề diện, những bề diện biến ra những thể tích, những thể tích biến ra mọi thể rõ rệt tôi phát sinh ra 4 yếu tố: NƯỚC, LỬA,

ĐẤT, và KHÔNG KHÍ. Bốn yếu tố ấy biến đổi nhiều cách khác nhau tạo thành thế giới sinh khí, tâm linh, viên thể ở khắp trái đất vậy.

Mặt trời, mặt trăng và những tinh tú khác là những thiên thần vì ở đó các khí nóng đã chiếm ưu thế, nó là nguyên tắc sự sống. Mặt trăng, trái đất lấy ánh sáng từ mặt trời. Con người là hệ thuộc của các tinh tú, thiên thân; vì trong con người cũng có yếu tố của khí nóng ấy, nên các tinh tú thiên thần kia có liên hệ đến chúng ta.

Tất cả đều chịu lệ thuộc số mệnh, đó là nguyên tắc trật tự của vũ trụ. Những ánh mặt trời đi xuyên qua nước và không khí, ánh sáng đó xâm nhập tận đáy cùng của trái đất và tạo ra cuộc sống. Ở đó, mọi vật sống nhờ ở khí nóng, vì vậy cây cối cũng là sinh thể, nhưng những sinh vậy không có linh hồn.

Linh là một phần của nguyên tố khí nóng và khí lạnh, nó khác với sự sống, vì tự nó là bất tử, bởi lẽ nó là một bộ phận của yếu tố bất diệt. Sinh động vật, sản sinh nhờ ở tinh khí. Tinh khí là một giọt của não chất đã chứa đựng sẵn trong nó cái khí nóng. Chất tinh khí phối hợp với âm chất tạo ra cơ thể. Còn khí nóng ấy sinh ra linh hồn và cảm giác....”

Trong bài chính khí Super Ca của Văn thiên Tường có nhắc đến câu: “Thiên địa hữu chính khí, hạo nhiên phú lưu hình”, để nói về sự cấu tạo con người bởi cái khí của trời đất. Mà Nguyễn công Trứ cũng đã lập lại:

“ Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất”

Theo nguyên lý trên, vũ trụ luận của Đông, Tây đều nhận định gần giống nhau về sự phối hợp âm dương và ngũ hành đối với con người. Như thế ảnh hưởng của các tinh tú của vòng thái dương hệ đối với con người hẳn phải có một nguyên nhân.

Vậy nguyên nhân ấy là đâu?

Gần đây, các nhà bác học khám phá ra sức mâu thuẫn của âm dương luôn luôn tác động và phát sinh ở thái dương gây nên sự rạn nứt. Mà trái đất ta sống, hay một tinh tú nào có một nguyên thủy như trái đất, đều có thể mang trong nó một sự vận chuyển âm dương nguyên thủy từ thái dương hệ để tạo một sự sống, vì trong nó đã chứa đựng sẵn muôn ngàn triệu mầm sinh tồn (Disques germinatis). Chính mầm sinh tồn ấy phát triển nhờ ở khí nóng và khí lạnh (hay gọi là âm và dương) để nảy sinh ra muôn triệu sinh vật và được nuôi dưỡng bởi các yếu tố khác, là nước, lửa, không khí và đất trong sự vận chuyển của ngũ hành luôn luôn sinh khắc lẫn nhau để phát triển mãi.

Bởi truyền thống từ các nguyên lý của mầm sinh tồn có sẵn trong trái đất ấy. Mà sinh vật tiếp tục việc truyền thụ mãi. Ta hãy nhận xét trong một quả trứng của bất cứ con vật nào cũng có một khoảng trống. Khoảng trống ấy là nơi chứa đựng mầm sinh tồn và khí âm dương, còn trống đỏ và trống trắng chỉ là chất dinh dưỡng để nuôi cho mầm sinh tồn sủa lớn lên đủ sức phá vỡ cái vỏ bọc mà thôi. Cũng thế một tinh trùng cũng chỉ là mang trong nó một mầm sinh tồn có khí dương và phối hợp với âm trùng có khí âm để làm nên sự sống mà cái nhau là điều kiện dinh dưỡng để nuôi thành cơ thể con người. Ngược lại một con vật bé nhỏ như con ong không thể tạo nên một quả trứng chứa đựng đủ chất dinh dưỡng, nên đã tạo ra một cái trứng nhỏ xíu đủ chứa đựng mầm sinh tồn và khí âm dương; vì vậy sau khi nó đặt trứng ấy vào tổ đất rồi phải tìm một con nhện non cho vào đó, tiêm một chất nước ở nọc để giữ cho khỏi hư thối, đoạn bít kín lỗ lại, đợi khi cái mầm sinh tồn kia xuất hiện thành sự sống, và sinh vật bắt đầu hút chất dinh dưỡng trong thân thể con nhện để tăng trưởng đến một ngày đủ sức đục tổ đất mà bay ra.

Từ đó tục ngữ có câu:

Tò mò mầy nuôi con nhện

Đến khi nó lớn, nó quện nhau đi

Như vậy, chính âm dương đã tạo mầm sinh tồn ngay trong quả đất, từ khi nó còn ở thái dương, nên đương nhiên những mầm sinh tồn ấy phải chịu ảnh hưởng trực tiếp các tinh tú bao quanh thái dương trong một hệ thống luân chuyển của thời gian và không gian.

Tìm ảnh hưởng đó cùng với thời gian chịu ảnh hưởng tức là tìm ra cái hưng suy của mỗi giai đoạn mà các tinh tú đã tác động đến một con người.

Do đó khoa Tử vi chỉ nhằm sắp đặt các vị tinh tú để tìm ra cái ảnh hưởng chuyển vận của nó mà thôi. Vì vậy trong Tử vi mới chia phương hướng, màu sắc, ngũ hành của mỗi vị tinh tú để tìm sự tương phò hoặc tương khắc đối với một con người, tùy theo con người xuất hiện vào giờ, ngày, tháng, năm và phương hướng nào, tức là tìm hiểu cái ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của những vị tinh tú đó vậy.

Trong mấy chục năm liên, cứ mỗi khi có dịp tôi lại nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi và thực nghiệm, gom góp từ những bước đường lưu lác trên đất Trung Hoa đến những năm tiếp xúc với các học giả Việt Nam, trong đó có những vị Bác sỹ, Thẩm phán, Nhà văn v.v.... để suy đoán bàn cãi về Tử vi, tôi có một nhận xét chung là hầu hết mọi người đều xác định Tử vi là một khoa học, đã nói lên được nhiều sự chính xác của Trần Đoàn, Lã ngọc Thiềm, Ma Y Lão Tổ, Thái vi Phú, Hoàng kim Phú; khảo cứu những điểm liên quan giữa cuộc sống và con người hầu thu gom những kinh nghiệm viết ra tập **TỬ VI CHÍNH BIỆN** này sao cho thật dễ hiểu và sáng tỏ để trao đến tay các bạn thích khảo cứu một tài liệu lý học cổ truyền.

Trong sách này tôi cố rút thật gọn và sắp xếp các phú có hệ thống rõ ràng. Ngoài những phú mà các tiền bối như Lê Quý Đôn đã dịch ra, còn có những phú khác, tôi đã cố gắng dịch thành thơ để cho độc giả dễ nhớ khi đoán.

Tôi cũng nhận biết rằng công việc làm của tôi không sao tránh khỏi sự lầm lẫn, vì một môn học mà ngày nay hầu như đã thất truyền nhiều quá đối với kho tàng lý học của ta. Trong khi ấy ở các nước văn minh, học có đủ mọi tài liệu, phương tiện khảo cứu và phát minh đến tột độ như nước Mỹ hiện nay. Họ đã sắp cho ra một cái máy đoán Tử vi được áp dụng theo một phương pháp khoa học mà tôi đã nói ở trên kia.

Vậy tôi mong tập **“TỬ VI CHÍNH BIỆN”** này được quý vị đón nhận nó với lòng đại lượng khoan hồng đối với kẻ đã cố gắng viết ra.

DỊCH LÝ HUYỀN CƠ.

PHẦN I LẬP THÀNH:

I> TÌM GIỜ: Giờ của hành CHI trong Tử vi có 12 giờ là: TÝ, SỬU, DẦN, MÃO, THÌN, TỶ, NGỌ, MÙI, THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI

Giờ tùy theo sự luân lưu của Thái dương mà xê dịch theo mỗi tháng. Nên nhớ rằng 1 giờ của hành Chi bằng hai giờ đồng hồ: Bản kê sau đây là tính theo giờ thay đổi hiện nay (1968).

THÁNG GIÊNG, THANG 9: Giờ Tý khởi từ 01g – 3g19 khuya
Giờ Sửu || 3g10 – 5g19

	Giờ Dần		5g20 – 7g19
	Giờ Mão		7g20 – 9g19
	Giờ Thìn		9g20 – 11g19
	Giờ Tỵ		11g20 – 13g19
	Giờ Ngọ		13g20 – 15g19
	Giờ Mùi		15g20 – 17g19
	Giờ Thân		17g20 – 19g19
	Giờ Dậu		19g20 – 21g19
	Giờ Tuất		21g20 – 23g19
	Giờ Hợi		23g20 - 01g19
THÁNG 2, 8, 10 và 12:	Bốn tháng này giờ TÝ khởi từ 01g00 2g59 khuya.		
THÁNG 3 và THÁNG 7:	Hai tháng này giờ TÝ khởi từ:01g30 đến 3g29 khuya		
THÁNG 4 và THÁNG 6:	Hai tháng này giờ TÝ khởi từ:01g40 đến 3g39 khuya		
THÁNG 5:	Tháng này giờ TÝ khởi từ:2g20 đến 4g19 khuya		
THÁNG 11	Tháng này giờ TÝ khởi từ:2g40(tức 12g đêm) đến 2g59		

II> PHÂN RÕ CAN CHI

Cần phân rõ hành CAN để biết được tuổi mỗi người thuộc về ÂM hay DƯƠNG. Ví dụ người tuổi Giáp Tý mà đàn ông thì gọi là Dương Nam mà đàn bà gọi là Dương Nữ. Tuổi Ất Sửu thì đàn ông gọi là Âm nam, mà đàn bà thì gọi là Âm nữ. Cứ theo Hành CAN, thì có một ÂM, một Dương chen nhau:

Giáp	thuộc về	Dương mộc
Ất		Âm mộc
Bính		Dương hỏa
Đinh		Âm hỏa
Mậu		Dương thổ
Kỷ		Âm thổ
Canh		Dương kim
Tân		Âm kim
Nhâm		Dương thủy
Quý		Âm thủy

CAN PHÁ

Giáp	phá	Mậu
Ất		Kỷ
Bính		Canh
Đinh		Tân
Mậu		Nhâm
Kỷ		Quý

Canh		giáp
Tân		Ất
Nhâm		Bính
Quý		Đinh

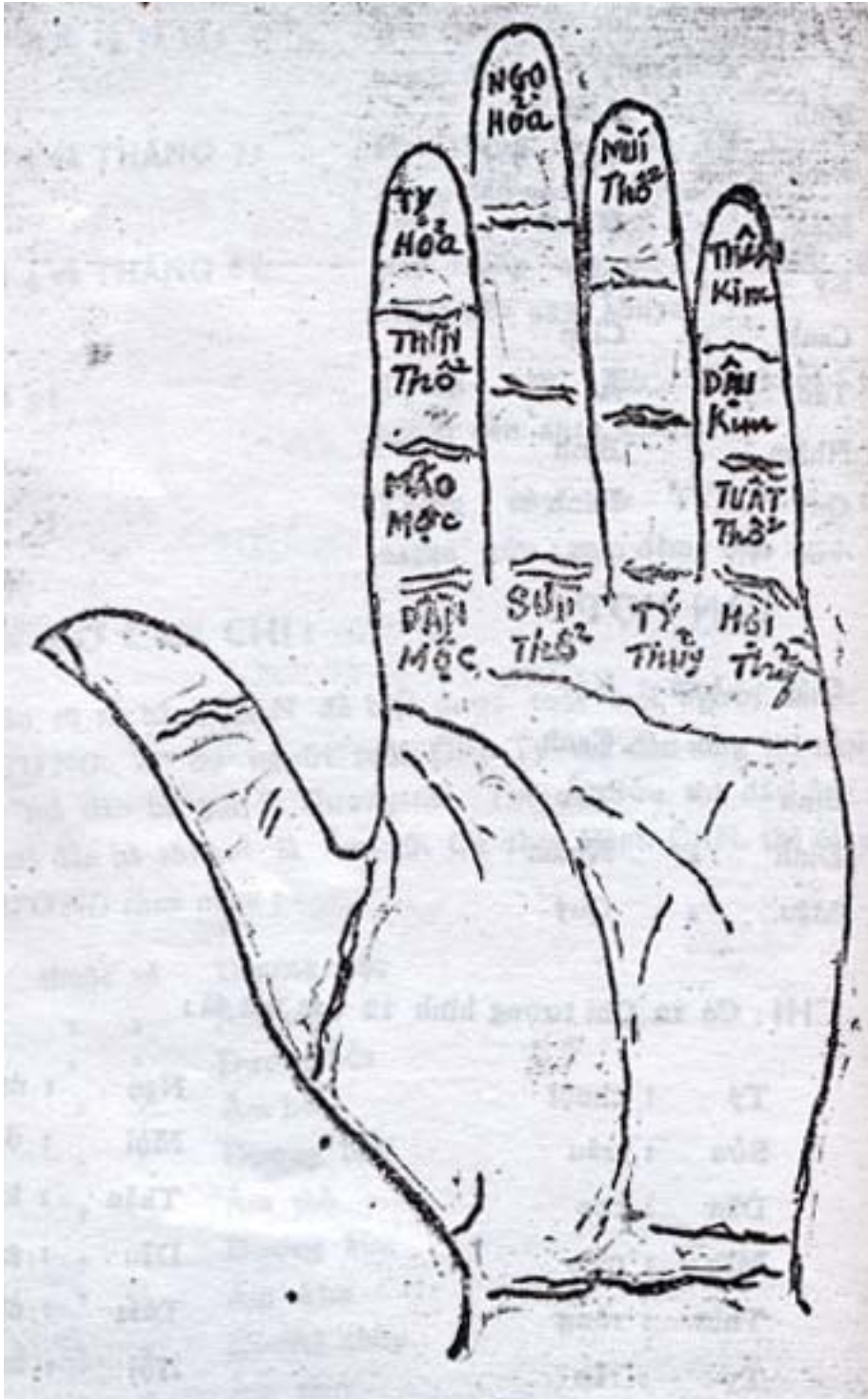
CAN HỢP

Giáp	hợp	Ky
Ất		Canh
Bính		Tân
Đinh		Nhâm
Mậu		Quý

CHI : Có 12 Chi tượng hình 12 con vật là:

Tý:	chuột
Sửu:	trâu
Dần:	cọp
Mão:	mèo
Thìn:	rồng
Tỵ:	rắn
Ngọ:	ngựa
Mùi:	dê
Thân:	khỉ
Dậu:	gà
Tuất:	chó
Hợi :	heo

12 Chi nằm ở bàn tay và mỗi chi theo mỗi hành như sau: (khởi đầu là cung Tý)



Và sau đây là xa chi cùng ngũ hành trình bày trên giấy

TỐN TỶ <i>Hỏa</i>	LY NGỌ <i>Hỏa</i>	MÙI <i>Thổ</i>	KHÔN THÂN <i>Kim</i>
THÌN <i>Thổ</i>			ĐOÀI DẬU <i>Kim</i>
CHẤN MÃO <i>Mộc</i>			TUẤT <i>Thổ</i>
CẤN DẦN <i>Mộc</i>	SỬU <i>Thổ</i>	KHÂM TÝ <i>Thủy</i>	CĂN HỢI <i>Thủy</i>

Chú ý: lá số có 12 cung được chia ô gọi là ĐỊA BÀN để an các sao; còn vòng bên trong gọi là THIÊN BÀN để viết năm, tháng, ngày giờ cách cuộc, và ghi năm tiểu hạn.

Còn ở trên bàn tay thì khởi sự từ cung TÝ thuộc Thủy – SỬU thuộc thổ – DẦN thuộc Mộc – MÃO thuộc Mộc – THÌN thuộc Thổ – TỶ thuộc Hỏa – NGỌ thuộc Hỏa - MÙI thuộc Thổ – THÂN thuộc Kim - DẬU thuộc Kim – TUẤT thuộc Thổ – HỢI thuộc Thủy.

Biết rõ mỗi cung thuộc về hành nào thì khi đoán số ta mới biết mệnh, sao có cùng hành ấy sinh khắc hay không thì việc đoán mới tin tưởng được.

Ví dụ:Sao Thiên cơ thuộc Mộc mà đóng ở cung Thân là cung Kim vậy là cung khắc với sao, làm giảm lực của sao rất nhiều. Hoặc giả người Mệnh Mộc mà an trúng cung Hỏa cũng bị khắc. Còn phân rõ bát quái: CÀN, KHÂM, CẤN, CHẤN, TỐN, LY, KHÔN, ĐOÀI trong những cung của lá số cũng có mục đích tìm hiểu ảnh hưởng đối với các sao vậy.

III> NGŨ HÀNH:

MỘC, HỎA, THỔ, KIM, THỦY

TƯƠNG SINH

Mộc sinh Hỏa
Hỏa || Thổ
Thổ || Kim
Kim || Thủy
Thủy || Mộc

TƯƠNG KHẮC

Mộc khắc Thổ
Thổ || Thủy
Thủy || Hỏa
Hỏa || Kim
Kim || Mộc

PHÂN BIỆT: SINH – MỘ – TUYỆT.

Tứ sinh là: Dần Thân Tỵ Hợi

Tứ mộ là: Thìn Tuất Sửu Mùi

Tứ tuyệt là: Tý Ngọ Mão Dậu

Cách chia nhóm trên đây rất cần thiết khi an sao đoán mệnh để biết sao nào đi vào nhóm nào có liên quan đến sự hay, dở.

TAM HỢP là: Dần Ngọ Tuất

Thân Tý Thìn

Ty Dậu Sửu

Hợi Mão Mùi

Và khi đoán số phải lấy Tam Hợp để phối kiểm các sao.

NHỊ HỢP

Tý	hợp	Sửu
Dần		Hợi
Mão		Tuất
Thìn		Dậu
Ty		Thân
Ngọ		Mùi

NHỊ XUNG

Tý	xung	Ngọ
Mão		Mùi
Dần		Thân
Ty		Hợi
Thìn		Tuất
Sửu		Mùi

Phân rõ xung hợp trên đây cũng cần cho việc phối hợp các sao khi đoán số.

IV> CÁCH AN SỐ:

Trước khi an số phải biết rõ các sự kiện sau đây:

a> Người có số thuộc về Dương Nam, Âm Nam hay Dương Nữ, Âm Nữ (xem chỗ can chi mục II)

Ví dụ: tuổi Giáp Tý thì thuộc Dương

Ất sửu thì thuộc Âm

Cứ một Dương thì một Âm xem nhau mà tính từ giáp trở đi lấy ngay ở cung Dần làm Giáp (xem bàn tay)

b> Bây giờ tìm xem người thuộc hành gì thì theo bản sau đây:

1> Giáp Tý,	Ất Sửu	:	Hải trung kim	(vàng đáy biển)
Bính Dần,	Đinh Mão	:	Lô trung Hỏa	(lửa trong lò)
Mậu Thìn,	Kỷ Mão	:	Đại lâm mộc	(cây ở trong rừng)
Canh Ngọ,	Tân Mùi	:	Lộ bàng thổ	(đất bên đường)
Nhâm Thân,	Quý Dậu	:	Kiểm phong kim	(vàng đầy gươm)
2> Giáp Tuất,	Ất Hợi	:	Sơn đầu hỏa	(lửa đầu núi)
Bính Tý,	Đinh Sửu	:	Giản hạ thủy	(nước khe suối)
Mậu Dần,	Kỷ Mão	:	Thành đầu thổ	(đất đầu thành)
Canh Thìn,	Tân Ty	:	Bạch Lạp kim	(đèn nến trắng)
Nhâm Ngọ,	Quý Mùi	:	Dương liễu mộc	(cây dương liễu)
3> Giáp Thân,	Ất Dậu	:	Tuyền trung thủy	(nước giữa suối)
Bính Tuất	Đinh Hợi	:	Ốc thượng thổ	(đất mái nhà)
Mậu Tý,	Kỷ Sửu	:	Tích lịch hỏa	(lửa sấm sét)
Canh Dần,	Tân Mão	:	Tòng bách mộc	(cây tòng bách)
Nhâm Thìn,	Quý Ty	:	Tràng lưu thủy	(nước dòng sông)
4> Giáp Ngọ,	Ất Mùi	:	Sa trung kim	(vàng trong cát)
Bính Thân,	Đinh Dậu	:	Sơn hạ hỏa	(lửa dưới cát)

Mậu Tuất,	Kỷ Hợi	:	Bình địa mộc (cây đồng bằng)
Canh Tý,	Tân Sửu	:	Bích thượng thổ (đất trên vách)
Nhâm Dần,	Quý Mão	:	Kim bạch kim (vàng bạch kim)
5>Giáp Thìn,	Ất Ty	:	Phú đăng hỏa (lửa ngọn đèn lớn)
Bính Ngọ,	Đinh Mùi	:	Thiên thượng thủy (nước trên trời)
Mậu Thân,	Kỷ Dậu	:	Đau trach thổ (đất làm nhà)
Canh Tuất,	Tân Hợi	:	Xuyến thoa kim (vàng trong tay)
Nhâm Tý,	Quý Sửu	:	Tang khô mộc (gỗ cây dâu)
6>Giáp Dần,	Ất Mão	:	Đại khê thủy (nước suối lớn)
Bính Thìn,	Đinh Ty	:	Sa trung thổ (đất giữa cát)
Mậu Ngọ,	Kỷ Mùi	:	Thiên thượng hỏa (lửa trên trời)
Canh Thân,	Tân Dậu	:	Thạch lựu mộc (cây thạch lựu)
Nhâm Tuất,	Quý Hợi	:	Đại hải thủy (nước biển lớn)

Muốn giản tiện khỏi phải xem bản trên đây, ta chỉ cần tính ở bàn tay cũng có thể biết ngay tuổi gì, thuộc hành gì.

Muốn thế phải học thuộc các câu Lục Giáp sau đây để nạp âm.

TÝ NGỌ: NGÂN ĐĂNG DÁ BÍCH CÂU
 Bạc đèn giá sách tường móc câu (dao găm)
 (Kim) (Hỏa) (Mộc) (Thổ) (Kim)

THÌN TUẤT:
 YÊN MÃN TỰ CHUNG LÂU
 Khói đầy (nước) chùa (đất) chuông (gỗ)
 (Hỏa) (Thủy) (Thổ) (Kim) (Mộc)

DÂN THÂN:
 HÁN ĐỊA THIÊU SÀI THẤP
 Con sông đất đốt (cửa cây) ẩm ướt
 (Thủy) (Thổ) (Hỏa) (mộc) (Thủy)

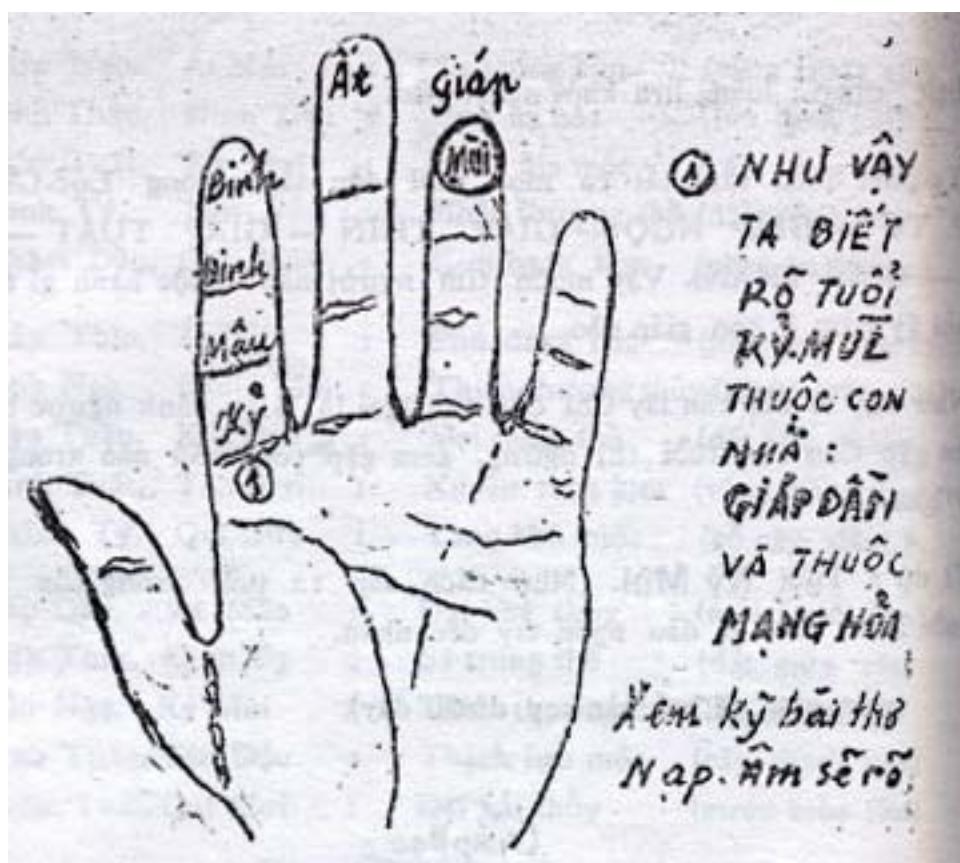
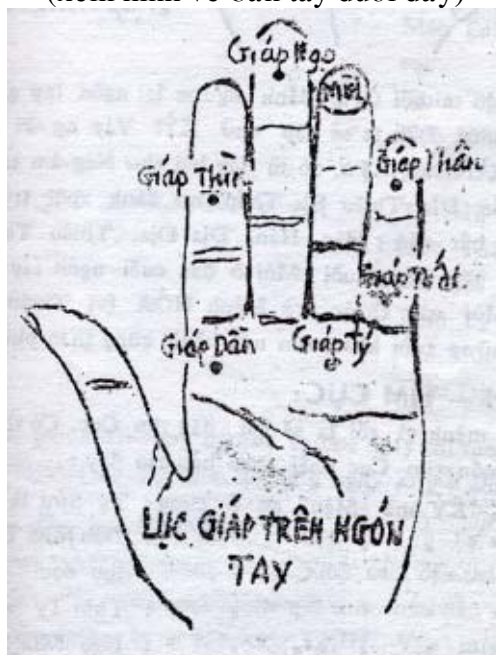
DÂN THÂN: luân lưu khỏi ngoại cầu

Ta phải hiểu rằng tất cả mọi tuổi đều nằm trong Lục Giáp ấy: (GIÁP TÝ, GIÁP NGỌ, GIÁP THÌN, GIÁP TUẤT, GIÁP DÂN, GIÁP THÂN). Vậy muốn tìm người nào thuộc hành gì thì phải tìm tuổi ấy nằm ở con giáp nào.

Như vậy ta chỉ cần lấy Chi của tuổi gọi là Giáp đánh ngược bàn tay lại đến gặp Can của tuổi thì ngừng, xem gặp con Giáp nào trong 6 con giáp ở bàn tay.

Ví dụ: Tuổi **Kỷ Mùi** (nhớ cách sắp 12 tuổi trong bàn tay, ta thấy tuổi Mùi nằm ở đầu ngón tay dưới nhẫn).

(xem hình vẽ bàn tay dưới đây)



Bắt đầu từ đó ta gọi Giáp đánh ngược lại ngón tay giữa đến ngón chỏ, cho đến cung Dần ta sẽ gặp chữ KỶ. Vậy người sinh Kỷ Mùi thuộc con giáp DẦN vậy. Từ đó ta lấy bài thơ Nạp âm trên đây ở câu DÂN THÂN hán địa thiêu sài thấp, mà đánh xuôi trở lại mỗi tiếng hai lần. Tức là bắt

đầu: Hán Hán, Địa Địa, Thiêu Thiêu (vừa đến Thiêu Thiêu, ta gặp ngay tuổi Mùi ở đầu cuối ngon tay đeo nhẫn, vậy người tuổi Kỷ Mùi này thuộc về Mệnh HỎA (vì Thiêu là đốt thuộc Hỏa). Tất cả những tuổi khác tìm ngũ hành cũng theo phương pháp đó.

V> AN MỆNH – TÌM CỤC:

Khi biết rõ mệnh gì rồi ta sẽ bắt đầu tìm Cục. Có tìm ra Cục mới an sao được. Muốn tìm Cục phải theo bản sau đây:

a> Tuổi GIÁP, KỶ mà Mệnh an ở cung	: Tý Sửu là Thủy nhị cục
	: Dần Mão Tuất Hợi là Hỏa lục cục
	: Thìn Tỵ là Mộc tam cục
	: Ngọ Mùi là Thổ ngũ cục
	: Thân Dậu là Kim tứ cục
b> Tuổi ẤT, CANH mà Mệnh an ở cung	: Tý Sửu là Hỏa lục cục
	: Dần Mão Tuất Hợi là Thổ ngũ cục
	: Thìn Tỵ là Kim tứ cục
	: Ngọ Mùi là Mộc tam cục
	: Thân Dậu là Thủy nhị cục
c> Tuổi BÍNH, TÂN mà Mệnh an ở cung	: Tý Sửu là Thổ ngũ cục
	: Dần Mão Tuất Hợi là Mộc tam cục
	: Thìn Tỵ là Thủy nhị cục
	: Ngọ Mùi là Kim tứ cục
	: Thân Dậu là Hỏa lục cục
d> Tuổi SINH, NHÂM mà Mệnh an ở cung	: Tý Sửu là Mộc tam cục
	: Dần Mão Tuất Hợi là Kim tứ cục
	: Thìn Tỵ là Hỏa lục cục
	: Ngọ Mùi là Thủy nhị cục
	: Thân Dậu là Thổ ngũ cục
e> Tuổi MẬU, QUÝ mà Mệnh an ở cung	: Tý Sửu là Kim ngũ cục
	: Dần Mão Tuất Hợi là Thủy nhị cục
	: Thìn Tỵ là Thổ ngũ cục
	: Ngọ Mùi là Hỏa lục cục
	: Thân Dậu là Mộc tam cục

Bây giờ nếu muốn đánh tay mà tìm ra cục ngay thì theo rõ các thứ tự sau đây. Ví dụ: (người đẻ Kỷ Mùi, tháng 5 ngày 12 giờ Dân)

1> **Trước tiên tìm CUNG MỆNH** : Biết rõ 12 cung trong lòng bàn tay rồi hãy lấy cung Dần gọi tháng giêng. Tính xuôi đến tháng 5 tức là gặp cung Ngọ. Từ cung Ngọ đánh nghịch lại giờ sinh, bắt đầu là giờ Tý, cho đến giờ Dân (là giờ sinh), ta sẽ gặp cung Thìn. Vậy mệnh người này đóng ở cung Thìn

Từ cung MỆNH an tiếp đến đủ 12 cung theo vòng nghịch như sau đây:

	MỆN H	PHỤ	PHÚC	ĐIỀN
	BÀO			QUAN
	PHỐI			NÔ
	TỬ	TÀI	GIẢI	THIÊN

↓

→

2> Tiếp đến phải tìm tháng Giêng của năm sinh thuộc tháng gia? Vì tháng Giêng của mỗi năm đều khác nhau. Ví dụ người sinh năm Giáp Kỷ thì tháng Giêng của năm ấy là tháng BÍNH DẦN; người sinh năm Ất, Canh thì tháng Giêng của năm ấy là tháng MẬU DẦN v.v . . .

Vậy phải thuộc bài thi tìm cục sau đây:

GIÁP, KỶ chi niên BÍNH DẦN thủ
 ẤT, CANH chi tuế MẬU DẦN đầu
 BÍNH, TÂN định thị CANH DẦN khởi
 ĐINH, NHÂM: NHÂM DẦN thuận số lưu
 MẬU, QUÍ: GIÁP DẦN khởi ngoại cầu

Giải nghĩa:

Người sinh năm *Giáp*, năm *Kỷ* thì tháng Giêng là *Tháng Bính*

Người sinh năm *Ất*, năm *Canh* thì tháng Giêng là *tháng Mậu*

Người sinh năm *Bính*, năm *Tân* thì tháng Giêng là *tháng Canh*

Người sinh năm *Đinh*, năm *Nhâm* thì tháng Giêng là *tháng Nhâm*

Người sinh năm *Mậu*, năm *Quý* thì tháng Giêng là *tháng Giáp*

Như thế ta thấy người Kỷ Mùi trên đây sẽ nằm trong câu: Giáp, Kỷ chi niên Bính DẦN thủ. Ta sẽ bắt đầu đánh ở bàn tay chữ Bính ở ngay cung Dân, rồi đánh tiếp đến Đinh, Mậu. Đến Mậu ta đã gặp ngay cung an Mệnh rồi, thì bắt đầu cung an Mệnh đó đánh ngược vòng lại cho đến khi gặp một con Giáp ở cung nào thì ngừng ngay ở cung đó; vì chính cung đó sẽ cho biết là thuộc cục gì theo nguyên tắc của bài thi nạp âm trên.

Ví dụ: ta đánh nghịch vòng từ cung Mệnh là cung Thìn mà chữ Mậu đã gặp ở đó, ta sẽ có : MẬU, ĐINH, BÍNH, ẤT, GIÁP. Đến chữ Giáp này thì gặp ngay cung Tý, vậy cục của người Kỷ Mùi này thuộc cung Tý. Ta mới lấy câu thơ nạp âm có nói đến cung Tý ở trên đánh thuận theo vòng tay (Tý Ngọ: ngân đăng giá bích câu)

Khi đánh câu trên phải đánh tiếng đôi từ cung Tý đến cung an Mệnh là cung Thìn xem coi gặp hành gì tức là cục thuộc hành đó. Như vậy ta sẽ thấy:

NGÂN	NGÂN,	ĐĂNG	ĐĂNG,	GIÁ
(Tý)	(Sửu)	(Dần	Mão)	(Thìn).

Vậy người tuổi Kỷ Mùi này thuộc về: *Mộc Tam Cục* (vì Giá là Mộc).

Chú ý: Muốn thực hành được cách tìm nhanh chóng này phải thuộc kỹ bài *thi nạp âm*, và bài *Thi Tìm Cục* trên. Đồng thời 10 can phải thuộc lâu khi đọc xuôi cũng như đọc ngược:

Xuôi: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Ngược: Quý, Nhâm, Tân, Canh, Kỷ, Mậu, Đinh, Bính, Ất, Giáp.

VI>AN SAO:

Nếu muốn an sao vào giấy kẻ ô thì 12 ô gọi là ĐỊA BÀN, vòng bên trong của 12 ô gọi là THIÊN BÀN. Ta mới lấy vòng sao Chính Tinh an trước vào Địa Bàn, mỗi nhóm sao theo một hệ thống để an.

1. Vòng Tử vi có 6 sao đi ngược chiều như sau:

TỬ VI, THIÊN CƠ nghịch hành bàng

Cách nhất DƯƠNG, VŨ, THIÊN ĐỒNG an

Hựu cách nhị vị LIÊM TRINH địa

Không tam phục kiến tử vi lang

(Tức là Tử vi, Thiên cơ, Thái dương, Vũ khúc, Thiên đồng, Liêm trinh).

Dịch ra: Tử vi tiếp Thiên Cơ nghịch hướng

Cách 1 cung Dương, Vũ, Thiên Đồng.

Cách 2 cung ấy Liêm Trinh vị

Ba cung gặp lại Tử vi ông

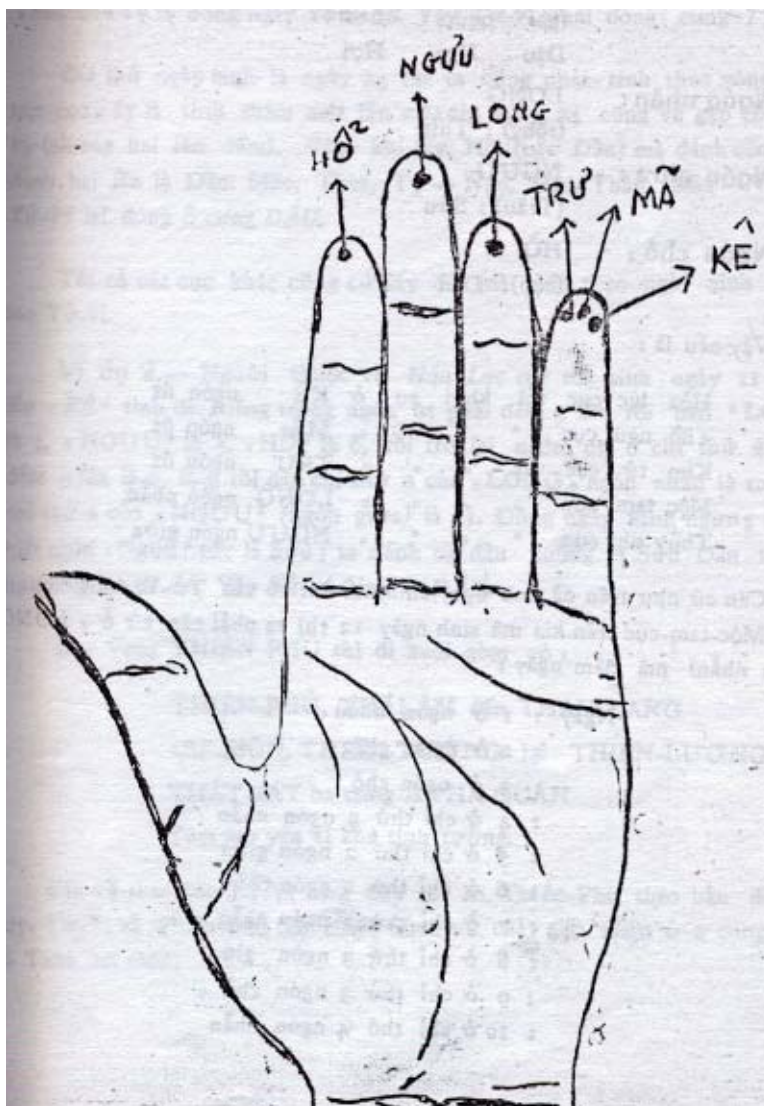
Vậy muốn tìm xem Tử vi nằm ở đâu trong 12 cung thì ta lại dùng *ngày sanh* để tính với *Cục*.

Ví dụ Mộc Tam Cục mà sinh ngày 12 thì Tử vi sẽ đóng ở cung Tý, Thiên cơ ở cung Thìn và tiếp theo đó như sau đây:

TỶ TỬ VI	NGỌ	MÙI	THÂN
THÌN THIÊN CƠ			DẬU LIÊM TRINH
MÃO			TUẤT
THÁI DUƠNG DẦN	VŨ KHÚC SỬU	THIÊN ĐỒNG TÝ	HỢI

(xem bài thơ trên sẽ rõ vòng đi của Tử vi)

Bây giờ muốn biết tại sao Tử vi là đóng ở cung Tỵ thì phải theo dõi cách tính sau đây:



Ta thấy trong 4 ngón tay có SÁU con thú chỉ 6 cung:

Ngón út: KÊ MÃ TRÚ; tức là:

(gà ngựa heo)

Dậu Ngọ Hợi

Ngón nhẫn: LONG

(rồng) : Thìn

Ngón giữa: NGŨ

(Trâu): Sửu

Ngón trỏ: HỔ

(Cọp): Dần

Vậy nếu là:

Hỏa lục cục thì khởi sự ở KÊ ngón út

Thổ ngũ cục || MÃ ngón út

Kim tứ cục || TRÚ ngón út

Mộc tam cục || LONG ngón nhẫn

Thủy nhị cục || NGŨU ngón giữa

Căn cứ như trên để tính ngày sinh mà tìm rõ sao Tử vi đóng đâu: ví dụ: Mộc tam cục trên kia mà sinh ngày 12 thì ta phải căn cứ ở “LONG” (ngón nhẫn) mà đếm ngày:

Ngày : 1 ở ngón nhẫn
 :2 ở ngón giữa
 :3 ở ngón trỏ
 :4 ở chỉ thứ 2 ngón nhẫn
 :5 ở chỉ thứ 2 ngón giữa
 :6 ở chỉ thứ 2 ngón chỏ
 :7 ở chỉ thứ 3 ngón nhẫn
 :8 ở chỉ thứ 3 ngón giữa
 :9 ở chỉ thứ 3 ngón chỏ
 :10 ở chỉ thứ 4 ngón nhẫn
 : 11 ở chỉ thứ 4 ngón giữa
 : 12 ở chỉ thứ 4 ngón chỏ

Tức là đúng ngày sanh thì ta nhớ là ở đầu ngón tay chỏ do HỔ đóng đó (mà HỔ là Dần) vậy ta lấy đó gọi Dần tính xuống là Mão đến Thìn đến Ty là đúng ngày 12 ở đó. Vậy Tử vi phải đóng cung TY

Giá thử ngày sinh là ngày 24 thì ta cũng phải tính theo vòng “Mộc tam cục” ấy là tính thêm một lần nữa thì ngày 24 cũng về gặp chỗ ngày 12 (nhưng hai lần đếm). Vậy khi lấy HỔ (tức Dần) mà đánh cũng phải đánh hai lần là Dần, Mão Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, vậy thì Tử vi lại đóng ở cung Dậu

Tất cả các cục khác cũng cứ lấy đó mà tính theo ngày sinh để tìm sao Tử vi.

Ví dụ 2: Người thuộc về Hỏa Lục cục mà sinh ngày 11 thì ta lấy “KÊ” tính đi. Riêng trong ngón út phải đếm 3 lần rồi đến “LONG” là 4 “NGŨU” là 5 “HỔ” là 6, rồi trở lại ngón út ở chỉ thứ 2 cũng cũng đếm 3 lần 7, 8, 9 rồi đến chỉ thứ 2 của “LONG” ngón nhẫn là 10; đến chỉ thứ 2 của “NGŨU” (ngón giữa) là 11. Đúng ngày sanh ngừng đó. Ta biết ngón “Ngũ” tức là Sửu; ta đánh từ đầu xuống là Sửu Dần thì gặp ngay ngày sinh 11. Vậy Tử vi đóng ở DẦN.

2> vòng THIÊN PHỦ thì đi xuôi gồm có:

THIÊN PHỦ, THÁI ÂM đến THANH LANG
 CỰ MÔN, THIÊN TƯỚNG lại THIÊN LƯƠNG
 THẤT SÁT ba cung là PHÁ QUÂN
 Tám sao yên vị khá tinh tường

Căn cứ theo sao Tử vi nằm đâu thì an Thiên phủ theo bản đồ sau đây. Tử vi và Thiên Phủ đối chiếu nhau và chỉ gặp nhau ở 2 cung Dần và Thân mà thôi:

TỬ VI	TỬ VI	TỬ VI	TỬ VI Thiên phủ
TỬ VI			Thiên phủ
TỬ VI			Thiên phủ
TỬ VI Thiên phủ	Thiên phủ	Thiên phủ	Thiên phủ

Thiên phủ	Thiên phủ	Thiên phủ	TỬ VI Thiên phủ
Thiên phủ			TỬ VI
Thiên phủ			TỬ VI
TỬ VI Thiên phủ	TỬ VI	TỬ VI	TỬ VI

Sau khi an 14 chính tinh rồi, ta sẽ an trung tinh và bàng tinh. Các trung tinh và bàng tinh nên phân ra 2 loại; Cát tinh và Hung tinh. Cát tinh sắp bên mặt, hung tinh sắp bên trái để khi tìm đoán

cho dễ. Đây là sự sắp xếp lá số cho gọn chữ thực ra những sao Cát hóa Hung, Hung hóa Cát đều tùy thuộc theo chỗ ngồi và sự phối hợp của chúng.

3> CÁT TINH: BỘ THIÊN KHÔI, THIÊN VIỆT:

(an theo năm sinh)

Sinh năm GIÁP, MẬU an ở Sửu, Mùi (tức Thiên Khôi ở cung Sửu Thiên Việt ở cung Mùi)

Sinh năm ẤT, KỶ an ở Tý, Thân (Khôi ở cung Tý, Việt ở Thân)

Sinh năm NHÂM, QUÍ an ở Mão, Tỵ (khôi ở Mão, Việt ở Tỵ)

Sinh năm BÍNH, ĐINH an ở Hợi, Dậu (Khôi ở Hợi, Việt ở Dân)

Muốn dễ nhớ học bài thi sau đây:

GIÁP MẬU nhị Ngưu Dương (Sửu Mùi)

ẤT KỶ Thử Hầu hương (Tý Thân)

CANH TÂN phùng mã hổ (Ngọ Dần)

NHÂM QUÍ Miu Xà tàng (Mão Tỵ)

BÍNH ĐINH Trư Kê vị (Hợi Dậu)

Thử nhị quý nhân phương

4> BỘ VĂN XƯƠNG, VĂN KHÚC (an theo giờ)

XƯƠNG cung Tuất, KHÚC cung Thìn

XƯƠNG nghịch, KHÚC thuận giờ sinh an bài.

Cước: Văn Xương lấy cung Tuất gọi là giờ Tý tính nghịch lại..... Văn Khúc lấy cung Thìn gọi là Tý tính thuận đến giờ sinh thì an ở đó.

5>BỘ ÂN QUANG và THIÊN QUÝ: (an theo ngày)

ÂN QUANG lấy Xương làm mừng một

Thuận ngày sinh lùi lại một cung

THIÊN QUÝ Khúc kia hãy dùng

về Nghịch về ngày đẻ, một cung lùi

Cước: Ân Quang lấy cung an Văn Xương kể là mừng một tính thuận đến ngày sinh rồi lùi trở lại 1 cung thì an ở đó. Thiên Quý thì lấy cung an Văn Khúc kể là mừng một tính nghịch đến ngày đẻ rồi cũng lùi lại 1 cung và an ở đó.

6>BỘ THAI PHỤ, PHONG CÁO:

THAI PHỤ cách trước VĂN KHÚC 1 cung

PHONG CÁO lại cách sau lưng 1 vì

Cước: Thai Phụ đứng cách phía trước Văn Khúc 1 cung Phong Cáo đứng cách phía sau 1 cung.

7>BỘ TẢ PHỤ, HỮU BẬT:

Tả Phụ lấy Thìn gọi tháng giêng

Thuận về tháng đẻ tọa tinh viên

Còn như Hữu Bật giêng là Tuất

Nghịch lại tháng sinh ấy chính miên.

Cước: Tả Phụ lấy cung Thìn gọi tháng giêng tính thuận đến tháng sinh thì an đó. Hữu Bật lấy cung Tuất gọi tháng giêng tính nghịch đến tháng sinh là an ở đó.

8> BỘ TAM THAI, BÁT TỌA: (an theo vòng Tả Phụ, Hữu Bật)

TAM THAI mượn PHỤ làm mông một

Thuận lại ngày sanh để tiện an

BÁT TỌA, BẬT kia làm cứ điểm

Nghịch về ngày để rõ cho chẳng

9> **TRIỆT LỘ KHÔNG VONG:** (đứng giữa hai cung)

TRIỆT LỘ thì lấy năm sinh

GIÁP, KỶ an ở Dậu Thân rành rành

ẤT, CANH: Mùi Ngọ cho mình

BÍNH, TÂN: Thìn Ty

ĐINH, NHÂM: Mão Dần

MẬU, QUÍ: Sửu Tí khá phân

Một sao ảnh hưởng Dương Âm cho tường

10>**TUẦN KHÔNG:** an theo Lục Giáp. Vậy phải hiểu người sinh thuộc Giáp nào (khi tìm ngũ hành của mệnh là biết giáp nào rồi) xem lại phần trên Ngũ Hành của Mệnh.

TUẦN KHÔNG lấy Giáp mà phân

Người thuộc Giáp Dần: Tí Sửu khá an

Giáp Thìn: Dần Mão chuyển sang

Giáp Ngọ: Thìn Ty

Giáp thân: Ngọ Mùi

Giáp Tuất: Thân Dậu đấy thôi

Giáp Tí: Tuất Hợi là ngôi rành rành

11>**BỘ LONG TRÌ, PHƯỢNG CÁC và GIẢI THÂN:**

LONG TRÌ Thìn cung gọi Tí cung

Thuận đến năm sinh sẽ tỏ tường

PHƯỢNG CÁC lấy Tuất làm Tí vậy

Nghịch về năm để để tìm phương

GIẢI THÂN nọ hợp phương hoan lạc

Cùng một cung Phượng Các chớ sai

12>**BỘ TỬ HÓA: LỘC, QUYỀN, KHOA, KỶ:**

An theo với các sao như sau:

Giáp : Liêm, Phá, Vũ, Dương vi bạn

Ất : Cơ, Lương, Đế, Nguyệt giao xuân

Bính : Đồng, Cơ, Xương, Liêm Trinh vị

Đinh : Nguyệt, Đồng, Cơ, Cự môn tằm

Mậu : Tham, Nguyệt, Bật, Cơ vi chủ

Kỷ : Vũ, Tham, Lương, Khúc (văn) tối bình

Canh : Nhật, Vũ, Đồng, Âm, vi thủ

Tân : Vự, Dương, Khúc, (văn), Xương chí lâm

Nhâm : Lương, Tử, Phử, Vũ tú thị

Quý : Phá, Cự, Âm, Tham Lang đình

Cước: Người sinh năm GIÁP: thì Hóa Lộc an với Liêm Trinh, Hóa Quyền an với Phá Quân, Hóa Khoa an với Vũ khúc, Hóa Kỵ an với Thái Dương.

Người sinh năm ẤT: Lộc an với Thiên Cơ, Quyền an với Thiên Lương, Khoa an với Tử vi, Kỵ an với Thái Âm

Người sinh năm BÍNH: Lộc an với Thiên Đồng, Quyền an với Thiên Cơ, Khao an với Văn Xương, Kỵ an với Liêm Trinh

Người sinh năm ĐINH: Lộc an với Thái Âm, Quyền an với Thiên Đồng, Khoa an với Thiên Cơ, Kỵ an với Cự môn

Người sinh năm MẬU: Lộc an với Tham lang, Quyền an với Thái Âm, Khoa an với Hữu Bật, Kỵ an với Thiên Cơ

Người sinh năm KỶ: Lộc an với Vũ khúc, Quyền an với Tham Lang, Khoa an với Thiên Lương, Kỵ an với Văn Khúc

Người sinh năm CANH: Lộc an với Thái Dương, Quyền an với Vũ Khúc, Khoa an với Thiên Đồng, Kỵ an với Thái Âm

Người sinh năm TÂN: Lộc an với Cự Môn, Quyền an với Thái Dương, Khoa an với Văn Khúc, Kỵ an với Văn Xương

Người sinh năm NHÂM: Lộc an với Thiên Lương, Quyền an với Tử vi, Khoa an với Thiên Phủ, Kỵ an với Vũ Khúc.

Người sinh năm QUÝ: Lộc an với Phá Quân, Quyền an với Vự Môn, Khoa an với Thái Âm, Kỵ an với Tham Lang

13>SAO LỘC TỒN

GIÁP niên Tồn Dân cung

ẤT niên thị Mão trung

BÍNH Mậu ư Tỵ giả

ĐINH, KỶ Ngọ trùng phùng

NHÂM: Hợi

QUÍ: Tỵ cung

Cước: người sinh năm GIÁP: Lộc Tồn an ở Dân

Người sinh năm ẤT: Lộc Tồn an ở cung Mão

Người sinh năm BÍNH: năm MẬU: Lộc Tồn an ở cung Tỵ

Người sinh năm ĐINH, năm KỶ: Lộc Tồn an ở Ngọ

Người sinh năm CANH: Lộc Tồn an ở cung Thân

Người sinh năm TÂN: Lộc Tồn an ở cung Dậu

Người sinh năm NHÂM: Lộc Tồn an ở cung Hợi

Người sinh năm QUÍ: Lộc Tồn an ở cung Tí

14>SAO THIÊN MÃ:

Dần, Ngọ, Tuất, : Mã tại Thân

Thân, Tí, Thìn : Mã tại Dân

Tỵ, Dậu, Sửu : Mã tại Hợi

Hợi, Mão, Mùi : Mã tại Tỵ

Cước: Người sinh năm Dân, Ngọ, Tuất : Thiên Mã an cung Thân

Người sinh năm Thân, Tí, Thìn : Thiên Mã an cung Hợi

Người sinh năm Tỵ, Dậu, Sửu : Thiên Mã an cung Tỵ.

15>BỘ QUỐC ẤN và ĐƯỜNG PHÙ:

QUỐC ẤN trước Lộc Tồn 9 vị

ĐƯỜNG PHÙ kia nghịch lại 8 cung

Cước: Đếm từ cung có sao Lộc Tồn theo chiều thuận đủ 9 cung thì an Quốc Ấn.

Rồi lại đếm từ cung có sao Lộc Tồn ngược về 8 cung thì an Đường Phù.

16> **HỆ THỐNG BÁC SỸ** (gồm có 12 sao, có sao Hung và sao Cát. Sao Hung được gạch dưới để khi an số biết mà sắp qua bên trái)

(Bắt đầu sao Bác Sỹ an ngay ở cung có sao Lộc Tồn)

BÁC SỸ, Lực sỹ, Thanh long

Tiểu Hào rồi tiếp theo giòng Tướng Quân.

Tấu thư, Phí Liêm, Hỉ Thần

Bệnh phù, Đại hao Phục binh Quan phủ

Dương nam Âm nữ an xuôi

Âm nam, Dương nữ nghịch thôi đó mà

Cước: Khởi an sao Bác sỹ ở cung có sao Lộc Tồn đóng, ta chú ý ngay là người có số ấy thuộc Âm hay Dương. Nếu là đàn ông mà Dương, đàn bà mà Âm thì vòng sao Bác sỹ đi thuận về phía tay mặt cứ mỗi cung thì an một sao. Trái lại nếu là Dương nữ, Âm nam thì vòng sao Bác sỹ đi nghịch lại về phía tay trái.

17> **HỆ THỐNG TRÀNG SINH**: Bộ sao này cung có 12 sao khi an có thể đặt ngay vào giữa mỗi cung và nếu là Dương nam, Âm nữ thì an xuôi; Dương nữ và Âm nam thì an nghịch lại y như hệ thống Bác sỹ. Nhưng hệ thống này an theo cục.

Người thuộc Hỏa cục thì Tràng sinh an ở cung Dần;

Người thuộc Mộc cục thì Tràng sinh an ở cung Hợi;

Người thuộc Kim cục thì Tràng sinh an ở cung Tỵ;

Người thuộc Thủy, Thổ cục thì Tràng sinh an ở cung Thân

Tràng sinh, Hỏa cục ở cung Dần;

Mộc : Hợi : Kim : Tỵ : Thủy ; Thổ : Thân

Dương nam, Âm nữ xuôi vòng

Âm nam, Dương nữ nghịch trong địa bàn

Tràng sinh, Mộc dục, Quan đới, Lâm quan, Đế vương, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng (12 sao)

18> **HỆ THÔNG THÁI TUẾ**: (gồm 12 sao, luôn luôn an theo chiều thuận về tay mặt, người sinh năm nào thì viết Thái tuế ngay vào cung đó, tiếp theo là đến sao khác trong hệ thống của nó. Nhóm này cũng có hung tinh và cát tinh; những hung tinh được gạch dưới để khi an tiện sắp qua bên trái

Thái tuế theo chi năm sinh

Năm nào thì viết ngay cung địa bàn

*Tiếp theo chiều thuận: **Thiếu dương***

Tăng môn rồi tiếp theo đường: **Thiếu âm**

Quan phù, Tử phù chớ lâm

Tuế phá, Long đức thuận tâm mà gieo:

Bạch hổ, Phúc đức tiếp theo

Điêu khách, cuối đến là sao Trực phu

Cước: ví dụ người tuổi Mùi, thì khi an Thái tuế viết ngay ở cung Mùi. Đoạn từ cung đó tiếp theo chiều thuận hết 12 sao.

Nên lưu ý rằng việc chia sao xấu tốt trên đây chỉ nhằm để phân ra hai bên khi an cho dễ đoán, chứ các sao thì Hung hóa Cát và Cát hóa Hung đều tùy thuộc sự phối hợp thành nhóm của chúng và cũng tùy nơi cung đóng nữa. Khi học cách độn số sẽ rõ điều ấy.

19>BỘ HỒNG LOAN, THIÊN HỖ (căn cứ theo năm sinh)

*Hồng loan lấy Mão làm cung Tý
Tinh nghịch năm sinh để tiện an
Thiên hỷ là nơi cung đối lập
Hai sao Kim, Mộc chủ huy hoàng*

Cước: Sao Hồng loan thì lấy cung Mão gọi là Tí, tính theo chiều nghịch đến năm sanh thì an, còn Thiên hỷ thì năm ở cung chính chiều. Ví dụ: người tuổi Mùi, thì từ cung Mão gọi là Tí tính nghịch về đến tuổi Mùi thì gặp ngay cung Tí, liền an Hồng loan ở đó. Còn Thiên hỷ thì an ở cung đối chiều tức cung Ngọ.

20>SAO ĐÀO HOA: căn cứ theo tuổi mà an

*Dần, Ngọ, Tuất : Đào hoa ở Mão
Thân, Tí, Thìn: ở Dậu khá hay
Tỵ, Dậu, Sửu : ở Ngọ rày
Hợi, Mão, Mùi : an bày Tý cung*

21>SAO HOA CÁI: căn cứ theo tuổi mà an

*Dần, Ngọ, Tuất an ở Tuất cung
Thân, Tí, Thìn an ở Thìn cung
Tỵ, Dậu, Sửu an ở Sửu cung
Hợi, Mão, Mùi an ở Mùi cung*

22>BỘ THIÊN QUAN QUÍ NHÂN - THIÊN PHÚC QUÍ NHÂN

(An theo Can sinh: Giáp, ất, Bính, Đinh v. v....)

*Giáp niên: Dậu: Phúc; Mùi : Quan
Ất niên: Thân : Phúc : Quan tàng Thìn cung
Bính niên: Tí; Phù; Tỵ :Quan;
Đinh niên: Phúc : Hợi : Quan sang cung Dần;
Mậu niên : Quan, Phúc ; Mão cung
Kỷ niên : Phúc lại về Dần chẳng sai
Canh, Nhâm : Phúc Ngọ an bài
Thiên quan : Canh lai liệt hài Hợi cung
Tân, Quý : Phúc : Tỵ tương phù;
Tân, Kỷ : Quan ở Dậu cung rành rành;
Nhâm thì Quan : Tuất chính danh,
Quý lại Quan : Ngọ riêng mình một cung*

Cước: người sinh năm Giáp thì Thiên phúc đóng cung Dậu Thiên quan đóng cung Mui;

Năm Ất thì phúc đóng cung Thân; Quan đóng cung Thìn

Năm Bính thì Phúc đóng cung Tí; Quan đóng cung Tỵ

Năm Đinh thì Phúc đóng cung Hợi; Quan đóng cung Dần

Năm Mậu thì cả Phúc, Quan đóng cung Mão

Năm Kỷ thì Phúc đóng Dần; Quan đóng Dậu
 Năm Canh thì Phúc đóng Ngọ; Quan đóng Hợi
 Năm Tân thì Phúc đóng Ty; Quan đóng Dậu
 Năm Nhâm thì Phúc đóng Ngọ; Quan đóng Tuất
 Năm Quý thì Phúc đóng Tị; Quan đóng Ngọ

23>BỘ THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC(căn cứ theo Chi, năm sinh)

Thiên đức: lấy Dậu là cung Tí
Tính thuận năm sinh khá tỏ tường
Nguyệt đức: lấy Ty làm Tí vậy
Thuận về năm để để tìm phương

Cước: ví dụ người tuổi Mùi, ta lấy cung Dậu gọi Tý, tính thuận đến Mùi tức gặp cung Thìn thì an Thiên đức ở đó. Nguyệt đức thì khởi từ Ty tính đến Mùi sẽ gặp cung Tí.

24>BỘ THIÊN TÀI – THIÊN THỌ

Thiên tài cung an MỆNH là Tí
Thuận đến năm sinh khá rạch ròi
Thiên thọ lấy cung an THÂN là Tí
Thuận về năm để ấy là nơi

Cước: năm sinh ở đây phải lấy Chi. Ví dụ người tuổi Mùi, mà Mệnh an ở Thìn, thì Thiên tài đóng Hợi. Thân an ở cung Tuất thì Thiên thọ đóng ở Ty.

25>THIÊN KHỔ – THIÊN GIẢI – ĐỊA GIẢI

Các sao trên an theo tháng sinh : Khổ thì nghịch; Thiên giải Địa giải thì thuận, đến tháng sinh

Thiên khổ: lấy Dần, tháng Giêng
Nghịch về tháng để là miền địa lâm
Thiên giải thì lấy cung Thân
Thuận về tháng để để phân chỗ ngồi
Địa giải thì lấy cung Mùi
Thuận về tháng để ấy ngôi rành rành

Cước: ví dụ người sinh tháng 5 thì lấy cung Dần gọi tháng Giêng tính nghịch đến tháng sinh tức Thiên khổ đóng ở cung Tuất. Thiên giải tính thuận từ cung Thân đóng ở cung Tý. Địa giải thì lại đóng ở Hợi.

XẾP LOẠI HUNG TINH:

26>KINH DƯƠNG – ĐÀ LA

Kinh đứng trước cung Lộc Tồn
Đà la lại đứng sau lưng đó mà

Cước: cung an Lộc Tồn ở giữa của Kinh dương đứng phía trước (chiều thuận) và Đà la đứng sau. Ví dụ: Lộc Tồn an ở Ngọ thì Kinh ở Mùi, Đà ở cung Ty.

27>ĐỊA KIẾP – ĐỊA KHÔNG(căn cứ theo giờ sinh mà an)

Địa kiếp cung với Địa không
Lấy Hợi làm Tí theo vòng m
Kiếp thì thuận đến giờ sinh
Địa không lại nghịch phân minh đôi đường

Cước: ví dụ người sinh vào giờ Dần, thì Địa kiếp an ở Sửu; (Tính từ hội thuận giờ sinh đến Sửu) Địa không lại an ở Dậu.

28>SAO THIÊN KHÔNG:

an ngay cung phía trước cung an sao Thái tuế. Ví dụ người tuổi Mùi, Thái tuế đóng cung Mùi thì Thiên không ở Thân

29>THIÊN HÌNH, THIÊN DIỆU, THIÊN Y (căn cứ ở tháng sinh mà an)

Thiên hình lấy Dậu tháng Giêng

Thuận theo tính đến tháng sinh an bày

Thiên Diêu cùng với Thiên Y

Tháng Giêng lấy Sửu thuận về tháng sinh

Cước: ví dụ người sinh tháng 6 thì Thiên Hình đóng ở cung Dần, Thiên Diêu và Thiên Y thì đóng ở cung Ngọ.

30>BỘ HỎA TINH, LINH TINH

(căn cứ theo Âm Dương và giờ sinh để an)

DƯƠNG NAM, ÂM NỮ : Hỏa tinh tính thuận giờ sinh

: Linh tinh tính nghịch giờ sinh

ÂM NAM, DƯƠNG NỮ : Hỏa tinh tính nghịch giờ sinh

: Linh tinh tính thuận giờ sinh

Dần Ngọ Tuất nhân : Sửu Mão phương

Thân Tí Thìn nhân : Dần Tuất đương

Tỵ Dậu Sửu nhân : Mão Tuất vị

Hợi Mão Mùi nhân : Dậu Tuất phòng

Cước: Người tuổi Dần, Ngọ, Tuất: Hỏa tinh khởi từ cung Sửu: Linh tinh khởi từ cung Mão để gọi là Tí mà tính đến giờ sinh. Nếu người Dương Nam, Âm Nữ thì Hỏa tinh đi thuận mà Linh tinh đi nghịch và ngược lại nếu Âm Nam Dương Nữ thì Hỏa tinh đi nghịch mà Linh tinh đi thuận.

31>BỘ THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ: (căn cứ CHI năm sinh mà an)

Khốc Hư lấy Ngọ làm vị

Khốc nghịch năm đẻ, Hư thì thuận niên

Cước: Người tuổi Tí thì Khốc Hư, đóng ngay Ngọ

Người tuổi Dần thì Khốc đóng ở cung Thìn, mà Hư đóng ở cung Thân.

32> BỘ CÔ THẦN – QUẢ TÚ:

DẦN MÃO THÌN : Cô Thần ở Tỵ, Quả Tú ở Sửu

TỶ NGỌ MÙI : Cô Thần ở Thân, Quả Tú ở Thìn

THÂN DÂU TUẤT : Cô Thần ở Hợi, Quả Tú ở Mùi

HỢI TÍ SỬU : Cô Thần ở Dần, Quả Tú ở Tuất

Cước: ta chú ý cứ ba cung liên trong địa bàn, khởi từ cung Dần, thì cô thần đóng ở cung tiếp đó, còn Quả tú đóng ở sau cung khởi đầu: như Cô ở Tỵ, Thì Quả Tú ở Sửu.

33>SAO ĐẤU QUÂN (cũng gọi là Nguyệt tướng)

Lấy Thái Tuế gọi tháng Giêng

Tháng nghịch, giờ Thuận là miền Đẩu quân

Cước: từ cung san sao Thái Tuế ta kể là tháng Giêng, tính nghịch đến tháng sinh. Rồi từ ngay đó gọi là giờ Tí, tính thuận lại giờ sinh là nơi an Đẩu quân.

34>THIÊN THƯƠNG – THIÊN SỨ

*Thiên thương an ngay nơi cung Nô bộc
thiên sứ an ngay nơi cung Giải ách.*

35>KIẾP SÁT (căn cứ theo tuổi mà an)

*Dần, Ngọ, Tuất an ngay ở Hợi
Thân, Tí, Thìn ở Tý cho mình
Tỵ, Dậu, Sửu ở Dần sinh
Hợi, Mão, Mùi lại chuyển thành Thân cung.*

36>PHÁ TOÁI (căn cứ theo tuổi mà an)

*Tí, Ngọ, Mão, Dậu : ở Tỵ cung,
Dần, Thân Tỵ, Hợi : tương phùng Dậu nay.
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi khá hay.
Lại về cung Sửu an bày một nơi.*

37>LƯU HÀ – THIÊN TRỪ (căn cứ theo Can năm sinh mà an)

*Giáp niên : Kê, Xà tàng (tức Dậu và Tỵ)
Ất niên : Cẩu, Mã an (tức Tuất và Ngọ)
Bính niên: Dương, Thử địa (tức là Mùi và Tí)
Đinh niên: Long, Xà phương 9 tức là Thìn và Tỵ)
Mậu niên: Xà, Mã vị (tức là Tỵ và Ngọ)
Kỷ niên: Mã, Hầu hương (tức là Ngọ và Thân)
Canh niên: Hầu, Hồ hội (tức là Thân và Dần)
Tân niên: Thế, Mã đương (tức là Mão và Ngọ)
Nhâm niên: Trư, Kê giả (tức là Hợi và Dậu)
Quý niên: Hồ, Cẩu ban (tức là Dần và Tuất)*

Cước: ví dụ người Giáp (Tí chẳng hạn) thì Lưu hà an cung Dậu còn Thiên trừ an cung v. v. . . .

38>SAO LƯU TỪ (căn cứ theo tuổi mà an)

*Dần, Ngọ, Tuất thì an tại Ngọ
Thân, Tí, Thìn thì an tại Tí
Tỵ, Dậu, Sửu thì an tại Sửu
Hợi, Mão, Mùi thì an tại Mão*

39>SAO VĂN TINH LƯU NIÊN: (căn cứ theo Can năm sinh mà an)

*Giáp ở Tỵ, Ất nay ở Ngọ
Bính, Mậu: Thân, Đinh, Kỷ: Dậu cung
Canh: Hợi Tân: Tí tương phùng
Nhâm: Dần Quý: Mão thuận giòng ma an*

Cước: ví dụ Người Giáp (Thân) thì an ở cung Tỵ v.v. ...

KẾT MỤC AN SAO

Bài thơ sắp thứ tự các bộ SAO để khi an cho khỏi bỏ sót:

*Tử vi, Thiên Phủ, Việt, Khôi
Khúc, Xương, Quang, Quý, Cáo, Thai, Triệt, Tuần
Tả, Hữu, Thai, Toạ, Phượng, Long
Tứ Hóa, Lộc, Mã, Đào, Hồng, Phúc, Quan
Hoa Cái, Tài, Thọ chuyển sang*

*Nguyệt Đức, Thiên giải cùng làng Văn tinh
 Thái tuế, Bác sỹ trường sinh
 Kinh, Đà, Không, Kiếp, Diêu, Hình, Khốc, Hư
 Thiên Khố, Cô, Quả, Lưu Tù, Sứ, Thương
 Lưu Hà, Phá Toái, Hỏa Tinh
 Hơn trăm SAO ấy lập thành Tử vi*

Vậy cần phải thuộc cách an các Bộ Sao trên, thì áp dụng bài thơ này sẽ an được số rất nhanh mà không hề sót một Sao nào.

VII.> CÁCH AN THÂN:

Khi an xong 12 cung rồi, có thể an THÂN ngay. Muốn an Thân thì tính theo tháng và giờ sinh đều thuận.

Ví dụ: Người sinh tháng 5 giờ Tí thì Mệnh và Thân đồng cung, vì Giờ sinh không tính thuận nghịch gì nữa cả. Trái nếu mà tháng 5 mà giờ Mùi thì ta bắt đầu khởi từ cung Dần gọi tháng Giêng tính đến cung Ngọ là tháng 5 từ đó gọi là Tí tính thuận đến giờ Mùi tức là đến cung Sửu, vậy Thân sẽ an cung Sửu (gặp cung Phúc ở đó, gọi là Thấn cư Phúc đức).

VIII> LƯU HẠN:

1>LƯU ĐẠI HẠN Tùy theo cục mà viết số, cứ theo 10 năm một hạn:

Thủy Nhị cục thì bắt đầu viết ngay cung Mệnh là 2 tiếp 12, 22 v.v. . .

Mộc tam cục thì bắt đầu khởi là 3, tiếp 13, 23, 33, 43, 53 v.v . . .

Kim tứ cục thì bắt đầu khởi là 4 tiếp 14, 24, 34, v.v . . .

Thổ ngũ cục thì bắt đầu viết là 5 tiếp 15, 25, 35, v. v. . . .

Hỏa lục cục thì bắt đầu viết là 6 tiếp 16, 26, 36 v.v

Cước: Người Dương Nam, Âm Nữ thì ghi Đại hạn theo chiều thuận

Người Âm Nam, Dương Nữ thì ghi Đại hạn phải theo chiều nghịch.

2> TIỂU HẠN: viết ở vòng bên trong, theo mỗi cung (gọi đó là Thiên bàn); Đàn ông thì an theo chiều thuận. Đàn bà thì phải an theo chiều nghịch.

Tuổi Dân, Ngọ, Tuất thì ghi năm sinh ở cung THÌN

Thân, Tí, Thìn thì ghi năm sinh đó ở nơi cung TUẤT.

Tỵ, Dậu, Sửu thì ghi năm sinh đó ở nơi cung MÙI.

Hợi, Mão, Mùi thì ghi năm sinh đó ở nơi cung SỬU.

3>ĐỒNG HẠN: Để xem sự tốt xấu từ 1 tuổi đến 12 tuổi.

1 tuổi ở Mệnh 2 tuổi ở cung Tài

3 tuổi ở cung Giải 4tuổi ở cung Phối

5 tuổi ở cung Phúc 6 tuổi ở cung Quan

7 tuổi ở cung Nô 8 tuổi ở cung Thiên

9 tuổi ở cung Tử 10 tuổi ở cung Bào

11 tuổi ở cung Phụ 12 tuổi ở cung Điền.

Xem bản mẫu lập thành sau đây sẽ rõ ràng tất cả.

Thực phù Tiểu hao	THIÊN CƠ	Thái Tuế	Tử vi Thanh long	Thiếu dương Lực sĩ	Tg môn	phá quân Lộc Tồn Bác sĩ
42		32		22		12

TÀI Lâm quan (2)	TU Quan đới (9)	PHỐI Mộc dục (4)	BÀO Tràng Sanh (10)
Đ Khách THẤT SÁT Tướng quân 52 GIẢI Đế vương (3)	TỶ ← THÌN MÃO DẦN NGỌ Sanh: CANH NGỌ THÁNG 9. NGÀY 10 GIỜ SỬU DUƠNG NỮ. THỔ MỆNH. THỦY CỤC MÙI → MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU THÂN DẬU TUẤT HỢI		Q Phù Thiếu âm 2 MỆNH Dưỡng (1)
THÁI DƯƠNG THIÊN LƯƠNG Phúc đức Tấu thư THIÊN Suy (8)			Q phù LIÊM TRINH Ph bình THIÊN PHỦ PHỤ Thai (11)
B. hổ VŨ KHÚC Phi liên THIÊN TƯỚNG NÔ Bệnh (7)	THIÊN ĐỒNG CỰ MÔN Long đức Hỷ thần QUAN Tử (6)	Tuế phá THAM LANG Bệnh phù ĐIỀN Mộ (12)	Tử phù THÁI ÂM Đại hao PHÚC (THÂN) Tuyệt (5)

Cước: 1 Nhận xét vòng chín tinh TỬ VI an nghịch chiều vòng THIÊN PHỦ

2>vòng TRĂNG SINH an nghịch vì là Dương nữ. Nếu Âm nữ thì sẽ an thuận chiều.

3> Vòng THÁI TUẾ lúc nào cũng an thuận chiều

4> Vòng BÁC SỸ an nghịch chiều vì là Dương Nữ. Nếu Âm nữ thì an thuận chiều.

5>ĐẠI HẠN từ 2 tuổi đến 62 tuổi an nghịch vì là Dương nữ. Nếu Âm nữ thì an thuận chiều.

6> TIỂU HẠN vì Đàn bà nên phải an nghịch ở vòng Thiên bàn. Nếu đàn ông thì phải an thuận chiều

7>THÂN ở đây cư cung Phúc đức.

8>ĐỒNG HẠN đi từ 1tuổi đến 12 tuổi theo mỗi cung

9>CHÍNH TINH và CÁT TINH sắp bên mặt. HUNG TINH sắp bên trái. Phần sau sẽ có những bản Tử vi mẫu an đầy đủ cả.

PHẦN HAI

CHỮ TINH THỂ TÍNH CÁCH

Muốn đoán số được chắc chắn và dễ dàng cần phải thuộc các tính cách của sao, nhất là chính tinh, trung tinh, và những bàng tinh quan trọng. Vậy sau đây, tôi trình bày mỗi vì sao với đủ tính chất của nó theo thể thơ:

A> CÁC CHÍNH TINH

SAO TỬ VI

Cũng gọi là Đế tinh: Nam bắc đầu: Thổ
 Tử vi, Miếu: Tí Ngọ Dần Thân?
 Vượng thì Thìn Tuất, Địa; phân Sửu Mùi
 Bình nơi Ty, Hợi đôi nơi
 Cùng là Mão, Dậu ấy ngôi rành rành.

*Tử vi mặt đỏ lưng đầy
 Tính thời trung hậu, mặt đầy phương phí;
 Khôi Việt, Tả Hữu tương kỳ
 Thiên Tướng, Xương Khúc quyền uy tương phò
 Gặp phủ là thần giữ kho
 Gặp sát, Tử lại ban cho quyền hành.
 Chế được hung ác Hoả Lính,
 Sợ gặp Tuần, Triệt, Đà, Kiếp, Không.
 Mệnh, Thân : Tử, Phá ở cung.
 Sửu, Mùi, Thìn, Tuất bất trung bất nghi;
 Trừ tuổi tứ Mộ khá hay
 Lại thêm Cát diệu hên ngày giàu sang
 Đồng cung Đế với Tham Lang
 Ngộ không tài đến lại tan dễ dàng
 Thê, Nô, Bào, Giải cung nhàn.
 Tử Không Cát diệu mọi đànng khăn kha
 Vi ở Ngọ tránh xa Hình Kỵ
 Người Giáp, Đinh hay Kỵ nên danh
 Quyền Khoa gặp được Đế tinh
 Mệnh nơi Ty, Ngọ hiển vinh muôn bề
 Lộc, Mã được ngồi kê Tử, Phủ
 Ở Dần Thân phú hậu chung thân
 Quyền, Sát gặp Tử khá mong
 Hư danh thụ ẩm Không Vong lẫn cùng
 Hoặc Phá gặp nơi cung Tìn Tuất
 Có bạc tiền nhưng cóc danh chi
 Tử Phòng mưu lược đáng ghi
 Kỵ, Quyền, Tử, Phủ họp bày một phương.
 Đế toạ Mệnh triều vương da cát
 Hoặc cung Quan hên bước kim dư
 Phu, Bát giáp: Tham, Đế ư
 Chức nên tôn trọng, dân ô cũng là
 Không Kiếp ấy, ác tà đáng sợ
 Tứ Sát kia (Kình Đà Linh Hỏa) ám trợ hung tình
 Ấy là thoát tục chi tăng
 Nếu là có Vũ dự phần bán buôn*

*Còn Nữ mệnh xem tường sau trước
 Tử, Phá, Tham ước đa dâm
 Hoặc Đào hoà ất gian truân
 Duyên may khó sớm dứt phần phụng loan*

Giải thích: Sao Tử vi là chủ tể của các sao, chủ về uy quyền, tài lộc và phúc đức, nên an ở cung nào thường giáng phúc cho cung đó. Tử vi gặp được các trung tinh như Khôi, Việt, Xương Khúc, Tả, Hữu, Khoa, Quyền, Lộc, Long Phượng thì coi như là quần thần khánh hội, tất có uy quyền hiển hách. Hưởng phú quý trọn đời.

Gặp Thất sát làm cho sao này thêm mạnh, nếu đứng đồng cung với Thất sát thì coi như vua đeo kiếm báu. Gặp các hung tinh như Linh, Hỏa, Khốc, Hư, Đà, Kinh v.v.. Tử vi có thể chế ngự được; Nhưng kỵ nhất là gặp Địa không và Địa kiếp, Tử vi không còn khả năng được bao nhiêu, nên trọn đời thường trắc trở, lao tâm. Nếu Tử vi gặp phải Tuần, Triệt mà đóng ở cung Mệnh thì chắc là khắc một trong hai bố mẹ, bằng không cũng sớm ly gia hường.

Tử vi ở cung Miếu địa, Vượng địa hay Đắc địa thì tốt lắm, nhưng nếu ở cung Ty, Hợi. Mão, Dậu gọi là bình hoà, không gặp được trung tinh đắc cách thì khó mà giàu sang.

Tử vi mà gặp Tham Lang, nhất là ở cung Tý, Hợi, Mão, Dậu là hạng người bị quan yếm thế, thường ngã vào nghiệp tu hành thì mới được yên thân.

SAO THIÊN CƠ

(Nam tinh chủ phúc thọ – thuộc Mộc)

THIÊN CƠ Miếu; Tí Ngọ cung
 Vượng thì Mão Dậu, Địa Dần Thân
 Bình nơi Ty, Hợi, Ích Thìn Tuất
 Hãm ở Sửu Mùi khá rõ phân.
*Thiên Cơ thuộc Mộc mình dài
 Tâm từ, tính cấp đa tài đa mưu;
 Xương Khúc, Tả Hữu văn ưu,
 Mà xanh tóc tốt tài lưu ai tày
 Cự, Cơ ở Mão khá hay,
 Cát đa phú quý tốt thay lạ thương
 Thiên cơ: Mùi Sửu hãm phương
 Kỵ, hình, không, kiếp, đà, dương, đán
 Cơ, lương, tả hữu cùng xương
 Văn thi lỗi lạc, Vũ thường tinh thông
 Cơ, Lương, Sát, Phá, ngộ không (Vong)
 Dẫn thân cửa Phật khởi vòng ưu tư
 Nữ mệnh cát diệu gặp Cơ,
 Hợi cùng Quyền Lộc ích phu vô cùng.
 Kinh Đà, Hóa Kỵ phá xung
 Lại là tàn tật, tư thông âm thầm.
 Đồng cung Cơ gặp Thái Âm
 Goá chồng, thì thiếp gian dâm đáng bỏ
 Ở cung Mão, Dậu, Dần, Thân*

Nữ mệnh Cơ, Cự tuy dâm nhưng giàu
 Cơ, Lương cư Tuất cùng nhau
 Là tay chính trị lại mưu binh hùng
 Đàn ông Cơ, Cự mệnh trung
 Hoặc Tài, Quan ở Tỵ cung hết nhà
 Nhị hạng Cơ Lộc xem qua
 Nam nữ đều phát đối ra tân kỳ.
 Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương rất hay
 Mệnh cung phải ở vào ngay Thân Dân
 Cơ, Lương, Tham, nguyệt đồng thân
 Ngày đêm buôn bán tảo tần bốn phương
 Sinh Tân, Ất; mệnh Mão cung
 Cự, Cơ, Tả Hữu, Văn Xương anh tài
 Sinh năm Bính, kém một vài
 Năm Đinh bình dị, ra ngoài các cung
 Thìn Tuất, Cơ, Lương đứng cùng
 Kinh Đà, Linh Hỏa, ba phương chiếu về
 Lại gặp Thiên Tướng đáng chê,
 Là tay võ hiệp hoặc nghề tăng ni
 Dần, Thân, Cơ, Nguyệt khá hay
 Diêu, Xương lại gặp văn thi dâm tòng
 Khốc, Hư gặp Cơ chớ màng
 Bệnh lao phải liệu lo loan lấy mình.

Giải thích: Mệnh gặp được THIÊN CƠ Miếu, Vương hay Đắc địa thì người hơi cao, hơi gầy, da trắng, thông minh, khôn ngoan, có nhiều mưu trí, có óc kinh bang tế thế, bản chất nhân hậu, từ thiện, được hưởng sang giàu. Nếu mà có những trung tinh đắc cách như Xương, Khúc, Khôi, Việt, Tả, Hữu, Quang Quý, Khoa, Quyền Lộc và cả Song Hao nữa càng được nhiều trung tinh ấy càng đẹp, có thể hưởng phú quý song toàn, uy danh lừng lẫy.

Nếu Cơ đắc địa mà gặp Hỏa, Linh, Hình lừng người khéo tay, giỏi về máy móc và thủ công.

Nếu Cơ đóng ở Mão Dậu, mà gặp được cách song Hao (tức là Đại Tiểu Hao) ở đó thì hưởng được phú quý, nhất là năm Ất, Kỷ, Bính Tân thì thật là toàn mỹ.

Cơ đắc địa mà gặp phải Tuần Triệt là số ly hương, bôn ba về sinh kế, khó tránh được tật nguyên tai nạn, nếu không thì cũng chết yểu, hoặc đi tu

Cơ hãm địa cũng có óc kinh danh, kém thông minh, những cũng có tài ba và cũng được đủ no ấm sống lâu.

Cơ hãm địa mà gặp được Tuần Triệt đỡ được đôi phần. Nếu nữ mệnh gặp cách hãm này thì thường là gian xảo và bất chính, phi yểu tắc bản, chồng con cũng dang dở hay làm lẽ.

SAO THÁI DƯƠNG

(Biểu tượng mặt trời (Nhật) nam tinh Dương Hỏa Chủ về Quan Lộc)

Thái dương miếu ở Mão cung,
 Vương ở Ngọ, Ty, Thìn, Dần, một phương
 Bình thì ở Dậu khá tường,
 Hãm : Tuất, Hợi, Tí, Sửu cung rõ ràng.

Thái dương, mặt hóp thân gày
Thông minh, tươm tất, thảo ngay, hoà hiền
Canh nhân: Ngọ mệnh khá khen,
Nhâm nhân: Ngọ mệnh quý quyền tinh thông
Giáp nhân: Hợi mệnh vô dung;
Từ Mùi đến Sửu bản cùng khôn thay;
Dương Đà, Không Kiếp ăn mày
Đa phiền tâm sự tính ngày lo đêm
Đa đen sắc hãm tính hen
Kỵ, Đà: tật mục chẳng yên mọi đường
Thái dương miếu vượng mệnh phước
Loài người trung nghĩa tính cương lạ lung;
Tốt nhất lại chiếu Thái Âm
Tử vi, Tả Hữu, Lộc Quyền cát tinh
Dương mà cư Hợi u minh
Gặp Khoa Quyền Lộc hóa thành giàu sang
Dương hội Tả Hữu; Tài, Quan
Cũng là Khôi Việt, Khúc Xương lấy lừng
Tử cung Bát toạ cung Dương
Cát tinh hội hợp sanh phước quý nhi
Cự, Phá thụ ám Dương này
Mất mờ lao khổ, thị phí suốt đời
Linh, Hỏa, Hình, Kỵ cùng nơi
Dễ sinh tai hoạ khó rời tránh xa
Sửu Mùi: Nhật, Nguyệt xem qua
Đối cung có mệnh hắt là rạn danh
Cùng cư Mùi, Sửu cho mình
Tam phương vô cát khó thành được công
Bấy giờ gần gặp Tuần Không
An Quang, Thiên Quý, Khúc Xương chiếu miền
Cũng là văn cách thánh hiền
Khác nào Nhật, Nguyệt các tín hợp cùng
Sát tinh Nhật, Nguyệt hãm cung
Nam thì gian đạo, nữ dòng dâm bôn
Kình, Đà, Diêu, Kỵ, Kiếp, Không
Lại là đôi mắt chẳng mong được dùng
Nhật, Mộc, Mã tại Tỵ cung
Trường sinh, Phụ Bát hợp cùng; phú vinh
Bằng gặp Tướng Ấn: binh hùng
Phải thờ loạn thế mới thành công to
Nhật, Nguyệt địa chiếm chớ ngờ
Cát tinh gia hội đợi chờ thêm cung

*Mệnh Nhật Nguyệt, gặp Triệt Không
 Đóng cung Giải ách, hợp cùng hỏa Linh
 Có Kinh, Đà, Kỵ khá kinh
 Lương công, mất chịu tật hình chẳng ngoa
 Nữ Mệnh: Dương chiếm ắt là
 Phu nhân, nếu chẳng gặp ta ác tình
 Dương, Cự, Hao thật không lành
 Chồng con phối hợp bất thành hôn nghi*

Cước giải: Sao Thái dương thường gọi là Nhật, cung như Thái âm thường gọi là Nguyệt. Một bên tượng trưng mặt trời, một bên là mặt trăng. Mặt trời phải đứng ở dương phương, từ Dần đến Dậu thì sáng sủa, còn mặt trăng đứng ở âm phương, từ Dậu đến Sửu thì mới đẹp, tuy nhiên có nhiều cách hãm mà tốt, cần được chú ý.

Đối với Nam mệnh, Nhật Miếu, Vượng hay Đắc địa thì con người vừa tầm, mặt vuông vắn, da hồng hào, dáng điệu đường bệ, thông minh, cương nghị, nhân hậu. Người sinh ban ngày và là Dương nam, Dương nữ thì tốt tăng lên, nhưng nếu sinh về đêm, mà lại là âm thì tốt bị chết giảm

Nhật Miếu, Vượng, Đắc địa gặp được trung tinh hội như Xương, khúc, tả, Hữu, Tam Hóa, Khôi việt, được cách nào cũng tốt chủ về tài quan vinh hiển. Nhưng nếu gặp phải Tuân, Triệt án ngữ thì trọn đời không toại ý, thường bị bệnh đau đầu, khí huyết kém, cần phải ly hương lập nghiệp mới hay

Nếu trường hợp trên gặp phải ác tinh, như Kinh đà, Không kiếp, Diêu, Hình, Kỵ, thì trở nên trắc trở công danh tiền tài khi có khi hết, lại hay gặp tai ương

Nếu Nhật đắc địa mà gặp riêng sao Hóa Kỵ, không có ác tinh khác tất biến thành tốt đẹp vô cùng, giàu sang và sống lâu.

NHẬT Hãm ĐỊA: Thân hình bé nhỏ, mặt choắt, tính ương gàn, kém bền chí, mắt kém, trọn đời vất vả, về già mới khá giả được.

Nếu hãm mà gặp được Tam Hóa hay Xương khúc, Đào hồng, Tả hữu, Khôi việt, hay Hảo linh đắc địa tất biết ra tốt đẹp về tài danh.

Nếu gặp được Tuân, Triệt, thì cũng trở nên khá, tuy thường ly hương lập nghiệp.

Nếu hãm mà gặp ác tinh nữa như Kinh, Đà, Không, Kiếp, Diêu, Hình thì tai ương khủng khiếp và yếu.

Đối với nữ mệnh, nếu Nhật đắc địa như các cách trên thì phúc thọ song toàn. Nếu gặp các cách hãm như trên thì thương đau yếu, ly hương, lập gia đình muộn hay làm lẽ mới khổ cảnh ly tan. Nếu lắm ác tinh nữa thì khắc hại chồng con, chỉ sống lang bạt, không thì yếu tử.

SAO VŨ KHÚC

(Bắc đẩu tinh – Thuộc Kim – Chủ về Tài Bạch)

*Vũ Khúc Thìn Tuất mệnh Thân
 Hoặc là Mùi Sửu cát tinh hợp phương
 Quyền Lộc, Tả Hữu, Khúc Xương
 Uy danh hống hách vang lừng chẳng hư
 Tứ Mộ : Tham, Vũ đồng cư
 Ngoài 30 tuổi mới dư dả dùng;
 Nếu gặp Kiếp Sát thủ trung
 Lại là tiền phú hậu bần chẳng sai
 Vũ, Khúc, Lộc, Mã an bài*

Buôn xa hoạch phát ít người dám đương
 Vũ, Phá: Tỵ Hợi bất lương
 Nếu có Tham, Sát ắt không ra gì
 Hoạch đồ tể, hoặc yếu vi
 Vũ mệnh cung Mão quý thay phải tường
 Vũ nơi Tuất Hợi ba phương
 Gặp, Nguyệt, Tham, Kỵ trẻ thường lao đao
 Liêm, Tham, Vũ, Phá chiếu vào
 Mệnh viên có Đế dồi dào lắm thay
 Vũ Khúc, Văn Khúc rất hay
 Ở nơi vác địa là tay anh hùng
 Vũ, Hóa (Lộc Quyền) Thất Sát ở cung
 Thai Tọa, Khoi Việt ba cung chiếu về
 Ấy là phát võ uy nghi
 Miếu Vã, Khôi Việt, chức thì tài quan
 Tũ Tham : tài bạch khá tường
 Không gia ác sát ấy phương hoạch tài
 Hợi cung : Vũ, Hỏa trung lai
 Người sinh Giáp Kỷ, Nhâm thời phú gia
 Dần, Thân, Vũ Khúc thế mà
 Gặp Khoa, Quyền, Lộc ắt là Thạch Vương (Thạch sùng, Vương Khải)
 Vũ, Tham, Sát, Kỵ là phường
 Làm nghề kỹ nghệ tinh tường sinh nhai
 Vũ, Kinh, Quả, Tú, chớ sai
 Hoạch Vũ, Liêm, Phá trọn đời tai ương (nhất là ở hãm địa)
 Vũ khúc, Kiếp Sát, Kinh Dương
 Là hạng ác độc Không lường hiểm nguy
 Gặp Vũ, Tham, Phá phải suy
 Nếu không cát diệu đắm mê nhục tình
 Vũ Khúc gọi Quả tú tình
 Nữ mệnh gặp phải cướp tranh quyền chồng
 Vũ khúc mà ở mệnh cung
 Ngoài thì đầu nhỏ, bên trong nốt ruồi.

Giải thích: Vũ Khúc gọi là tài tinh chủ về tiền bạc. Đứng tại mệnh, vóc người vừa tầm, thường ở xa nhà hay là khắc cha mẹ anh em, khắc vợ hay chồng, liêm con.

Vũ Miếu địa ở Sửu Mùi, Thìn, Tuất, là người thông minh có chí lớn, có óc kinh doanh, nếu gặp được cát tinh như Tam Hóa, Tả Hữu, Khôi, Việt, Xương Khúc, tất được phú quý hiển vinh trọn đời, nhưng phải ngoài 30 tuổi mới thành đạt. Tráilại nếu đắc địa mà gặp Kiếp, Sát thì biến ra tiền phú hậu bản, tức khoảng ngoài 55 sa sút.

Vũ tại Mão Dậu tuy cũng khá nhưng hay ốm đau và dễ bị tai nạn.

Vũ hãm địa ở Tỵ, Hợi là người lẩn thẩn, hay than vặt, suốt đời lao đao về tiền tài và danh vọng. Nhưng nếu hãm mà gặp được Xương Khúc, Khôi, Việt, Tả Hữu, Khoa Quyền Lộc thì làm nghề kỹ nghệ thủ công hay buôn bán có thể khá giả được và hưởng được tuổi thọ. Bằng như vừa

hãm địa lại vừa gặp ác tinh như Ky, Hình, Diêu thì mắc tai nạn khủng khiếp, ắt là yếu tử. Trái lại nếu hãm địa mà gặp Hỏa Tinh mà người sinh năm Giáp, Kỷ thì có thể trở nên giàu sang.

Đối với nữ mệnh vũ Miếu, Vương hay Đắc địa là người đảm đang, giàu có, nếu có cát tinh hội hợp nữa thì phú quý tốt độ. Nhưng phải lập gia đình muộn mới tránh được nỗi buồn đau.

Gặp hãm địa thì cũng là người đảm đang đấy nhưng tham lam bạo tàn, suốt đời lao tâm khổ tứ vì bệnh tật tai họa, nếu gặp cả ác tinh ám hại nữa thì là hạng lằng loàn, khắc chồng hại con khó tránh được tai ương yếu tử.

SAO THIÊN ĐỒNG

(Thủy đới Thổ – Nam đầu tinh – chủ : Phúc đức)

Đồng miếu : Ty Hợi, Vương : Tí Thân

Bính thì : Mão, Dậu, Tuất, Thìn cung

Lợi về độc chiếm nơi Dân ấy

Hãm ở Ngọ Mùi Sưue khá thông.

*Thiên Đồng đầu lớn lưng đầy,
Hình thời phì mãn, tượng rầy phương viên
On lương vả lại hòa hiền,
Khoa Quyền tấu hợp cỏ quyền có uy
Đồng đóng mệnh, tính đổi thay,
Là sao thọ khảo phúc đầy đáng ghi
Hảo, Linh, Không, Kiếp kể chi
Gặp Đồng : bản khổ cùng thì u mê.
Thiên lương Nguyệt đức chiếu kê,
Ắt là mô phật hướng về tăng ni
Đồng nơi Tuất Ngọ yên vì,
Hãm cung, nhưng tuổi Đinh thì hiển vinh;
Nếu có Hóa kỵ thêm xinh
Ấy là ứng hợp giúp thành giàu sang.
Đồng. Lương cùng hội Dân, Thân,
Vừa giàu vừa thọ giữ phần yên vui
Đồng, Lương, Linh, Ky, Quyền, Khôi
Lại gia song Lộc hoạch tài phú thương
Đồng, Lương, Cự đóng 3 phương
Tam Hóa, Tả Hữu là Phường tài năng
Đồng, Nguyệt cùng ở Ngọ cung
Sát tinh hội hợp : kỷ công ấy nghề:
Nếu gặp được Kinh dương kia,
Mà tuổi Bính, Mậu, biên thủy tướng công
Đồng, Nguyệt : Tí, gái hoa dung,
Gặp Tang, Diêu, Khốc; khóc chồng lắm phen.*

Cước giải: Đồng tọa thủ, người mập, hơi thấp, chân tay ngắn, da trắng, mặt vuông.

ĐỒNG : MIẾU, VƯƠNG hay ĐẮC địa là hạn nhân hậu, hay thích thay đổi công việc, nhà cửa, ý kiến, tuy được hưởng giàu và thọ.

Nhưng nếu đóng ở Ty, Hợi thì là khách phiêu lưu, lại khắc những người tuổi Đinh và Canh, trong đời thường gặp nhiều bất mãn.

Nếu gặp nhiều cát tinh hội thì phú quý tốt bụng. Trái lại nếu gặp phải hung tinh như Hình, Ky, Linh Hỏa, Kinh Đà, Không Kiếp, thì tuy được no ấm, song trọn đời lao tâm, khổ tứ, dễ mất bệnh ở bộ tiêu hóa.

ĐỒNG : HÂM ĐỊA ở Ngọ, Mùi, Sửu là kẻ kém thông minh, nông cạn thích chơi bời ăn uống, tuy thọ, nhưng lao đao về sinh kế, hya nói khoát. Nếu ở cung Ngọ, Tuất mà người tuổi Đinh cũng khá giả. Đồng hãm gặp được cát tinh cứu vớt rất nhiều về công danh và tiền tài.

NỮ MỆNH : ĐỒNG Miếu Vương, Đắc địa là người đảm đang. Vương phu ích tử. Nhưng ở cung Ty, Hợi lại là hạng dâm đảng, nhưng rất xốc vát, xông pha.

Nếu gặp Hãm địa thì là hạng hoang tàn dâm dật, tuy no cơm ấm áo, thường hay làm lễ hay muộu chồng? Chẳng may gặp sát tinh nữa thì chung thân cùng khốn ly tông, lang bạc, thường mang bệnh ở Tử cung, bộ Tiêu hoá hay đau mắt.

SAO LIÊM TRINH

(Âm hỏa – Bắc đẩu tinh – Chủ: Quan lộc và Hình ngục)

Liêm trinh miếu: Dần, Thân, Tí, Ngọ
 Vương thì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cung
 Hãm nơi Ty, Hợi đôi đường
 Cùng là Dậu Mão cho tương để phân.

*Liêm trinh hảo diệu thân trường
 Lộ hầu, lộ nhĩn mặt mày vàng xanh
 Tính thời táo bạo tương tranh
 Khí dữ khí lành du đảng phấn hoa
 Mùi cung vinh dự đó mà
 Thân cung cự phú, Hợi ra cơ hàn
 Liêm đắc địa, Khúc Xương cùng
 Là người văn võ anh hùng lược thao
 Liêm hãm Ty Hợi xấu sao,
 Lại gặp hung sát lao đao trọn đời
 Liêm trinh, Quan phủ cùng nói,
 Hãm cung tai hại kiếp người ra chi
 Liêm mà gặp được Tử vi
 Ở cung Miếu vượng quyền uy đó mà
 Gặp Lộc Tôn ấy phú gia
 Liêm Tham, Sát, Phá phát đà vũ công (đắc địa mới được)
 Nhưng Liêm vượng địa vẫn phòng,
 Chơi bời tưu sát có lần công môn.
 Liêm, Phá, Nhật, Nguyệt tràng phùng
 Dê đau hai mắt khi xong việc rồi.
 Liêm Hao : Tài, Mệnh cung ngồi
 Phá tán tổ nghiệp ra người bần nhân
 Liêm, Hỏa : Không, Kiếp, Phá quân*

*Hãm cung, thất cổ nợ trần hết duyên
 Hình, Diêu, Tham, Tỵ ngọ Liêm
 Ở cung Tỵ Hợi là điểm mạng vong
 Liêm trình ở Mão, Dậu cung
 Sát tinh cung hội danh công khó màng.
 Liêm cùng Văn khúc khá toan
 Đồng cung xuôi ngược mọi đường khảm kha
 Trọng Do uy mãnh ấy là
 Liêm trình nhập miếu (Dần, Thân, Tí, Ngọ) hợp và Tướng quân
 Liêm, Kiếp, Kinh dương khá phân
 Ở cung Mão, Dậu ắt phần ngục lao
 Hoặc là tứ sát (Kình, Đà, Linh, Hỏa) tránh sao xích xiềng
 Tham, Liêm đồng độ đảo điên
 Trai thì phiêu lãng, Gái duyên dâm tàng.*

Cước giải: Liêm đóng mệnh, người to lớn, cao, da thô, mắt lồi mày rậm. LIÊM : MIẾU, VƯỢNG, ĐẮC ĐỊA là hạng thẳng thắn, nghiêm nghị, nóng nảy, trọn đời khá giả và thọ. Nếu được trung tinh như Tam hóa, Tả hữu, Xươngkhúc, Khôi việt hội thì thật uy danh lừng lẫy, phú quý vẹn toàn. Trái lại nếu bị hung tinh ám thì không được xứng ý, toại lòng. Công danh trắc trở, tiền của tự tản, mà hay mắc tai ương.

LIÊM HẮM ĐỊA (Tỵ Hợi, Dậu Mão) là hạng khắc nghiệt, nham hiểm có óc kinh doanh, thường khéo về kỹ nghệ ; nhưng trọn đời lo toan vất vả, hay vướng vòng lao lý. Nếu gặp hung tinh nữa như Kỵ, Hình, Tứ sát, Lục bại thì chung thân khốn đốn, ngục tù, yếu tử, mà chết một cách thảm khốc.

Nhưng nếu hãm Tỵ, Hợi mà gặp riêng Kỵ thì lại trở nên khá giả mà cũng tránh được nhiều tai ách. Song nếu có Kỵ mà lại gặp Văn xương hay Văn khúc thì lại rất xấu xa, nhất là tuổi Bính càng đáng lo ngại cho sinh mệnh vô cùng.

Nếu hãm địa ở Mão Dậu mà gặp Linh, Hỏa là hạng gian ác, nguy hiểm, chỉ chức hại người.

VỀ NỮ MỆNH: nếu được Miếu địa thì thật toàn hảo. Trái lại nếu là Vượng hay Đắc địa tuy cung là hạn đảm đang, giàu có, song mặt ngoài nghiêm nghị mà bên trong chứa dâm tàng, thế nào cũng có tật bị thương, nếu gặp phải sát tinh thì cái xấu càng tăng thêm. Số phải xa lìa cha mẹ sớm và phải muộn lập gia đình mới hay.

LIÊM HẮM ĐỊA đối với nữ mệnh là hạng người ti tiện, độc ác khắc chồng hại con, mang nhiều tật thương, nếu không sớm lìa gia đình thì cung vướng vào tù tội. Nếu gặp cả sát tinh hội thì ắt là yếu tử mà chết một cách tai nạn thảm thương.

SAO THIÊN PHỦ

(Nam linh – Thuộc âm Thổ – Chủ: Tài Quyền)

Thiên phủ âm thổ miếu cung
 Sửu, Mùi, Thìn, Tuất, Mão phương hợp quần
 Vượng nơi Tí, Ngọ khá phân:
 Địa : Dậu, Tỵ, Hợi, Dần, Thân ấy mà

*Thiên phủ Miếu Vượng khá thông
 Mặt tròn da trắng ôn dung thuần hỏa.*

Thông minh và có tài ba
Lộc, Quyền, Khôi, Việt, càng gia sang giàu
Kiếp, Không, Linh, Hỏa chẳng mầu,
Vương, Đà biến trá, thế âu khó hèn.
Triệt, Tuần đóng ở một bên,
Ấy là cô độc chẳng nên kể gì;
Hội cao hình ấy nhớ ghi,
Trọn đời nghèo khó tính thì phiêu lưu
Phủ rất ghét những sao tứ sát (Kình, đà, Linh, Hỏa)
Biến con người hiểm ác gian manh
Phủ cần gặp được văn tinh
Hay là hội hợp với mình Tử vi
Nữ mệnh có Phủ ai bì,
Vượng phu, ích tử thảo ngay hiền hoà
Nhị hạn (Đại, Tiểu hạn) gặp chủ xem qua
Nếu không Hình sát ắt là cao sang
Phủ: Ngọ Tuất hợp làng cát diệu,
Tránh Kiếp, Không tuyệt diệu sang giàu
Nhất là Giáp, Tỵ càng mầu
Triều viên phủ Tướng cung âu thế này
Quền Thần hội cách hay đã rõ;
Phủ, Tướng, Lương cùng bộ cát tinh
Lộc tồn, Xương, Khúc bên mình,
Hoặc là Tả, Hữu hiển vinh anh tài.
Phủ, Vũ, Khúc an bài cung Tí
Người Giáp, Đinh cách ấy rất hay
Gặp phải Tuần, Triệt rủi thay,
Tiếng bia miệng xấu tháng ngày không yên;
Nhưng gặp tuổi Canh Nhâm, chế ngự
Phúc tài kia vẫn cứ hạnh thông
Phủ kỵ Không Kiếp đồng cung,
Gặp Thanh long biến thành vòng cát tinh
Tài, Diểu hãy đình ninh xem rõ:
Phủ Vũ Quyền, Lộc ngộ giàu sang
Dần cung Tử Phủ khá tường
Tam Hòa, Kình, Bát là phùng văn
Ấy văn cách chuyển ngay võ tướng
Năm quyền uy bốn hướng phục tùng
Nếu gặp Không, Kiếp giao lâm,
Ất danh hư ảo có lâm được đâu.
Phúc cung thấy đứng đầu Thiên phủ
Địa kiếp kia vào đó rủi thay,
Đoán rằng yếu tử cung tay lạc loài.

Cước giải: Mệnh có Thiên phủ là người thanh tú, tăng đều, tính ôn hậu, lòng từ tâm. Suy tư thâm trầm, có nhiều trí hóa. Trọn đời nhàn hạ giàu sang. Nếu gặp phải Tuần, Triệt hay Không, Kiếp thì mình hơi cao, tính hơi ương ngạnh, thích hoang phí, phóng đãng, hay tính chuyện viễn vông, thường túng thiếu hay bất mãn. Nếu gặp nhiều sát tinh thì lại là hạn gian trá, lừa người dối mình. Bởi đó Phủ cần tránh được Thiên không, Địa không, Địa kiếp, Tuần Triệt mà càng gặp được cát tinh càng nhiều sự gia tăng phúc lộc.

NỮ MỆNH: Phủ đóng thì mặt tươi như hoa, ở nơi Miếu, Vượng địa ắt là bậc đoan thực, vượng phu ích tử; ở nơi Đắc địa mà gặp được cát tinh hội cũng chẳng kém phần phú quý.

Trong trường hợp gặp Tuần, Triệt, Không, Kiếp thì đau khổ, lo âu vì chồng con, và không hưởng được tuổi thọ cao.

Nhưng cũng tùy tuổi người mà chế giảm, và cũng tùy cách mà suy cho đúng: ví như Phủ gặp Kiếp, Không mà lại có Thanh Long đóng đồng cung thì hóa ra lành. Hoặc là có hung tinh, nhưng cát tinh nhiều hơn cũng là phương thế để giúp cho Phủ rục rở.

SAO THÁI ÂM

(Bắc tinh – Âm thủy – Chủ: Điền trạch)

Hợi, Tí, Sửu: Thái âm miếu địa;
 Dậu, Tuất nay Vượng thế cho tường
 Mùi, Thân lợi ích đôi phương
 Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ phồn hãm cung

*Thái âm : Thủy, Bắc tinh ấy hướng.
 Ở Miếu cung tính vốn thanh tân.
 Bính, Đinh cư Tí giàu sang
 Đã lòng từ thiện, lại làng kinh luân.
 Nguyệt miếu vượng trùng phùng Xương, Khúc,
 Việt, Khôi, Khoa, Quyền, Lộc, Đào, Hồng,
 Thiên hỷ Tả Hữu song song
 Giàu sang hồ dễ ai hồng dám tranh
 Hoặc là Nguyệt Mệnh cung độc thủ,
 Sanh vào đêm đúng buổi trung tuần (từ mùng 10-20)
 Cũng là đẹp để muôn phần,
 Giảm đi nếu gặp Triệt, Tuần án ngăn.
 Ấy là số ly tông lập nghiệp.
 Nhưng mất đau hay liệt tuần hoàn.
 Nguyệt gia gặp Kỵ đồng sà,
 Không sao Sát Bại (Tứ Sát, Lục bại) giàu sang trọn đời.
 Nguyệt miếu vượng là người to lớn
 Gặp hãm cung hơi ốm mà cao,
 Tính ưa ngâm vịnh tiêu dao,
 Danh tài nếu có, nhờ vào văn tinh
 Nguyệt hãm gặp Triệt Không thành quý
 Chỉ sợ Hình, Diêu, Tỵ mục nguyên*

Nữ lưu nguyệt vượng như trên
 Là người nhan sắc đảm đang lợi chồng
 Nếu gặp Triệt Không làm lẽ (hay muộn)
 Nếu gặp Lương hãm địa đa dâm
 Mão cung đến Tỵ chớ nhâm
 Nguyệt Lương hội hợp chịu phần khảm kho
 Hạn gặp Nguyệt, Kinh, Đà đáng ngán
 Ấy nhân ly tào tán phải phòng
 Nguyệt gặp Long Trì ở cùng
 Tuy xấu nhưng cũng được phần ấm thân
 Cung Thê hội Thái Âm Văn Khúc
 Vợ cao sang tốt bậc nữ lưu
 Tham Lang với Nguyệt cùng ngôi
 Ở cung hãm địa ấy người dâm bôn.

Cước giải: Mệnh có Thái Âm miếu địa, vượng địa thì người to lớn, da trắng mặt vuông, thông minh hoà nhã, từ tâm, thích văn chương, mỹ thuật, được hưởng giàu sang và sống lâu. Nguyệt hợp với âm nam nhất là sinh ban đêm vào khoảng trung tuần của tháng tức từ 10 đến 20 thì thật là toàn mỹ. Đã Miếu vượng, đắc địa mà gặp cát tinh hội thư Xương khúc, Khôi việt, Tả hữu, Tam hóa, Đào hồng thì phú quý đến tột độ. Nhưng nếu gặp Tuần Triệt thì lao đao hay đau yếu, mất kém, ly hương, dễ bị bệnh tiêu hóa. Nếu gặp những sát tinh như Linh Hỏa Kỵ Diêu Hình thì càng kém nữa tuổi thọ cũng chiết giảm.

Nhưng nếu ở cung đắc địa thôi (không phải Miếu, Vượng địa) mà lại gặp được Tuần Triệt thì cũng khá phú quý, bằng như gặp Hóa Kỵ đồng cung mà không có sát tinh thì biến ra tốt vô cùng.

THÁI ÂM HÃM ĐỊA ở Dân, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ thì tính ương ngạnh thích ngâm hao vịnh nguyệt, không tham danh lợi, trọn đời chẳng được vừa ý, dễ bị tật thương. Nhưng nếu hãm địa mà gặp được các sao tốt như Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, Tam Hóa, Đào Hồng hoặc gặp Tuần Triệt thì trở nên tốt và tuổi thọ cũng tăng. Trái lại nếu gặp các sao sát tinh thì đau ốm tật nguyên và yếu tử.

Nguyệt dù Miếu, Vượng, Đắc địa hay hãm địa mà gặp Thiên Hình ở đồng cung tất nhiên mất phải có tật.

Nữ mệnh: Ở nữ mệnh và Nguyệt Miếu, Vượng, hay Đắc địa là hạng có nhan sắc và đức độ, rất đảm đang, vượng phu ích tử. Nếu có cát tinh hội nữa thì thật quý vô cùng.

Nếu Miếu địa, Vượng địa mà gặp Tuần Triệt đóng thì cũng xấu như ở cung hãm địa, tất phải đang dở hoặc làm lẽ, chịu buồn thương rất nhiều về cuộc đời tình ái. Về đời sống thì lang bạt, dâm dật, bệnh ở bộ tiêu hóa hay ở tử cung, dễ gặp những tai họa khủng khiếp và là hạng yếu tử.

SAO THAM LANG

(Bắc đẩu tinh – Âm thủy – Chủ về uy quyền và họa phúc – Thuộc loại hung tinh và dâm tinh)

THAM LANG miếu : Sửu, Mùi, Thìn, Tuất

Địa : Dân : Thân, bính : Tí, ngọ cung.

Hãm về Mão ; Dậu khá phân,

Cùng là Tỵ ; hội dự phần xấu thay.

Tham Lang miếu vượng chí cung

Miếu thời người lớn là giòong lược thao/
 Hãm cung Tỵ Hợi xấu sao
 Nhỏ người, mê mệt tiêu hao phong tinh ;
 Hiểm độc mà lại đa kinh
 Tham tình tham sức quen mình bạc hung.
 Dương, Đà, Không, Kiếp bản cùng
 Vũ, Trinh, Sát hãm hành hung cướp đường
 Sỉm Mùi : Tham vũ đồng hương
 Thiếu niên bất phát ; thế thường bốn ba,
 Ngoài 30 tuổi mới là
 Giàu sang, quyền thế một nhà vui thay.
 Tham : Tứ Mộ gặp nhay Hóa Tỵ
 Tuy ngược xuôi số ấy hoạnh thương.
 Đồng cung Tham với Văn Xương
 Đa thời bạch biến mặt thương lang ben.
 Cung tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) Tham Linh hay Hỏa
 Ấy giàu sang cao cả chức quyền.
 Dần Thân, Tham gặp Trùng sinh
 Không sao át sát thọ vinh ấy mà.
 Cung Tí, Hợi ; Tham và Quyền, Vượng.
 Chuyển thành ra số sướng giàu sang.
 Nhất là Giáp, Kỷ đôi đàng.
 Hanh thông hưởng phúc rõ ràng cơ duyên.
 Cung Dần Thân Tham Liêm lại đồng
 Gặp Văn Xương, Quân Trọng lao trung
 Tham, Vũ, Phá Quân hợp cùng
 Mà không cát diệu ấy dòng dâm bên
 Tham Liêm hội đồng cung phiêu lãng,
 Nếu nữ nhi là hạng dâm tà.
 Hợi cung càng hãm cem qua,
 Có át tinh đóng ất ra bản cùng
 Tham Đà, đóng Dần cung truy lạc
 Hoặc Ngọ, Dần có át tinh vô,
 Hợi cung lang hổ âu lo
 Hoặc sé đánh, hoặc nạn to đợi chờ
 Mệnh Mão, Dậu Tham cư thoát tục
 Gặp Kiếp, Tỵ ray hấn lúc hoãn lương
 Tí, ngọ Tham đóng hai cung
 Nếu không Quân Triệt là phường bất nhĩ
 Tham đào số Nữ bản dâm loạn
 Ở hãm cung hỷ đoán cho tường
 Tí ngọ, Mão Dậu ấy phương
 Nhưng có Tuần Triệt lại phường đoan trinh

Cước giải: Mệnh có Tham thủ ở cung Miếu. Vượng, Đắc địa là người cao lớn đầy đà, râu nhiều lông rậm (ở Miếu địa có nốt ruồi to). Tính trung hậu nhưng hơi tự đắc và hiếu thắng, thích hoạt động cơ nhân, tham vọng to lớn, có óc kinh doanh kiêm tài tổ chức. Làm việc tất tưởi cực nhưng chỉ được buổi đầu, sau hay chán. Thích đấu tranh giữa chốn đông người, ưa ăn ngon, mặt đẹp. Sống lâu và phú quý, tuy lúc thiếu thời hơi vất vả, phải ngoài 30 tuổi thì mới hưởng được mọi sung sướng, về già càng hoạch đạt. Nếu tham gặp Văn Xương thì đa loang, mặt lang ben. Ở Dần, Thân, Tham Liêm gặp Văn Xương là số Quấn Trọng phải có lúc vào lao. Nếu hợp nhg cát tinh thì thật toàn mỹ mọi bề, nhấn là tuổi Giáp và tuổi Kỷ.

THAM HẮM ĐỊA(Ty, Hợi Mão, Dậu) là người yếm thế, làm gì cũng thất bại, chỉ tu hành mới yên thân ; nhưng nếu gặp Địa kiếp, Hóa Kỵ, lại phá giới hoàn tục. Nếu gặp các sát tinh thì vô cùng khốn khó. Nếu ở cung Tí, Ngọ thì cũng khá, thường chuyên về kỹ nghệ, ly hương hay bị tù ngục.

Dù Tham ở MIẾU, VƯỢNG, ĐẮC địa hay HẮM địa mà gặp Hóa Kỵ hay Thiên Diêu đồng cung tất hay bị bắt bớ giam cầm hoặc tai ương sông nước.

MỮ MỆNH: Tham Miếu, Vượng, Đắc địa là người tài trí đảm đương can đảm, táo tợn, hay ghen tuông, số giàu sang.

Nếu HẮM ĐỊA thì là hạng làm lẽ hay muộn tình duyên, tính thâm độc , dâm dặt, lang loan, mang nhiều bệnh, hay gặp tai nạn ; nếu gặp cả tung tinh nữa thì thật đáng chê vô cùng.

Tham ở BINH địa Tí Ngọ có đỡ được đôi phần, nếu gặp được cát tinh cung dự phần khá giả.

SAO CỰ MÔN

(Bắc đẩu tinh – Âm thủy – chủ ngôn ngữ)

CỰ MÔN miếu Mão Dậu cung
Vượng thì Tí, Ngọ, Dần không lẽ bàn
Đắc địa : Thân Hợi rõ ràng
Hãm nơi Tứ Mộ, Ty cung rành rành

*CỰ MÔN là Thủy Bắc tinh
Miếu vượng Tí Ngọ đã dành tốt thay
Mình tròn da trắng tóc nay
Khoa, Quyền, Đông, Lộc thực đầy vinh xương
Cự hãm Tứ Mộ đa ngân,
Phản phúc nghi hoặc, học càng tối tăm
Nhưng người tuổi Quý tuổi Tân,
Lại hưởng phúc lộc dự phần yên vui
Kính, Đà Linh, Hỏa cùng ngồi
Với sao Cự Tú trọn đời tai ương
Kính, Cự : Ty khá đề phòng
Nước sông, trừ tuổi Bính; Tân an toàn
Hợi, Tí : Cự, Lộc, Quyền rất quý
Gặp Lộc tồn biến thể ra hư;
Mang bao cao vọng mịt mờ,
Như theo mây ám, như chờ bóng xa.
Tí Ngọ gặp Khoa, Quyền, Lộc*

Ấy là người đa học đa năng,
 Vận thời hên lối thanh vân,
 Giàu sang đợi bước mười phần có dư.
 Cự gặp Hổ, Tuất, Phù hội viên,
 Ấy là nghề thầy kiện quan toà.
 Cự Môn với lại ĐàLa
 Nốt ruồi lạ mọc ở và châu thân
 Cự hoặc Đồng ở cung Thìn, Tuất
 Có Khoa tinh du thuyết 4 phương
 Cự, Nhật đồng thủ dân, Thân
 Ba đời vinh hiển cháu con sang giàu.
 Gặp Quyền, Phượng thế du rất hiếm
 Gặp Lộc Tồn lại kém lắm thay
 Mão, Dậu : Cự rất hay
 Công danh vinh hiển lại tay hoang tàn.
 Gặp Song Hao là làng quân thế
 Tuổi Ất Tân Bính Kỷ thêm giàu
 Nữ lưu cách ấy đẹp sao
 Vượng phu ích tử càng màu càng xinh

Cước giải: Mệnh có Cự môn thì người thấp, da trắng, mặt vuông mắt hơi lộ. Cự Miếu, Vượng, Đắc địa thì thông minh, có mưu trí, xét đoán giỏi, lời danh thép, được giàu sang, thọ phúc.

Nếu gặp được sát tinh hội tất phú quý vẹn toàn, uy quyền hiển hách, danh tiếng lẫy lừng.

Cự : Miếu, Vượng, Đắc địa mà gặp Xương khúc, Khôi việt, Khoa, Tuất là hạng văn tài lỗi lạc, ăn nói hùng hồn, hợp cho ngành chính trị, chuyên về pháp luật và ngoại giao.

Nếu lại gặp Hổ, Tuất, Phù là người giỏi về luật pháp, lý luận, thường làm nghề Thầy kiện, Quan Toà. Cự ở cung Tí, Ngọ là ngọc trong đá (Thạch trung ẩn ngọc) nên cần gặp được Tuần, Triệt hay Hóa Lộc thì ngọc mới lộ ra được, thì mới đẹp rực rỡ. Nếu không ập được cách này hay lại gặp Lộc tồn thì là chìm, ấy là hạng đa học đa năng, nhưng không gặp được thời vận hiển hách.

Nếu lại gặp hung tinh như Ky, Hình, Sát, thì tuy có thọ, song không bao giờ được toại ý vừa long. Sức khỏe suy kém, mang bệnh ở bộ sinh dục, hay có tật ở mắt, thường mang tiếng thị phi, hay bị kiện cáo.

HẮM ĐỊA: ở Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) là người gian xảo, kém sáng suốt, khắc nghiệt, đa nghi, ăn nói hồ đồ, khoát lác, không thích giao thiệp, đời lắm vất vả, đa bệnh hay mắc tiếng thị phi kiện cáo, không thọ. Nhưng cự hãm ở Thìn, Tuất đối với tuổi Quý Tân thành sáng sủa, được hưởng giàu sang và tránh mọi tai ương. Nhưng đối với tuổi Canh, Đinh thì lại tăng bội phần xấu xa; đời thật thảm khốc đến cùng độ

Cự hãm ở Sửu, Mùi đối với tuổi Ất, Bính, Tân lại thành đẹp học giỏi, hiển đạt. Cự hãm đối với các tuổi khác mà gặp được nhiều cát tinh cũng là hạng có văn tài. Khá giả. Nếu lại gặp Tuất, Lộc hội thì đi buôn phát đạt. Nếu gặp phải Sát tinh, Ky, Hình thì chung thân cùng khổ, tai nạn khủng khiếp

Chú ý: Cự dù Miếu, Vượng, Đắc địa hay Hãm địa mà gặp phải Hóa Ky đồng cung tất phải tai nạn về sông nước hay xe cộ.

Nữ mệnh : Cự đắc địa là người đức độ, vượng phu ích tử, có tài xốc vác. Nếu gặp càng nhiều cát tinh càng quý.

Gặp Cự hãm địa là người có tướng lai, ai trông thấy cung mến, nhưng là hạng thâm dật, honag đàng, gian tham, ăn nói sàm sỡ, chua ngoa. Đời tình ái thường dang dở, yếu tử.

SAO THIÊN TƯỚNG

(Nam Tinh Đẩu – Dương Thủy – Chủ Quan Lộc phúc Thiện)

THIÊN TƯỚNG miếu : Dần Thân

Vượng thì Tí Ngọ, Tuất, Thìn cung

Đắc địa : Ty, Hợi, Sửu, Mùi vị

Hãm thì Mão, Dậu khá tướng phân.

*THIÊN TƯỚNG, Dương Thủy kể đi
Miếu địa tướng mạo uy nghi thanh nhàn
Tinh thời chẳng chịu nói càn
Lòng thời nhiệm nhặt mọi đàng ung dung
Thìn Tuất Tướng ngộ Thiên Không
Cát tinh gia hội, uy trong quyền ngoài
Miếu cung tài cán hơn người
Hãm cung thờ phụng sửa nơi làm thầy
Tướng : Miếu án ngữ thân nay khó toàn:
Hoặc bị súng đạn đao gươm,
Tứ chi đầu mặt tật thương đó mà.
Cung QUAN : Tướng đóng xem qua,
Nếu gặp Tuần Triệt khó mà rạng danh,
Thìn Tuất Tướng đóng cũng xinh
Ấy là quý hiền đua tranh với người
Tị Ngọ : Liêm Tướng cùng ngồi
Giáp Kinh dương ắt ngục tai đời ngay
Nữ lưu Tướng Địa rất hay
Hiền phu, quý tử tháng ngày thanh thoi
Tướng Hồng số gái yên vui,
Chồng sang kết nguyện phúc thôi dỗi dằn
Nếu gặp Khúc, Cái, Mộc, Đào
Vả là phúc trọng, tính âu đa tình.*

Cước giải: Tướng đóng Mệnh ở cung Miếu, Vượng, Đắc địa thì người có thân hình nở nang, cao vừa tầm, da trắng, dáng mặt uy nghi, tính đôn hậu, rất thông minh, thích ăn ngon mắt đẹp, được hưởng vinh hoa phúc thọ. Nếu gặp nhiều cát tinh thì thật là toàn mỹ. Nếu Vương, địa mà gặp Kinh, Đà thì lại chuyên về kỹ nghệ hay là kinh doanh, và chắc chắn là phát đạt. Trong trường hợp gặp nhiều Hung tinh khác đóng thì ắt kém về sự tốt đẹp, nhưng cũng được giàu có và an vui, không có gì đáng lo ngại. Song nếu gặp Tuần Triệt thì công danh trắc trở, tiền bạc eo hẹp, hay gặp ách như

dao súng, và chắc không được thọ. Nếu gặp Thiên Hình đồng cung thì đầu, mặt tay chân bị thương tích.

NỮ MỆNH : Có Tướng Miếu, Vượng, Đắc địa là người có tài đảm đang, hay ghen. Nếu cát tinh cùng hội thì thật là hoàn mỹ, ấy là số vượng phu ích tử. Nếu gặp Tuần Triệt thì cô đơn, khổn khổ. Vì được giàu có thì không thọ.

Thiên Tướng Hãm địa cũng là gái có tài, nhưng trọn đời buồn khổ về chồng con. Nếu hãm mà gặp hung tinh nữa thì là hạng lẫn lộn, khắc chồng, hại con, khó hưởng thọ.

SAO THIÊN LƯƠNG

(Nam tinh – Âm thổ đại mộc – Chủ Phụ Mẫu, Phúc thọ)

THIÊN LƯƠNG miếu : Ngọ, Tuất, Thìn

Vượng thì Tí, Mão, lại Dần, Thân

Đắc địa nơi Mùi, Sửu cung

Hãm nơi Tỵ Hợi, Dậu phòng khá hay

*THIÊN LƯƠNG thuộc Thổ nam tinh
Lòng lành, cẩn thận, cao thanh ai tay;
Xương Khúc Tả Hữu rất hay,
Cũng là vinh hiển cũng tay binh quyền
Hãm cung ngọ Sát ưu phiền:
Nam đa lận đận, nữ duyên nhớ nhàng
Ngọ cung : Lương mệnh ai đang,
Tuổi Đinh, tuổi Kỷ giàu sang ai bì.
Lương đắc địa đồng vì Xương, Khúc
Hoặc Thái Dương, Hóa Lộc hiển vinh
Mão cung Lương Nhật cung sinh
Mặt tươi vương vức, đời dành quan sang
Từ cung Tí tiếp liền đến Ngọ,
Có Thiên Lương hội chiếu Nguyệt, Linh,
Ấy người tài cán tinh anh,
Hẳn nhiên hưởng trọn phúc lành khá phân.
Đồng, Lương hội Dậu, Thân một khối
Trọn đời người tránh mọi tai ương:
Nếu có Cơ, Nguyệt hợp Phường
Thông minh ấy kẻ giàu sang thêm màu.
Lương: Tỵ, Hợi thế âu hãm địa
Nam phiêu bồng, nữ ấy dâm bôn.
Lương Phùng Hao, Sát: Tỵ cung,
Ất là khó tránh khỏi vòng đau thương
Cung Tỵ, Hợi đứng cùng Thiên mã
Chỉ đổi thay ấy gã phiêu linh.
Còn như Nữ mệnh cho rành
Cách này thấy rõ dâm tình hạ lưu.*

Cước giải: Mệnh có Thiên Lương thì thân hình don, da trắng, thanh tú, tính khoan hòa, được hưởng thọ.

Lương Miếu, Vượng, Đắc địa mà gặp phải Xương Khúc, Khôi việt, Tả Hữu, Tam Hóa chắc chắn là phú quý và uy quyền. Nếu gặp cả Thái tuế là hạn văn tài: Nếu gặp Hình, Diêu, Quang qui là bậc lương y. nhưng nếu gặp phải Tuần, Triệt thì lao khổ trọn đời, dễ gặp tai ương, nên tuổi thọ chiết giảm.

HÃM ĐỊA: ở Ty, Hợi, Dậu là kém thông minh rất nhiều: lại thích phóng đảng, phiêu lưu, thay đổi chí hướng luôn, suốt đời phải bôn ba lao toái. Nếu gặp phải hung tinh, nhất là Linh, Hỏa tất trong người phải mang tật. Nếu không thì chết yểu một cách thê thảm ở cung Ty hãm mà Lương gặp song Hao, thì dễ bị đao thương.

MỮ MỆNH : Gặp Lương Miếu, Vượng, Đắc địa là người hiền hòa. Nếu gặp được cát tinh hội thì là bậc hiền phụ, vượng phu ích tử, thì trọn đời sung sướng. Nhưng dù đắc địa mà gặp Tuần, Triệt án ngữ thì muộn tình duyên hay là lẽ : nếu không tất phải sớm trở nên góa bụa

Nếu ở Hãm địa thì là gái phóng đảng, ưa việc bưng ong, suốt đời lận đận về chồng con. Nếu hãm địa mà gặp hung tinh nữa là hạng hà tiện dâm dật, khắc chồng, hại con. Nếu không sống cuộc đời cô đơn thì cũng yểu chiết.

SAO THẤT SÁT

(Nam tinh – Dương Kim Đái Hỏa – chủ uy vũ, sát phạt)

THẤT SÁT miếu : Dần, Thân, Tí, Ngọ

Vượng thì Ty Hợi, Địa : Sửu Mùi

Hãm về Mão Dậu ấy ngôi,

Cùng là Thìn, Tuất là người bạo hung.

THẤT SÁT mắt lớn đội đèn

Việc làm muôn chóng một phen cho rồi,

Tính thời hay động hay thôi,

Lại thêm hung bạo nhử lời chẳng là

Hẹn đến rồi lại bỏ qua,

Bạo hổ băng hà nào có sợ ai.

Dần, Thân, Tí, Ngọ hữu tai,

Khôi Việt, Tả Hữu triều lai càng màu.

Quyền Lộc Xương Khúc sang giàu,

Lại có Tử phủ công hầu đến tay.

Thìn, Tuất, Mão, Dậu khốn thay

Làng đầy gian ác mệnh này yếu thương

Thất Sát, Hình, Kỵ, Đà, Dương

Chẳng mặt thì mắt có thương mới là..

Cung Ty : Sát ấy là đẹp quá.

Nếu chẳng may Tuyệt, Hỏa cùng ngôi,

Ấy phường tàn nhẫn đó thôi,

Ấy phường khát máu tanh hôi sát gì.

Liêm : Mùi Sửu cùng vì Thất Sát,
 Tuy cang kiên nhưng chắc chết đường:
 Nhưng mà Kỷ, Ất sinh nhân
 Anh hùng trí dũng mười phần khá khen.
 Sát : Mão, Dậu, Tuất, Thìn hãm địa
 Biết lắm nghề nhưng chả tinh thông.
 Sát kinh ở tại Ngọ cung
 Tai ương thâm khốc chờ trong cuộc đời
 Nhưng Giáp, Kỷ là người cái thế,
 Bạc anh hùng địa vì thên thên
 Còn Sát miếu địa gặp Hình
 Ấy là võ nghiệp nổi danh tướng tài
 Sát Tí Ngọ duyên hài hiền phụ,
 Gặp Kiếp Diêu lại ở độc thân.
 Nhan Hôi yêu chiết khá phân,
 Mệnh phùng Tỵ địa, Sát cùng Đà, Dương
 Sát Kinh, Hỏa về phương hãm địa
 Số nghèo nàn, đồ tể ra chỉ
 Thêm Đà, Linh thật đáng chê,
 Lưng gà tật ách, mọi bề tai ương
 Kìa Nữ mệnh : Đinh, Tân 2 tuổi
 Sát, Phá, Tham lại hội Văn Xương
 Ấy là goá bụa đáng thương

Nếu không cũng chịu dở dang duyên tình.

Cước giải: Mệnh có Thất Sát thì người vừa tầm, da ngăm ngăm đen, mắt to và hơi lồi, tính ương ngạnh, nóng nảy, làm gì cũng muốn cho chóng xong. Sát Miếu, Vượng, và Đắc địa là người dũng mãnh, có mưu cơ, được nhiều người tin phục, giàu sang, thọ, nhưng thường lúc thăng trầm. Người tuổi Giáp, Canh, Đinh, Kỷ gặp sát thì tài quan toàn mỹ. Sát gặp được cát tinh hội hay gặp được Kinh dương đắc địa cũng có uy quyền lớn. Chẳng may gặp phải hung tinh thì là tính khí tàn nhẫn, có nhiều tật bệnh, hay gặp tai nạn.

HÃM ĐỊA : Ở Mão, Dậu và Thìn Tuất là hạ hung bạo, hay khoát lấy thường làm nghề đồ tể, thợ rèn. Nếu giàu thì yếu. Trừ tuổi Ất, Tân lại khá giả. Sát hãm mà gặp Hình đồng cung ắt phải tù tội, hoặc bị giết, bị tai nạn đao thương

NỮ MỆNH : Sát Miếu, Vượng, Đắc địa là người gan góc, bạo dạn, hay ghen được hưởng giàu sang, song nếu lập gia đình sớm thế nào cũng có sinh ly tử biệt. Nếu gặp được cát tinh tất phú quý tột độ.

Sát hãm địa là hạ đàn bà lòng lan dạ thú, khắc chồng, hại con đa mang tật bệnh, thường gặp tai ương. Nếu gặp phải hung tinh nữa thì thật là chung thân cùng khổn và chắc chắn là yếu tử.

Nên xem kỹ phú ở trên và suy nghiệm cho tinh tường.

SAO PHÁ QUÂN

(Bắc tinh – Âm thủy – Chủ : phu thê, hao tán)

PHÁ QUÂN miếu Tí Ngọ cung

Vượng thời Mùi Sửu, Địa Thìn Tuất
 Bình nơi Ty Hợi, Hãm Dần Thân
 Cùng là Mão Dậu đối cung đó mà

*Phá Quân âm thủy kể ra
 Lưng đầy, mình thấp lại là mi thưa :
 Tính cương chẳng có ai ưa:
 Ra lòng bạc ác chẳng vừa được lâu
 Thìn Tuất hiểm độc mưu sâu,
 Bỏ chường tổ nghiệp mới hầu nen thân
 Vượng địa Tí Ngọ hai cung;
 Tả Hữu; Tam Hóa 3 phương chiếu về.
 Ấy người hiển đạt danh ghi,
 Gặp Kinh đắc địa lại tay siêu phàm.
 Phá ; Tham gặp Tử vi lang
 Hội cùng Liêm, Sát; quan sang sẵn dành
 Tứ Mộ : Phá gặp Lộc; Hình
 Uy quyền chắc hẳn rạng danh đó mà
 Thìn; Tuất : Phá gặp Tuân, Khoa,
 Tuổi sanh Quí; Mậu thật là hiển vinh.
 Phá, Hỏa, Việt đóng Dần, Thân
 Giỏi về kỹ nghệ, tinh tường xưởng cơ
 Phá, Kinh Tả Hữu chớ ngờ
 Ở cung Mão, Dậu ắt là loạn quân
 Phá, Hỏa, Hao ấy kẻ gần,
 Khó tránh tai nạn dành phần trước sau
 Phá, Tham, Lộc, Mã giao nhau
 Nam thì lãng dăng, nữ mầu đa dâm
 Phá cùng Linh, Hỏa giao lâm
 Bôn ba lao toái, lo phần ấm no
 Phá, Liêm, Tang, Đẩu cùng lò
 Từ cao ngã xuống đợi giờ hoạ tang
 Phá, Hao, Linh; Nhãn (Kinh dương) cung Quan,
 Gặp Tham hãm đị, tính đàng ăn xin
 Phá Quân Nữ mệnh khá cem
 Đắc địa, Cát Diệu hòa hiền hiển vang
 Hãm cung ác độc dâm loạn,
 Chỉ làm kẻ thiếp khỏi đàng sinh ly*

Cước giải: Mệnh có Phá Quân thì thân hình đầy đà, vừa tầm (Nếu ở Đắc địa và hãm địa thì thân hình hơi thấp), mắt hơi lộ; hầu lộ lông mày thưa,

Phá ở Miếu vượng và Đắc địa là con người thông minh; cương nghị; tự đắc có thủ đoạn; can đảm; thích hoạt động; ham săn bắn ; tính hay ưa nịnh hót. Số được giàu sang nhưng đời hay gặp bước thăng trầm, tiền bạc cũng danh tự tán bất thường. Người tuổi Đinh và tuổi Kỷ, tuổi Tí đắc

cách, hưởng được phú quý song toàn; còn tuổi Bính, tuổi Mậu tuổi Dần, tuổi Thân cũng được hưởng phú quý nhưng hay mắc tai ương.

Nếu được cả cát tinh hội như Tam Hóa, Tả Hữu, Xương Khúc, Tướng Ấn hay là gặp hung tinh đắc địa như Kinh Đà, Không Kiếp thì thật là công danh thăng bước; uy quyền hiển hách. Nhưng nếu phá được Miếu, Vượng Đắc địa mà gặp các sao xấu hãm địa hay Đại Tiểu Hao, Bạch hổ, Hóa Kỵ, Thiên Hình thì công danh trắc trở, bôn tẩu đó đây, dễ vướng tù tội, tuổi thọ chiêtd giảm,

PHÁ HÃM ĐỊA: là người ương ngạnh, hung tợn nham hiểm, bất nhân, có óc kinh doanh, thường chuyên về kỹ nghệ máy móc, buôn bán hay mắc tai ách, chiết yếu.

Phá hãm địa tại Mão Dậu mà người tuổi Ất tuổi Tân và Tuổi Tí thì trở nên khá giả,

Phá hãm địa tại Dần, Thân mà người tuổi Giáp tuổi Canh tuổi Đinh tuổi Kỷ cũng khá.

Phá hãm địa tại Tỵ Hợi mà người tuổi Mậu cũng tránh khỏi được tai ương.

Phá hãm địa mà lại gặp Kinh Đà Không, Kiếp đắc địa cũng trở nên giàu sang, nhưng không khỏi tai ách, nhưng nếu hãm mà gặp Lúc Bại, Tử Sát ở cung hãm thì đa mang tật ách, yếu tử, chết một cách thảm thương.

NỮ MỆNH: Phúá được Miếu, Vượng, Đắc địa là người đảm đương bạo dạn, can trường nhưng hay ghen tuôn, tuy cũng dự được phần giàu sang, song phải muộn lập gia đình, hoặc làm lẽ thì mới tránh khỏi khóc chồng.

Nếu hãm địa thì là hạng đàn bà ác độc thâm độc, khó thọ hay gặp tai ách.

A> NHÓM CÁT TINH (TRUNG TINH VÀ BÀNG TINH)

SAO THIÊN KHÔI

(Nam tinh – Dương Hỏa Đái Kim)

SAO THIÊN VIỆT

(Nam tinh – Âm Hỏa Đái Mộc)

Hai sao Khôi Việt Chủ: Khoa giáp quyền tước

KHÔI VIỆT hội ở Mệnh là biểu thị con trưởng, rể: không phải thì sau này cũng chiếm trưởng. Khi Khôi Việt gặp các Văn Tinh như Tả Hữu, Xương Khúc, Hóa Khoa, Thái Tuế, Tấu Thưu là hạng văn tài lỗi lạc: Nếu gặp chính tinh Tử, Phủ thì là bậc văn võ kiêm toàn, có óc lãnh tụ, có óc tổ chức.

Có Khôi Việt, Xương khúc, Lộc tồn hội mà không gặp cát tinh hay Kỵ, Hình nên hưởng phú quý và sống lâu. Nhưng nếu gặp sát tinh thì trong người có nhiều tật bệnh khó chữa.

Nếu riêng Thiên khôi ở Mệnh mà thêm cát tinh thì cũng rất quý hiển, nhất là gặp Tử vi tại cung Ngọ.

Khôi Việt mà giáp mệnh cũng là bậc thông minh, sớm thành đạt, được người người kính trọng, hay gặp quý nhân.

Khôi Việt, Xương Khúc gặp Không Kiếp thì trở nên vô dụng, nếu gặp Hóa Kỵ thì giảm thọ.

Khôi hay Việt mà gặp Hóa, Linh, Hình thì lằm tai ương, dễ bị sét đánh hay điện giật.

Khôi Việt gặp Phúc (Thiên quang, Thiên phúc) gọi là bộ Tứ quý.

NỮ MỆNH: Gặp Khôi việt cùng cát tinh hợp là bậc hiền phụ, rất vượng phu ích tử, trọn đời giàu sang.

Nếu gặp Tuần Triệt hay hung tinh hãm thì phải lao tâm, mắc nhiều tai ương tuổi thọ chiết giảm.

BỘ SAO XƯƠNG KHÚC

SAO VĂN XƯƠNG

(Bắc đẩu tinh – Dương Kim đới thổ)

SAO VĂN KHÚC

(Nam đẩu tinh – Dương Thủy đới hỏa)

Hai sao chủ : Văn chương, Mỹ thuật, Khoa giáp
Văn xương: : miếu địa : Ty, Dậu, Sửu – Đắc địa: Thân Tí Thân.
 Lợi địa: Hợi Dậu – Hãm địa: Dần, Ngọ, Tuất
Văn khúc : : miếu : Ty, Sửu, Dậu – Vượng: Hợi, Mão, Mùi
 Đắc địa: Thân Tí Thìn – Bình: Dần
 Hãm địa: Ngọ Tuất

Xương Khúc đóng mệnh thường có nốt ruồi kín, mắt sáng, tai thính, có văn tài và năng khiếu về âm nhạc. Xương Khúc miếu vượng địa hợp với cát tinh như Tử Phủ Khôi Việt Tả Hữu Tam Hóa thì sớm đỗ đạt hiển vinh. Nếu gặp Đồng Lương đắc địa thì có nhiều tài khéo. Nhưng nếu gặp phải Tuần Triệt hay hung tinh ám thì công danh trắc trở, hay gặp tai họa.

Khúc đắc địa gặp Vũ đồng cung là tay văn võ có uy quyền, nhất là người tuổi Giáp thì uy danh lừng lẫy.

Khúc đắc địa lại gặp Tham Hóa đồng cung hay là hội chiếu tất có quan chức và giàu sang.

Văn Xương miếu địa gặp Tả Phụ thì chức chương rất lớn.

Xương Khúc hãm địa nên làm nghề thủ công khéo. Nếu đã hãm mà gặp nhiều sát tinh tức trong người có nhiều vết sọc tinh nông nổi, làm việc hay lầm lẫn, dễ vướng tù tội.

Xương khúc ở mệnh dù hãm địa hay đắc địa nhưng nếu gặp Thái Tuế, Tấu thư, Long Trì, Phượng Các hội hợp là người nói khéo hát hay, thích thi ca vũ nhạc kịch.

Nữ mệnh: Gặp Xương Khúc đắc địa là gái nhan sắc và đa tình nếu gặp được cát tinh hội thì sung sướng và phú quý.

Nhưng nếu Xương Khúc hãm địa thì mặt cung tươi xinh nhưng tính rất dâm dăng, thường đau khổ về tình duyên. Nếu gặp sát tinh hội hợp thì là hạng tì tiện, khắc chồng hại con, thường là gái giang hồ.

Xương Khúc dù đắc địa hay hãm địa mà có Thiên Diêu hội là người hay mê về đồng bóng.

Cước giải: Xương Khúc giáp mệnh nếu không phú thì cũng

Xương Khúc đóng Mệnh tại Sửu Mùi; hạn đến năm Mão Dậu hoạnh phát công danh.

Xương Khúc ở Mệnh tại Ty Hợi cũng được giàu sang.

Xương Khúc và cát tinh đóng cung Phúc đức đắc địa thì quý giá hưởng phúc lâu dài.

Xương Khúc đóng ở cung có Thân cư tại đó mà ngộ Thiên Lương ở cung nô nên yếu tử như Nhan Hồi (32 tuổi)

Xương Khúc đóng ở cung hãm địa mà hạn gặp cung Thìn Tuất của những người sinh năm Kỷ, năm Tân và năm Nhâm ất là tự tử ở sông nước.

Xương Khúc miếu, vượng địa mà gặp Lộc Tồn là hạng có kỳ tài,

Xương Khúc cư Dần hay Mão mà gặp Phá Quân, Kinh Dương Kiếp Sát thì phá tan sự nghiệp.

Xương Khúc đóng ở Sửu Mùi hội với Hồng, Tham, Lộc tồn mà gặp tuổi Dương nữ thì rất vượng phu ích tử.

Cung mệnh có Thái Dương đắc địa mà giáp Xương giáp Khúc thì tuyệt đẹp. Nếu có cả Khôi Việt thì đỗ đạt rất sớm, danh vang lừng như Giả Nghị đời nhà Hán. Nếu có cả Tả Hữu hợp nữa là người có tài kiêm văn võ.

BỘ SAO TẢ PHỤ – HỮU BẬT

TẢ PHỤ: Bắc đẩu tinh – Dương Thổ đới Kim

HỮU BẬT : Bắc đẩu tinh – Dương Thủy đới Thổ

Đắc cách: Thìn Tuất Sửu Mùi.

Mệnh có Tả Phụ hay Hữu Bật là người nhân hậu thích giúp đỡ người khốn cùng có nhiều mưu trí.

Tả Hữ mà gặp được Tử Phủ và cá cát tinh là người quý tướng, phúc lộc vạn toàn.

Tả Hữu mà gặp Cơ Nguyệt Đồng Lương, Long Phượng tất là nghề lương y.

Mệnh có Tả Hữu dù gặp cát tinh hay hung tinh cũng là người sớm ly tông và tự tay lập nghiệp lấy.

Tả Hữu đóng đồng cung ở Sửu Mùi lại có Khoa Quyền Lộc hội biểu hiệu sự mặc áo gấm tía, tức phú quý song toàn.

Tả Hữu gặp Khôi Việt chủ sống lâu.

Hữu Bật gặp được Thiên Tướng cũng được hưởng phúc; Nhưng nếu ở cung Mão thì không được toại ý

Tả Hữu giáp mệnh được nhiều người kính phục, có tiếng tăm. Nhất là mệnh có Tử Vi đóng thì rất oai quyền.

Tả Hữu gặp Liêm Trinh, Kinh Dương thì dễ bị tù tội, chẳng mấy khi được toại ý vừa lòng. Nếu gặp Cự, Phá hãm địa hay sát tinh hội hợp tất phải mang tàn tật. Hạn gặp thì nhân ly tài tán.

Nữ mệnh: nếu có Tả Hữu ở mệnh mà gặp được chính tinh đắc địa hoặc cát tinh hội là hạng người siêng năng hiền hoà, giàu có, vợ chồng phú ích tử.

Tả Hữu mà gặp chính tinh hãm địa hay các hung tinh là hạng đàn bà bất chính, sát hại chồng con, dù có hưởng được giàu sang cũng không bền.

SAO LỘC TỒN

Bắc đẩu – Dương thổ đới thủy.

Chủ : Quyền tước, tài lộc, Phúc thọ;

Trừ được tính dâm dăng của Đào Hồng

Lộc Tồn ở cung Tài hay cung Điền trạch là người có của ngầm nếu đóng ở Mệnh thì phải được Khoa, Quyền hay cát tinh khác hội thì mới đẹp, nếu không vẫn có tiền dư ăn đủ tiêu, song lắm lúc bồn ba lao toái. Nếu gặp các sao xấu, thì là hạn biến lận, sớm phải lìa gia đình, khắc một trong hai song thân.

Lộc tồn đóng ở Tí, Ngọ mà gặp cung Thiên di hay Thân, Mệnh là người có tài lợi.

Lộc tồn ở Mão có Mệnh ở đó, mà cung Tuất lại có Hóa lộc thì số làm lớn, có công danh.

Lộc tồn tại hội có Mệnh ở đó, mà cung Tuất lại có Hóa lộc thì tài quan song mỹ, không kể đến việc giáp Kinh, Đà là xấu được.

Lộc tồn đóng mệnh lại gặp Hóa lộc, mà không có sát tinh chiếu, lại có các sao tốt cùng chiếu thì là hạng lãnh tụ, chuyên quyền độc đoán như bà Lã Hậu vậy.

Lộc tồn ở Mệnh hay Hóa lộc ở Mệnh mà cung lưỡng hợp cũng gặp Hóa lộc hay Lộc tồn đối ngược lại là hạng giàu sang, gọi là cách Uyên ương lộc hội, hay là Minh lộc, ám lộc, ở cung Dần là tuyền hảo.

Lộc tồn ở Mệnh có Thiên mã chiếu, hay thiên mã ở Mệnh có Lộc tồn chính chiếu thì làm dễ ra tiền mà được mọi người quý mến. Trong trường hợp này mà gặp phải Không, Kiếp, Tuế hội nữa thì lao đao về sinh kế, vất vả về công danh, lại hay gặp tai ương.

Lộc tại Mệnh mà chính chiếu có Phá quân thì tiền tài thiếu thốn, sinh kế lẩn quẩn.

NỮ MỆNH: Nếu Lộc tồn đóng cách tốt như trên thì là hạng đoan chính giàu sang trọn đời. Trái lại nếu gặp cách xấu như trên thì là người bất chính, tham lam, dâm đảng suốt đời đa lụy, buồn khổ về chồng con.

SAO THIÊN MÃ

Thuộc Hỏa – Đắc địa Tỵ, Dần.

Thiên mã chủ sự tháo vát, nhanh nhẹn, thay cũ đổi mới, gây ảnh hưởng nhiều đến công danh, tài lộc.

Mã đóng tại mệnh gọi là Dịch mã chỉ người có tài năng miễn tiện. Nếu gặp Lộc tồn thì gọi là Lộc, Mã giao trì thì tài lộc hanh thông. Gặp Lộc đồng cung gọi là chiết tiền tức là dùng rọidánh ngựa, chủ sự việc thành tựu chóng vánh. Gặp Linh hay Hỏa đồng cung tức Chiến mã, chủ binh quyền rực rỡ. Gặp Khốc, Khách hợp gọi là Tuấn mã, chủ thành trên đường chiến trận hay công việc.

Ở cung Dần, Thân mà gặp được Tử, Phủ gọi là Phù dư mã, tức là ngựa kéo xe vua, chỉ tài cán, uy quyền hiển hách.

Nếu gặp Thiên hình gọi là Phù thi mã, tức ngựa mang xác chết, sẽ gặp tai họa nếu gặp cả Thiên khốc nữa thì phát võ công. Nếu gặp Đà đồng cung hay xung chiếu gọi là Chiến túc mã, tức ngựa què. Sẽ gặp lăm trắc trở, tai ách. Nếu gặp Tuyệt đồng cung tức cùng đồ mã, mọi việc bế tắc hết. Nếu gặp Tuân Triệt thì gọi Tử mã, ngựa chết không còn hoạt động được gì cả, nên thay chỗ ở thì đỡ được phần nào.

Mã gặp Nhật, Nguyệt đắc địa tức là Thư hùng mã, mọi sự hanh thông. Mã đứng trước cung Mệnh, sau cung Mệnh có Hoa cái gọi là cách Tiền Mã Hậu Cái, tức số người yên vui sung sướng.

Mã đóng ở cung Phối mà không gặp Đà là số người được phong tặng, hưởng được sung sướng. Mã ở Thân, Hợi bao giờ cũng kém hơn Mã ở Dần, Tỵ, vì đó là ngựa phải đi trong sương mù.

BỘ SAO TỬ HÓA

HOÁ LỘC : Mộc đái Thổ – Đắc địa: Tí, Ngọ, Mão, Dậu.

HÓA QUYÊN: Thổ – Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi

HÓA KHOA : Kim – Đắc địa: Dần, Thân, Tỵ, Hợi

HÓA KỶ : Thủy – Miếu địa: Hợi, Tí, Dần, Mão;

Vượng địa : Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

HÓA LỘC: Hóa Lộc tại mệnh là người có nhiều râu, tính thẳng, sành ăn, tài lộc vinh vượng. Lộc đóng ở cung Phúc, Tài, Điền là thần giữ của. Nhưng Lộc mà nằm ở cung Tứ mộ thì giảm thiểu quá nửa phần phú quý, song nếu gặp được Tham, Vũ ở đó thì lại hóa ra rực rỡ.

Lộc đóng ở Dần ; Mão là người giàu mà tiền bạc bền vững.

Lộc ở Tí Ngọ là hạng văn chương quán thế. Số Khổng Tử an ở Tí có Thiên lương thủ mệnh, tam phương có Hóa lộc và Lộc tồn chiếu về.

Lộc tại mệnh mà lưỡng hợp có Lộc tồn, hay ngược lại là người có tài kiêm văn võ, được thụ hưởng giàu sang.

Lộc tại Tí, Ngọ có mệnh mà gặp được Tử vi, Vũ khúc hội chiếu là bậc phú quý, nhất là đàn ông tuổi Đinh, tuổi Kỷ thì toàn mỹ.

Lộc tại mệnh mà gặp Lương miếu địa đồng cung là bậc giàu có, hay đem của cải giúp người khốn khó, Nếu ở cung Dần, Thân mà gặp Cơ, Lương đồng cung lại có Lộc tồn chiếu là số triệu phú.

Mệnh vô chính diệu gặp tam không (Tuần, Triệt, Thiên, Địa không) mà lại gặp Lộc, và Tồn thì tất được giàu sang, song không bền.

Lộc Quyền hợp ở mệnh rất quý, song nếu gặp nhiều sao mờ ám hay sát tinh chiếu thì chỉ có hư bề ngoài thôi.

HÓA QUYỀN: Tính chất hùng mạnh, oai vệ, thích quyền hành. Gặp sao tốt tăng tốt đẹp lên; gặp sao xấu làm cho xấu thêm, đâm ra kiêu căng tự đắc.

Quyền gặp được Tử, Phủ tất tạo được uy quyền hiển hách.

Quyền gặp được Cự, Vũ là người xuất tướng nhập tướng, được nhiều người kính sợ.

Quyền gặp Thiên khốc đồng cung, nhất ở cung Tí, Ngọ thì uy danh lừng lẫy, sung sướng vẹn toàn.

Quyền Lộc hội chắc chắn được phú quý.

Quyền gặp Sát tinh thì tính hay liều lĩnh. Nên làm việc gì cũng thường thất bại, gặp lắm buồn phiền về con cái.

Quyền gặp Tuần, Triệt, công danh trắc trở; thành ít, bại nhiều.

HÓA KHOA: Tính chất chủ về công danh, thi cử; giải trừ mọi tai ương, bệnh tật. Bởi đó thi cử gặp Khoa dễ đậu, ốm đau gặp Khoa chóng khỏi, tai nạn gặp Khoa dễ thoát.

Khoa gặp được Sát, Phá, Tham, Liêm hay các sát tinh có thể giải trừ tai nạn.

Khoa gặp được Xương, Khúc, Khôi, Việt kết thành bộ văn tinh, công danh tất hiển đạt. Gặp Quyền, Lộc thành bộ Quý tinh, tất tài danh hùng vượng. Chu Bội xưa kia có Khoa thủ mệnh, được Lộc chiếu, đến vận có cát tinh hội nên được phong làm tướng.

Cung Mệnh có Khoa mà nhị hợp có Quyền, Lộc cũng là số vinh hiển. Nếu được cả Tam Hóa (Khoa, Quyền, Lộc) triều thì thật là số phú quý song toàn, song nếu gặp cả Kỵ, Kinh nữa thì danh vọng, tiền tài tụ tán thất thường.

Nếu Khoa lại bị nhiều hung tinh, hay sát tinh xâm phạm thì công danh chẳng thành đạt, tiền của cũng khó khăn.

Mệnh được Khoa, Lộc giáp thì quý, chắc chắn có danh giá.

Cung Hợi, Tí có Hóa Kỵ mà gặp Khoa đồng cung hay xung chiếu thì người cản trở từ lời nói đến việc làm, lắm kẻ kính trọng.

Cung Tí có Kỵ thủ gặp Khoa, Lương hội chiếu cùng cát tinh là hạng người đức độ, được nhiều kẻ quý mến và ngưỡng mộ.

Hạn gặp Khoa thì đau yếu cũng khỏi, tai ách cũng qua.

Hạn gặp Khoa hội Xương, Khúc, Khôi, Việt thăng quan, đi thi sẽ đỗ cao.

HÓA KỶ: Tính chất thâm trầm, độc ác, ghen ghét, tranh cạnh. Kỵ ở Miếu địa là Hợi, Tí, Dần, Mão ở đắc địa là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì đỡ lo bệnh tật, tai họa. Nhưng người tuổi Dương thì Kỵ ở cung Dương mà tuổi âm thì Kỵ ở cung âm mới tốt.

Sao Hóa Kỵ thương đi với cát tinh hóa cát, mà đi với hung tinh lại hóa hung. Nếu đóng ở cung Tài, Điền lại là sao giữ vững tiền của.

Kỵ ở đắc địa Tứ mộ mà gặp Nhật hay Nguyệt thì vô cùng rục rở, chẳng khác nào mây năm sắc châu quanh mặt trời, mặt trăng, biến Nhật, Nguyệt không còn hãm nữa.

Kỵ đóng ở cung Tỵ, Hợi mà gặp Liêm, Tham đồng cung thì chế được tính chất hung hãn của Liêm Tham, tiêu trừ được tai ách, ngục tù.

Kỵ mà gặp Thiên lương, Văn khúc hội thì mọi việc bế tắc, gây thành tai họa. Nếu gặp Cự môn đồng cung thì gây ra ốm đau tai nạn. Gặp Thái tuế, Đà la đồng cung thì gây tiếng thị phi, kiện cáo. Gặp Đà, Diêu lại rất mờ ám, nên dù có Nhật, Nguyệt hội vẫn mất đi sự sáng sủa rất nhiều.

Kỵ gặp văn tinh như Xương Khúc, Khôi việt là người đa học nhưng ít thành đạt công danh.

Kỵ gặp sát tinh đắc địa nên hoạnh phát, nhưng cũng hoạnh phá. Nhưng nếu sát tinh hãm địa thì cơ cực vô cùng, tai họa lên miên.

Kỵ gặp Phá quân, Thái tuế thì gây ẩu đả, nếu Kỵ gặp Kinh lại đánh nhau có thương tích.

Kỵ gặp Đà, Kinh thì hoặc đau ốm, kiện tụng.

Kỵ gặp Đà Hổ dễ bị tai nạn xe cộ, đao búa.

Kỵ gặp Hình, Kiếp dễ bị mổ hay thương tật.

Kỵ gặp Không, Kiếp dễ mất việc làm, gặp điều chẳng may.

Kỵ gặp Hồng, Đào thì tơ duyên lắm rắc rối. Đàn bà gặp hạn này khó thủ toàn trinh tiết.

Khi xem bộ sao Tứ Hóa trên khá chú trọng về cung đóng, vì nếu gặp phải như cung Giải ách thì có tốt cũng chẳng ra gì, trái lại nếu đóng ở cung Quan, Tài, Mệnh, v.v.... thì rất tốt. Vậy chỗ Miếu, Vượng hay Đắc địa không quan trọng bằng cung đóng và sự hội hợp với chính tinh hoặc hung tinh đắc địa.

BỘ SAO LONG PHƯỢNG

Long trì: thuộc Thủy

Phượng cát: thuộc Mộc đái Thổ

Đắc địa: Sửu, Mùi

Hai sao chủ: Hỷ sự : Cưới hỏi, con danh, Tài lộc.

Long, Phượng gặp Tả Hữu, Khúc xương, Khôi việt, Tấu thư hội gọi là cách “hiền thần” qui tụ; làm việc gì cũng hanh thông. Có Long Phượng đóng ở Điền trạch, Tài, Mệnh chủ nhà cửa nguy nga.

Long, Phượng gặp Diêu, Hỷ như cá gặp nước, ắt có sự vui đến, công việc cũng hoạch đạt.

Long, Phượng gặp Phí liên như rồng thêm cánh, sự may mắn đến mau chóng. Gặp Thai phụ được thăng chức. Gặp Mã, Sinh, Vượng có con.

Riêng Long trì mà gặp Mộc dục, dễ gặp nạn sông nước. Nếu là đàn bà gặp nạn này đáng lo khi sinh đẻ, dễ băng.

Long trì mà gặp Không: Kiếp dễ chết đuối

Phượng các gặp Không, Kiếp hay bị người oán trách

Long, Phượng, Cái, hổ hội gọi là Tứ linh, hoạnh phát công danh.

BỘ AN QUANG – THIÊN QUÍ

An quang: thuộc Mộc – Thiên quý: thuộc thủy

Chủ: Thông minh, vui vẻ, trọng ân nghĩa; có tính cứu khổ, phò nguy, giải trừ bệnh tật, tai ương, chế được tính hao nguyệt của Đào, Hồng; Gặp sát tinh vô hại.

Quang Quí đóng Sửu, Mùi là đắc cách, chủ về đại khoa, nếu Mệnh, hay cung Quan gặp được ở hai cung ấy, hoặc xung chiếu cũng quý. Phú có câu:

Quí, An: Mùi, Sửu hạn cầu

Đường mây gặp bước cao sâu cứu trùng.

Bởi vậy thi cử nếu hạn gặp được An, Quí, dễ dàng đỗ đạt, mà gặp lúc đau ốm cũng chóng khỏi.

Quang, Quí gặp được Thai phụ, Phong cáo gọi là Tứ vinh càng dễ hiển đạt.

Quang, Quí gặp Tả, Hữu, Thanh long, Khôi, Việt, Hoa cái, Hồng loan là thượng cánh, thế nào cũng có chức chương lớn. Phú có câu:

Quí, An, Thanh, Việt, Cái, Hồng

Trai cận Cửu trùng, gái tặc cung phi.

BỘ TAM THAI – BÁT TỌA

Tam thai: Thuộc thủy – Bát tọa: Thuộc Mộc

Hai sao chủ: Sự khôn ngoan, ưa sự an nhàn, ăn ở phúc hậu; đem lại sự may mắn, nhà cửa cao sang. Nếu gặp Tả, Hữu thì là kẻ ra vào uy nghi, kẻ hầu hạ giúp đỡ bốn bên.

Hạn đến gặp Thai, Tọa cùng cát tinh hội, thì nhà cửa càng mở mang rộng rãi khang trang, đồ đạc sang sửa tốt đẹp.

BỘ THAI PHỤ – PHONG CÁO

Thai phụ : Kim đới thổ – Phong cáo: Thổ đới Thủy

Tinh chất : ưa hình thức bề ngoài, hiền danh, tự đắc. Chủ về bằng sắc; đem lại lợi cho việc thi cử. Nó là loại văn tinh, nên gặp các văn tinh khác gia tăng tốt đẹp. Nhưng đông cung Giải ách thì vô dụng.

BỘ ĐÀO HOA – HỒNG LOAN – THIÊN HỈ

Đào hoa: Mộc – Hồng loan: Thủy đới Kim – Thiên hỉ: Thủy

Chủ: Vui vẻ, đa tình, giúp sự hoan hỉ ở tuổi trẻ; nhưng về già lại hay mang những buồn thương đến.

Đào, Hồng gây ảnh hưởng đến việc cưới xin, và đời sống căn gối. Cả ảnh hưởng đến thi cử, công danh, đem đến lắm sự vui mừng.

Đào, Hồng đóng ở Mệnh không đẹp, vì amy mắn nào cũng chóng gặp lại chóng qua. Chỉ xung chiếu về Mệnh, Thân mới đẹp.

Đào, Hồng cư Quan lộc là số giàu sang.

Đào, Hồng hội Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt làm cho tăng cái rực rỡ lên.

Đào, Hồng, Hỉ gọi là “Tam minh” giảm được tính dâm tà, nếu gặp được Nhật, Nguyệt nhưng vẫn là khách đa tình.

Đào, Hồng đóng ở Mệnh, Thân, thường là hai đời chồng, vợ; nếu không cũng dở dang lắm bận ái ân. Trong trường hợp này nếu gặp phải sát tinh hội thì không thọ (như Không, Kiếp, Đà, Kình)

Đào, Hồng gặp Địa kiếp dễ bị đắm thuyền,

Đào, Hồng gặp văn tinh tất dễ sớm.

Đào, hồng đóng Thiên di là số ly tông lập nghiệp

Đào, Hồng gặp cơ Cự, Tả Hữu, Tuế thì sức khoẻ kém, mệnh như ngọc đèn trước gió.
 Hồng loan hay Đào hoa gặp Không, Kiếp, Bệnh phù thì mắc bệnh phong tình.
 Hồng loan đến hạn gặp Tả Hữu, Long, Phượng, Thiên diêu thì hoạnh phát danh tài, thêm hỷ sự.

Hồng loan gặp Thanhlong thì tai nạn bất ngờ

Hồng loan gặp nhiều sao mờ ám thì e ngại sức khoẻ của mẹ, vợ hay con gái.

Hạn gặp Đào, Hồng, Hỷ, Diêu thì có vương vấn tình.

NỮ MỆNH: Đà, Hồng toạ nữ mệnh đa oan trái, nhiều người mê, tình ái dễ dang, Nếu gặp cả Diêu, Đà, Kỵ là gái dâm loạn, không sao toàn danh tiết. Nếu Đào, Hồng mà gặp Phục, Bình Tướng quân, sao Thai hội tất phải bị hãm hiếp và chữa hoang. Trong trường hợp này nếu Quang Quý có thể chế ngự được phần lớn. Nếu gặp được Tử vi, Thiên Phủ hay Thiên hình thì trở nên đoan thực.

Hồng đóng cung Phúc gọi là nga mi tác án, đem lại sự rục rở.

Hồng, Đào, Tấu, Vú, Hỷ hội ở nữ mệnh là hạng con hát.

Hồng, Đào, Tấu vũ lại là làm thợ may khéo.

Đào, hồng đóng nữ mệnh mà cung Phụ mẫu có tang môn, mà hạn khi đến cung Mệnh chắc phải goá chồng hay bỏ chồng.

Đến hạn gặp Đào, hồng, Hỷ dễ mê trai.

SAO HOA CÁI : Thuộc Kim

Chủ: uy nghi đẹp đẽ bề ngoài, lợi ích công danh. Cái tượng trưng cho cái lộng

Cái gặp Háo Quyền, Tả, Hữu sẽ rạng rỡ, được mọi quyền hành và mọi sự hỗ trợ.

Cái gặp Long, Phượng, Hổ gọi là bộ “ Tứ linh” có lợi công danh chức tước, uy quyền.

Cái gặp được Tấu thư đồng cung là hạng người thanh cao.

Cái gặp Xương, Khúc, Khôi, Việt, Khoa, Quyền thì phát về võ quan.

Cái đóng Mệnh hay cung Thiên di thì ra ngoài được mọi người yêu quý.

Cái gặp Mộc dục, Thiên diêu thì trở nên dâm đảng.

Cái gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp, Pha, Tham thì phá tán sạch của cải bố mẹ để lại.

BỘ THIÊN QUAN – THIÊN PHÚC

Thiên quan quý nhân: Hỏa – Thiên phúc quý nhân : Thổ.

Mệnh có Quan, Phúc đóng là hạng người từ tâm, mộ về tôn giáo, tín ngưỡng. Gia tăng tuổi thọ.

Hạn mà gặp được Quan, Phúc có thể cứu khốn, phò nguy, giải trừ được bệnh tật, tai họa. Nếu gặp nhiều cát tinh, Quan, Phúc sẽ đem lại rục rở thêm công việc mà êm đẹp mọi đường.

SAO THANH LONG

Chủ về sự vui vẻ, cưới hỏi, công danh, sinh nở; có thể giải trừ các tai nạn thông thường.

Thanh long cư ở Tứ mộ, nhất là cung Thìn, mà gặp Kỵ đồng cung tức là rồng xanh ẩn giữa đám mây ngũ sắc, tất đem đến uy quyền cùng với sự may mắn,

Thanh long ở Mệnh là người mà không có sát tinh là hạng người có tài biến hoá công việc.

Thanh long gặp Lưu hà đồng cung ví như rồng lộn trên sông, có lợi cho việc thi cử, công danh.

Thanh long gặp Bạch hổ ở Dần, Tuất mà có Địa kiếp dễ chết về ác thú hay tai nạn bất ngờ.

Thanh long gặp Lức sĩ thì được thêm uy quyền.

Mệnh có Thanh long mà gặp phải Đà, Ky, Không, Kiếp, Khốc, Hư thì là hạng người hèn nhất.

THIÊN GIẢI : HỎI ĐẠI HẢI : Thổ

Chủ : Sự cứu nguy, giải trừ tai nạn, bệnh tật, gia tăng phúc thọ

Cung Điền và cung Tài có Thiên ; Địa giải không được giàu có lớn.

SAO GIẢI THẦN thuộc mộc

Chủ: giải trừ những tai nạn nhỏ.

Đại, Tiểu hạn có nhiều cát tinh hộ mà gặp Giải thần giảm thiểu sự hưng vượng ít nhiều; nhưng nếu gặp các sát tinh đóng thì cũng có thể vơi phân hung. Trong trường hợp này nếu gặp được cả Thiên, Nguyệt, Thiên quan, Thiên phúc thì lại trừ được hung tinh rất mạnh.

BỘ THIÊN ĐỨC – NGUYỆT ĐỨC : Thuộc Hỏa

Thuộc loại phúc tinh,, tính chất đoan trang, phúc hậu; giải trừ được bệnh tật nhỏ, tai nạn thường. Có thể chế ngự được tính hoa nguyệt của Đào, Hồng. Phối cung có Nguyệt đức, Đào hao lấy vợ đẹp, hoặc chồng sang.

BỘ LONG ĐỨC – PHÚC ĐỨC

Long đức : Thủy ; Phúc đức : Thổ

Hai sao nay gặp cát tinh tăng thêm sự tốt ; trái lại gặp hung tinh tăng thêm sự xấu.

Tự nó có thể chế bớt tai ách nhỏ. Nếu hội với Thiên đức, Nguyệt đức thành bộ “Tứ đức” ngăn cản được tính dâm dăng của Đào Hồng.

THIÊN THỌ : Thuộc Thổ

Tính chất nhân hậu, gia tăng phúc thọ.

Đóng ở cung Mệnh, Phúc, Giải thì tốt, giúp thêm tuổi thọ

THIÊN TÀI : Thuộc Thổ

Gặp sao mờ ám xấu xa thì cản bớt sự xấu.

Trái lại gặp sao sáng sủa tốt đẹp thì cũng cản bớt sự tốt đẹp đi.

Thiên tài gặp Nhật, Nguyệt sáng sủa thì che mất ánh sáng của Nhật, Nguyệt đi. Trái lại nếu gặp Nhật hay Nguyệt. Chú ý rằng Thiên tài phải ở đồng cung với Nhật hay Nguyệt.

Thiên tài gặp Nhật, Nguyệt cùng đồng Sửu, Mùi thì làm cho Nhật, Nguyệt trở nên rực rỡ.

THIÊN THỌ : Thuộc Thổ

Tính chất hoà nhã, nhân hậu, gia tăng thêm phúc thọ.

THIÊN KHỔ: Thuộc thổ

Chủ về tiền bạc. Đóng ở cung Tài, Điền và Mệnh thì là hạng người giữ của. Người sinh năm Giáp, Kỷ gặp Thiên Khổ ắt phải có của phong lưu.

THIÊN TRÙ: Thuộc Thổ

Đóng ở Mệnh là người thích ăn thịt. Gặp cát tinh gia tăng tài lộc nhất là gặp Lộc tồn thì vượng.

QUỐC ẤN : Thuộc Thổ

Chủ việc thi cử công danh, bảo vệ quyền tước, chức vị

Đo cùng với Tướng quân và Thiên hình có uy quyền, được nhiều người kính nể. Nếu gặp phải Tuần, Triệt tức ấn tín bị sức mẻ, công danh sẽ không được bền vững.

ĐƯỜNG PHÙ: Thuộc Mộc

Tính chất uy nghi, đem lại lợi cho việc cần công danh. Giúp cho việc mua tậu nhà, đất mong chóng dễ dàng.

Gặp Tướng quân, Tấu thư, Long, Phượng, Quan phù thì là hạng làm thầy tu hay thầy cúng có danh. Đường phù đóng Điền trạch thường được nhà cửa khang trang.

Nếu gặp Bạch Hổ đồng cung dễ bị bắt bớ vào khám.

BỘ SAO TRÀNG SINH

1>TRÀNG SINH: (thuộc Thủy) Đem lại lợi ích để gia tăng phúc thọ, sự bền vững.

Đóng ở cung Mệnh, Phúc thì tốt, tăng thêm thọ lộc. Nhưng nếu ở cung Hợi thì tối hãm, nếu có gặp nhiều cát tinh đắc cách thì gọi là tuyệt xứ phùng sinh vậy. Nếu tại Hợi mà gặp Thiên mã thì chủ sự thăng trầm vô độ công việc trắc trở, công danh lận đận.

Đóng tại Dần, Thân, Tỵ, mà gặp Mã đồng cung thì mọi việc thành tựu dễ dàng, hay gặp sự may mắn.

Đóng ở cung Giải ách mà lại gặp thêm sao xấu nữa thì đau lau khổ.

2>MỘC DỤC (thuộc thủy) Tính chất ưa chải chuốt, làm dáng, thích thay đổi, dâm dật, hay nhảm lẫn.

Gặp Đào Hồng, Diêu, Cái đam mê sắc dục có thể thành tai họa hay tật bệnh.

Gặp Lông trì dễ mang họa về sông nước.

Mộc dục ở Mệnh mà gặp sao xấu thì chỉ làm nghề thợ bạc, thợ rèn có tài.

Mộc dục đóng ở Mệnh mà vô chính diệu thì học hành dở, dù có cố học thật nhiều cũng không hiển danh được.

3>QUAN ĐỐI: (Thuộc Kim) Tính chất ham mê công danh, chức vị quyền hành.

Gặp sát tinh, bại tinh chẳng khác nào sợi giây đứt cổ, sẽ bế tắc hết, gây bao rất tối phiền lụy có thể đưa đến tự tử (tùy theo cát sát tinh mà đoán)

Gặp Thái tuế, Không, Kiếp thì chỉ đi làm lính hầu.

4> LÂM QUAN (Thuộc Kim) Tính chất nói năng kiêu kỳ, ưa khoe khoang, thích lấy điệu bộ.

Gặp được cát sát tinh thì phát đạt, vui vẻ.

Gặp các sao mờ ám chủ sự ngăn trở, rắc rối mọi công việc.

5> ĐẾ VƯỢNG: (Thuộc Kim) Tính chất uy nghi, gia tăng phúc thọ, giải trừ tai ách bệnh tật, đem lợi đến cho tài Lộc, công danh. Cung Mệnh có Đế vượng gặp Tử vi gọi là lưỡng đế, là hạng người có tài lãnh đạo.

6>SUY (Thuộc Thủy) Tính chất yếu đuối, chỉ sự suy kém, đôi bại. Kỵ nhất là đóng ở cung Phúc đức, họ mạc sa sút, ly tán.

7>BỆNH(Thuộc Hỏa) Chỉ sự đau yếu, buồn bã, hay nhầm lẫn. Đóng ở cung Giải ách chủ sự đau ốm thường xuyên. Nếu gặp cả Bệnh Phức nữa càng thêm lắm bệnh.

8>TỬ (Thuộc Thủy) Tính chất thâm trầm, kín đáo, hay sâu cảm chủ sự tang thương, buồn thảm. Nhưng sao Tử đóng cung Điền, Tài thì hay, chỉ hạng người tần tiện, chịu dành của chó đẩu. Nếu đóng ở cung Phúc mà gặp thêm Sát tinh, trong họ phải có người chết trận hoặc chết đường.

9>MỘ (Thuộc Thổ) Tính chất dấn độn, ngu si. Chủ sự nhầm lẫn sự chôn cất. Mộ đóng ở Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) gặp Hóa quyền mà cung phúc ở đó là nhà đại phúc đức, bốn đời vinh hiển.

10>TUYỆT (Thuộc Thổ) Chủ sự bại hoại, tiêu tán, đem lại sự bế tắc. Nhưng nếu gặp Mệnh đóng tại cung Hợi mà Tuyệt gặp được Hỏa tinh thì là hạng người tiên ngang.

11>THAI (Thuộc Thổ) Tính chất mê muội, lằm lạp, đam mê. Chủ sự sinh đẻ, giao hợp, thù thai. Thai đóng cung Tử mà gặp quý tinh tất sinh nhiều con, gặp Sát tinh lại đẻ nhiều nuôi ít, hay đẻ non, đẻ khó. Thai mà gặp Mộc dục hội về Mệnh là người học nhiều mà khó thành tài. Thai gặp Tuần , Triệt ở Mệnh hay cung Giải thì đẻ ra khó nuôi, hay đau yếu quắt queo.

Thai đóng Mệnh mà gặp Khôi, Việt, Hồng loan là bậc văn chương.

Thai gặp Kinh, Đà, Linh, Hỏa lại biến thành dấn độn ngu dốt.

Ở cung thê, Thai gặp Đào, Diêu thì dễ bị vợ cấm sừng.

Đại, Tiểu hạn mà Thai gặp được Thanh long, Thiên hỉ thì sanh con quý tử.

12>DUỖNG (Thuộc Thổ) Tính chất chăm chỉ, cẩn thận. Chủ sự nuôi nấng, phò trì. Nếu đóng Tử vi có con nuôi. Đóng ở Mệnh mà có cát tinh hội thì ra ngoài nhiều người quý mến; làm nghề chăn nuôi rất phát đạt.

Nếu Dưỡng đóng tại cung có Thân cư ở đó thì đông con.

Nếu đóng tại cung Phúc hay cung Mệnh thì nhiều người mến muốn nhận làm con nuôi.

Nếu đóng ở cung Giải ách mà gặp nhiều sao mờ ám hội hợp thì hay đau yếu.

Nếu đóng ở cung huynh đệ thì hay có anh em nuôi.

BỘ SAO BÁC SỸ (gồm 12 sao có sao hung, sao kiết)

1>BÁC SỸ: (Thuộc Thủy tính chất vui vẻ thanh nhàn. Đóng ở mệnh, biểu dương sự ung dung no ám, giữ cửa không bền.)

Đóng ở cung phúc đức mà gặp phải Kiếp Không Cô Quả thì kẻ sống cô đơn, trầm lặng, họ hàng ít ỏi, không thích giao du

2>LỰC SỸ:(Thuộc Hỏa) Tính chất khoẻ mạnh, lanh lẹ, thích ăn uống. Chủ về uy lực binh quyền. Nếu gặp Kinh Dương cùng ở mệnh là hạng người dũng mãnh.

Lực sỹ hội với cát tinh tăng thêm cái đẹp ; nếu hội Hung tinh thì lại tăng thêm cái xấu.

3>THANH LONG: (Thuộc Thủy) xem ở phần trên.

4 – 5>ĐẠI HAO và TIỂU HAO:(thuộc Hỏa) Xem ở bộ Lục Bại thuộc về Sát tinh ở trang sau.

6>TUỔNG QUÂN: (Thuộc Mộc) Tính chất can trường, hiên ngang, kiêu cần thích lãnh đạo và cầm đầu, đem lợi ích cho công dân.

Chủ về binh quyền gặp Thiên Tướng đồng cung đắc địa gọi là lưỡng tướng, tất có uy quyền hiển hách. Gặp được Thiên Hình Quốc Ấn Thiên Mã Thiên Khốc, Phục binh là người tài kiêm văn võ.

Nếu gặp phải Tuần Triệt thì chẳng khác tướng cụt đầu, tổn hại công danh, dễ gặp tai nạn xe cộ hay đao kiếm.

Đàn bà mà cung mệnh có Tướng Quân tọa thủ là hạng hay ghen tuông, lẩn át chồng.

7>TẤU THỦ: (thuộc Kim) Tính chất vui vẻ khôn khéo, ưa nói vừa lòng người. Chủ về lợi ích công việc và chương. Nếu gặp Bạch Hổ đồng cung thì là người có văn tài ăn nói đanh thép. Ở nữ mệnh nếu gặp Hồng loan thì ăn nói rất có duyên dễ làm người đắm mê.

8>PHÍ LIÊM: (thuộc Hỏa) Tính chất vui vẻ nhanh nhẹn, nhưng không đem lại lợi ích cho sự sinh nở. Nếu gặp Cát tinh thì tăng thêm đẹp ; gặp Hung tinh lại tăng thêm xấu.

Phi Liêm gặp được Bạch Hổ tức là cợ mọc cánh mọi việc sẽ hanh thông. Nếu gặp Long Phượng tức là rồng lên cao đem lại thắng lợi.

Nếu gặp Thiên Việt Hỏa tinh Linh tinh và Thiên bình thì dễ gặp tai họa đâm chém bắn giết.

Phi Liêm ở cung Tử Tức thì giảm số con sinh đẻ.

Phi Liêm ở cung huynh đệ cũng giảm thiểu số anh em.

9>HỖ THẦN: (thuộc Hỏa) Tính chất vui tươi, chủ đem lại sự may mắn cho sự cưới hỏi. Nếu Hỷ Thần gặp Phượng Các tức là Phượng múa, tất có lợi cho việc thi cử công danh, sinh nở

10>BỆNH PHÙ: (Thuộc Thổ đới Mộc) chủ đau yếu buồn rầu bệnh tật

nếu đóng ở Mệnh thì người suy nhược, da xanh xao.

Nếu gặp Thiên Hình Hóa Ky ở cung Giải ách thì dễ mắc bệnh phong tình.

Nếu gặp Đào Hồng Diêu đóng ở Mệnh hay ở Giải ách thì ốm đau vì chơi bởi dâm dục.

11>PHỤC BINH: (thuộc Hỏa) Nếu gặp nhiều sao tốt thì có tính phò trợ ; nếu gặp những sao xấu thì biến tính gian tà. Chủ đến việc có liên quan đến quân sự.

Nếu hội hợp cùng Thiên hình Tướng Quân thì rất có lợi về quân sự, đem lại uy quyền.

12>QUAN PHÙ: (thuộc Hỏa) Tính chất a tòng. Nếu gặp sao tốt phò tá cho tốt thêm; gặp sao xấu thì làm cho xấu thêm, gây ra rắc rối phiền nhiễu ngăn trở mọi việc.

BỘ THÁI TUẾ (Gồm 12 sao có tốt, có xấu)

1>THÁI TUẾ: (thuộc Hỏa) Tính chất lạnh lùng, khinh người, hay xét đoán, giỏi lý luận.

Nếu gặp nhiều sao tốt đẹp hội hợp thì nói năng đanh thép hùng hồn, đem lại uy quyền phú quý.

Hội cùng Xương Khúc Khôi Việt, Thái Tuế sẽ làm lợi cho việc thi cử, cầu công danh.

Hội cùng Xương, Khúc, Khôi, Quyền văn chương đanh thép.

Nếu hội cùng Hóa Ky, Đà la thì mọi việc trắc trở, bất lợi cho công danh, dễ gây ra tai tiếng thị phi hay kiện cáo tranh giành, tang thương, bệnh tật.

Cung Mệnh có Thái tuế mà gặp Hoa cái thì ăn nói kiêu kỳ.

2 – 3> THIẾU DƯƠNG (Thuộc Hỏa) THIẾU ÂM(Thuộc Thủy) Biểu hiệu mặt trời mặt trăng thứ hai. Tính chất thông minh, hòa nhã, nhân hậu, giải trừ được các bệnh tật tai họa nhỏ.

Thiếu dương gặp được Thái dương đắc địa tăng sự sáng sủa, mọi việc hưng vượng. Thiếu âm gặp được Thái âm đắc đại lại tăng thêm uy lực mọi sự hanh thông.

Thiếu dương hay Thiếu âm gặp được Hóa khoa đồng cung, hoặc xung chiếu, càng gia tăng phúc thọ, có thể cứu giải những tai ách, hoặc bệnh tật.

4 – 5>TĂNG MÔN (thuộc Mộc) BẠCH HỔ (Thuộc Kim): Chủ tang thương xem hỷ tính chất ở bộ lục bài trang sau.

6>QUAN PHÙ (Thuộc Hỏa) Tính chất lý luận, phò trợ.

Gặp cát tinh thì hỗ trợ thêm đẹp đẻ.

Gặp hung tinh, sát tinh tăng cường sự xấu xa, chủ sự kiện tụng, tai tiếng.

Quan phù hợp với Xương, Khúc, Tuế đem lại lợi ích cho công việc có liên quan đến pháp luật.

Quan phù hội với Liêm, Tang, Hổ gây nên tổn hại quyền thế, công danh, tai nạn, thì phi, tù tội, kiện tụng.

Quan phù hội với Tuế, Ky, Đà la trắc trở mọi việc, đưa đến công môn.

7 – 8> TỬ PHÙ – TRỰC PHÙ (Thuộc Hỏa) Tính chất tối tăm, buồn thảm. Chủ sự chết chóc, tang thương tạo nên rắc rối công việc.

9>TUẾ PHÁ (Thuộc Hỏa) Tính chất ngang ngạnh, phá tán.

Cung Mệnh hay Thân có Tuế phá tọa thủ thì đau ốm, hư răng.

10 – 11> LONG ĐỨC(Thuộc Thủy) PHÚC ĐỨC (Thuộc Thổ) Tính chất nhân hậu, đoan chính, giải trừ nạn nhỏ, ốm đau. Nếu hội cùng Thiên, Nguyệt đức kết thành bộ Tứ đức, chế ngự được tinh hoa nguyệt dâm bên của Đào, Hồng.

12>ĐIỀU KHÁCH (Thuộc Hỏa) Tính chất khoe khoang, khinh người, nói năng ba hoa. Chủ về tai ách, ốm đau.

Gặp Thiên mã, Thiên khốc mọi sự hanh thông, chẳng khác nào ngựa hay đã có người cỡi gior.

Gặp Tang môn, Thiên hình hay Tuế hỷ ra những tai nạn như xe cộ, té ngã, ốm đau bất thành linh.

SAO VĂN TINH (Thuộc Hỏa)

Chủ về văn học, bằng sắc, đem lợi lại cho việc thi cử, công danh. Hạn gặp Văn tinh mà có Hóa Khoa thì thi tất đỗ, công danh hưng vượng.

SAO THẦN KHÔNG (thuộc Hỏa) và TRIỆT LỘ

KHÔNG VONG (thuộc Kim)

Tuần Không chủ về dương, bao giờ cũng đóng ở giữa 2 cung âm dương, gây ảnh cho 8 cung chiếu về, có sự tác động mạnh đến cung dương hơn cung âm. Tác động nó thường trấn áp. Ví dụ như gặp sao tốt thì giảm lực của sự tốt mà gặp sao xấu lại cũng giảm lực của sự xấu đi, ảnh hưởng nó ở cung dương mạnh hơn cung âm. Vì vậy Tuần đi về Dương phương mới đẹp, đắc địa ở cung Mão Dần

Triệt lộ không vong thì chủ về âm, đóng giữa hai cung âm dương, cũng hay ảnh hưởng cho 8 cung chiếu về, cung chủ về sự trấn áp, nên gặp bộ sao tốt thì giảm lực tốt, mà gặp bộ sao xấu cũng giảm lực xấu, tác động mạnh ở cung Âm hơn cung Dương. Đắc địa ở Thân, Dậu, gọi là Triệt đáo Kim cung, sẽ giúp cho sao của hai cung này vàng đẹp, chứ không gây ảnh hưởng trấn áp. Tuy nhiên còn tùy tính tình của hai cung ấy có gặp hãm không mới quyết đoán được.

Người ngoài 32 tuổi chịu ảnh hưởng đến Tuần, Triệt rất yếu. Bấy giờ phải tìm Tuần, Triệt lưu niên xem về đâu, để tìm ảnh hưởng của nó đối với năm mình xem số. Tìm Tuần, Triệt lưu niên y như tìm Tuần, Triệt để an số; chỉ có khác là lấy năm xem số ấy coi như năm sinh, mà tìm xem ấy thuộc Canh nào (Giáp hay Bính niên. . .) mà an Triệt lưu niên.

Đoạn tìm xem năm xem số thuộc về con Giáp nào mà an Tuần lưu niên. Bây giờ Tuần, Triệt sẽ có ảnh hưởng nơi lưu niên đó. Sở dĩ phải tìm lưu niên là vì Tuần, Triệt cứ nửa chu kỳ của 64 năm thì thay đổi hướng đi theo âm dương, ngũ hành.

Tuần đóng Mão, Dần thì đem lại hoạnh phát, từ tử Tí Ngọ thuộc Dương Phương, mà Dần, Mão là nơi khí dương tựu lại thanh khiết nhất.

Triệt đóng ở Thân, Dậu đặc cách là vì lúc bấy giờ khi âm đã khởi sự làm chủ mà khí dương hoàn toàn lui, nên ở đó sẽ đem lại hưng vượng, Âm phương khởi từ cung Mùi đến cung Hợi.

Tuần, Triệt đóng tại Ngọ, Mùi, tức là giữa cung Dương và Âm phương giao hòa, ảnh hưởng có khác tạo nên sự rộng rãi, khoa hòa, gây cho người nhân hậu và các chính tinh cũng chịu ảnh hưởng êm đềm.

Tuần, Triệt đồng cung ở các cung khác (trừ Ngọ, Mùi ra) thì thuở bé chịu lao đao, nhưng tính tình hoan phí.

Tuần, Triệt mà gặp Phà quân hãm địa đóng ở Mệnh thì là kẻ phải chết đường, nhưng Phá đặc địa thì chẳng sao.

Đại, Tiểu hạn cùng gặp nhau một nơi mà có Tuần, Triệt đóng lại gặp Tử vi thì gọi là Đế ngộ Không vong tất đi đến mạng vong. Trừ phi sự gặp gỡ này ở ngay cung Ngọ. Hoặc Tử vi chỉ gặp Tuần mà không có Triệt thì vận hạn có suy vi, nhưng tính mệnh không hề gì. Phú có câu:

*Dĩ thay Đại, Tiểu trùng phùn,
Đế tinh (tức Tử vi) thụ hãm không vong đó mà.
Ấy là vận mệnh khó qua,
Lại Tham, Sát, Phá : Trúc la thoát nào.
Để tướng tam hợp chiếu về.
Hoạ may không chết bởi sao cát phù.*

(Bài phú này có liên quan sự đoán sinh, tử sẽ được giải thích rõ cùng các chính tinh khác ở phần đoán số sau).

B> NHÓM SÁT TINH

I>BỘ TỬ SÁT : KINH, ĐÀ, LINH, HỎA.

1> KINH DƯƠNG (Cũng gọi là Dương Nhận)

Bắc đầu tinh – Âm kim đới Hỏa

Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Hãm: Tí, Ngọ, Mão, Dậu.

Mệnh, nếu Kinh dương độc thủ thì người cao, lộ hầu, mặt dài, mắt lồi.

Kinh đóng ở cung đắc địa là hạng người tính khí cương cường, dũng mãnh, quả quyết, nhiều cơ mưu, thích mạo hiểm nhưng hay tự đắc, kiêu căng, nên dễ gây lăm kẻ thù ngầm.

Kinh ở các cung khác thì tính tình hung bạo, liều lĩnh, bướng bỉnh, gian trá. Ở Tí, Ngọ, Mão, Dậu không yếu cũng tàn tật.

Người tuổi Giáp, tuổi Mậu mà Mệnh đóng tại Dần, Thân lại gặp Kinh dương thì phá tán tổ nghiệp, cơ thể mang tật thương. Đối với các tuổi khác thì có đỡ phần. Nhưng trong trường hợp này gặp được cát tinh hội lại là người khéo léo về tổ chức công kỹ nghệ.

Kinh ở Mệnh mà gặp Nhật, Nguyệt đồng cung thì trai khắc vợ, gái khắc chồng.

Kinh chiếu mệnh hay tại Mệnh mà gặp cự, Liêm, Kỵ đồng cung tất có tật trong người, trong trường hợp Liêm, Cự, Kỵ hãm địa thì tật đa mang tật huyền, hay tù tội. Mà tuổi càng về già càng khốn đốn, sợ nhất là người tuổi Tuất, tuổi Thìn.

Kinh đắc địa lại gặp Tử, hay Phù đồng cung là hạng đại kính thương Kinh hãm địa mà gặp hung tinh ám nữa thì thật không tránh được tai họa tai nạn đường sá, hay sa trường. Nếu gặp được Tuần, Triệt thì cứu giải cho một phần.

NỮ MỆNH: gặp Kinh dương đóng Mệnh tại Thìn, Tuất Sửu, Mùi là hạng giàu, rất vượng phu ích tử. Tính nét đoan trung, thẳng thẳng cương nghị trong mọi việc làm ăn.

Nếu nữ mệnh mà gặp Kinh hãm địa thì hạ tiện, hại chồng khắc con, nếu không có Tuần, Triệt hay cát tinh khác cứu giải.

Phu giải: Đối với Nam hay Nữ, mà cung Mệnh an tại Ngọ mà lại gặp Khoa, Quyền, Lộc, Tả hữu, lại chính tinh đắc địa thì tất nhiên phát võ nghiệp, trấn ngự biên cương, nhất là đàn ông tuổi Bính, Tuất thì đẹp vô cùng. Còn các tuổi khác thì hưng vượng không được bền lâu. Trái lại nếu Kinh tại Ngọ mà lại sát tinh thì phải chết yếu một cách thảm thương, nếu không cũng chịu tàn phế.

Mệnh tại Ngọ mà gặp Thái âm, Thiên đồng ở đó, lại thêm gia hợi Long, Phượng, Giai thần thì thật nhiều chiến công, uy quyền hiển hách, giàu sang trọn đời. Nếu Mệnh đóng tại cung Tí mà gặp cách trên cũng đẹp nhưng không bằng được ở Ngọ.

Mệnh an tại Tứ mộ có Kinh, Hỏa đồng cung nên là kẻ có oai quyền, danh tiếng; nếu gặp cả Tham, Vũ tất là hạng cái thế anh hùng, oai vệ khiến người người khiếp sợ. Gặp Hổ là hạng đa mưu.

Kinh, Đà, Linh, Hỏa hội ở Mệnh mà gặp nhiều sao sáng sửa tất hưng vượng tài Lộc, trái lại nếu gặp lắm sao mờ ám thì trọn đời tai ách, chết về thương tật. Cùng cách trên mà đóng ở cung Thân là tất kẻ gù lưng.

Kinh, đà đóng Mệnh mà gặp Kiếp sát tất không được thọ.

Mệnh có Lộc Tồn tạo, tất giáp Kinh, Đà, nếu ở Mệnh mà không có cát tinh hội thì là kẻ lang thang kiếm ăn bằng lời nói. Nếu giáp Kinh, Đà mà mệnh lại có Hoá Kỵ thì thật túng thiếu, chỉ sớm ly hương sinh kế mới đủ cơm áo.

Cung Mệnh có Kinh, gặp Thiên hư, Thái Tuế, Điều khách đồng cung thì trọn đời chịu tang tóc, trai khóc vợ, gái khóc chồng, xa lìa cha mẹ

Kinh dương, Lực sĩ đồng cung là người to lớn khoẻ mạnh, có tài binh sự, nhưng không được thọ hưởng chức tước tưng phong.

2>ĐÀ LA: Âm Kim đới Hỏa – Bắc đẩu tinh

Đắc địa: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi – Hãm ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Mệnh có Đà la độc thủ thì người hơi gầy, cao, da ngâm, lông tóc tốt, răng xấu.

Đà đắc địa ở tứ mộ là hạng người can đảm uy dũng, nhưng thâm trầm, lắm thủ đoạn nhiều mưu mô.

Đà la đóng ở hãm, ở tứ sinh nếu gặp hung tinh hay sát tinh thì không yếu tất tàn tật.

Nếu Đà hãm đại lại gặp Linh, Hỏa, Không, Kiếp, Kỵ, Hình thì chung thân cùng khốn, đau yếu tật nguê, tù tội, tai ương khủng khiếp.

Đà mà gặp Điều, Cái, Tuế thì nói ngọng (đóng ở Mệnh)

Đà, Kinh, Thất sát hội gây tai họa khủng khiếp, nếu lại gặp được Tử Tướng, Lộc tồn có thể giải được.

Hạn mà Đà gặp Thái tuế cùng sát tinh như Tang, Hổ, Ky, Kiếp sát thì có tang, nếu không thì cũng bị tố tụng, thị phi mang tiếng nhờ nhuốc.

Đà mà gặp Thiên hình hãm ở Tiểu hạn thì sanh ra kiện cáo, hay đánh nhau thương tích. Nếu gặp Hỏa, Linh thì dễ bị thương hay đau ốm. Nếu gặp Thái tuế, Long trì thì phòng rắn rít cắn.

Đà gặp Thiên mã là hạng khôn ngoan nhưng biến trá.

3>HỎA TINH : Nam đầu tinh – Âm Hỏa

Miếu địa: Dần, Ngọ, Tuất – Đắc địa : Ty, Dậu, Sửu

Lợi địa: Hợi, Mão, Mùi – Hãm địa: Thân, Tí, Thìn.

Mệnh có Hỏa tính độc thủ thì người thô, tóc hoe vàng, chân tay có tì; tính nóng nảy ương bướng.

Hỏa, Linh đắc địa đóng ở Mệnh là hạng có chí khí. Sức khoẻ Daimetin bền, ít khi mắc tai nạn. Người sinh năm Dần, Mão, Ty, Ngọ mà gặp Hỏa Kinh đắc địa là hợp cách, nếu lại có cát tinh hội nữa thì quý lắm. Người sinh ra ở hướng Đông, Nam mà gặp Hỏa, Linh đắc địa tất hưởng giàu sang. Nếu sinh ở Tây, Bắc thì sự giàu sang chẳng được bền.

Nếu Hỏa, Linh thủ mệnh ở vào cung hãm là hạng nham hiểm, gian tà hay liều lĩnh, mắc bệnh máu huyết, thần kinh, sức khoẻ chóng sa sút, dễ vướng vào vòng sa đoạ nghiện ngập.

Nếu Hỏa, Linh đóng mệnh tại T mộ mà gặp được Tham, Vũ Việt là kẻ có tài văn võ, xuất tướng, nhập tướng. Danh tiếng chóng lẫy lừng. Nhưng nếu lại gặp cả Kiếp sát tất phải bị đao thương.

Hỏa tinh gặp sao Tuyệt ở cung Hợi, có Tham lang, Thiên hình đóng đó danh tiếng nổi khắp nơi.

Hỏa tinh gặp Khoa, Quyền là người giỏi về văn võ.

Hỏa, Linh gặp Thiên việt, Thiên hình thì bị sét đánh.

Hỏa, Linh gặp Mộc dục thì bị bỏng nước sôi.

Hỏa, Linh gặp Liêm, Phá, Hình ở Mão, Dậu mà không có Tuần, Triệt thì bị sét đánh, hay điện giật.

Hỏa gặp Tuế, Hình hãm tất bị ngã gãy chân tay.

Hỏa đóng ở cung Điền, gặp tang môn mà không có cát sao thuộc Thủy chế ngự thì dễ bị cháy nhà. Nếu đóng ở cung Tài thì tán tài.

Hỏa, Linh giáp Mệnh xấu, gây nên nhiều trắc trở, dễ bị thù oán, hao tài.

NỮ MỆNH: Hỏa, Linh đắc địa thủ mệnh, ứng hợp với phương hướng nơi sinh, ứng hợp với ngũ hành của Mệnh thì là hạng con nhà khuê các, nhưng tính tình ngang ngạnh, nóng nảy có gan dạ trọn đời hưởng giàu sang.

Nếu gặp Hỏa Linh hãm địa thì chỉ là hạng khao khát dâm tà, khắc chồng hại con.

CHÚ Ý: Những chỗ nói về nữ mệnh chỉ cốt vạch ra sự khác biệt đại cương về cuộc đời, về tính tình; còn các vận hạn thì cũng như cách luận đoán ở trên.

4>LINH TINH: Nam đầu tinh – Thuộc Kim đới Hỏa

Miếu: Dân, Tuất – Thìn, Ty, Mùi

Hãm: Ty, Hợi, Dậu, Sửu

Linh, Hỏa thường có tính chất gần như nhau, nên khi xem Linh tinh nhớ xem sao ấy đã đi đôi với Hỏa tinh ở trên.

Linh tinh đóng Mệnh là hạng người hà tiện, so đo trong việc chi tiêu. Linh đóng cung Tử tức khó nuôi con, làm giảm sự sinh đẻ. Linh đắc địa đóng cung Tia thì tiền của bền vững.

Linh đắc địa gặp Tham lang đắc địa thì công danh hiển đạt về võ công.

Linh gặp được Tử, Phủ, Tả, Hữu, Xương, Khúc nếu không giàu cũng là hàng quý hiển.

Linh gặp mã, mà hội Kinh, Đà tất chân tay phải có tật.

Linh mà gặp Không, Kiếp hãm, lại gặp Tuân, Triệt là hạng người hạ tiện, nghèo khó tai ương.

Linh gặp Thất sát cung hãm tất khó sống lâu

Linh hãm gặp Phá quân hãm thì phá tan cửa nhà sạch.

Linh gặp Vũ khúc, Xương khúc ở Thìn cung tất chết đuối hay tù tội

Linh hay Hỏa gặp Thiên việt ở cung hãm chỉ phải phòng sét đánh hay điện giật

II>BỘ LỤC BẠI: SONG HAO – TANG HỔ – KHỐC HƯ

1> ĐẠI HAO – TIỂU HAO: Thuộc Hỏa

Đắc địa: Mão, Dậu, Dần, Thân. Hãm: Tí, Ngọ, Tỵ, Hợi.

Mệnh có song Hao đóng thì người nhỏ nhắn. Bộ tiêu hóa hay đau yếu. Tính khôn ngoan, chân chất, không kiên chí, thích ăn ngon mặc đẹp, đam mê cờ bạc, chơi bời, vung phí tiền bạc.

Song Hao đắc địa ở Mão, Dậu, tốt hơn Dần, Thân nếu gặp Mệnh ở đó là hạng thông minh, tuy ham chơi, nhưng lúc học cũng say mê không kém, vì bản chất muốn tìm hiểu sâu rộng, nhất là tuổi Dần, Thân rất hợp với Song Hao. Tuy thiếu thời thích ngao du bốn bể để tìm học hỏi, hưởng thụ song về sau sẽ hưởng được giàu sang, quý hiển.

Hao gặp sao Tuyệt đồng cung là hạng khôn ngoan, nhưng hơi man trá.

Mệnh vô chính diệu gặp Song Hao, Tuyệt là người ăn tiêu tằn tiện, keo kiệt, có lắm tham vọng trong đời, nhưng khó đạt được theo ý muốn.

Hao đóng Mão, Dậu gọi là cách chúng thủy triều đông, thế tất tiền vào như nước, nhưng cũng ra như nước, nếu gặp được sao Thiên cơ, Cự môn đóng đó thì đắc cách vô cùng, trái lại nếu gặp Hóa lộc thì trở nên kém hản

Song Hao gặp phải sát tinh tất hay mắc tai nạn về đao súng.

Song Hao gặp Hảo hay Linh tất mắc nghiện, nhất là nghiện á phiện.

Đại hay Tiểu hạn mà gặp Song Hao tất phải thay đổi công việc hay thay chỗ ở. Đau ốm gặp hạn Song Hao chóng khỏi.

Song Hao gặp Phá quân trở nên túng thiếu.

Song Hao gặp sao Tuyệt thì phá sản.

Song Hao gặp Mộc dục, Hóa Kỵ thì phải mổ. Nếu gặp Hình, Kiếp sát tất mất trộm hay bị thương.

Đại hạn gặp Song Hao, Không, Kiếp, Suy, Phù, phá toái, sao Tử, Hóa Kỵ, mà Tiểu hạn lại gặp Hình, Phi liêm, Quan phủ sao Bệnh, sao Mộ, Phục binh, Bạch hổ tất phải chết ở lao tù.

2>TANG MÔN – BẠCH HỔ

a>TANG MÔN thuộc Mộc – Đắc địa: Dần, Thân, Mão, Dậu.

Chủ về tang tóc, tai ương, Tang Môn và Bạch hổ cũng như Song Hao bao giờ cũng đóng ở hai cung chiếu nhau, bởi đó đã gặp Tang môn tức nhiên phải gặp Bạch hổ. Nên hai sao ấy được luận chung như sau:

b>BẠCH HỔ (thuộc Kim) – Đắc địa: Dần, Thân, Mão, Dậu.

Mệnh có Tang Hổ là người can trường, hơi būng bĩnh. Sinh ra đã phải chịu tang tóc, hay mắc bệnh máu huyết, xương cốt, tim phổi; không nuôi được súc vật.

Nếu Tang, Hổ đắc địa là bậc thao lược, thích làm chính trị, lý luận giỏi, xét đoán tinh, làm luật sư hay Toà án giỏi.

Tang Hổ dù đắc địa hay hãm địa mà hội với nhiều sát tinh là hạng người bạo ngược, thường gặp cảnh cùng khốn, tai ương, khắc vợ, khắc chồng dễ vướng vào lao lý.

Mệnh có Hổ đắc địa đồng cung, sanh ban đêm rất hiển đạt.

Nếu gặp Kinh hay Hình xung chiếu là hạng có chí khí lớn.

Hổ gặp Tấu thư là cộ đội hòm sắc, tất hiển đại văn tài.

Hổ gặp Phi liêm là cộ mọc cánh, nhẹ bước công danh.

Hổ gặp Tham lang, nhất là ở cung Dần, Tuất dễ bị nạn xe hay ác thú cắn.

Hổ gặp Thất sát bị đao thương hay tù tội (nếu gia thêm sát tinh, và đến hạn xấu

Hổ gặp Thiên khốc, Thiên diêu bị thú dữ gây tai nạn

Hổ gặp Hình, Kiếp thì bị nạn té ngã hay xe cộ.

Tang Hổ đóng cung Điền, Tài dễ bị hỏa hoạn, nhưng nếu Điền, Tài đóng ở cung Tuất thì rất bền vững, nhà cửa đẹp.

Tang môn gặp Điều khách, Thiên hình gây nên tai nạn xe cộ hay đại tang. Tang gặp Hỏa, Linh, Mã dễ mắc bệnh lao, phải bỏn, nếu có Tuần, Triệt thì e cháy nhà.

Tang Hổ gặp Khốc mà lưỡng hạn xấu e có tang, hay tán tài.

Tang gặp Điều khác, Thái tuế dễ bị ngã từ cao xuống hay bị kiện tụng.

NỮ MỆNH: Có Tang, Hổ tọa thủ thì vẻ mặt trong buồn tẻ, nhân duyên thường bị trắc trở, nếu không muộן lập gia đình thì khó tránh phải mấy độ buồn thương, đau khổ vì con; khó sinh.

Hạn mà gặp Tang, Hổ, Kỵ và sao Thai thì dễ băng huyết khi đẻ.

3>THIÊN KHỐC – THIÊN HƯ: Thuộc Thủy.

Miếu địa: Tí, Ngọ – Lợi: Mão, Dậu, Sửu, Mùi.

Tính chất Khốc, Hư buồn tẻ, hay suy lự hoang mang, gây nên tật bệnh, mắt có quầng, thân đau.

Khốc, Hư đóng ở Mệnh ở Miếu địa Tí, Ngọ thì lời nói đanh thép có oai, nhiều người nghe theo, mang trong lòng chí lớn, quyết hành động hơn người, thích hoạt động không ngừng, nhiều nghị lực phấn đấu. Dưới 30 tuổi thường nghèo túng, hay gặp bước thăng trầm. Từ 30 tuổi giở ra thì trở nên phong lưu, khá giả. Nếu lại gặp Thất sát hay phá quân đồng cung tất có uy danh quyền tước; lời nói làm cho người người kính phục.

Khốc, Hư hội Thiên hình, Thiên mã là võ cách; có tiếng tăm.

Khốc, Hư gặp được Lộc tồn hay Hoá lộc thì từ 30 tuổi trở ra lên là giàu. Nếu gặp Khoa, Quyền lại phát công danh.

Khốc Hư ở Dần, Thân gặp Đà là người có tài cả văn võ.

Khốc, Hư hãm ở Thìn, Tuất thì hay vướng tai nạn, giảm tuổi thọ, cuộc đời khốc nhiều hơn cười.

Khốc, Hư gặp Thiên cơ đồng cung hay xung chiếu thường mắc phải bệnh lao.

Mệnh có Thiên hư tọa thủ nên rắng hư. Nếu Hư đắc địa mà gặp Lộc đồng cung là người có tài, nổi danh.

Hư hãm địa là hạng bất chính, ăn nói sai ngoa.

SAO THIÊN HÌNH: Thuộc Hỏa
Đặc địa: DẦN, THÂN, MÃO, DẬU.

Tính chất : dũng mãnh, sát phạt, có oai thế. Hình là lưỡi kiếm.

Chủ về quân cơ, mổ xẻ, đâm chém

Mệnh đóng ở Dần gặp Thiên Hình là cách Cọp ngậm kiếm tất người tài ba trong việc điều binh khiển tướng, phát võ công. Ngoài ra đóng ở Thân, Mão, Dậu cũng là đặc cách, biểu dương người chí khí anh hùng.

Hình gặp Tướng quân, Quốc ấn và Phục binh làm thành bộ sao uy dũng, tức có tài kiêm nhiệm văn võ.

Hình gặp Lộc, Diêu có tài dùng về mổ xẻ.

Hình đặc cách mà gặp Tuần, Triệt chẳng khác nào thanh kiếm báu sử dụng không ra gì.

Hình hãm mà gặp sát tinh gây tai họa khủng khiếp

Hình hãm gặp Thiên khốc tức mang tật trong người.

SAO THIÊN KHÔNG: Thuộc Hỏa

Tính chất gian hùng phá tán, quỷ quyệt

Mệnh mà có Thiên không hội với Đào hoa là hạng đa mưu, nhưng xảo trá. Trái lại nếu gặp Hồng loan thì là hạng chỉ tìm nơi vắng vẻ ở ẩn hay đi tu

Mệnh có Thiên tướng đặc địa mà gặp Thiên không là kẻ có uy quyền thống lãnh đến ngàn dặm, phát về võ tướng.

Hạn mà đau ốm nhưng nếu gặp được Thiên không thì chóng khỏi nhưng nếu có cả Tuần, Triệt đóng thì Thiên không trở nên vô dụng . . .

SAO ĐỊA KIẾP – ĐỊA KIẾP : Thuộc Hỏa

Đặc địa: Ty, Hợi, Dần, Thân

Mệnh có Địa kiếp hay Địa không độc thủ là người ăn nói thô bạo, thân hình thô kệch

Kiếp, Không, đặc địa ở Dần, Thân, cần gặp quý tinh mới hiền đạt; tuy nhiên không bên, nhiều độ thăng trầm.

Kiếp, Không đặc địa ở Ty, Hợi thì người trầm tĩnh, suy tư, có cơ mưu, can đảm, sớm đoạt công danh. Nhưng nên cần có Tướng, Mã, Khoa tinh hội mới phát bền, và phát càng mạnh, càng to ở vào thời loạn.

Kiếp, Không giáp mệnh là bại cuộc; nếu Mệnh không có quý cách thì là hạng bất tiện.

Kiếp, Không đặc địa mà hội Tử, Phủ đặc địa lại trở nên mờ ám xấu xa, khó tránh tai ương. Nếu lại gặp Tử, Phủ hãm thì càng nguy khốn bội phần.

Kiếp, Không hãm địa thì không đáng ngại lắm, nếu gặp Tử, Phủ hãm thì tai họa liên miên, tuổi thọ chiết giảm.

Mệnh có Kiếp hay Không tạo thủ dù đặc địa hay hãm địa cũng thường mắc bệnh đau phổi, bệnh hen, nếu không thì mắc bệnh ngoài da như ung nhọt, lở loét, mẩn ngứa liên miên.

Kiếp, Không với nhiều sát tinh, tất trai thì khắc vợ, gái thì khắc chồng. Nhưng nếu các sát tinh đặc địa thì lại cũng hưởng được phú quý một thời hạn nào tùy theo đại hạn xấu tốt mà xét.

Kiếp, Không hội với Hồng, Đào tất duyên nợ dang dở, phải trải qua đôi độ cưới xin, lại dễ mắc phải bệnh phong tình, tuổi thọ cũng kém.

Kiếp, Không hãm địa đóng ở Mệnh, Thân là hạng quỷ quyết, ích kỷ, nên suốt đời chẳng vừa lòng với mình, lại thường mang bệnh trong người

Mệnh gặp Kiếp, ngộ Tham lang như người đi thuyền trên sóng, lúc nào cũng chỉ lang thang đây đó, trọn đời lao khổ.

Mệnh có Kiếp, Không, Đào, Hồng, Đà, Linh tạo thủ đồng cung thì chết trẻ như Nhan Hồi (32)

Mệnh có Kiếp tạo thủ gặp Phù, Khốc, Khách lại gặp Cự môn,

Thái dương nên suốt đời chịu cô đơn, sầu khổ, không ngớt lệ.

Địa kiếp độc thủ tại Mệnh là hạng người phi nhân thị kỷ.

Mệnh có Kiếp gặp Thiên cơ có Hỏa đồng cung hoặc sung chiếu tất hay bị phỏng lửa hay cháy nhà.

Kiếp, Không đóng cung Quan mà hãm khó lòng đạt được công danh.

Kiếp, Không gặp Tử, Phủ, Khôi, Việt hội thì mất của hay mắc lừa.

Kiếp, Không gặp Tả, Hữu là hạng chuyên đi lừa người.

Kiếp, Không mà gặp Kiếp sát, Thái tuế, Thiên không, Phục binh, Kinh dương, song Hao thì tánh mệnh bị hãm đoạ, nếu đại hạn xấu tất chết.

Kiếp, Không gặp Hỏa, Linh, Kỵ, Tuế, Hao, Phục thì bị cướp phá nhà, trộm của, nếu lại gặp đại hạn xấu ắt chết.

Kiếp, Không gặp Hóa quyền tất làm trắc trở công danh.

Kiếp, Không đến hạn gặp Song Hao tất phá tán tài sản.

NỮ MỆNH: Nếu Kiếp, Không đắc địa tọa thủ tại Mệnh thì cương cường, dũng cảm chẳng kém gì đàn ông, làm việc gì cũng chóng có kết quả song chẳng đáng bền

Kiếp, Không dù đắc địa hay hãm địa mà hội với Đào, Hồng thì đàn bà khó mà giữ tròn danh tiết, thật là số hồng nhan bạc mệnh vậy.

Nếu Kiếp, Không hãm địa đóng tại Mệnh thật là hạng khắc hại chồng con, trọn đời bi lụy.

SAO KIẾP SÁT : Thuộc Hỏa

Kiếp sát đóng Mệnh là người nó tính hay làm điều bất chính. Nó có đặc tính giống Địa kiếp, thích sát phạt, gây tai họa. Nếu có ác tinh hội thì sát gây nên cảnh nghèo nàn, đau yếu.

Sát gặp sao tốt giảm cái tốt đi, gặp sao xấu tăng cái xấu thêm.

SAO THIÊN DIÊU : Thuộc Thủy

Đắc địa: Dần, Mão, Dậu, Tuất

(Tính chất huyền ảo, nghi hoặc)

Diêu đắc địa ví như sen mọc trong bùn, tuy đam mê tử sắc tình dục nhưng không bị nhớ nhuốc.

Diêu đắc địa gặp Tướng, Đồng, Quyền, Khoa, Lộc thì thông minh, học giỏi, làm lớn.

Diêu đắc địa ngộ Tràng sinh Đế vượng là hạng phong tao mạc khách,

Diêu đắc địa gặp Long Phượng thì hưng vượng tài lợi công danh. Nếu ở đại tiểu hạn thì có liên quan đến cưới xin sinh nở.

Diêu đóng tại mệnh thì hay bị đau răng.

Diêu ngộ Khúc Xương là người có tánh dâm dật.

Diêu ngộ Lưu hà thông minh, công việc trôi chảy.

Điều gặp Đào Hồng thì lắng lơ bất chính,
Điều hãm địa mà không có cứu tinh như Thiên, Hình Tử vi là hạn dâm đảng, không thể thọ.

SAO THIÊN Y : Thuộc Thủy

Thiên Y có tính chất cứu giải bệnh tật, tinh khiết, cẩn thận.
Nếu Thiên Y đóng mệnh hội với Tả Hữu, Thiên Quang, Thiên Phúc quý nhân và Thiên hình là hạng lương y nổi danh.

SAO CÔ THẦN – QUẢ TÚ : Thuộc Mộc đái Thổ.

Tính chất cô độc, lạnh lẽo âm thầm khó tính, hơi khắc nghiệt, không thích giao du nhiều, sống nội tâm, có những thú chơi riêng.

Đóng ở Mệnh hay ở cung Tài thì gìn giữ của bền.

Nhưng đóng ở cung Phối thì làm trắc trở sự cưới hỏi, cuộc sống ái ân vợ chồng.

SAO ĐẤU QUÂN : thuộc Hỏa (cũng gọi là Nguyệt Tướng)

Tính chất khắc nghiệt, nghiêm nghị, bảo thủ.

Nếu đóng ở cung Điền, cung Tài thì giữ của bền.

Nếu đóng ở cung Quan Lộc mà gặp được cát tinh như là Tử Phủ thì hưởng phú quý.

Đấu Quân mà gặp Lộc Tồn thì biến thành cái đấu đong thóc sẽ có tài sản.

Nếu đóng ở cung Tử tức là số hiếm con, nên phú có câu:

“Đấu Quân ở Tử tức cung

Đến già khó được tay bông con thơ”

Bởi đó cung Tử kỵ sao Đấu Quân cũng như sao Linh Hỏa vậy, nhưng Đấu Quân chỉ sợ hiếm sinh để còn Linh Hỏa thì chỉ sợ khó nuôi con.

Nếu Đấu Quân mà gặp ác tinh tại mệnh là hạng gian xảo quỷ quyệt.

SAO PHÁ TOÁI: Thuộc Hỏa đái Kim

Tính chất táo bạo, hay phá ngang làm hao tán, gây trở ngại mọi việc

Mệnh có Phá Toái mà gặp được Lưu Hà là hãng dũng mãnh mẽ võ nghiệp, có uy quyền. Nếu không có Lưu Hà thì lại chủ sự tán tài.

Phá Toái đóng ở cung Giải ách thì ít ốm đau.

Phá Toái gặp Khoa Quyền thì làm sao nên danh phận.

Phá Toái gặp Kinh Đà, Phá Quân, Hóa Kỵ tại cung mệnh hay cung Giải ách thì là người có tật. Nếu gặp Thiên Diêu, Vũ Khúc thì nói ngọng Song nếu có Diêu, Vũ mà lại hội Thiên Việt, Hóa Kỵ tất phải bị câm.

Nếu gặp phải Hỏa, Linh, Hình thì chết về ác tật.

SAO LƯU HÀ : Thuộc Thủy

Tính chất thâm trầm, độc ác, gian hiểm, ưa sát phạt giết chóc.

Cung Mệnh có Lưu Hà đóng thì đàn ông sẽ chết ở đường sá; đàn bà thì dễ chết khi lâm bồn. Nếu không có quý tinh với cát tinh hội mà lại gặp những hạn sát tinh như: Song Hao, Kiếp sát, Thiên hình Thất sát hãm địa.

Nếu Lưu Hà mà gặp Cự Ky thì dễ bị nạn sông nước.

Nhưng Lưu Hà gặp được Thanh Long lại là rồng gặp nước, sẽ hanh thông mọi việc.

SAO LƯU TỪ : Thuộc Hỏa

Tính chất giam hãm, gò bó âu sầu, nên đóng ở cung nào làm hại cung đó, trừ phi đóng cung Nô lại chủ về cô độc, không thích ngao du chơi bời.

Đại Tiểu hạn gặp Lưu Từ mà lại có hung tinh hội tất mắc vòng lao lý.

SAO THIÊN THƯƠNG: (Thuộc Thổ)

SAO THIÊN SỬ: (Thuộc Thủy)

Tính chất buồn thảm, ngăn trở mọi việc, gây bệnh tật và tai ương.

Thiên Thương giao hội Kiếp, Không, Thiên sử mà đại hạn xấu thì tác họa một cách kinh khủng. Chính Nhan Hồi chết yểu vì cách này.

Thiên Thương mà gặp Tang Môn đem lại sự biến đổi hay tang tóc.

Thiên sử gặp Tang Môn và Thiên Cơ thì bị ngã hay bị người ta đánh.

SAO THIÊN LA – ĐỊA VÔNG

La đóng ở cung Thìn, Vông đóng ở cung Tuất nên cũng gọi hai cung ấy là hai cung La Vông tức là lưới của trời đất vây tỏa. Nếu đại tiểu hạn gặp La Vông mà gặp Sát tinh sẽ đem lại sự bất bớ giam cầm hay phá sản hoặc chết, nhất là Thái Tuế lưu niên mà gặp hai cung ấy rất áy náy.

PHẦN THỨ BA

CÁCH LUẬN SỐ MỆNH

Trước khi đi vào luận đoán số mệnh, chúng ta cần phải thuộc kỹ tính tinh, âm dương; đất đứng, nơi sinh, sự tương quan giữa các sao. Sau đó xét kỹ từng cung để tìm rõ bài giải thì quyết chắc khó đoán sai được. Nếu công việc học hỏi không thận trọng thì chớ vội đoán bừa sẽ đưa đến sự sai lạc; có hại rất lớn với kẻ dễ tin, vì sẽ gây một ấn tượng lầm lạc trong tâm trí họ. Bởi thế thà là ta biết rõ cái gì thì nói, cái chưa rõ hãy ngừng.

Sau đây xin kể rõ các tiết mục giúp vào việc luận đoán:

1. Cũ soát lại giờ sinh
2. Nhận rõ cách cuộc lập thành ở 12 cung
3. Xem về mệnh ở vào sinh; Vượng, Bại, Tuyệt địa
4. Luận về Mệnh và Thân: Mùi; Giờ sinh.
5. Luận về cách ở Mệnh, Thân
6. Luận về SAO, CUNG, MỆNH, có hợp phương hướng, âm dương và nơi sinh không (đô thị, thôn dã, sơn cước)
7. Đoán rõ 12 cung từ Mệnh đến Phụ mẫu
8. Lưu Tuần, Triệt – Phi cửu tinh – Lưu Nhật, Nguyệt
9. Lưu đoán Đại; Tiểu hạn hay dở
10. Thái tuế lưu niên từng tiểu hạn.

11. Liên hệ giữa Mệnh, Thân và hạn
12. Liên hệ giữa tuổi, Cung, Sao và Hạn
13. Ảnh hưởng sao nhập hạn.
14. Luận đoán về hạn chết.

CỦ SOÁT GIỜ SINH

1. **Giờ kim xà:** Nếu người sinh ra nhằm giờ Kim xà thì chết yếu, nếu xem kỹ cung Phúc có nhiều yếu tố cứu vãng thì cũng qua được nhưng phải ngoài 12 tuổi mới chắc là thoát được nạn Kim xà thiết tỏa.

Muốn tìm giờ Kim xà thì theo bài thi sau đây:

*Đương tòng Tuất thượng khởi Tí niên,
Thuận số hành niên, Nguyệt nghịch suy.
Nhật hựu thuận hê, Thời nghịch chuyển
Tiểu nhi thọ yếu khả tiên tri*

Cước: Bắt từ cung Tuất gọi là Tí tính thuận đến năm sinh, Từ đó lại kể là tháng Giêng tính nghịch lại đến tháng sinh. Từ đó lại kể là Mùng một tính thuận lại ngày sinh Tự chỗ ngày sinh lại tính nghịch lại đến giờ sinh; nếu gặp ở trong 4 cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì gọi là gặp giờ KIM XÀ THIẾT HỎA. Nếu con trai vào cung Thìn hay Tuất là Kỵ. Con Gái vào cung Sửu hay Mùi là Kỵ. Tất khó nuôi.

2>Giờ Quna sát: Nếu gặp giờ Quan sát thì trẻ hay ốm yếu luông. Giờ Quan sát được tìm như sau:

Tháng giêng để giờ Ty

Tháng 2		Ngọ
Tháng 3		Mùi
Tháng 4		Thân
Tháng 5		Dậu
Tháng 6		Tuất
Tháng 7		Hợi
Tháng 8		Tí
Tháng 9		Sửu
Tháng 10		Dần
Tháng 11		Mão
Tháng 12		Thìn

3>Giờ Tướng quân: Để gặp giờ Tướng quân, trẻ hay khó Daimetin; thường lên kinh, nhưng không có gì nguy đến tính mạng.

Cách tìm giờ Tướng quân như sau:

Mùa Xuân để vào giờ Thìn Tuất, Dậu

Mùa Hạ		Tí, Mão, Mùi
Mùa Thu		Dần, Ngọ, Sửu
Mùa Đông		Thân, Ty, Hợi

4> Giờ Diêm Vương: Để gặp giờ Diêm Vương thì trẻ hay giạt mình, nhất là về ban đêm, có khi nổi kinh hoài, trợn mắt lên; nhưng vẫn nuôi được yên ổn.

Cách tìm giờ Diêm vương như sau:

Mùa Hạ		Thìn, Tuất
Mùa Thu		Tí, Ngọ
Mùa Đông		Mão, Dậu.

Mùa Hạ		Dậu
Mùa Thu		Tí
Mùa Đông		Mão

A> QUÝ CÁCH:

1. Tử, Phủ đồng cung cách (đóng ở Mệnh hay Thân)
2. Phủ, Tướng triều viên cách (tất cả đóng ở Mệnh)
3. Tham, Vũ đồng hành cách (đóng ở Sửu, Mùi có Mệnh)
4. Sát, Phá, Liêm, Tham cách
5. Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương cách
6. Cơ, Cự, Đồng, Lương cách.
7. Tử, Phủ, Vũ, Tướng cách.
8. Nhật, Nguyệt đồng cung cách
9. Cự, Nhật đồng cung cách (ở Dần tốt hơn ở Thân)
10. Cự, Cơ đồng cung cách (ở Mão, Dậu)
11. Tả, Hữu đồng cung cách
12. Tam Hoá hên châu cách (tức Khao, Quyền, Lộc đi liền 3 cung đến cung Mệnh có 1 hóa)
13. Văn Quế, Văn hoa cách (Tức Xương, Khúc đồng cung, ở Sửu, Mùi thì thượng cách.)
14. Liêm trinh văn võ cách (tức Vũ khúc nhập miếu hợp Xương khúc thì văn võ toàn tài)
15. Vũ khúc văn võ cách (tức Vũ khúc nhập miếu hợp Xương Khúc)
16. Thiên ất quý nhân cách (Khôi, việt chiếu mệnh)
17. Quý tinh giáp Mệnh cách (tức Mệnh có Thiên phủ ở Mùi Sửu mà giáp Nhật, Nguyệt hoặc ở bất cứ cung nào mà giáp Tả, Hữu, Xương Khúc, Khoa Quyền, Khôi việt, Long Phượng, được một trong cách ấy đều tốt.
18. Nguyệt, Đồng, Cơ, Cự cách.
19. Phá, Liêm, Mão, Dậu cách (Phá, đóng Mệnh ở Mão, Dậu mới hợp cách tốt, ở các cung khác thì không lợi)
20. Lộc, Mã giao tri cách (ở Mệnh, Tài, Quan, Thiên di đề tốt)
21. Nhật, Nguyệt tinh minh cách (Nhật ở Thìn, Ty, Nguyệt ở Dậu, Tuất, mà Mệnh đóng ở Nguyệt hay Nhật đều tốt)
22. Nhật lệ trung thiên cách (Nhật cư Ngọ có Mệnh)
23. Nhật chiếu lôi môn cách (Nhật ở Mão có Mệnh)
24. Nguyệt lãng thiên môn cách (Nguyệt ở Hợi có Mệnh)
25. Song Lộc cách (cùng đóng ở Mệnh đẹp hơn chiếu về)

26. Lộc hội Khoa Quyền cách (Tức Tam Hóa triều)
27. Tiền, cái hậu Mã cách (Tức cung trước cung Mệnh có Hoa cái, sau cung mệnh có Thiên mã là cách người cao quý sang trọng đi ngựa có lộc che)
28. Nhật, Nguyệt chiếu bích cách (Tức ở Sửu chiếu lên Mùi có Mệnh, hoặc ở Mùi chiếu xuống Sửu có Mệnh)
29. Vũ, Lộc giáp Mã cách (Cung Mệnh có Mã giúp lại có Vũ khúc và Hóa lộc hay Lộc tồn)
30. Kim dư phù giá cách (Tử vi tại mệnh hay Quan lộc mà giáp Tả Hữu, Thiếu dương, Thiếu âm là xe vàng vua đi)
31. Phụ, Bát củng đế cách (Cung Mệnh hay Quan có Tử vi mà Tả phụ, Hữu bát hợp chiếu)
32. Quần Thần khách hội cách (Tử vi gặp toàn cát tinh hội)
33. Vũ khúc thủ viên (ở cung Mão gặp cát tinh hội với Vũ khúc mới giàu sang. Ở các cung khác tầm thường)
34. Thất sát triều đầu cách (ở Dần, Thân có Mệnh)
35. Thất sát ngưỡng đầu cách (tức Thất sát cứ Ngọ)
36. Tham, Hỏa tương hội Tứ mộ cách (Mệnh hay Quan đóng ở Tứ mộ có Tham, Hỏa hội phát võ hay kinh thương)
37. Phá quân Tí, Ngọ cách (Hoạnh phát; nhưng cũng hoạnh phá)
38. Tả, Hữu, Tứ mộ cách.
39. Nguyệt sinh thwong hải cách (Tức Nguyệt tại Tí) cách này ucngx gọi Mệnh châu xuất hải.
40. Lộc mã bội án (Mệnh hay cung Quan có Thiên tướng miếu địa, lại có Lộc, Mã giáp cung)
41. Liêm, kinh giáp ấn (Tức Mệnh hay Quan có Quốc ấn đóng mà cung giáp đại phát võ coong)
42. Kinh dương nhập miếu (Tức Kinh đóng ở Tứ Mộ gặp tuổi Tứ mộ)
43. Tài Ấn giáp lộc (Cung Mệnh có Lộc, lại giáp cung có Vũ, Tướng)
44. Tứ linh triều mệnh (Mệnh có chính tinh miếu vượng địa, gặp Cái Hổ, Phượng, Long hội phát công danh)
45. Tọa quý, hưởng quý (Mệnh có Khôi đóng, gặp Việt chiếu, hoặc có Việt gặp Khôi chiếu)
46. Văn tinh ám củng (Mệnh gặp Khôi Việt, Xương Khúc, Tuế hội và lưỡng hợp có Hóa Quyền, Khoa, Lộc)
47. Minh lộc, Âm lộc (cũng gọi là Uyên ương lộc hội, tức cung Mệnh có Lộc, cung nhị hợp có Tồn, hoặc ngược lại)
48. Hổ hàm kiếm cách (Thiên hình đang ở Dần có mệnh tại đó)
49. Chúng thủy triều đang cách (Mệnh tại Mão, Dậu có song Hao)
50. Lộc mã giao trì cách (Lộc mã đồng cung có mệnh)
51. Cơ Lương Thìn, Tuất.

B. BÀN TIỆN CÁCH

1. Sinh bất phùng thời (Liêm đóng mệnh tại Dần, Thân gặp Tuần, Triệt án ngữ)
2. Thất sinh cô bản (Phá Cống Mệnh tại Dần, Thân gặp sát tinh)
3. Quân Tử tại đã (Mệnh bị sát tinh, hung tinh hội)
4. Lộc phùng lương sát (Lộc tồn hay Hóa lộc ở Mệnh gặp Không Kiếp đồng cung.)

5. Mã lạc không vong (Mã tại Mệnh gặp Tuần, Triệt án ngữ)
6. Tài dư tù cừu (Vũ hay Liêm hãm tại Mệnh lại gặp sát tinh)
7. Nhật, Nguyệt tàn hung (Nhật Nguyệt hãm tại Mệnh mà không có cứu tinh, hoặc hãm mà gặp sát tinh)
8. Lưỡng trùng Hoa cái (Y như cách Lộc phùng lưỡng sát)
9. Không, Kiếp sát hội (Mệnh gặp Không, Kiếp hãm hội Sát tinh)

III. SINH, VƯỢNG BẠI, TUYỆT ĐỊA

Việc tìm hiểu sinh địa, Vượng địa, hay Bại địa, Tuyệt đại đối với một lá số rất cần. Vì có nhiều số tốt mà gặp Bại hay Tuyệt địa thì cuộc đời chìm nổi vô thường. Vậy muốn biết rõ : hiểu bại thế nào xem bản thì sẽ rõ:

HÀNH MỆNH	SINH ĐỊA Mệnh an ở :	VƯỢNG ĐỊA Mệnh an ở :	BẠI ĐỊA Mệnh an ở :	TUYỆT ĐỊA Mệnh an ở :
KIM	TỶ	DẬU	NGỌ	DẦN
MỘC	HỢI	MÃO	TÍ	THÂN
HÓA	DẦN	NGỌ	MÃO	HỢI
THỦY – THỔ	THÂN	TÍ	DẬU	TỶ

Gặp Bại địa và Tuyệt địa cần được cứu giải bằng Tam hóa hội hay cần có Chính Diệu ở đó sanh được bản mệnh theo Ngũ hành, thì gọi là Tuyệt xứ Phùng sinh. Nếu không thì cuộc đời thăng trầm đáng ngại.

IV. LUẬN VỀ MỆNH, THÂN

Mệnh và năm sinh an vào mỗi cung có ảnh hưởng cho sự hưng suy thành bại. Bởi đó khi an xong lá số, ta cần xét rõ các lẽ sau đây:

1. Đàn ông sinh năm Ngọ, Mùi mà mệnh an tại cung Tí Sửu thì trọn đời gặp nhưng việc bất toại ý.
2. Mệnh Thân đồng cung ở Tứ Mộ lại Vô Chính Diệu mà không Tuần Triệt thiếu trung tinh hội thì chắc cùng khổ và yếu. Tại Tí Ngọ Vô Chính Diệu nếu có Hóa Lộc tọa thì giàu nhưng giảm thọ. Trái lại nếu không Hóa Lộc thì nghèo mà thọ.

3. Mệnh Tuần, Thân Triệt thì ở Mệnh hay Thân rất cần có Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sủa thì đời mới được xứng ý toại lòng, đến già an nhàn.
4. Mệnh Triệt, Thân Tuần thì Mệnh Thân rất cần Vô Chính Diệu thì mới toại ý.
5. Mệnh Không, Thân Kiếp là người không ngoan sắc sảo nhưng trong đời vui ít buồn nhiều, mưu sự thành bại thất thường. Ở đây nếu Mệnh vô chính Diệu lại có Đại Tiểu Hao hội là người tuy ít học nhưng cũng đạt được công danh, sự nghiệp hiển đạt.

Trong trường hợp này nếu Mệnh hay Thân có Thiên Đồng, Thiên Lương hay Phá Quân thì không thể sống lâu được.

6. Đàn bà mà Mệnh an ở Tứ Mộ thì khôn ngoan.

Mệnh an ở Dậu ra ngoài nhiều người mến vì.

Mệnh an ở Tí Ngọ trọn đời nhàn.

THÂN CƯ TẠI CUNG :

1. **Thiên Di:** Có cát tinh hội thì lập nghiệp phương xa thịnh vượng. Nếu có Tuần Triệt án ngữ thì chết xa nhà
2. **Thê thiếp hay Phu quân:** Có Nguyệt tọa thủ tất sợ vợ, nhờ vợ. Có Triệt Tuần trắc về hôn nhân.
3. **Tài bạch:** Tử vi tọa, hay Cơ Nguyệt Đồng Lương hoặc Sát Phá Liêm Tham sáng sủa với cát tinh : Có danh giá hoặc tiền tài.
Nếu Đại Tiểu Hao Quyền Lộc Kiếp Hỏa hội thì buôn bán trở nên giàu có. Nếu lại có thêm Phục, Kinh hội thì không nên buôn bông vải và đề phòng hỏa hoạn.
Nếu Lưu, Kiếp hội thì làm nghề đánh cá hay buôn bán nơi sông nước khó tránh khỏi thủy nạn.
4. **Quan Lộc:** Có Tuần Triệt, Kiếp Hỏa, Kỵ hội đàn ông muộn công danh. Nếu có Cát tinh hội cũng phải ngoài 40 tuổi mới nhẹ bước thanh văn.
Nếu đàn bà Tuần Triệt hội sát tinh thì khó giữ toàn trinh tiết, có Tang Hổ hội tất phải góa bụa; bởi vậy phải muộn chồng hay làm lẽ mới yên.
5. **Phúc đức:** Nếu sáng sủa thì hưởng phúc sống lâu, mờ ám thì giảm thọ, tai ương.

NHẬN ĐỊNH VỀ MÙA SINH VÀ GIỜ SINH

Muốn biết mùa sinh giờ sinh thuận hay nghịch để xem độ số được tăng hay giảm bớt. Vậy theo sự kê khai dưới đây sẽ rõ:

1. Thuận mùa sinh:

Mệnh Mộc sinh mùa xuân – Mệnh Hỏa sinh mùa hạ
Mệnh Kim sinh mùa thu – Mệnh Thủy sinh mùa đông
gọi là Mệnh Vượng

Mệnh Hỏa sinh mùa xuân – Mệnh Thổ sinh mùa hạ
Mệnh Thủy sinh mùa thu – Mệnh Mộc sinh mùa đông
gọi là Mệnh Tướng

được cách Mệnh Vượng hay Mệnh Tướng là thuận mùa sinh

2. Thuận giờ sinh:

Sinh mùa xuân vào giờ Dậu, Thìn, Ty
 Sinh mùa Hạ vào giờ Mão, Mùi, Hợi
 Sinh mùa Thu vào giờ Ngọ, Thân, Dần
 Sinh mùa Đông vào giờ Sửu, Tuất, Tí
 Được thuận giờ sinh độ số gia tăng.

3. Giờ sinh thuận lý hay nghịch lý

Sinh vào giờ Dương mà an mệnh tại cung Dương là thuận lý. Trái lại là Nghịch lý.
 Sinh vào giờ thuộc Âm mà Mệnh an tại cung âm là thuận lý. Trái lại là nghịch lý.
 Thuận lý thì độ số gia tăng, mà nghịch lý thì bị kém bớt.

4. Năm sinh và giờ sinh

Tuổi Dần, Ngọ, Ty, Dậu mà sinh giờ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thì tối độc.
 Tuổi Dần, Hợi, Tý mà sinh giờ Ngọ, Thân, Dậu, Hợi thì khắc cha phải đến 16 tuổi mới khỏi sự
 âu lo về sự mồ côi cha.
 Tuổi Thìn, Ty, Sửu, Mùi sinh giờ Tí, Ngọ, Mão, Ty, Hợi, Thân, Dậu khắc mẹ, tất nhiên Mẹ
 chết trước.

V. LUẬN CÁC CÁCH Ở MỆNH THÂN

1. Phi thường cách: Mệnh Tử, Phủ, Vũ, Tướng nhập miếu họ cát tinh (như Tả Hữu, Khôi, Việt, Tam Hóa, Xương Khúc, Long Phượng, Hồng Đào.

Thân thí Sát, Phá, Liêm, Tham nhập miếu, vượng địa, hội cát tinh (như Tả Hữu, Khôi Việt, Xương Khúc, Long Phượng, Hồng Đào, Khoa Quyền. Lộc, Kinh, Không, Kiếp, Hình Hổ) phát đến Vương, Tể.

2. Thượng cách: có những cách sau đây đóng Mệnh Thân:

Tử, Phủ, Vũ, Tướng, Cơ nguyệt, Đồng, Lương, Sát, Phá, Liêm, Tham.

Cự, Nhật, Nhật, Nguyệt đồng cung. Tất cả những cách này cần được nhập miếu hay vượng địa, đắc địa hội Tả, Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt, Long Phượng, Hồng Đào, Tam Hóa, phát đến Tam công.

Lưỡng Tướng nhập miếu, vượng địa, đắc địa hội Thiên mã, Thiên phúc, Văn xương, đồng cung là cách bạch ốc phát công danh.

Tử, Phủ, Vũ, Tướng đóng Mệnh hội cát tinh. Có Tử vi, Hóa khoa, Tả Hữu, Thai toạ, Thanh Long, Lộc tồn đóng cung Quan Lộc, là bậc cự thương.

Mệnh vô chính diệu đắc tam không (Tuần, Triệt, Thiên, Địa không hội cát tinh, có Nhật, Nguyệt chiếu phát công khanh)

3. Trung cách: tức Mệnh, Cục tương khắc, âm dương nghịch lý Chính diệu cùng cung tương phản, hay lạc hãm, ta theo cách dưới đây:

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Quang Quý, Thiên quan, Thiên phúc, thì làm thầy thuốc giỏi.

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Khôi Việt, Khoa, Quyền, Xương Khúc, Tấu thư thì giỏi về dạy học, viết văn.

Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương hội Tả Hữu, Xương Khúc làm nghề ấn loát công nghệ hay thương gia khá.

Tử, phủ, Vũ, Tướng, hội Long, Phượng, Tả, Hữu, Hình, Diêu thì làm thợ rất tinh vi, nhất là chạm trổ, điêu khắc.

Thiên cơ hội Hồng, Đào, Diêu, Tấu là hạng Super Ca nhạc nổi tiếng

Thiên cơ hội Vũ, Hồng, Tấu làm thợ thêu; may rất khéo.

Sát, Phá, Liêm, Tham hội Hồng, Đào, Tấu, Long Phượng làm thợ vẽ hay họa sĩ có biệt tài.

Cơ, Nguyệt Đồng Lương hội Tả Hữu, Thai Cáo, Xương Khúc tất là hàng công chức thường.

Cơ Nguyệt Đồng Lương hội Tướng Ấn Long Phượng, Phù làm thầy cúng, đồng bóng.

Sát Phá Liêm Tham hội Nhật Nguyệt hãm và Tả Hữu, Quyền, Lộc thì làm thầy tướng hay thầy bói.

Thiên đồng hội Hình, Diêu, Hồng, Đào, Long, Phượng thì mê đồng bóng.

Thiên Tướng hội Tả Hữu, Tướng ân Quan phù đi tu cao tăng đến Hòa thượng

4. Hạ cách: Có những cách chính tinh như trên, nhưng không gặp được cát tinh hội đủ bộ, mà lại gặp Hung tinh và sát tinh đóng.

Ví dụ: Sát Phá Liêm Tham hội Vũ, Kinh Đà, Thiên địa Không sát, Song Hao, Hóa Kỵ. Tất cả chính tinh cùng hung tinh sát tinh nhiều ở vào nơi hãm địa

Gặp phải cách ấy thì thật suốt đời lao khổ, chịu tội nguyên, hoặc lang thang lo miếng ăn từng bữa.

Chú ý: Khi xem lá số cho một người về cuộc đời họ phải chú trọng 3 cung nay : PHÚC MỆNH QUAN và THÂN cư cung nào. Sau đó mới xem kỹ đến cung Tài, Điền và Thiên di, Giải ách để làm một tổng hợp luận đoán mới xác đáng được, về sự Thọ yếu, Giàu sang Quan tước, Thông minh, Bần tiện. Hoang đàng, Tàng Tật, Vũ chức, Thương nhân, Kỹ nghệ, Tu hành, trộm cướp.v.v. . .

- a. **Phúc thọ cách:** Được Đồng Lương đóng Mệnh tại Dần Thân hội phúc tinh, cát tinh, nhất là người sinh thuộc nam phương, tuổi Tỵ, Ngọ, Mùi. Hoặc Mệnh có Tư, Phủ Tướng, Vũ, hay Phá Liêm Tham. Tham miếu địa, đắc địa, hội cát tinh, không gặp hung tinh, sát tinh hãm thất là người sinh phương Bắc tuổi Hợi, Tí, Sửu. Trong khi ấy cung Phúc sáng sủa, cung Giải ách không mờ ám.
- b. **Thông minh cách:** Mệnh thân có Phù, Tướng, Triều viên đắc địa, hội Khôi Việt, Xương Khúc, Tả Hữu, Long Phượng, Thai, Tuế mà không gặp Tuần, Triệt, Thiên Địa Không. Được thế thì thông minh tuyệt chung. Bằng không thì Mệnh Thân có Tướng. Phá miếu, vượng địa hội văn tinh như Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, Quang quý. Trong khi ấy cung Phúc cũng rất thông minh.
- c. **Số giàu sang:** Mệnh thân không bị sát tinh đóng. Cung Điền Tài, lại có Nguyệt đắc địa, hay có Vũ khúc đóng ở cung Tứ mộ, hội lưỡng Lộc cũng các tài tinh.
- d. **Văn chức cách:** Ba cung Mệnh, Thân Quan cần có Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, đóng và có Tam Hóa triều về, tất nhiên công danh thành đạt.

- e. Võ chức cách: Mệnh, Thân Quan có Vũ, Tướng, Sát, Phá, Liêm Tham đắc địa lại hội Khôi Việt, Tả Hữu, Thai Tọa, Khoa Quyền, Lộc, Bính, Hình, Tướng, Ấn.
- f. Kính thương cách: Người mà Mệnh có cự Nhật hay Tử Phủ đắc địa là hạng thẳng thắn, không có mưu tính quanh co, tất không thể làm thương mại được. Trong trường hợp nếu Mệnh hay Thân có Tử, Phủ đắc địa mà gặp Kinh dương đồng cung thì lại trở nên một thương gia giỏi. Hoặc mệnh có Nguyệt, Tham, Đồng, Sát, Cự, Lương đắc địa mà cung Tài, hay cung Thiên có tài tinh nếu Lộc, Mã, Vũ đồng sáng sủa thì ắt hạng cự thương.

Hoặc là mệnh có Sát, Phá, Liêm, đắc địa gặp Tả Hữu và cát tinh đắc địa thì cũng chuyên về kinh thương. Nhưng phải về sau mới thành đạt vẻ vang.

Hoặc là Mệnh Thân, Thiên di hay Tài bạch an tại Tứ sinh (Dần, Thân, Tỵ, Hợi) có Không, Kiếp tạo thủ là người giỏi về buôn đồ quốc cấm, hàng lậu.

Người có cung Thiên di an tại Tứ mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) mà có Vũ khúc hợp Lộc hay cùng lộc thì buôn bán hoành phát.

- g. Cách làm kỹ nghệ: Mệnh có Tham vũ đắc địa gặp Sát, Kinh hội, làm kỹ nghệ tinh khéo.

Hoặc Mệnh Thân ở cung Hợi Tỵ có Vũ, Phá đồng cung

Hoặc Mệnh Thân tại Dậu, Mão, có Liêm Phá đồng cung

Mệnh, Thân có Cự hội Tướng, mà Tài cung an ở Tứ mộ có các Lộc hội chiếu hoặc tọa thủ, hoặc có Vũ khúc là người rất tinh về máy móc, có tài sáng tác kỹ nghệ.

Mệnh Thân đóng ở Tỵ, Hợi có Liêm, Tham mà gặp sát tinh hội là số gần xiềng xích, nên chỉ chuyên về nghề thợ sắt hay thợ rèn, thợ đúc, hay làm đồ tế. Nếu sát tinh được sang sủa thì cũng tránh được nhiều khốn khổ và phát đạt.

1. Văn chương cách: Trong 3 cung Mệnh Quan và Thân có nhiều văn tinh hội như Xương Khúc, Tả Hữu, Khôi Việt thì giỏi về văn chương, thơ phú

Nếu có Tả Hữu, Long Phượng, Đào Hồng, Thai Tọa thì làm Họa sĩ

Nếu hội Long Phượng, Xương Khúc, Hồng Đào, Tấu, Diêu thì giỏi về Ca nhạc, vũ kịch.

k. **Cách tu hành:** Mệnh Thân an tại Mão, Dậu có Tử Tham, đồng cung lại gặp Không, Kiếp, hoặc là Thiên phủ gặp tam Không.

Hoặc là Mệnh vô chính diệu mà gặp phải nhiều sát tinh hội là kẻ thích lánh mùi tục lụy.

Nên chú ý khi xem thấy Mệnh Thân như trên thì cần cử soát lại 3 cung Phụ mẫu, Phối và Tử có phải là thật xấu xa mờ ám không thì mới hợp với cung Mệnh Thân rõ cách tu hành.

i. **Bần tiện cách:** Mệnh, Thân có Sát, Phá, Liêm, Vũ hãm hội với Kinh, Đà, Không Kiếp, Song Hao Hóa Kỵ, nhất là Mệnh, Thân an tại Tứ sinh mà gặp Tham Liêm hội sát tinh, trong khi ấy cung Phúc, Tài, Diên, lại mờ ám nữa.

m. **Cách Hoang đàng:** Mệnh thân có Tham, Đào, Diêu, Hỷ, Mộc ngộ song Hao thì đam mê tử sắc, chiêu lấy tai ương, nhất là có Kinh, Kiếp, Không hội.

n. **Cách tàn tật:** Mệnh có Kinh, hay Đà tọa thủ, Thân lại gặp Linh Hỏa Không Kiếp, Kiếp sát thì mang thương tật. Trong khi ấy phải cần xét kỹ cung Phúc và cung Giải ách có nhiều cát tinh hay hung tinh, sát tinh hãm thì mới quyết đoán được.

Còn tật ách về bộ phận nào thì cần xem sao chính thủ tại đó làm biểu tượng. (Hãy xem bản kê rõ các biểu tượng sao ở sau)

o. **Cách yêu chiết:** Xem cung Phúc, Mệnh, Thân đều mờ ám cung Giải ách hội sát tinh và hung tinh, mà đại hạn trong 10 năm đầu gặp phải cách hung sát thì khó lòng sống qua được giai đoạn đại hạn ấy

p. **Cách trộm cướp :** Cung Mệnh có Sát, Phá Liêm Tham hãm địa lại gặp sát tinh hội (tứ sát, lục bại) thì là hạng trộm cướp, gian tà, giết người không ghê tay.

VI. LUẬN VỀ SAO CUNG MỆNH.

1. Xem về cung an Mệnh: Nếu Mệnh người thuộc Dương cư cung Dương. Mệnh an cư cung âm thì độ số gia tăng tốt thêm. Nếu nghịch lại thì độ số có bị chiết giảm ít nhiều.
2. Lạc hãm: Khi nào xem hành của cung khắc hành của Sao là lạc hãm nếu vừa lạc hãm lại gặp Tuần Triệt nữa thì càng thêm xấu. Trái lại nếu ở đó có một chính tinh nữa mà sinh được cung thì trở thành đẹp. Ví dụ sao Văn xương là Kim mà đóng ở cung Ngọ và Hỏa là lạc hãm, song nếu gặp chính tinh là Thiên cơ thuộc mộc đóng ở đó thì hóa tốt.
3. Chính tinh cũng an mệnh hay hành của mệnh sinh chính tinh thì độ số kém tốt bớt.
4. Cung Mệnh khắc chính tinh hay chính tinh khắc hành của Mệnh thì độ số càng kém.
5. Hành của cung Mệnh hay cung Thân sinh hành của sao, sao lại sinh được hành của bản mệnh thì tốt, song nếu gặp hai sao sinh khắc lại kém đi.
6. Mệnh có sao hãm địa mà hợp được cớ hành của Mệnh cũng trở thành khá hơn. Trái lại được sao đắc địa mà không hợp với hành của Mệnh thì kém đi.
7. Sao và mệnh có hợp phương hướng, nơi sinh không (đô thị, thôn dã, sơn cước) thì mới tốt được.

Vẽ cung soa nhập hạn cũng theo cách luận của ngũ hành sinh khắc y như trên để đoán.

NGŨ HÀNH SỞ THUỘC TÍNH TINH

Kim : thì Khoa, Vũ, Xương, Linh (linh tinh)

Đà la. Kiếp sát cùng Kinh dương nay

Sao Triệt lộ, Hổ, Suy, Phá toái

Hỏa tú cung Hoa csi, Lâm quan.

Trực phù, Đế vượng một đoàn,

Quan đời, Thai phụ cùng làng Tấu thư

MỘC: thì Dưỡng, Tọa (bát tọa), đường phù

An quang, Thiên hỉ; Thiên cơ, Quyền Đào.

Giải thần, Tang, Tướng (Tướng quân) ba sao,

THỦY: THÌ Cự ts, Đồng, Hư, Lưu hà.

Bác sĩ, Tam thai cùng là.

Long trì, Long đức một nhà Thanh Long.

Mộc Dục, sao Tử, Hồng loan,

Thiên Khốc, Diêu, Kỵ, Phá, tham cho tường.

Sứ, Y, Thiên Quý, Thiếu âm

Văn Khúc, Hữu Bật, Tràn sinh một phường.

THỔ: Tử Phủ, Thiên Thương, Thiên thọ.

Thiên Phúc cùng sao Mộc, tả, Phù.
 Địa Giải; Quốc Ấn, Thiên trù
 Phương Các, Phúc đức, Bệnh phù, sao Thai
 Lộc tồn, Hóa Lộc, Thiên tài,
 Sao Tuyết, Thiên Khố tiếp bài Quả, Cô (Qui tú, Cô thần)
HỎA: Thái Dương cung lò Thất Sát
 Khôi Việt, Sao (Song Hao) Điều Khách, Đẩu Quân
 Kiếp, Không, Hình, Mã Hỷ Thần
 Hỏa Tinh, Thái tuế; Thiếu Dương, Tử Phù
 Quan Phủ lại Quan Phù, Lục Sĩ
 Đến Tuần Không bỗng thấy Phục Binh
 Thiên Không, Thiên, Nguyệt, Đức tính.
 Phí Liêm, Kiếp Sát bên mình Thiên Quan
 Sao Bệnh; Thiên Giải cùng làng.
 Văn tinh, này đã định phương Ngũ hành.

HÀNH CỦA NAM BẮC TINH

Tử vi, Tả phụ, Lộc Tồn : Thổ
 Vũ Khúc, Đà La, Dương nhận : Kim
 Phá, Bát, Cự, Tham, Văn Khúc: Thủy
 Hỏa thuộc Liêm Trinh, Bắc đẩu tinh
 Thiên phủ, Thiên Lương: Thổ hữu tình
 Thiên Đồng, Thiên Tướng: Thủy tuy thanh
 Xương, Sát thuộc Kim, Thiên Cơ: Mộc
 Hỏa Linh, Khôi Việt: Hỏa nam tính

CUNG CÁC SAO ĐẮC ĐỊA

Tỉ cung đắc địa Thái Âm tinh
 Sát, phá, Xương, Tham, Văn Khúc minh
 Sửu Mùi: Tử, phá triều Nhật, Nguyệt
 Trinh : Mùi, Lương : Sửu phúc phi Khinh
 Dần cung tối hỷ Thái dương cư,
 Thất Sát, Thiên đồng, Thiên lương thanh
 Mão thượng, Cự, Cơ vi quý cách.
 Vũ khúc thủ Mão thì phong danh.
 Thìn Tuất : Cơ, Lương phi tiểu bổ
 Tuất cung : Thiên Tướng tựa thiên kim
 Tý Hợi : Thiên cơ, Thiên tướng quý
 Ngọ cung : Tử, Phủ, Lương cần vinh
 Thiên cung Âm, Cự tinh, Sát : mỹ
 Dậu, Tuất, Hợi thượng Thái Âm dịch.
 Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ : Thái dương chiếu.

Tử, Phủ, Cự tú : Ty Hợi hưng
 Hợi cung Thiên Phủ, Thiên lương : hỷ
 Tí cung: Thiên cơ diệt trung bình
 Thất Sát: Tí Ngọ phùng Tả, Hữu
 Văn Khúc gia chi, cách tối thanh
 Liêm tọa Thân cung phùng Phụ, Bật
 Canh, Kim hóa cát phúc quang vinh
 Vũ, Xương: Ty Hợi đình
 Lục giáp soái biên đình
 Tham lang cư Mão, Dậu
 Ngọ Hỏa tá công khanh.
 Dần nguyệt, lục Đinh vinh (tảngs Giên hay năm Đinh)
 Cự Mão phùng Tả Hữu
 Lục Ất lục biên đình (quan ở Biên di)
 Cự tọa Dần, Thân vị
 Phúc hỷ Giáp, Canh sinh
 Dần, Thân phùng Thất sát
 Tả Hữu hội Xương tinh (người khôn ngoan)
 Thìn Tuất: Tả Hữu, Xương
 Tất định vị công khanh.

12 CUNG CÁC SAO LỤC HẮM

Sửu Mùi : Cự, Cơ vi hạ cách
 Dần. Thân : Cơ, Nguyệt phúc tu khinh
 Mão Dậu : Liêm, Phá giữ Dương nhận
 Tuất Thìn : Tử Phá tối vi điên (điên đảo)
 Ty: Hợi : Đồng, Lương, Tham, Trinh hãm
 Ngọ cung âm cực bất kham xưng
 Thân cung: Phá, Vũ vi hạ cách
 Dậu phùng Cơ, Cự, Nhật vô tình
 Mão, Thìn, Ty, Ngọ : Thái âm tu
 Tuất, Hợi : Thai dương diệu bất minh
 Phá Quân : Mão, Dậu bất vi thanh
 Gia Sát, Kiếp vi gian đạo
 Thử hội Hình, Đà bất tất luận
 Tham lang, Hoá lộc cư từ mộ
 Tuy nhiên ngộ cát diệt trung bình
 Mệnh trêu nhược địa hựu phùng Kỳ
 Không, Kiếp, Kinh Dương gia Hỏa, Linh
 Nhược phi yếu chiết, chủ hạ tiện
 Lục súc chi mệnh bất khả bằng.

HẠNH HÀNH ĐẮC SỐ LỆ

*Hoả hành Dân Ngọ cộng Xà hương
Kim phùng song nữ Dậu, Thân phương
Mộc đao hội cung, Dân, Mão vị
Thủy, Thổ, Thân, Hợi, Tí vị lương*

HẠN HÀNH PHẢN BỐI

*Hoả hành Tuất Hợi tiện vi tai
Thủy Thổ Long, Xà, Kỵ nữ ai
Kim ngộ Sửu, Dần ta hữu hại
Mộc hành Thân, Dậu giả vô giai*

VII. PHÚ ĐOÁN CÁC CUNG

CUNG MỆNH

A. NAM MỆNH

Những bài phú sau đây được phối hợp tất cả các phú đoán do cổ nhân đã dịch một phần, còn một phần do soạn giả dịch bổ túc vào, lấy ở các phú Tẩu được kiểm cẩn thận.

*Tử, Phủ trọng hậu khác thường,
Vũ, Tham : người nhỏ là phường tham lam.
Tứ phùng Không, Kiếp kiểm gian,
Hoặc là Tứ sát trong làng gian phi
Thìn Tuất : phủ, Tướng phùng suy,
Tính hay chấp nhất đa nghi mọi bề
Tham, Liêm : Tỵ, Hợi đáng chê
Tính tham thấy của người mê liền vô.
Vũ, Tham đầu nhỏ mình to
Phá, Liêm xốc xếch sức đo hơn người
Cự, Cơ ơ Dâu thâm môi;
Cơ, Lương, Vũ, Phá là người có uy
Sát phùng Thiên hỉ khá hay,
Ấy là phong nhã uy nghi mọi đàn
Khúc Xương là đáng thanh nhàn
Thật thà đứng đắn là làng Đồng, Lương
Việt, Khoi là cách văn chương.
Khoi là khôi ngô, Việt thường da đen
Mặt hoa ấy hội Khoa Quyền;
Vũ, Tham, Hóa lộc râu liền đến tai.
Đáng vàng là hội Phong, Thai.
Long trì, Phụng các ấy ai dịu dàng.
Đẹp thay Tả Hữu một phương
Khốc Hự quanh mắt thường thường tròn thâm
Tham Đào tổ tóc xanh râu;
Mắt đen vũ, Kỵ chẳng nhằm một ại*

Việt, Đà tiếng nói khoan Thái;
Đồng, Không, Hư, Nhận lắm lời thị phi
Mộc tình làm dáng ai bì,
Hay khoe mình cũng bởi vì Lâm quan
Trường sinh, Lúc sĩ nói ngoan:
Phủ phùng Thiên mã luận bàn thấp cao
Quí, An là khách phong tao,
Trên vào cũng vị dưới nào cũng yên
Thanh long cơ biến để điều
Tấu thư nói ngọt người theo ngay về.
Hỷ thân, Hoa cái tốt ghê,
Khẩu thiệt trường đoản mọi bề dám đang
Kiếp, Không da ắt đến hoàn;
Hỏa, Linh mặt khó sâu đêm ngày.
Kinh dương tai kém mình gây,
Đà la mắt lớn, chân tay thì Daimetin.
Đào, Hồng mặt mũi xinh tươi
Kỵ, Hình, Đà, Nhận là người tật thương
Vũ, Diêu, Toái ngọng lẽ thường
Lại thêm Việt, Kỵ ắt phùng điếc câm,
Đồng cung Diêu, Kỵ chẳng nhâm
Số mà như thế chịu phần sức môi
Tham lam hãm địa là người,
Trong hai nách những mồ hôi một lò
Người ngam mắt nhỏ mắt to
Nhật phùng Đào, Sát tương phù Mệnh viên
Am, Dương lạc hãm không nên
Trong ngoài Diêu, Kỵ cho nên mắt lò
Mắt to mắt nhỏ ấy là.
Nhật phùng Không hãm đoán ra rõ mười.
Phủ phùng Thất sát nực cười
Mắt to tai nhỏ là người dị nhân
Gù lưng thôi chớ phân vân.
Nhật phùng Kỵ, Sát lại lâm Bệnh phù.
Đà la hắc tử (mọt ruồi) điểm to
Cự môn, Hóa kỵ âu lo hao huyền
Tham lam Thái Tuế một miền,
Trong ngoài cơ trí đảo điên khó đồng
Triệt, Tuần đóng ở Mệnh cung
Thiếu niên tâm khổ lo toan mọi đường
Cô thân, Quả tú mệnh cung
Tính người cô độc không màng giao du
Lộc tồn giàu có về sau

Trường sinh, Đế vượng ấy màu thiện lương
 Phủ phùng thất sát chí khôn.
 Việc làm táo bạo, những toan hơn người
 Giáp Long, Giáp Phụng đôi nơi
 Tả, Hữu, Thai Tọa lâu dài thiếu niên.
 Kinh, Đà, giáp với Mệnh viên,
 Hoặc là Không, Kiếp bản hàn yếu vong
 Tứ linh: Cái, Hổ, Phượng, Long
 Công danh quyền thế lấy lưng một khi,
 Tấu thư, Hoa cái thanh kỳ,
 Mộc diêu, Hoa cái ất thì dâm hôn/
 Hổ mà gặp Tấu đồng cung
 Côn danh thi cử nên công dễ dàng.
 Hổ mà gặp Phi đồng sào,
 Ấy Hổ mọc cánh mọi đường hanh thông
 Tử, Phủ gặp mã Dần, Thân
 Phù dư mã ất thanh vận lộ đồ
 Nhật, Nguyệt địa, Mã tương cờ
 Thư hùng mã ất tài cơ sang giàu
 Đồng cung Tôn, Mã gặp nhau
 Ấy là chiết tiến, ngàn dâu thẳng đường
 Mã ngộ Linh, Hỏa miếu cung:
 Chiến binh mã ấy vẫy vùng nơi nơi.
 Tuất mã : Khốc, Khách hợp bài,
 Ngựa kia có nhạc anh hài lên yên
 Thiên hình ngộ Mã chẳng nên :
 Phù thi mã ất tạt nguyên chân tay . .
 Chiết túc : Đà, Mã sun vầy
 Tử mã : Tuần, Triệt đêm ngày khảm kha.
 Mã kia sao Tuyệt một nhà,
 Cùng đồ Mã ấy thật, là vô phương
 Thiên hình đóng ở Dần cung (cách Hổ ngâm kiếm)
 Mệnh, Thân tại đó uy hùng tướng quân
 Hình, Tướng, Ấn, Binh hợp cùng.
 Tài kiêm văn võ vẫy vùng nơi nơi
 Khúc, Xương: Thương, Sứ hợp bài
 Phải phòng tai họa bên ngoài bên trong
 Đẩu quân, Tử, Phủ thông dong
 Ở cung quan lộc trùng trùng phước lai
 Đẩu gặp Tôn khá tiến tài
 Khốc, Hư lạc hãm miệt mài gian truân
 Hỏa tai thủy ách lăm lăm
 Bỏ Liêm, Sát, Hỏa Diêu cùng Kỵ, Tham

Thiên, Nguyệt đức, Giải thần tàng
 Cùng là Quan, phúc một làng trừ hung,
 Thái dương đóng chốn thủy cung (Hợi và Tí)
 Gặp Kinh hay Kỵ: yếu vong hoặc mù
 Hạn gặp thối cũng âu lo,
 Hoặc đau đôi mắt, hoặc chờ tóc tang(phần cha)
 Đà la, Địa Kiếp chiếu phương
 Gặp Linh tinh, nạn bất thường chẳng sai
 Khốc, Hư Tí, Ngọ đồng bài
 Tiền bản, hậu phú chớ sai lẽ bàn
 Không, Kiếp Tỵ, Hợi đồng sàn
 Công danh nhọanh phát phải tường cơ vì
 Hồng loan cư Tí khá hay
 Văn tinh hội chiếu danh ghi ấu thời
 Thiên mã nhập Mệnh ấy ai
 Tài năng mãi tiếp người người ngời Super Ca
 Thiên đồng thủ mệnh ấy là
 Đổi thay tính khí khó mà chiều nuông
 Tràng sinh, Mã, Hỉ đồng cung
 Công danh đắc lộ vẫy vùng một phương
 Thiên diêu Tài, Mệnh sinh ương
 Không mê cờ bạc cũng phương rượu chè
 Vũ Khúc : Thân Mệnh khá hay
 Nốt ruồi kín ở thân nay phải tường
 Thái âm, Kinh ở Ngọ cung
 Mệnh viên tại đó uy hùng tướng quân
 Thái dương cư Hợi Mệnh, Thân
 Gặp Khoa, Quyền, Lộc mười tám vện mười
 Cơ mệnh miếu vượng đa tài,
 Tâm tù, tính cấp là người hiển vinh
 Khôi, Việt miếu địa trưởng huynh
 Gia đình, xã hội hẳn dành ngôi trên
 Liêm trinh lạc hãm ưu phiền
 Khoa Quyền ở Ngọ ải phiên trọng thân
 Mệnh vô chính diệu “Tam Không”
 Nhật, Nguyệt giao chiến dự phần công khanh
 Thai mệnh đa học thiếu thành (Sao Thai ở mệnh học giỏi mà thành không đạt được
 Mộ hợp Thai, Toạ hiển danh anh tài (Sao Mộ đóng ở Tứ Mộ lại gặp Tam thai, Bát toạ)
 Liên châu Tam Hóa phước lai.
 Kỵ, Đà, Diêu kế họa tai bất thường (3sao đi liên cung lại gặp Mệnh, như Tam Hóa liên

châu)

Phong cáo, Thai phụ giao hoan
 Ấy người hưởng ấm thừa quang cõi trần

Xương Khúc đóng ở Mệnh Thân,
 Là phùng tao khách xa gần ngại Super Ca
 Địa kiếp độc thủ ác tà,
 Liêm, Phá là hạng quỷ ma bất thường (đóng hãm địa)
 Thiên khốc, Địa vông tai ương:
 Hóa Quyền, Thiên khố lại đường minh danh
 Khôi, Xương ở mệnh bậc lành,
 Hỏa, Hình đóng mệnh giữ mình lửa than
 Tả, Hữu đắc địa đồng sà
 Ấy là được cách thanh nhân hiển vinh
 Thiên quan, Thiên phúc tu hành
 Tứ Sát vượng địa đã đành minh huy
 Hóa kỵ thì rớt lăm khi
 Dương phùng Kiếp sát học gì cho đương
 Sát, Hình cô độc tình ương
 Quan phủ, Thái tuế thường công môn
 Bính, Hình nói chẳng hé răng
 Hãm cung Phá, Tuế nó bằng sấm vang
 Tham lương những thích ăn sang
 Điều Kỵ tửu sắc lăm đàng ngã nghiêng
 Đế hãm Mão, Dậu, lại thêm
 Sát tinh hội hợp cửa Thiên gởi thân
 Hoặc là Thê, Tử, Phúc cung
 Kiếp, Không, Sát, Kỵ hãm vòng đĩm
 Máy người phú quý không toàn
 Bởi sao nhật, Nguyệt hợp đoàn sát tinh, (tức Điều, Đà, Không, Kiếp)
 Máy người khó hiển công danh
 Chỉ vì Nhật, Nguyệt đồng tranh Sửu, Mùi
 Máy người thu ẩn triệt hồi
 Bởi sao Không, Kiếp đứng ngôi nào yên
 Phụng Long: Mão Dần hai miền
 Bảng vàng cô thuở đề tên ở đâu
 Quý, An Mùi, Sửu rất mau (An quang, Thiên quý đóng Sửu hay Mùi)
 Đường mây thẳng bước cao sâu cửa trùng
 Cung Quan mừng được Đào, Hồng;
 Thiên di tối kỵ Kiếp, Không lâm vào
 Công danh hẹn tuổi tác cao,
 Giáp, Liêm, giáp Sát đoán nào có sai (Giáp Liêm Trinh, Thất sát)
 Giáp Bát bọ, Giáp Tam thai
 Thiếu niên cũng dự cát đài nghênh ngang
 Tả, Hữu, Quan, Phúc đồng san
 Chính tinh đắc địa rõ ràng lương y
 Những người niên thiếu danh ghi,

Hồng Loan, Bát tọa ở vì Mệnh cung
Song Hao, Tham hội đa dâm;
Thiên đồng ngộ Quý mười phần thanh tao
Phá quận, Diêu, Mã hợp vào
Áy hạng du đấng ai nào muốn thân
Giáp Thân, Mệnh khá rõ phân,
Nhất là Tử, Phủ dự phần cao sang.
Giáp Tả Hữu, Khúc Xương, Nhật Nguyệt ;
Lộc, Khoa, Quyền, Khôi Việt cùng gia
Kỵ, Liêm, Phá, Vũ xấu xa
Giáp cung Không Kiếp, Kinh Đà sao nên
Mão đến Tỵ bính đen Nguyệt hãm,
Gặp Lương càng bi thảm gian truân.
Kìa ai tiền phú hậu bần,
Bởi chưng Không Kiếp chiếu tuần vận sau,
Còn trước khổ sau giàu bởi số.
Thân Mệnh, Thân Tham, Vũ đồng hoà
Hay gì hãm địa Hóa Khoa
Gặp Không Kiếp ắt quái tà thạch tinh
Đất Tí, Ngọ, Sửu, Thân : Hóa lộc
Hội Kiếp, Không là gốc tàn suy
Phủ ở Tuất, Tử vi ở Ngọ
Mệnh công khanh áo đỏ đai vàng
Mệnh, Thiên, Tài, Lộc, (Quan lộc) bốn phương
Có Tam Hóa hội rõ ràng tiếng văn
Cự, Cơ hợp Khúc, Xương, Tả Hữu
Ở Mão cung rạng rỡ công danh
Tân, Kỷ : nhất ; thứ : Bính Đinh
Ngoài ra các tuổi dự vinh đôi phần
Linh, Dương, Tham, Tướng Tí cung
Cùng là Tứ mộ nổi danh tướng tài
Nguyệt Dậu, Nhật Tỵ lai triều hợp
Tuổi Đinh, Tân, Bính, Ất phú viên
Nhà ai phúc lộc vẹn tuyền
Bởi sao Tử, Phủ chiếu miền tam phương
Đất Thìn, Tuất Âm, Dương (Nhật, Nguyệt đối chiếu)
Hoặc Mùi cung, Mão Hợi hợp nhau,
Cách là vượng địa minh châu,
Cung thêm thảo bước sang giàu cung thân
Tuất Hợi : Nguyệt, Mão, Thìn thì Nhật
Ngọ Việt, Khôi, Tả Hữu, Khúc Xương
Áy người tước lộc giàu sang
Chớ nên ắt sát, chớ vương Kỵ, Hình

Lương, Khúc đóng đồng danh Dân, Ngọ
 Hoặc Ngọ: Lương; Khúc tọa Tí cung
 Chúc quan ngôi đến đài cương,
 Công danh rạng mặt, mọi đường minh danh.
 Đất Tứ mộ ; Hỏa, Linh, Tham, Vũ
 Có uy quyền, chớ ngộ Kinh dương
 Thân cung Liêm; Tướng một đường
 Anh hùng vũ dũng ai đương được mình
 Sao Cự tú Tuất, Thìn rất kỵ
 Những chịu điều thị thị phi phi
 Kiếp, Không, Thái tuế suy vi;
 Lộc, Mã ngộ Triệt ích gì nữa mong
 Lục châu thuở lâu hồng phải ách,
 Bối Tuế, Tang, Diếu khách cùng hòa
 Tham, Vũ đóng đất Vong, La (Thìn, Tuất)
 Gặp loài Tang, Diếu một nhà càng hung
 Cung, Tỵ, Hợi : Khúc Xương tạo thủ
 Trở thành ha nếu có Liêm trình
 Tuất, Thìn Xương Khúc, Đà, Linh
 Sát gai Mệnh, Hạng gieo mình trầm vong
 Liêm, Sát, Tỵ, Kiếp, Không tương hội
 Mệnh an nơi Tỵ, hợi bình bông
 Tử vi sao quý khá mong,
 Tuất Thìn gặp Phá lại giòng hư danh
 Xương Khúc, Phá gặp Hình, Kiếp sát
 Chấn Mão, Thìn, Dậu, Tuất lao đao
 Tam Hóa: Hóa lộc đứng đầu
 Vào cung Tứ mộ như mầu khói mây
 Sao Cự môn hãm ngay Thìn, Tuất
 Nhưng tuổi Tân gặp Lộc cũng hay
 Mấy người hà tiện xưa nay,
 Bối cung Tài, Phúc gặp này Kiếp Không
 Khoa hãm địa ở vòng Mệnh vị
 Nghiệp không thành, danh chí như mây
 Lộc ngộ Không Kiếp đồng quý
 Cũng là vô dụng, Hóa vi cơ hàn
 Tử vi thủ Mệnh an ở Ngọ
 Không sát tính chức có tam công,
 Phải là Đinh, Kỷ sanh năm,
 Cùng là Ất, Giáp khá mong được nhờ
 Còn Thiên phủ Tuất cư Mệnh vị
 Hợp cát tinh Giáp, Kỷ sanh nhân
 Hoả cục vẹn vẻ mười phân

Tam công chúc chưởng, dành phần chẳng ngoa
 Cung Dần : Lộc; Hợi : khoa đắc cách
 Ấng công danh hện khách anh tài,
 Tham lang ; Hỏa tú liệt hài
 Mộ cung (Tứ mộ)
 Cũng kẻ quyền oai hơn đời
 Cự Lương gặp Khoa nơi Thìn, Tuất
 Có Mệnh viên ấy thật xinh tươi
 Hối ai Giáp, Kỷ mấy người
 Gặp sao Thiên khố tiền rời bạc muôn
 Cự Lương nếu đóng cung Mùi, Sửu
 Lại gia thêm Tứ Sát long đong
 Tham, Vũ đắc địa khá mong
 Bính Đinh, Thổ cục ấy giòng giàu sang,
 Mấy người phú quý nan toàn,
 Lương Hao, Hóa kỵ Tài, Quan lâm vào
 Mấy người dự bạc sang giàu,
 Hợi, Tí : Tướng ấn lại châu cát tinh
 Mấy người hiểu sắc hoang tình;
 Vì Xương Khúc đóng bên mình Diêu Y
 Mấy người đông trấn, tây trì
 Phá quân, Thiên Việt hợp bày Kinh dương
 Lý Quảng tài lành chẳng phong
 Kinh dương, Lúc sĩ tương phùng Mệnh, Thân
 Nhan Hôi chết giữa niên trung,
 Bối Văn xương hãm ngộ vòng Thiên thương
 Ất, Sửu nhân, Mệnh Dần phương
 Mùi cung : hạn ngộ Xương, Thương, Dương, Đà
 Việt, Linh, Hình ngộ Lương, Cơ
 Hoặc là Nhật, Nguyệt ắt chờ lôi kình (bị sét đánh)
 Trọng Do mãnh liệt đã đành,
 Nhờ Tham, Phá đóng ở mình Thân cung
 Ai đương Hạng Võ anh hùng,
 Ví sao Cữu tú, Lương, Đồng hợp xung
 Đồng đóng Mệnh ở Thìn cung
 Lương : Tí ; Cự : Tuất hợp trong một miền,
 Lại thêm Khoa, Lộc, Hóa Quyền
 Ở cung xung chiếu là miền Thiên di
 Tuế ngộ Không Kiếp vận suy
 Cữu tinh Mệnh có Tử vi với thành
 Hạn hành Vũ khúc, Tham tính
 Tang, Khốc, Thái tuế lâm Thìn, Tuất cung,
 Khuất Nguyên xưa phải trầm vong

Tuổi Canh nay vẫn đề phòng tử sinh
Xương Khúc mà gặp Liêm trinh
Ở cung Tỵ, Hợi tân sinh khó tròn
Tỵ, Hợi Mệnh ngộ Kiếp Không
Dẫu rằng đắc địa chết vòng trung niên
Liêm trinh, Thất sát đồng viên,
Ở cung Tỵ, Hợi chiếu miền Thiên thương
Đặng Thông đôi suốt năm trường
Hạn hành phải sợ tai ương đến mình.
Liêm, Xương, Đà, Vũ đồng danh ;
Tuổi Tân, Nhâm, Kỷ ắt dành họa tai
Kình dương, Kỵ, Hỏa một bài
Hãm mà thủ mệnh thật loài ác tinh,
Khúc Xương Mùi, Sửu hợp thành,
Nếu không cát diệu hữu danh vô dùng
Phá quân, Hình gặp Khúc Xương:
Tuất, Thìn, Mão, Dậu là phường lao đao
Sát, Phá, Liêm, Tang lâm vào
Kình, Đà, Kỵ ắt tránh nào bạo hung.
Linh, Hỏa; Thương, Sát, Kiếp Không
Chuyên đường tác họa trùng trùng hải kinh
Ngọ cung Tam Hóa hợp Kình
Người sinh Bính; Mậu: biên đình nổi danh
Lộc cư Nô bộc bực mình,
Đóng Tây xuôi ngược mới sinh tiền tài
Dương Linh tọa thủ mệnh ai;
Lại gặp Bạch hổ họa tai đao hình
Mệnh Vô chính diệu bất minh
Phụ Bát gia thủ đem mình ly tông
Kỵ, Hình, Tuất sát tương phùng
Thiếu niên yếu chiết như giòng văn Uyên
Hạn phùng Diêu, Hổ ưu phiền,
Những loài ác thú chớ nên đến gần
Hạn hành Cự; Kỵ hung thần,
Phái phòng những chốn giang tân mới lành.
Hồng, Đào, Không, Kiếp đồng danh,
Ấy phường yếu tử đã dành một hai
Kỵ, Đà, Thái tuế hợp bài
Cảnh đời nào được mấy người thung dung
Sao An, Quý hợp Khôi cùng
Ở vào Thân Mệnh bảng rỗng đề danh
Khôi Việt hội gặp Khoa tinh
Chẳng phùng Không ắt nên danh dễ dàng

Tham lang, Bạch hổ một dàng,
Tuất, Thìn tuổi ấy sơn lâm lánh đường
Hãm cung Tang, Tuất, Cơ, Lương
Ấy người kém phúc, vợ con biếng chiều
Tuế, Đà, Cự, Kỵ vận nghèo
Một thân xuống thác lên đèo chẳng yên.
Phù, Hình, Không Kiếp đón hèn
Kẻ thù người oán phải nên giữ mình.
Khốc, Hư, Tang Mã chẳng lành.
Hại người hại của phận đành tai ương
Kiếp, Không, Hình, Kỵ, Đà, Dương
Gian nan bệnh tật mọi đường khảm kha
Hỏa, Linh Long, Mộc một nhà
Lánh mình lửa cháy cùng là nước sôi
Dậu cung Hình, Tuất cùng ngồi
Tai bay vạ gió nào người gây ra
Dân, Thân: Sát, Kỵ trùng gia
Thường chiêu mạ nhục thật là gian truân
Cơ Lương Mộc Mã đồng cung
Phú kham địch quốc của dùng hết đầu.
Ngôi cao chức trọng công hầu
Ngọ cung Thất sát lại châu cát tinh
Quyền cao trọng trấn biên đình
Tử, Đồng, Lương, Vũ miếu tính hợp cùng.
An, Quý, Khôi Việt, Liêm, Hồng
Trai cận cứu trùng, gái tắc cung phi
Hồng, Khôi, Xương, Liêm phù trì
Sân Rồng dẫn bước lên ghi cứu trùng
Nếu Kỵ gia, ở Tí cung
Làm nghề thuật sĩ ung dung nuôi tình
Thiên, Nguyệt đức ngộ Đào tính,
Trai lấy vợ đẹp, gái lành chồng sang
Việt Khôi, Quyền Lộc khá bàn,
Trong nhà bậc trưởng, ra đàn bậc trên
Sát phùng Phù, Hổ sao nên,
Dã tràng thuở trước ưu phiền ngực trung
Dần, Thân, Tham ngộ Văn xương
Vận ông Đổng Phú, Hán Hoàng đem lưu
Mệnh, Điền: Tuần, Triệt đương đầu,
Tự cơ cha mẹ khó cầu khó mong
Phủ, Đà, Tuất đóng Tỵ cung
Thiểm ngôn, loạn ngữ nói rông thảng ngày
Bệnh phù, Thái tuế dễ thay

Ở cung Tứ mộ hợp bày Thiên thương
 Không Kiếp đóng ở Mệnh phương
 Triệt, Tuân án ngũ tránh đường hoạ tai
 Đào, Hồng, Diêu, Hỉ trong ngoài
 Lại gia Bính, Tướng : gái trai hoang tàng

Thân hung hạn sự muôn vàn
 Tiền đầu hãm hại một đoàn hung tinh
 Thất sát là loại đáng kinh
 Hãm địa ngộ phải lưu Kinh sợ thay
 Dưỡng, Đà, Thất sát khá hay
 Chiếu vào Thân, Mệnh tháng ngày khổ đau
 Cự Tham Phá Kỵ gặp nhau,
 Bên mình họa đến dễ hầu tránh ru
 Tham, Liêm : Tỵ, Hợi ngục tù,
 Dần, Thân : Tham hội Xương lo tụng đình
 Phá phùng Mão, Dậu khá kinh,
 Gặp sao Nguyệt đức phúc lành lại qua
 Hình, Kinh cư Ngọ đồng gia
 Sát, Kiếp lai chiếu ắt là ngục trung
 Mệnh, Đào, Thân lại Hồng loan
 Hạn gặp Tuế, Kiếp, phụng hoàng rẽ duyên.
 Thanh long, Thai, Hỉ hợp miền
 Vợ ắt thai nghén khá xem phúc nhà.
 Kinh dương, Hoa cái ngộ đà
 Hạn hành năm ấy đậu hoa phải phòng
 Vũ, Cơ, Lộc, Mã, Hỉ, Hồng
 Hôn nhân vận ấy đèo bồng thất gia
 Lương, Phục, Vũ ở Toà Ngọ vị,
 Hạn gặp thì chức trị quân binh
 Dậu cung Thái tuế, Thiên hình
 Phải phòng vận hạn dễ sinh gông cùm
 Chơi bờ du thủy, du sơn,
 Thiên di gặp Mã hợp chàng Đà la
 Thìn Tuất, Thất sát xem qua;
 Kinh, Hình hội ngộ ắt là đảo điên
 Tiểu hạn Cự, Vũ, Hóa Quyền,
 Hoặc Mộ (sao Mộ) Tả Hữu ấy miền thặng vinh
 Việt, Khôi, Long Phượng Văn tinh
 Vào thi ắt hẵn bề cảnh quế hoa
 Sát gặp Tôn, Tử đoán ra,
 Lại sao Kỵ đóng ắt là tối tăm
 Thiên lương ngộ Hỏa chó lằm,

*Hạn người tổn vật mấy lần họa sinh
 Thái dương hãm ngộ hung tinh,
 Nếu không kiện tụng, thôi đành tóc tang (bố chết)
 Quyền, Háo, Không Kiếp có màng
 Kể trên biếm loại khổ đàng công danh
 Linh phùng Sát, Phá hạn hành;
 Văn Vương xưa cũng giam mình ngục trung
 Nguyệt hãm, Đà; Hồ tuế xung,
 Hãi thay diêm Mẹ thoát vòng trần gian
 Xét xem các lẽ luận bàn,
 Mệnh, Thân, Vận hạn mọi đàng cho minh.*

CHÚ Ý: Khi xem các Phú trên đây phải biết rõ mọi sao ở phần trên thì đoán mới tinh tường, Khi đoán các sao ở Mệnh, Thân cũng như ở Vận Đại, Tiểu hạn đề có cách cuộc giải như nhau.

Phụ giải: Nam mệnh có Tử vi đắc địa mà gặp nhiều sao sáng sửa thì hưởng phú quý đến cực độ và sống lâu. Nếu Tử vi mà gặp Tuần Triệt thì lúc thiếu thời lao khổ, nhưng về già cũng được sung sướng. Nếu Tử vi mà gặp Không Kiếp thì mất hiệu lực, chịu sinh kế lao đao. Tử vi mà gặp Tham Lang đồng cung thì chỉ có tu hành mới được yên thân.

Nữ mệnh gặp Tử vi đắc địa là người có đức độ, vượng phu ích tử. Nếu gặp Tuần Triệt thì tình duyên khó khăn, mà lại gặp Không Kiếp và sát tinh thì là hạng dâm dật, khắc chồng hại con, nhưng cũng được no ấm

THIÊN CƠ

Đóng ở nam mệnh mà Miếu vượng địa ở Thìn Tuất và Mão Dậu là người đa mưu túc trí, giỏi về chiến lược chiến thuật, nhất là ở Mão Dậu có song Hao thì tài kiêm văn võ; đồng thời có sát tinh hội thì thật là vẹn toàn. Nếu Thiên cơ hãm địa thì thường cuộc đời phiêu bạt, hay gặp những tai ương.

Ở NỮ MỆNH: Cơ Miếu địa, đắc địa thì có tài đảm đang, vượng phu ích tử, giàu sang sống lâu. Nếu cơ miếu địa Mão Dậu thì là hạng đàn bà dâm dật. Trái lại Cơ hãm địa cũng là người giỏi dang nhưng xảo trá. Nếu đã hãm mà còn gặp hung tinh nữa thì thật là kẻ sát chồng hại con, nếu no cơm ấm áo thì cũng không thọ.

THÁI DƯƠNG

Ở NAM MỆNH: miếu vượng địa mà hội cát tinh là người thao lược có uy quyền hiển hách. Nhưng nếu đóng hãm địa ở Hợi mà gặp được Tam Hóa thì cũng rực rỡ, trái lại hãm địa mà gặp hung tinh, sát tinh thì mất có tật, chân tay có vết, thường gặp tai ương, sống cuộc đời lang thang phiêu bạt.

Ở NỮ MỆNH : Thái Dương miếu vượng địa thì người cương nghị, vượng phu ích tử, phúc thọ vẹn toàn. Nếu hãm địa là người đa sầu đa cảm nhưng cũng được no đủ, thường lấy lẽ mới tranh được mấy độ buồn thương. Nhưng nếu hãm địa mà gặp sát tinh thì chung thân cùng khổ, mất kém, mang bệnh khí huyết, thường gặp tai ương.

VŨ KHÚC

Ở NAM MỆNH : Vũ Miếu vượng hay đắc địa mà gặp cát tinh hội tất hiển đạt về võ nghiệp. Nếu Vũ hãm địa, mà gặp nhiều cát tinh tất chuyên về kỹ nghệ hay kinh doanh trở nên khá giả. Trái lại hãm địa mà gặp sát tinh thì cùng khổ, phải tha phương cầu thực, dễ bị tù tội.

Ở NỮ MỆNH: Vũ Khúc miếu vượng hay đắc địa là người đảm đang, hưởng giàu sang, song phải muông lập gia đình. Nhưng nếu Vũ hãm địa tuy là người đảm đang nhưng hung bạo tham lận hay lấn át chồng con, tuổi thọ cũng chiết giảm, nếu gặp phải sát tinh thì thật cùng khổ có đơn, sát công hại con.

THIÊN ĐỒNG

Ở NAM MỆNH: Đồng miếu vượng đắc địa mà hội cát tinh tức phúc thọ song toàn. Nếu đồng hãm địa mà gặp nhiều sao xấu thì cuộc đời đổi thay vô độ, lao khổ về sinh kế, hay mắc bệnh ở bộ tiêu hoá.

Ở NỮ MỆNH : Đồng rực rỡ (ở đắc địa) là hạng có đức độ đảm đang, vượng phu ích tử. Nhưng đắc địa ở cung Hợi Ty lại là người đàn bà dâm dăng và haong dăng dâm dật, suốt đời vất vả nhưng cũng được no ấm. Song nếu gặp sát tinh thì cùng khổ, hay mắc bệnh ở bộ tiêu hóa hay ở tử cung.

LIÊM TRINH

Ở NAM MỆNH : miếu vượng hay đắc địa mà hội cát tinh tất có uy quyền hiển hách. Nếu Liêm hãm địa mà sát tinh hội thì suốt đời cùng khổ, thường hay bị tai nạn và tù tội, cuối cùng chết một cách thảm khốc.

Ở NỮ MỆNH; Liêm miếu vượng hay đắc địa là người nghiêm nghị, đoan chính, thanh cao, đảm đang giàu sang, nhưng phải muông lập gia đình mới khỏi bị dang dở. Nếu Liêm hãm địa là người dâm dật ác độc khắc chồng con, có nhiều bệnh tật. Nếu hãm mà gặp nhiều sát tinh thì dễ mắc tai nạn khủng khiếp, trọng đời cùng khổ cô đơn.

THIÊN PHÚC

Ở NAM MỆNH : nếu gặp cát tinh hội thì phúc lộc song toàn. Nhưng Phủ kỵ nhất là gặp Tuần Triệt hay là Thiên, Địa Không thì thật là cùng khổ, khó tránh được tai ương, yếu tử, nếu không thì chỉ có tu hành mới yên thân

Ở NỮ MỆNH : Thiên phủ là người mặt tươi đẹp như hoa; hội cát tinh tất giàu sang sống lâu, lợi chồng con. Nhưng nếu Phủ gặp Tuần Triệt hay Thiên, Địa Không thì suốt đời lao tâm, đau khổ vì chồng con, giảm tuổi thọ.

THÁI ÂM

Ở NAM MỆNH : Thái âm miếu vượng hay đắc địa hội cát tinh tất hưởng phú quý tốt độ. Nhưng nếu gặp phải Tuần Triệt thì thường hay có bệnh tật. Song nếu Thái Âm hãm địa mà gặp sát tinh thì nếu tay chân không có tật, tất mất phải mờ.

Ở NỮ MỆNH: Thái Âm miếu vượng hay đắc địa là người có nhan sắc, vượng phu ích tử, giàu sang; nếu gặp phải Tuần Triệt án ngữ thì phải muông lập gia đình hay làm lẽ mới tránh được mấy độ

dở dang. Thái Âm hãm địa là hạng dâm dật, không được thọ, đời cùng khổ cô đơn, khắc chồng hại con.

THAM LANG

Ở NAM MỆNH : Miếu vượng đắc địa thì thân hình đầy đặn, tính háo thắng, thích kinh doanh, có tài tổ chức hay mưu tính việc lớn, tất được hưởng giàu sang. Tuy thuở thiếu thời hay vất vả, Tham hãm địa gặp nhiều sao mờ ám dễ bị tù tội tai ương.

Ở NỮ MỆNH : Tham miếu vượng đắc địa là hạng đảm đang, bạo tợn hay ghen tuông, được hưởng giàu sang và sống lâu. Tham hãm địa Tí Ngọ Tỵ Hợi là hạng hiểm độc lăng loàn dâm dật. Nếu hãm mà lại gặp nhiều sát tinh thì khắc chồng hại con, thường gặp tai họa và giảm thiểu tuổi thọ.

CỰ MÔN

Ở NAM MỆNH: Cự miếu vượng hay đắc địa có cát tinh hội tất hưởng phú quý toàn mỹ. Nếu cự hãm địa mà lại gặp sát tinh nữa thì chung thân cùng khổ cô đơn, thường bị vướng tai nạn hay tù tội và không thể thọ được.

Ở NỮ MỆNH: Cự miếu vượng đắc địa là người có đức độ, vượng phu ích tử. Nếu Cự hãm địa thì tướng diện đặc biệt, thoát trông ai cũng mến, nhưng là hạng dâm dật hoang đàng, ăn nói điêu ngoa hay ghen tuông cuộc đời vất vả, tonà gặp tai nạn. Nếu hãm mà lại gặp sát tinh hội hợp thì là hạng sát chồng hại con, đa mang nhiều bệnh tật, lắm tai nạn, và không thể hưởng tuổi thọ.

THIÊN TƯỚNG

Ở NAM MỆNH : Tướng miếu vượng hay đắc địa là người thông minh đáng cách uy nghi phúc hậu, tất có uy quyền và danh tiếng. Nhưng nếu Tướng miếu vượng đắc địa mà gặp Tuần Triệt án ngữ, chẳng khác nào như Tướng hãm địa mà gặp sát tinh, cuộc đời sẽ lao đao, chỉ có tu hành mới tránh được những nổi đao đón và phiền lụy.

Ở NỮ MỆNH : Tướng miếu vượng đắc địa là người có tài nhưng hay ghen tuông, được hưởng phúc lộc. Nếu có cát tinh hội thì thật là phú quý tốt bậc. Nhưng nếu miếu vượng hay đắc địa mà gặp Tuần Triệt thì chẳng khác nào Tướng hãm địa, tuy người cũng có tài nhưng suốt đời khổ khổ, chịu đau thương tàn tật và buồn khổ vì chồng con.

THIÊN LƯƠNG

Ở NAM MỆNH: Lương miếu vượng hay đắc địa là hạng thông minh nếu Lương đóng ở Thìn Tuất tất có nhiều cơ mưu, giỏi chính trị và chiến lược. Nhưng nếu Lương hãm địa là người sống không bao giờ được yên thân, luôn luôn thay đổi công việc và chí hướng. Nếu hãm địa mà gặp nhiều sát tinh thì suốt đời cùng khổ ; nếu có tài lộc thì mạng lại yếu.

Ở NỮ MỆNH : Lương miếu vượng đắc địa là người sáng ý làm gì cũng chóng có kết quả, lại là bậc hiền phụ. Nhưng nếu miếu vượng đắc địa mà gặp phải Tuần Triệt thì tình duyên trắc trở ; nếu sớm lập gia đình thì chắc chắn phải là khóc chồng. Lương hãm địa là hạng đàn bà phóng đãng thích việc ong bướm, nếu gặp phải sát tinh nữa thì sát chồng hại con, sớm chịu cô đơn.

THẤT SÁT

Ở NAM MỆNH : Sát ở mệnh thì người da đen tính ương ngạnh, nhưng ở đắc địa thì rất can đảm. Nếu hội được cát tinh thì thường hiển đạt về võ nghiệp, nhất là có Hình đồng cung thì uy quyền hiển hách, tuổi thọ càng cao. Sát hãm địa thì suốt đời lang thang phiêu bạt hay bị nạn xe cộ tù đầy không thể thọ.

Ở NỮ MỆNH : Sát miếu vượng đắc địa là người mắt to, hay ghen nhưng sát phu nên phải muộn lập gia đình mới tốt. Nếu sát hãm địa là hạng đàn bà độc ác nham hiểm, hại người không gớm tay. Nếu gặp phải sát tinh hội thì cùng khổ, cô đơn và chết yểu một cách rất thảm khốc.

PHÁ QUÂN

Ở NAM MỆNH: Phá Quân miếu vượng đắc địa thì hiển đạt về võ nghiệp, uy quyền hiển hách. Nhưng Phá hãm thì cô đơn cùng khổ, dễ bị tai nạn và tù đầy.

Ở NỮ MỆNH : Phá miếu vượng đắc địa là người táo bạo, tuy được hưởng phúc lộc nhưng phải muộn lập gia đình, nếu không tất sát phu. Nếu Phá hãm địa thì là hạng dâm dật, độc ác, sát phu, gặp tai ương. Nếu gặp nhiều sát tinh tất phải tàn tật, sát chồng hại con, không thể hưởng tuổi thọ.

Những cính tinh trên đây chỉ tóm tắt ; vậy khi xem sô nếu chưa nhớ phú thì phải xem lại tính chất các sao đã giải chi tiết ở phần II mà luận đoán. Ngoài ra các hung tinh và bàng tinh hung, cát như thế nào và từng bộ tương ứng với chính tinh ra sao cũng đã giải rõ ở phần II và ở đầu phần III về sự phối hợp các cách cuộc.

B. ĐOÁN VỀ NỮ MỆNH

*Này Nữ mệnh xem tường cách cuộc,
Chính tinh kia có được miên viên,
Hoặc vào Vượng địa khá khen;
Nhược lâm hãm địa đảo điên cuộc đời.
Cung Phu, Phúc đôi nơi phải rõ
Mới luận bàn độ số hư nên.
Tử vi đóng Mệnh bậc hiền,
Vượng phu ích tử lại thêm sang giàu
Liêm đắc địa là mẫu trình nữ
Ơ Dân, Thân, Tí, Ngọ đáng mong
Gặp Đồng hội ở một cung,
Ấy người phúc trọng đảm đương mọi phần.
Nhật đắc địa từ Dân đến Ngọ
Tăng phong lưu nếu có cát tinh
Hai phương Phủ, Tướng triều minh,
Giáp, Canh, Tần, Ất càng xinh, càng giàu.
Cự Cơ Dân, Mão âu phú quý,
Lòng dâm tư vẫn đề một bên
Kê chi những cách hư hèn:
Nguyệt Thìn: lương Ty, Hợi viên đó mà.
Thối dâm dật tướng hòa kém phúc.
Ấy Văn xương, Khúc gối loan lạnh lùng,
Số Tham, Phá hào chồng rất kém,*

Những cô đơn dâm hiểm mà kinh
 Sát hung kém phúc đã đành,
 Dần, Thân Cơ, Nguyệt đã danh dâm bốn.
 Quyền, Lộc ấy hợp phước nhất xứ,
 Số Vượng phu ích tử ai qua,
 Kiếp, Không, Linh Hỏa, Kinh, Đà.
 Liêm trinh, Cự, Vũ lại hòa Tham lang
 Hai phu mệnh tam phương tứ chính;
 Thấy những loài ác tính kinh thương.
 Hình, Diêu số gái long đong
 Nếu không kế thất, lộn chồng mà thôi
 Kỵ, Kiếp, Kinh hợp ngôi phu vị,
 Kìa người phương cạ loạn chung
 Đào, Diêu số ấy trong lòng chẳng trinh;
 Nhưng gặp được: Quý, Hình, Tử, Phủ,
 Dạ sắt vàng nào sợ lung lay,
 Bạc tình hạn gái ghê thay:
 Dân, Thân, Tham, Sát giữ tay nhân cung
 Vận hạn đến Đào, Hồng, Cái Hỷ,
 Lòng gái trai bất dĩ dâm bốn
 Đào, Tang đóng ở Mệnh cung.
 Lẳng lơ gái ấy phụng loan dứt tình.
 Kìa Khôi, Tướng bên mình Tả Hữu.
 Lại gặp thêm Tử, Phú quá xinh
 Thiên lương, Thiên mã đồng hành,
 Yêu kiều gái ấy dẫn mình bướm ong.
 Dương Phi đẹp vốn giòng Cơ, Nguyệt;
 Lại Khúc, Xương ba miệt triều viên,
 Mệnh bà Lã hậu chuyên quyền,
 Song Lộc ngộ mã thủ liền một cung.
 Đào, Long phụ, Bát phùng sau trước
 Hoặc Đào, Nô lỗ bước cầu ô.
 Khéo nghề kim chỉ thêu thùa.
 Hồng Đà. Tấu Vũ ở vừa mệnh cung.
 Đào Tấu Hỷ Vũ Hồng hợp mặt,
 Người xướng Super Ca tiếng nức nhà quan.
 Phụ Bát ngộ Thái âm nhân (cung Hợi)
 Số làm Bà Đỡ cứu phước trẻ sinh.
 Nguyệt Lương hội, nữ thanh mỹ tú,
 Giòng quyền hào Tử Phủ đồng lâm.
 (ở Dần Thân Tý, Hợi vượng phu ích tử)
 Thái âm Mệnh ở Mão Dần,
 Lo đường kinh nguyệt chẳng phần thông dong

Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ
Mệnh Đào Hoa, trước dở sau hay.
Giáp Nhật, Giáp Nguyệt ai tà,
Giáp Tả, giáp Hữu vui vầy quia nhân.
Nam nhi sợ nhất phần Nhật hãm,
Nữ mệnh kinh Kỵ ám hay ta
Thái âm hãm Kỵ trùng gia,
Truân chuyên đau ốm thật là lăm phen.
Cung Phu đóng ở miền tứ mộ
Gia Hồng Loan ấy số khóc chồng.
Tử Tức Thiên Hỉ thủ trung,
Nhật Nguyệt lai chiếu sinh giòng quý nhi.
Số Diêu Hỉ tai bay vạ gió,
Số Kiếp Không lăm độ gian nan.
Mã Đào duyên nợ tư sinh
Không cần mối lái, ái tình kết giao.
Dương Đà Tuế lâm vào khẩu thiệt;
Còn Đà la ngộ Tuyệt loạn dâm
Tật cung Thai Hổ huyết băng
Tấu Thư Hoa Cái mệnh phùng thanh cao.
Cái ngộ Mộc gái nào đoan chính,
Mã ngộ Không là tính phiêu bông.
Lộc Mã thủ, chiếu mệnh trung,
Vượng phu ích tử vốn giòng đoan trang,
Xương Khúc hợp ấy hàng gái đẹp
Gặp Thiên cơ hóa kiếp dâm tà
Xương Diêu đáng sợ thay là.
Ấu nhi tuổi đã bốn ba dâm loạn
Phượng Long hợp là phượng thuần hậu;
Khốc hư tuy tảo bạo hậu chung
Nữ lưu cốt ở Phu cung
Mệnh Thân xấu tốt đừng hòng, đừng lo
Mệnh chính diệu, cung phu Tham đóng.
Ấy là người phúc trọng chính thê;
Mệnh vô chính diệu đáng chê,
Cung Phu Tham đóng giữ bề tiểu trính
Địa Kiếp với Hồng sanh phu vị,
Cung Mệnh xinh duyên ấy trăm năm
Mệnh xấu duyên đứt tơ tầm,
Sinh ly sẽ định loan phòng 10 năm
Cung Phu lại Đào Hồng tương ngộ
Vợ với chồng đều có dung nhan.
Hồng Đào ngộ Kỵ Phụ cung

Tơ hồng đã đứt, má hồng còn vương.
 Thiên, Nguyệt Đức Đào Hồng cung Phối.
 Gái chồng sang, trai hội giai nhân.
 Song Lộc hội Phu Thê cung,
 Vợ chồng phối hợp vốn giòong giàu sang,
 Phu cung : Diêu, Sát Hình Dương
 Hội giao Linh, Hỏa gái toan giết chồng.
 Thiên quan, Thiên phúc thủ trung,
 Tôn tăng kính Phật dốc lòng thiện gia
 Tham, Liêm hãm mệnh gian tà,
 Hồng, Đào, Diêu , Hỷ ắt là dâm hôn.
 Trai bất nhân Phá quân Thìn, Tuất.
 Gái bạc tình Tham, phá nhân cung
 Phủ phùng Thất sát chi khôn (Sát ở Tí, Ngọ)
 Kiếp, Diêu hội ngộ đa vương lưới tình
 Đào, Diêu hội bên mình khá rõ,
 Không, Quí, Hình Tử Phủ ngoại dâm
 Vũ, Quyền nữ mệnh đồng lâm
 Gái khôn khiến đấng phu quân nể vì.
 Tài buôn bán nhiều bề giỏi dẫn :
 Mã mệnh cung, Tôn hãm Thiên di
 Ghen dàu năm chọn tháng chầy,
 Bởi Tham vượng địa đông rày mệnh cung.
 Thai Bính Tướng Đào Hồng tương hiệp
 Chẳng chữa hoang, bị hiếp bất ngờ
 Thất sát cung Phúc đáng lo.
 Nhỡ nhàng số ấy ca nô hành nghề
 Hình, Đào sát đáng chê cung Phối.
 Hoặc Tài, Điền, Tử tức long đong.
 Luận xem nữ mệnh cho tường
 Tính anh phán đoán mọi đàng chẳng sai

CUNG BÀO

Xét xem Huynh đệ cho tường
 Triệt Tuần xung củng, đấu đàng ly tông
 Sinh lai hãy đoán khắc xung
 Hễ là Địa Kiếp Thiên Không chẳng nhiều.
 Tướng quân Lộc Mã cung triều.
 Anh em có kẻ thuận chiều danh công
 Tướng quân Lộc Mã đồng cung
 Anh em có kẻ triều trung qui quyền
 Triệt Tuần Không Kiếp giao liên

Có người gian đạo để phiến lụy thân
Trường sinh Đế vượng đa nhân
Thai giữ Nhật Nguyệt có lần song sinh
Tam Không ngộ Dương đình ninh
Nuôi con nghĩa tử giúp mình yên vui
Tử Tang Tả Hữu cùng ngôi
Có chị em gái duyên ôi chẳng lành
Tang môn ngộ Mối đình ninh
Mỗi người mỗi xứ gia đình quạnh hiu
Dương Thai Triệt Vượng thấu vào
Trong anh em có dị bào chẳng không
Đào hoa, Thai Hỷ trong cung,
Phá quả, Tương, Phục chiếm xung ở ngoài
Có chị em gái theo trai
Say mê đến nỗi hoang thai bỏ mình
Trong thời Tướng Phổ, Phục bình,
Ngoài thì Hoa Cái liên minh Đào Hồng
Bần cung đối chiếu tinh tuyền
Anh em có kẻ tư thông hẳn là
Gặp sao Hóa Kỵ khiếm hoà
Thiên Hình xung khắc trong nhà ghét nhau
Lộc Mã buôn bán nên giàu
Nhược bằng Tướng phục là màu Y công
Phá phùng Hình Kỵ đồng xung
Anh em bất thuận những đường trở tranh
Am dương chiếu với Hỷ tinh
Am cùng Thiên Phúc cũng sinh dị bào (Thái âm và Thiên phúc)
Tử vi Tả Hữu lâm vào
Có chị em gái say màu phấn son (làm dáng)
Bào cung Tử Phú ở Thìn
Họ hàng có kẻ tìm phương lộn chồng
Tương Thai, Đế vượng hợp cùng
Dị bào có kẻ trong vòng Đệ huynh
Thìn Tuất Thất Sát một mình
Lộc Tồn Cô quả, anh em có nào
Khúc Xương, Thai Tuế cung Bào
Có người anh trưởng thấp cao tung hoành
Thiên Khôi có kẻ đàn anh
Thiên Việt ba kẻ lại dành đàn em
Tử vi rằm kẻ trọn miền.
Đồng Lương trai gái kết liền được ba
Thái Dương trai hợp một nhà
Am Đồng Tướng Toạ sinh ra năm chàng

Sát Liêm ngộ Cát kể tường
 Ất là cùn được 3 chàng nên thân
 Khúc Xương Tả Hữu năm lân
 Kìa ngoài Linh Hỏa vương thần được hai
 Dươngng Đà xung khắc chẳng sai
 Khôi Việt Tam Hóa được ngôi anh hung
 Đẩu quân Kỵ Huynh đệ cùng
 Cát hội hoà thuận, còn hưng vẫn thù

CUNG PHỐI

Phối cung Nguyệt đức Đào tinh (hoặc có Thiên Đức)
 Trai lấy vợ đẹp, gái làng chồng sang
 Vợ chồng viễn phối tha hương
 Hồng Đào đối chiếu từ làng Thiên di
 Chính thê, thứ thiếp tề vui
 Tả Phù Hữu Bật Loan thì đào hoa
 Cao sang phú quý một nhà
 Phối cung có Lộc hợp hoà Phượng Long
 Vợ về cửa có muôn trùng
 An Quang Nguyệt Đức, Mã, Đồng Thái dương
 Lộc, Quyền Kìa cũng một đường
 Tri âm của sẵn hợp phường phú gia
 Sao Thai mà ngộ Đào Hoa
 Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng
 Phối cung Thiên Tướng Đào Hồng
 Hoặc là Thiên Mã, Lộc Tồn, Thanh Long
 Hoặc là Mã bất tứ không
 Hoặc là Thiên Hỉ, Đào Hồng tốt thân
 Lương Đồng Tử Phủ hợp bầy
 Chính phòng, nét sẵn thảo ngay con giòng
 Hoa Cái, Phượng Cát, Đào Hồng
 Trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây
 Tang môn, Hư Khốc chẳng hay
 Tuần Triệt viên phối họa may mới lành
 Phu cung Hỏa Kỵ một mình
 Tơ tình chưa dứt mối tình lại xuôi
 Thiêu Diêu bất chính cả đôi
 Liêm Trinh viễn phố ở nơi bần hàn.
 Tứ Không ngộ Mã chẳng bàn
 Có chồng còn bỏ theo làng bướm hoa
 Đà Tham tửu sắc la đà
 Tuế Đà mệnh lữ đời ắt là sai ngoa
 Vợ hồng nay mai thuận hoà

Phục Binh, Hóa Kỳ chiếu toà phối cung.
Cự môn, Linh Hỏa tương phung
Ba lần mỗi lái chẳng xong môi sầu
Phu : Đào Kỳ Kiếp Khốc Hư
Hạic hồng mưu kế dễ hầu biết bao
Phá quân, Tuân Triệt lâm vào
Có chẳng thì cũng 3 tao mới thành
Vũ khúc, Thất sát đồng danh
Ba lần hôn phối mới lành được chẳng
Vũ Khúc, Thiên Mã, Triệt Tuân
Khắc xung bỏ vợ Khuê phòng ra đi
Phối cung Không Kiếp kể chi
Trai hai ba độ họa may mới toàn
Dương, Đà Kỳ, Nhật Nguyệt xung
Chim cưu thối ấy vợ chồng chán nhau
Duyên lành Phò mã ngôi cao
Thái âm đắc địa đóng vào thê cung
Thiên Tướng đứng đắn lạ thường
Liêm trinh đắc địa là phường đoan trinh
Tham Lương gái trưởng duyên lành
Phá quân tiên trở hậu thành mới hay
Thiên Tướng, Phượng Cát Long trì
Càng thêm yêu dấu mỗi ngày mỗi tăng
Triệt Tuân, Không Kiếp giao lâm
Mối mai dang dở ba lần mới nên
Lương Âm đã đẹp lại hiền
Lương Cơ gái sắc ở miền thê cung
Đồng Diêu đoán ắt ngoại tình
Nếu cùng Tướng Phá, Phục binh lai triều
Việt Khôi Quyền Tướng đáng yêu
Lại gia Tử Tướng mọi chiều vinh quanh
Phượng Long nhan sắc dịu dàng
Khúc Xương Tả Hữu ấy làng tài hoa
Tham Lang thê thiếp xem qua
Hôn nghi trưởng nữ mới ra đông sàng
Thiên Khôi Đế vượng tinh trần
Nốt ruồi điểm ở trong thân khá nhiều
Linh tinh hà tiện bao nhiêu
Phá quân kia lại tính liều tiêu vung
Vợ về cửa sẵn muôn trùng
Đông, An, Lộc, Mã Khúc phùng Thái âm
Binh Hình gặp Hỏa Kỳ xung
Đêm ngay cư xử ra lòng bạc đen

Tang môn Thiên Khốc phận hèn
 Hoặc là làm lẽ, hoặc phen ly tình'
 Phố cung Không Kiếp trùng sinh
 Trái hai, ba đổ mới thành thất gia
 Kìa Thiên mã, ngộ Đà la
 Chân tay có tật ắt là chẳng sai
 Khúc Xương Thái Tuế liệt hời
 Chua ngoa miệng, lưỡi, ấy người đa ngôn
 Đồng Lương hội nhập Phối cung
 Hai vợ ắt một tổ tông đó mà
 Trên đầu có vết để mà sai đâu
 Tự đồng cung hôn cung Phu
 Một sâu goá bụa, hai sâu lỡ duyên
 Triệt Tuần ngộ Mã ưu phiền
 Bỏ chồng, vợ trốn đến miền xa phương
 Phá quân duyên nợ ít toàn
 Cô, Quả, Tang, Hổ, Khốc thường tóc tang
 Thê cung Nguyệt, Khác trang tàng
 Ra tay bẻ quế đông sàng thêm cung
 Thê cung Xương gặp tam Không
 Con nhà danh giá tổ tông kết duyên

CUNG TỬ

Tử cung Quyền Lộc hiển vinh
 Tử cung Khôi Việt Vaqn tình đỗ đầu
 Tử cung Long Phụng sang giàu
 Khúc Xương, Thái Tuế thập hầu tặng phong
 Thai cùng Tả Hữu hội chung
 Sinh con có kẻ bên giường tiểu tinh
 Hỷ thần ngộ Dưỡng đình ninh
 Thái Am, thai hội con sinh bực thần
 Thiên quan, Thiên Phúc quý nhân
 An quang cùng Tấu có thần giáng sinh
 Thanh Long, Đế vượng, Thai tinh
 Cùng là Thiên Hỷ, thai sinh một đương
 Thiên Đồng Nguyệt thủ chiếu phương
 Sinh con trai gái thuận đường lứa đôi
 Vũ, Xương hoặc Khúc cùng ngồi
 Sinh con xinh đẹp hơn người chẳng ngoa
 Không ngộ Linh Hỏa xấu xa
 Sinh con lại gặp những tà ác tình
 Khốc Hư ngộ Dưỡng không lành
 Tướng Binh xung phá hần đành hoang thai

Thái âm cung Tử an bài
Gặp sao Thai hần Phậ đại cầu con
Tử cung mà có Khúc Xương
Tuồng gì con gái những phường chơi ngang
Đào hoa nhi nữ dâm tàng
Tử Phủ nhi nữ lại làng đóng lương
Bóng tà vẫn kém hào con
Bỏ chưng Linh Hỏa, Thái âm hãm nhàn
Khốc Hư lại gặp Dương, Thần (cô)
Sinh nhiều nuôi ít muôn phần ưu tư
Kính Dương mà cặp Thiên Hư
Hữu sinh vô dưỡng âu lo một đời
Am dương Thai hội sinh nuôi chẳng lành
Hiếm hoi Phi (liêm) hoặc Thành hình
Mã, Không, Phụ Bật song sinh phải phòng
Khốc Hình Kinh Hổ Tử cung
Đến già chẳng thấy tay bông con thơ
Kinh Đà Không Kiếp Khốc Hư
Sinh con điếc lác ngẩn ngơ thêm buồn
Đầu quân cung Tử joê,s cpm
Cát tinh giao hội may còn ước mong
Tướng, Cơ số hiếm muộn màng
Hoặc là Đà Kỵ ở làng Tử cung
Dương Đà ngộ Tuyệt phùng xung
Mão Dậu Tí Ngọ uống công sinh thanh
Tử cung Thai Tướng Phục sinh
Vợ chồng ắt hẳn tư sinh thuở nào
Hỏa, Linh, Dương nhân lâm vào
Có sinh con cũng liệt vào tật thương
Kiếp không cung Tử khá phòng
Đẻ hay bắn huyết, con vòng tràng hoa
Hổ Tang Không Kiếp tương gia
Sinh con yếu chiết đã ba, bốn lần
Tử cung mà ngộ Triệt Tuân
Tuy rằng trước dữ, sau phần dễ sinh
Thất sát hãm, ngộ Thiên Hình
Sinh con những giống lưu manh hoang tàng
Tam phương hãy xét rõ ràng
Trai nhiều: Nam đầu, gái đằng bắc tinh
Cung Tử Dương, sao Nhật sinh
Con đầu nam tử mới lành được chẳng
Cung Tử Âm ngộ Thái âm
Con đầu nhi nữ khỏi tâm yếu vong

Tử vi, Nhật, Nguyệt giao lâm
 Ba trai, hai gái tốt phần gia hương
 Phủ, Đồng năm rẻ yêu đương
 Am Dương Tham tướng là thường độ ba
 Phụ Bật ba bốn sinh ra
 Liêm Lương Lộc Sát may mà một hai
 Phá quân ba trẻ bất hài
 Lộc Tồn gia Sát hiểm hoi vô cùng

TỬ TỨC CA

Trường sinh bát (8) tứ tuần trung bán
 Mộc dục thất chi sinh, ngũ (5) tồn
 Quan đái, Lâm quan tam tứ vi
 Đế Vượng ngũ tử, Bệnh trung nhất
 Tử trung hình khắc sự nam ngồn
 Mộ trung, Thai, Dưỡng chung sanh tử
 Tuyệt trung nhất (1) chi tử mục hôn (mù)
 Thai trung đầu nữ nhị chi nhất
 Dưỡng trang tam tử nhị miếu tồn

Chú ý: Số hiếm con phải xem cung Tử, tuy có chính tinh đặc cách song ngộ đa hung tinh tứ 3 phương giao chiếu:

1. Kinh Đà gặp Thiên Không và Đẩu quân:
2. Hình Diêu Hư Khốc gặp Tuyệt hay Tuần Triệt
3. Không Kiếp Linh Hoả, Triệt Tuần
4. Đại Tiều hao Cô quả, Hóa Kỵ
5. Kiếp sát, Phá toái, Tang Hổ
6. Phục binh, Thai Tuế ngộ Thiên Hình

CUNG TÀI

Tài cung bổng thấy Tang môn
 An quang Thiên mã Lộc tồn đồng qui
 Ấy người hưởng của Cô, di
 Thật là phúc trọng đức đầy thuở xưa
 Khúc Xương Tả Hữu có dư
 Cự môn bạch thủ cơ đồ lại nên
 Vũ Tham giàu có lâu bền
 Từ 30 tuổi giở lên mới toàn
 Liêm trình cư tại Dần Thân,
 Cũng như Tí Ngọ: Phá Quân hoạnh tất
 Cơ Lương Lộc Mã ấy ai
 Thạch sùng kim ốc có sai đâu là
 Tử Phủ Nhật Nguyệt phú gia

Tướng Lương đắc địa ai mà dám đương
 Hóa Kỳ yếu thủ Tài phương
 Cô thân Quả tú khỏi đường tốn hao
 Thiên hình giữ của tốt sao
 Linh tinh hà tiện nên giàu đáng khen
 Hỏa Linh miếu, phát nhiều phen
 Việt Khôi cũng phát giữ miền thanh cao
 Dưỡng Đà Tứ mộ ước ao
 Ngư, diêm nghề ấy cũng vào bậc trung
 Sao Thiên Mã ngộ Lộc Tôn
 Hoặc Vũ Thìn, Tuất là phùng phú gia
 Thiên Phủ Vũ Khúc một nhà
 Lưu truyền của cải đến ba bốn đời
 Sao mộ Hoá Lộc một nơi
 Thật là tiền của chào mời tận tay
 Sao mộ Long Phụng hợp bầy
 Cửa truyền tổ nghiệp đến tay đó mà
 Sao mộ Cơ Lự cùng gia
 Tiền tài dễ kiếm tiêu pha tháng ngày
 Tham Đông miếu vượng cũng thay
 Khi xưa bạch thủ mà nay sang giàu
 An quang Hóa Lộc cùng nhau
 Ôn nhờ lộc nước rạng màu hiển danh
 Gian tà Kiếp Sát Phục binh
 Khúc xương Thái Tuế mưu sinh tảo tần
 Quan Phủ Thái tuế đa đoan
 Thiên cơ, Thái tuế gian nan mọi đường
 Đà Không nghèo khó tai ương
 Lương Hao tài tán 4 phương thêm phần
 Tử (vi) Tướng (Thiên) ngại Dưỡng tài viên
 Làm nghề phù thủy các miền khôn ngoan
 Thiên Cơ lúc phá lâm tàn
 Đà La đôi rách, củi than làm nghề
 Kiếp Không khốn khó mọi bề
 Hỏa Linh biển lận đáng chê vô cùng
 Phá Quân nhị Hao Kiếp Không,
 Tấu thư Xương Khúc trùng phùng bạch gia
 Quan phù Thái Tuế Dương Đà
 Phải sanh kiện cáo ắt là mới xong
 Tuần Triệt trước đất cùng không
 Tư cơ nan bảo Phủ Không xứ phùng

Ach cung Bạch hổ huyết hư
Khốc Hư, Cơ lại có de phong dân
Dương Đà phúc thống bệnh lâm
Mã Đà đái tật, Kinh làm tỳ thương
Bệnh phù, Hình, Kỵ phong sương
Kiếp Không cung Giải mọi đường huyết suy
Nhật Nguyệt Đà Kỵ mục tỳ
Hỏa Linh Dương nhãn tháng ngày mất đau.
Dương Đà điếc lát thế âu
Thiên Diêu mộng hiện ất sâu mộng tỉnh
Ach cung Hỏa Kỵ cho mình
Am hư chứng ất thường tình hiểm con
Thiên cơ Thất sát phùng xung
Bệnh đau một rất hung tàn
Bởi vì sao Bệnh hợp lòng Kiếp cơ
Liêm trinh, Vũ, Sát hung đồ (thất sát)
Ấu nhi cha mẹ âu lo thuốc thầy
Cự Phá, hung tinh hợp bày
Phong sang vương vấn những ngày thiếu niên
Lòng trì Mộc dục sao nên
Hoặc là Mộc Kiếp tránh miền bể sông
Thiên hình, Dương nhãn Ngọ cung
Gặp sao thất sát ngục trung đợi chờ
Tham Liêm Tỵ Hợi khá lo
Lâm vào cung Giải lưu đồ tân loan
Dần Thân Không Kiếp Tham lang
Vận ứng Quấn Trọng gặp đảng thứ lưu
Sát, (hay Kinh) phùng Phù (Quan Phủ) Hổ ngục tù
Tham lang Hoá Kỵ han ưu phải phòng
Cự Kỵ nên tránh đồ sông
Phục binh, Hình Việt mắc vòng gươm đao
Hỏa Linh, Hình Việt khác nào
Không bị sét đánh búa đao có ngày
Hỏa Linh, Mộc dục phải hay
Nước sôi, lửa đỏ hẹn ngày học thường
Lộc tồn ám tật miền trường
Tả Hữu Xương Khúc tai ương khá phòng
Ba phương chiếu tại một phương
Thấy sao Tử Phủ, Thiên Lương cùng là
Thiên quan, Thiên phúc hợp lữ
Giải Thần, Nguyệt Đức một tòa trừ hung
Triệt Tuần đóng ở Ách cung
Bệnh phùng cũng khởi, hạn phùng cũng qua

Hạn cung Hóa Kỵ xem qua
 Lấy Đầu Quân độ luận hòa nhất niên
 (Hạn gặp Hóa Kỵ nếu có Đầu quan thì năm ấy lắm tai nạn)
 Cung Giải mà ngộ Khôi Hình
 Số người phải mắc pháp đình can thương

THIÊN DI

Thiên Di xuất ngoại anh hùng
 Quân thần Tử Phủ, Lương Đồng cùng gia
 Tướng Tồn Tả Hữu ai qua
 Nhật Nguyệt Quyền Lộc hợp hoà vinh xương
 Khoa Quyền Lương Lộc ai đương
 Bạn nhiều, lại gặp quý nhân yêu dùng
 Việt Khôi là cách ung dung
 Việt thường nhờ bạn, Khôi thường gặp sang
 Vợ chồng viễn phối tha hương
 Hồng Đào len lõi vào hàng Thiên di
 Hỷ thần, Hoa cái yêu vi
 Lộc Mã hội hợp nhiều khi ngoại tài
 Vũ Tham tài phát phương ngoài
 Khúc Xương Tả Hữu gặp người quý nhân
 Dường phùng Lực sĩ Tướng quân
 Ra vào thường ở trong sân quý quyền
 Am Dương giáp hoặc triều viên
 Thiên di cung ấy là miền quý nhân
 Thiên Cơ cận quý khá phân
 Thiên Lương đồng vị võ nhân anh tài
 Phá quân Thất sát côi ngoài
 Hãm cung thôi lại suốt đời thị phi
 Cự Môn Thất sát bên trì
 Lao tâm, khổ trí ích gì ước mong
 Dương Đà Linh Hỏa tứ hung
 Độc cư bất tức, cát đồng khá do
 Vũ, Đà Kinh tất âu lo
 Liêm trinh, Cự, Kỵ cũng là sát tinh
 Phục binh, Thái Tuế Thiên Hình
 Cùng người trang cạnh, tâm tình chẳng vui
 Thiên Diêu Hóa Kỵ ra ngoài
 Đa chiêu mại nhục, chẳng ai yêu mình
 Tướng quân ngộ Triệt không lành
 Trận tiền kia dễ bỏ mình chôn thây
 Long đông đông tẩu, tây trì
 Bởi vì Cơ Mã Thiên di hãm thân

Chơi bời du thủy du san
 Thiên di Đào Mã hợp làng kết giao
 Thiên di Không Kiếp khổng sao
 Hồn qui dặm liễu gặp vào người thân
 Bản cung ngộ độ Đẩu quân
 Cát hung cũng lấy độ tuần mà tra
 Thiên di Lương Nguyệt một nhà
 Miếu cung ất hửn phú gia cho tương
 Quan Phù gặp Hình, Thiên Thương
 Ở Thiên di sẽ ly hương ngộ hình

CUNG NÔ

Nô cung Hoa Cái Hồng Đào
 Cùng là Phụ Bất chiếu vào cho nên
 Chính thê, thứ thiếp tiền duyên
 Khác nào giây cát, sánh bên côi cù
 Vũ Tướng Tả Hữu đồng lưu
 Nhất hô bách nạt ai đâu dám bì
 Con em lúc ở lúc đi
 Bởi sao Nhật Nguyệt hãm vì Nô cung
 Đào Hoa Nô lại tương phù
 Vong phu mắc tiếng bất trung ưu phiền
 Cung Nô mà có Hóa Quyền
 Cự Môn oán chủ nhiều phen
 Ất rằng vợ lẽ cướp quyền người trên
 Nhưng không thể kiếm được miền ra đi
 Phá Quân Vũ Khúc đồng vì
 Những loài phản bội yêu vì sao nên
 Dương Đà Kỵ Phá hãm bên
 Bạh bè tôi tớ đảo điên khó lương
 Lương Cơ Tả Hữu Khúc Xương
 Miếu cung cũng được mọi đường kết giao
 Tham Lang Trinh Tướng ngộ vào
 Thiếu niên thiếu trợ, lại chiêu oán thù

CUNG QUAN

Cung Quan Thất Sát uy hùng
 Miếu thời chức chưởng vẫy vùng quân công
 Cung Quan Tham Vũ đồng tông
 Chiếu cung hẹn bước ruổi dong tháng ngày
 Nhật Nguyệt cư Quan rất hay
 Giàu sang số đã sẵn tay trời dành
 Cung Quan Dận Mão Thiên Hình

Trì dân trọng chức, chưởng binh cao quyền
Thiên Quang, Thiên Tướng cát viên
Hiển vinh đức trọng, tài hiển ây ai
Hoả Linh Mùi Sửu an bài
Chiến công đã hẹn đức tài binh nhung
Cung Quan mà gặp Đào Hồng
Thiếu niên đã thoả tang bổng chí trai
Kình tứ mộ, Mã triều lai
Biên cương đi hẳn ra tài võ công
Cung Quan giáp Phượng, Giáp Long
Giáp Xương, giáp Khúc một đường hanh thông
Tuế, Hổ, Phù hợp Khúc Xương
Có tai hùng biện văn chương hơn người
Phá Quân, Phá Toái một nơi
Tính ưa mạo hiểm, việc thời chiến binh
Giáp Liêm, giáp Sát (thất) tung hoành
Tuổi già mới rạng công danh có mà
Hỏa, Linh, Mã hợp một nhà
Hoặc nghề cơ khí, hoặc là chở chuyên
Quan Lộc Tử Mã nhất ban
Khốc Hư Tí Ngọ đồng sàng hoạnh thương
Mã Long Thiên hỉ thuận đường
Hoặc là Lộc Mã hợp phường tốt thay
Tham Lương hay Khúc hội vì
Có danh chức lại quyền uy đó mà
Tấu thư Bác sỹ xem qua
Rộng đường văn học con nhà trâm anh
Phong Cao Thiên Tướng chính tinh
Ỗ nhờ lộc nước hiển vinh muôn phần
Không Kiếp Thiên Tướng gian truân
Khoa tính niên thiếu giữ tuần đặng khoa
Cơ Lương lâm Ngọ xem qua
Mệnh cung vượng địa ất là vinh xương
Cung Quan hội hợp cát tường
Một rằng Tử Phủ ba phương Hóa triều
Hai rằng Khôi Việt đáng yêu
Ba rằng Tả Hữu hợp chiều Âm dương
Miếu thì văn võ vẹn toàn
Hãm cung cũng giữ được phần công danh
Kình đà ngộ Mã đã đành
Là người xuôi ngược để dành chiến công
Hành Diêu, Cơ, Tấu Vũ cùng
Khéo nghề thuyền thợ vững đường sinh nhai

Quan phù Tướng Tấu cùng ngồi
 Mệnh phùng Tả Hữu tăng ni khởi nào
 Hồng Diêu Cơ Tấu Vũ Đào
 Khôi hài, ca xướng tiêngs vào nhà quan
 Khúc Xương Long Phượng phát văn
 Vũ, Tham, Sát, Phá Cự rằng võ công
 Nhật Nguyệt quan lộc bất thông
 Chỉ hiềm một nỗi đồng cung Sửu Mùi
 Những ai đái ấn triệt hồi
 Thiên tướng Không Kiếp đứng ngồi một bên
 Kẻ hen khinh dễ người trên
 Kiếp Hư Hao Sát ngộ Quyền bất minh
 Lại như Liêm Sát, Thiên Hình
 Hội cư Quan Lộc vận hành đao thương
 Nhật Xương Quan lộc cho tương
 Dự trong Hoàng điện thuận đường

CUNG TRẠCH

Luận cung Trạch, xem cung Tài
 Hai cung phối hợp một bài đoán mình
 Tấu Thư Xương Khúc rành rành
 Vào cung Điền Trạch ắt sanh tiền tài
 An quang, phúc lộc trùng lai
 Mộ (sao) phùng sinh, Vượng lâu dài nguy nga
 Cự Cơ giàu cso hào hoa (tại Mão)
 Thiên Phủ, Vũ Khúc mấy toà nghênh ngang
 Hồng Loan ruộng đất giàu sang
 Tử Đồng, Nhật Nguyệt một đàng hanh thông
 Cô Thần yếu giữ Điền cung
 Tang Môn, An Lộc của mong tổ truyền
 Đồng Tham miếu vượng lâm Điền
 Ấy là bạch thủ lập nêu cửa nhà
 Hóa Lộc giáp Mộ (sao) phú gia
 Lương Cơ đắc địa cửa nhà xênh xoang
 Đào Hồng lại gặp Quí, An
 Cô đi để lại có phần phong lưu
 Hoa Không vương ruộng được bao
 Tang Môn, Linh Hỏa lâm vào hỏa tai
 Phá quân sao ấy tán tài
 Tổ truyền bán sạch, tương lai tạo thành
 Tang Môn Bạch Hổ tương hành
 Cửa nhà vừa đủ nấu mình mà thôi

CUNG PHÚC

Phúc cung có kẻ chiến chinh
Tướng Bình Đế Tuyết đóng thành ba phương
Cự Môn, Lộc ; Mã tương phùng
Ấy đất hoạnh phát vũ công đó mà
Vũ Tham Thiên phủ Hóa Khoa
Cũng phát võ nghiệp, cũng đa anh hùng
Phúc cung hãm, ngộ Kiếp Không
Họ hàng lắm kẻ hành hung ở ngoài
Đào Hồng Tang ngộ sao Thai
Tôn thân có kẻ tính bài loạn phong
Tấu Thư Xương Khúc tương phùng
Tôn thân có kẻ thần đồng hiện ra
Việt Khôi lại gặp Đào Hoa
Làm nên sự nghiệp phúc nhà khá mong
Cự Môn, Lộc Tướng song song
Ấy là phát phúc trùng trùng thịnh hưng
Tử, Dương nhập miếu vượng cung
Phát đến có kẻ triều trung quý quyền
Tham Lang thọ Khảo kỳ viên
Lại xem hung kiết ở miền nữ nhi
Thái âm tương hội Tử vi
Hồng Đào Hoa Cái cung phi hẹn ngày
Tang Môn Cô Quả chẳng hay
Quả phu có kẻ thán ngay cô đơn
Trường sinh Đế Vượng hai phương
Ất là trong họ thịnh đường nhân đình
Tuế, Phù tụng sự tương tranh
Lộc Tồn, Cô Quả độc đình đó mà
Tương Bình Tử Tuyết phải là
Có người từ trận phương xa thuở nào
Thiên Hỷ, Hỷ Thần tốt sao
Ấy là đất quý được màu tương sinh
Thiên quan Thiên phúc tốt lành
Vượng đường quan trường thân vinh chẳng ngờ
Khôi Khoa Xương Khúc Tấu Thư
Phát đà văn học có dư anh tài
Vũ Khúc vượng địa chẳng sai
Phúc cung ắt hẳn hoà hài vũ ban
Tang môn Linh Hỏa chớ màng
Trường sinh hỏa hoạn trong hàng tộc tôn
Đào Hồng Hoa Cái nhập môn
Ất rằng có gái đẹp khôn khác thường

Đào Thai hội hợp chờ vương
 Phúc cung, có gái tìm đường gió trắng
 Đà La Không Kiếp án ngăn
 Đẹp gì trong họ, ắt rằng suy hao
 Phúc có chánh diệu, đệ bào tiềm hưng
 Nếu gặp án ngũ Triệt Tuần
 Thôi còn hy vọng ước mong được gì

CUNG PHỤ MẪU

Phụ Mẫu Nhật Nguyệt xem qua
 Sao nào đen tối sớm xa cõi trần
 Nhật, Nguyệt kia gặp hãm lại mình
 Sửu Mùi: Tuần Triệt, nhị tinh
 Sinh ngày cha trước, đêm đánh mẹ vong
 Trái lại Tuần Triệt không lâm
 Sinh ngày mẹ trước, đêm phần cha quý
 Nhật Nguyệt cùng hãm phải hay
 Sinh ngày Mẫu tại, đêm nay Thân tồn
 Nhật Nguyệt rục rở lâm môn
 Đẻ ngày Mẹ biệt, đêm hôn cha ly
 Đồng Cơ Tử Phủ lâm vì
 Nhật Nguyệt sinh địa vui thay song toàn
 Việt Khoa Phụ Mẫu hiển vang
 Khúc Xương Tả Hữu mọi đàn hanh thông
 Thiên Cơ Hợi Tí Sửu cung
 Mẫu Thân, phụ tử ắt xung khắc nhiều
 Cơ Lương hội hợp đáng yêu
 Lộc Tồn Không Kiếp lại điều phá gia
 Bát Tướng cát điều đồng hoà
 Mẹ cha kia vốn con nhà danh môn
 Hỏa Linh: hình khắc cô đơn
 Kinh Đà cha mẹ cùng con bất đồng
 Cự Liêm Vũ, Sát phá Tham
 Mẹ cha, con cái vốn đàn ly tông
 Thung Huyền hưởng thụ ung dung
 Nhờ cung Phụ Mẫu Thiên Lương vượng hành
 Âm Dương Tuần Triệt bất minh
 Mẹ hay cha đã một mình chơi tiên.

VIII. LƯU TUẦN TRIỆT CỬU TINH – NHẬT NGUYỆT

Trước khi xác định việc đoán đại tiểu hạn, cần chú trọng một sự phối hợp thật kỹ lưỡng các sự kiện dưới đây :

1. **LƯU TUẦN TRIỆT** : Muốn lưu Tuần và Triệt thì phải nhớ và năm mình đang xem số ấy thuộc giáp nào để lưu tuần không theo giáp đó. Cách lưu cũng y như cách an số vậy, nhưng tùy theo năm

Ví dụ : người có lá số sinh vào giáp Thìn thì tuần không đóng ở dần mao , mà năm mình xem số lại là năm thuộc về giáp tí, vậy tuần không lưu phải về đóng ở tuất Hợi

Còn triệt lộ không vong cũng lưu theo năm xem số

Ví dụ : Người có lá số kỷ mùi thì triệt đóng ở thân Dậu mà năm xem số lại thuộc về năm bính tuất chẳng hạn thì triệt lưu về đóng ở Thìn tỵ

Việc lưu tuần, triệt rất cần thiết cho việc luận đoán, vì tuần, triệt là tượng trưng cho hai nguyên lưu chính tức là dương và âm của trời đất mà dương và âm bao giờ cũng di động theo thời gian. Chỉ có tuần và triệt mới ảnh hưởng đến 8 cung trong một lá số. Tuần tượng trưng cho dương, nên bao giờ cũng tác động hay hay dở mạnh nhất ở cung âm. Bởi lẽ đó khi xem đại, tiểu hạn cần lưu tuần và triệt mới quyết đoán chính xác được. Bấy giờ tuần, triệt có ảnh hưởng mạnh hơn tuần, triệt chính cung

Ví như khi ta xem năm có thiên mã mà gặp tuần hay triệt ở chính cung mà vẫn đi xa được , hay vẫn thay đổi công việc đẹp đẽ là vì tuần triệt lưu đã không gặp thiên mã nữa; ngược lại có năm ta xem thấy thiên mã không gặp tuần, triệt ở chính cung mà đi xa hay thay đổi việc gì cũng trắc trở là vì thiên mã đã gặp được tuần triệt lưu án ngữ.

2. **PHI CỬU TINH**: 9 Saponin sau đây khi nào đoán Tiểu hạn phải lưu nó để rõ thêm hung cát:

Thái tuế, Bạch hổ, Tang môn

Khốc, Hư, Đà, Mã, Lộc Tồn, Kinh dương

a. Thái tuế lưu thì lấy theo năm tiểu hạn. Ví dụ năm tiểu hạn là năm Tuất thì Thái tuế lưu tính ngay ở cung Tuất theo Địa bàn. Tiếp đó tính đến sẽ Tang môn và Bạch hổ (Tang môn ở cung Tí, Bạch hổ ở cung Ngọ).

b. Thiên khốc và Thiên hư lưu cũng khởi tính từ cung Ngọ gọi là Tí đánh nghịch lại đến năm Tiểu hạn sẽ biết Khốc lưu về cung nào : và từ Ngọ gọi là Tí đánh thuận đến năm Tiểu hạn sẽ biết Hư lưu về cung nào. Acchs lưu cũng y như cách an, chỉ khác là khi an thì tính năm sinh, còn khi lưu thì tính năm tiểu hạn mà mình đang xem số.

Khi lưu về năm Tiểu hạn mà gặp hai Khốc, Hư là xấu, nếu có thêm các hung tinh thì ấy là năm đầy tai ương, nước mắt.

c. Lộc tồn : cách lưu cũng như cách an, chỉ khác là xem năm Tiểu hạn thuộc can gì thì biết Lộc tồn lưu về đóng ở cung nào. Ví dụ năm xem số là canh tuất chẳng hạn thì Lộc tồn lưu về ở cung Thân. Vậy thì Kinh dương lưu đóng phía trước, tức cung Dậu; còn Đà la lưu đóng phía sau, tức cung Mùi.

d. Lưu Thiên mã : Y như cách an, chỉ khác là năm Tiểu hạn thuộc năm nào thì Thiên mã lưu về cung khác. Ví dụ người tuổi Dần thì Mã đóng cung Thân, mà năm xem số là năm Tỵ thì Mã lưu lại đóng ở Hợi.

3. **LƯU NGUYỆT VÀ NHẬT** : Khi xem từng tháng tốt xấu thì 12 cung chỉ 12 tháng. Trước nhất xem từng cung thì tháng Giêng khởi từ cung Dần; tháng 2 cung Mão v.v. . . . sau đó lưu tháng để phối hợp cho sự xem được xác đáng hơn. Muốn lưu tháng phải như sau:

*Lưu nguyệt hãy lấy năm Tiểu hạn,
 Mà tháng Giêng ngược tháng năm sinh
 Đến đó lấy Tí rành rành,
 Thuận về giờ đẻ, ấy cung tháng đầu.*

Ví dụ: người sinh tháng 4 giờ Sửu, mà năm ta xem số là năm Tuất. Thế là ta lấy từ năm Tiểu hạn ấy tính đến tháng 4 theo chiều ngược của địa bàn. Rồi từ đó tính đến giờ Sửu theo chiều thuận của Địa bàn sẽ rõ tháng Giêng ở cung nào rồi tính thuận tiếp đến tháng mà mình muốn đoán.

Lưu Nhật: Nếu muốn đoán về sự hay dở một ngày thì phải Lưu nhật để xem ngày ấy nằm ở cung nào mà đoán. Cách như sau:

*Lưu Nhật gọi tháng Giêng mừng Một
 Thuận theo dòng đàn hát ba mươi
 Mỗi cung tính lấy một ngày.
 Cho tường hung dữ dở hay đó mà.*

IX. LUẬN ĐOÁN ĐẠI TIỂU HẠN.

Trước khi đi vào chi tiết đoán Đại, Tiểu hạn chúng ta nên nhớ kỹ các cách sau đây, vì nó thuộc về phạm vi lý giải của âm dương ngũ hành, của mệnh sao có liên quan với nhau.

1. Dương nam, Âm nữ hạn gặp được Nam đầu tinh thì tốt.
2. Âm nam, Dương nữ hạn gặp được Bắc đầu tinh thì tốt.
3. Bắc đầu ứng tốt xấu mạnh ở 5 năm về trước của Đại hạn;
4. Nam đầu ứng tốt xấu mạnh ở 5 năm về sau của Đại hạn
5. Lương hạn : Đại, Tiểu mà gặp Trúc la (tức Sát, Phá, Tham) mà gia thêm Cự môn, Linh Hỏa thì xấu xa, tai biến, không kể xiết.
6. Lương hạn của người Giáp rất kỵ Thiên thương và Thiên sứ đóng cung zdân. Người tuổi Canh kỵ gặp Thương sứ ở cung Thân.
7. Lương hạn trùng phùng ở cung Tí mà gặp Thương, Sứ Kinh, Đà, Tuế thì có thể nguy đến tánh mạng.
8. Thương ở cung Tí, Thìn, Mão, Ngọ, Mùi; Thiên sứ ở Dần, Thân, Ty, Hợi mà gặp phải Thái tuế thì tai họa ghê gớm. Nếu lương hạn trùng phùng mà không cso sao giải cứu thì nguy đến tính mệnh.
9. Người tuổi Thân mà đến lương hạn gặp Thiên thương rất hại, tai họa liên miên.
10. Người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi mà lương hạn gặp Kinh, Đà, không hề gì, trái lại nếu có Tử, Phủ, Xương, Khúc thì lại là hoạnh phát.
11. Hạn gặp Thất sát có gia Hình, Hổ, Quan phủ ở cung hãm thì dễ mắc vòng lao lý.

ĐẠI TIỂU HẠN PHÁT

1. Tử, Phủ, Vũ, Tướng có sao Lộc, Long Phượng, Tả Hữu nhất định phát giàu có lớn.
2. Nguyệt Đồng Cơ Cự có Khoa Quyền Lộc, Tướng ấn, Khôi Việt, Tả Hữu sẽ thăng quan, hoặc đại đẳng khoa
3. Cự Nhật có song Lộc, Sinh Vượng, Tả Hữu sẽ phát mạnh về buôn bán.
4. Cơ Nguyệt Đồng Lương có Xương Khúc, Hồng Đào, Tam Hóa sẽ phát công danh và giàu có.
5. Sát Phá Liêm Tham có Tả Hữu, Quyền Lộc, Khôi Việt phát về kinh doanh.

ĐOÁN CÁCH Ở ĐẠI TIỂU HẠN

1. **Đăng khoa hay Thăng chức :** Hạn cần có Đào Hồng, Xương Khúc, Khôi Việt, Khoa Quyền hoặc thêm Thai Cáo, Quốc ấn.
2. **Hôn phối:** Phải xem chính cung Phối năm ấy hay Đại Tiểu hạn có:
Sát phá Liêm đào;
Vũ Diêu Lộc Mã Hỉ Đào (hay Hồng)
Tả Hữu Hồng (hay Đào) Thiên Hỉ;
Long Phượng Hỉ thần
Đào Hồng, Nhật Nguyệt (hay Diêu Hỉ)
3. **Sinh con:** Xưm ở Tiểu hạn có :
Phủ Tướng Long phượng ngộ sao Thái;
Nhật Nguyệt, Khoi Việt ngộ Hồng Đào
Thanh Long Đế vượng ngộ sao Thai
Quan Phúc, Tả Hữu, Hồng Hỉ
Thanh Long, Lòng trì, Thiên mã ngộ Sinh hay Vượng.
Quan Phúc, Tấu thư, Hỉ thần.
4. **Tình duyên: đang dúi:** Nếu số người mà cung Thê có Tả Hữu Hồng Đào chiếu, mà đến Tiểu hạn lại gặp các dâm tinh thì thế tất phải đang dúi thêm nợ tình duyên.
Nếu cung Thê có Thất sát đóng thì đến 5 thiếp cũng chẳng vừa; nếu cung Thê có Thai Toạ Sinh Vượng thì là kẻ lan man về đường tiểu thiếp.
5. **về cung duyên đang dở:** Phần nhiều những đàn ông hay đàn bà cao số là do cung Phối. Khi cung Phối có cách sau đây thì thường phải chịu nhiều cay đắng trong việc hôn nhân, và khi đến hạn gặp phải tất phải sinh ly hay tử biệt.
Cung Phối có Cô Quả ngộ Không Kiếp
Kình Đà Không Kiếp ngộ Tuần Triệt
Tang Hổ ngộ Đại Tiểu hao;
Hình Diêu, Thiên khong ngộ Hóa Kỵ;
Thất sát, Phá toái ngộ Hư Khốc;
Linh Hỏa, Kình Đà, Không Kiếp
Cự môn, ngộ Linh Hỏa
6. **Đại Tiểu hạn thất lợi:** Khi gặp các cách cuộc sau đây thì thất lợi cho Đại hạn hay Tiểu hạn
 - a. Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật mà gặp Kình Đà, Không Kiếp hay Phá toái, Kiếp sát thì dễ tàn tật, mất cướp
 - b. Sát phá Liêm Tham mà gặp Nhị tam Không, Linh Hỏa Kình Kỵ hay Đại tiểu Hao Hình, Sát Phục binh, Tang Hổ thì tù ngục vong gia
 - c. Tử Phủ Vũ Tướng gặp phải Tam Không, Kiếp Kỵ Hình Đà hay gặp Linh Hỏa Tang Diêu thì bị giáng chức, phá tài.
 - d. Cự Cơ, Đồng Lương mã gặp Kình Đà Không Kiếp, song Hao, Phá toái, Kỵ thì phá tài hay bị thương tật.

- e. Nguyệt Đồng Cơ Cự mà gặp Không Kiếp Đẩu quân, Tuế, Kỵ, thì bị kiện cáo hay giáng chức.
 - f. Nhật Nguyệt gặp Không Kiếp Thiên diêu hay gặp Linh Hỏa, Cô Quả thì đau mắt có thể mù.
 - g. Phá Liêm Tham gặp Diêu Kỵ, Mộc dục dễ bị bỏng.
 - h. Thiên Đồng gặp Kinh Kỵ, Mộc Hỏa Không Kiếp hoặc là Cự Kỵ Tuế Đà Không Kiếp thì dễ chết đuối.
 - i. Tiểu hạn gặp Tang Hỏa Linh mà nhất là đóng cung Điền trạch thì dễ bị cháy nhà, hay sản vật.
 - j. Cơ Lương đóng Thìn Tuất mà Tiểu hạn đến đó gặp phải Tang Diêu, Tuế, Khôcs Hư thì bị ngã từ cao xuống.
 - k. Sát Phá Liêm Tham gặp Tang Hổ Kinh Đà Diêu khách hay là Tham lang gặp Hổ, Diêu, Ly Tuế ở cung Thìn Tuất thì bị xe cán hay thú cắn.
 - l. Kinh Không Kiếp gặp Quan phù hay Tử Phù, Trục phù mà có Phục binh thì phòng có kẻ chực hãm hại.
 - m. Tham Liêm đóng Tỵ, Hự hoặc Tham vũ đóng ở Dần Thân mà gặp phải Kỵ, Đà, Không Kiếp tất mắc tù tội
 - n. Sát Phá Tham hội Tang Hổ Khốc Khách, Đà, Thiên thương tất gặp lắm tai ương.
 - o. Tham Liêm, Kinh Đà, Hỏa Linh; Kỵ Kiếp Thiên Không tất bị ốm đau nặng.
7. Đại Tiểu hạn có tang: Khi xem thấy Đại Tiểu hạn có các cách sau đây hải phòng tang sự:
- a. Nhật Nguyệt ngộ Đà la, Thiên không, Hóa kỵ
 - b. Phủ Tướng ngộ Cô Quả, Thiên Không, Kiếp sát
 - c. Phủ Tướng ngộ Tang Hổ, Khốc Hư, song Hao
 - d. Sát Phá Liêm Tham ngộ song Hao, Tang Hổ hay Kinh Đà, Không Kiếp, Khốc Hư
 - e. Cô Quả, Đào Hồng, Thiên không, Hóa Kỵ
 - f. Tử Phú Vũ Tướng ngộ Cô Quả, song Hao
 - g. Nhị tam Không ngộ Tang Hổ, Diêu Tuế
 - h. Hình Diêu, Kinh Đà Không Kiếp, Tang Hổ có đại tang.
 - i. Cơ Nguyệt Đồng Lương ngộ Đại Tiểu hạn (hay Tang Hổ) có đại tang.

Bị chú: khi thấy Đại Tiểu hạn có cách cuộc như trên mà đoán về tang sự, phải chú ý các cách mới dùng. Ví dụ: Ở cung phụ mẫu có sẵn cách Cơ Nguyệt Đồng Lương rồi, thì năm Tiểu hạn gặp cách Hình Đà Không Kiếp Tang Hổ, mới đoán là có đại tang được, chứ trùng cách thì không thể đoán được như thế. Khi luận đoán còn phải chú trọng đến phi Cửu tinh xem có gặp cùng lúc ác tinh vào Tiểu hạn không và phải lưu Đại hạn cem có thật là các ám chãng, nếu lưu Đại hạn mà gặp được cung sáng sửa thì cách đoán cũng lấy đó mà chế biến. Nếu cát tinh chiếm 2/3 thì sự xấu cũng nhờ đó chế giảm, nếu ngược lại hung tinh chiếm 2/3 thì có thể quyết đoán đíc xác.

CÁCH LƯU ĐẠI HẠN : Muốn lưu đại hạn cần nhớ :

1. Năm xem số người ấy mấy tuổi?
2. Cung đại hạn năm ấy ở đâu ?

Ví dụ : Thấy nhị cục, Dương nữ, tất đại hạn đi nghịch từ 2 tuổi đến 72 tuổi (như bản dưới đây). Năm xem số ấy là 39 tuổi ; Vậy Lưu đại hạn phải khởi từ đại hạn 43 tuổi mà lưu đến 39 tuổi theo mũi tên vẽ ở bản sau đây sẽ thấy 39 tuổi ấy nằm ở cung Bào:

ĐIỀN 35 ← ↓ PHÚC 36 ↓ PHỤ 37 ↓ MỆNH 38 (2)	QUAN 33 → 34 ↓ BÀO (12)	NÔ (72) PHỐ (22)	THIÊN (62) GIẢI (52) TÀI (42) TỬ (32)
---	---	---	--

Như địa bàn trên cho ta thấy muốn lưu Đại hạn về 39 thì ta phải khởi ở chỗ 32 (tức cung Tử) tính thẳng qua cung Điền (tức cung đối lập) đấy là 33, lại đến cung Quan 34, rồi trở về lại cung Điền là 35, đến cung Phúc là 36, cung Phụ 37 và cung Mệnh là 38 và 39 là cung Bào. Như thế ta lấy cung Bào gọi là cung Lưu niên Đại hạn để đoán và phối hợp với năm Tiểu hạn để phân xấu tốt như đã nói trên.

Nên chú ý đặc biệt là cung đếm ngược lại 34 tuổi trên địa bàn bao giờ cũng đếm về phí đại hạn lớn (tức phía có đại hạn 72 đấy) chứ không bao giờ được đếm về phía Đại hạn nhỏ cả. Có thể khi tiếp tục đếm mãi đến sẽ gặp ngay đại hạn 12. Chứ nếu đếm về phía đại hạn nhỏ thì sẽ sai cả.

CÁC CÁCH DỪNG CHO ĐẠI TIỂU HẠN:

1. khi cung Mệnh Thân sáng sủa, mà đến Đại Tiểu hạn lại rục rở, thì được gọi đó là cách “thêm gấm thêm hoa” (Cấm thượng thêm hoa)
2. khi cung Mệnh Thân hắc ám, nhưng đến được Đại Tiểu hạn rục rở gọi là “Rồng mây gặp hổ” (Phong vân tể hội). Nhưng nếu gặp Đại Tiểu hạn tốt vừa thì gọi là “Cây khô lại gặp mùa Xuân” (Khô mộc phùng Xuân)
3. lúc thiếu thời gặp Đại Tiểu hạn xấu, nên vất vả lao lung, nhưng về sau gặp toàn hạn tốt nên phát đạt hanh thông thì gọi là “áo gấm về làng” (Y cấm hoàn hương)
4. tiểu hạn một năm tốt lại một năm xấu, nên gọi là cách “Bóng sao vờn ánh nước” (Thủy thượng giá tinh)
5. tiểu hạn được nửa năm tốt lại nửa năm xấu, nên gọi là cách “ngày đêm tranh sáng tối” (Nhật dạ giao tranh)
6. hạn số may và rủi liên tiếp nối nhau gọi là cách “Đi tìm không gặp thầy thuốc” (Bỏ số vô Y)
7. tiểu hạn có Lộc Mã Sát hội lại gặp Tam không nên chẳng làm được nên trò trống gì cả nên gọi là “Lộc Mã bị nguy” (Lộc xang Mã khốn)
8. hạn gặp Tứ Phái Hồng Đào, Quyền Lộc lại gặp Tam không, Địa Kiếp, Kiếp sát gọi là “Vua đi xe giả” (Quân Vương nguy giả) có thay đổi công việc mà chẳng ra gì cả

9. TUỔI VỚI HẠN KỶ: Tuổi gặp những năm kỷ thì nên phòng những tai ương vật v. v. . . nếu tiểu hạn lại xấu nữa thì rất đáng ngại
 Tuổi Tí kỷ năm Dần Thân, Tí, Ngọ
 Tuổi Dần, Mão kỷ năm Ty, Hợi Mão Dậu
 Tuổi Sửu, Ngọ kỷ năm Sửu Ngọ và kỷ gặp thất sát
 Tuổi Tỵ kỷ năm Tỵ và hạn đến cung Tỵ
 Tuổi Thìn kỷ năm Thìn và hạn đến cung Thìn Tuất
 Tuổi Mùi kỷ năm Dậu và Hợi và kỷ gặp Kinh dương
 Tuổi Thân kỷ năm Dần Ngọ và kỷ gặp Linh Hỏa
 Tuổi Dậu kỷ năm Mão Dần và kỷ gặp Kinh Đà
 Tuổi Tuất kỷ năm Tỵ Thìn Tuất và kỷ gặp Kinh Đà
 Tuổi Hợi kỷ gặp năm Ty và Kinh đà

10. LIÊN HỆ GIỮA ĐẠI VÀ TIỂU HẠN

1. Nếu đại hạn 10 năm tốt đẹp, rực rỡ, mà gặp Tiểu hạn xấu cũng chẳng đáng lo làm gì, vì chính cái rực rỡ của Đại hạn 10 đã giải cứu cho Tiểu hạn xấu của năm ấy một phần lớn.
2. Nếu đại hạn 10 năm mà xấu mà gặp được Tiểu hạn tốt cũng bị chiết giảm rất nhiều. Cũng như Tiểu hạn một năm tốt mà lưu Nguyệt gặp tháng xấu cũng chẳng đáng ngại. Trái lại nếu Tiểu Hạn xấu mà lưu nguyệt được tháng tốt cũng chẳng được lợi là mấy.

11. LIÊN HỆ GIỮA HẠN VÀ NĂM TUỔI:

Khi xem Đại Hạn hay Tiểu hạn mà gặp năm tuổi (căn cứ vào vòng Thiên bàn bên trong địa bàn). Ví dụ năm 49 tuổi là năm đến cung tuổi của mình; vậy phải xem coi năm ấy có những sao gì? Nếu gặp cát tinh hội hợp hay hung tinh đắc cách thì phải hơn những năm tốt khác. Nhưng nếu gặp ác tinh thì xấu hơn những năm xấu khác.

Nhất là Đại Tiểu hạn trùng phùng thì tốt hay xấu cùng gia tăng kinh khủng. Ví dụ tuổi Mùi mà đại hạn và tiểu hạn cùng về cung Mùi ở Thiên ban.

X. XEM TIỂU HẠN THEO THÁI TUẾ LƯU NIÊN TỪNG NĂM

NĂM TÍ

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao :	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao :	xấu
QUÍ KỶ CANH	Thất sát hay Phá Quân	Phát phúc	BÍNH MẬU	TỬ VI	Tái tài
ẤT QUÍ	Cự Cơ	Phát phúc			
ĐINH KỶ CANH	Phủ Tướng, Lương	Phát tài			
ĐINH	Thiên đồng	Mọi sự tốt			

Cả các tuổi	Tồn, Xương, Khúc, Tả Hữu, Cơ Đồng, Phá Tướng, Liêm, Vũ Phủ, Cự Sát	Phát tài	Cả các tuổi	Tham, Tử vi, Lương, Kỵ, Nhật, Kinh	Tán tài quan tụng
-------------	--	----------	-------------	------------------------------------	-------------------

NĂM SỬU

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao:	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao:	Xấu
BÍNH TÂN	Thiên Lương	Mọi sự hay	GIÁP ẤT	Thái Dương	Mọi việc hỏng hối lẫn
MẬU BÍNH	Thiên Tướng, Âm, Vũ, Phủ, Liêm, Thiên Lương	Mọi sự hay	QUÍ	Cơ	
Cả các tuổi	Tử, Tướng, Âm, Lương, Phủ, Tồn, Pha, Xương, Khúc, Tả, Hữu	Mọi sự hay	ĐINH CANH	Đồng, Liêm	Quan tụng khẩu thiệt
			Cả các tuổi	Đồng, Cự, Vũ, Tham, Nhật, Kỵ, Kinh	Quan tụng tán tài

NĂM DẦN

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
CANH KỶ ĐINH	Tử, Nhật, Vũ, Lương, Sát	Như ý	BÍNH H MẬU	Liêm Tham Phá	Quan tụng khẩu thiệt
Cả các tuổi	Tử Phủ, Cơ Vũ, Âm Sát Đồng, Tướng, Cự Lương, Nhật	Vượng tài	Cả các tuổi	Tham, Đà, Kỵ	Tán tài quan tụng

NĂM MÃO

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
ẤT TÂN	Tử, Cơ, Dương, Tướng, Phủ,	Vượng Tài	GIÁP BÍNH	Liêm Trinh	Tán tài

	Vũ, Đồng				
Cả các tuổi	Âm, Lương, Tử, Cơ, Đồng, Phủ, Tham, Cự, Sát	Phát tài có Hỷ sự	GIÁP ẤT CANH	Thái Âm	Tai hại
			Cả các tuổi	Trinh Phá Đà	Tán tài quan tụng khẩu thiệt

NĂM THÌN

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
GIÁP	Tử Tham Sát	Tài lộc vượng	NHÂM	Tham Vũ	Hung tai
ĐINH CANH	Cơ nhật	Tài lộc vượng	NHÂM QUÍ ẤT MẬU	Dương Liêm Âu	Tai nạn
MẬU CANH QUÍ	đồng		Cả các tuổi	Trinh Phủ Âm Cự Phá Kỵ Tướng	Tang thương quan tụng khẩu thiệt
BÍNH TÂN	Cự				
Cả các tuổi	Dương Lương Cơ Sát Tham Tả Hữu Xương Khúc	Tài lộc vượng			

NĂM TỶ

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
BÍNH MẬU CANH	Tử Phủ Đồng Cự Tướng Lương Phá	Phát phúc	QUÍ BÍNH	Cự Tham	Tai ương
NHÂM TÂN BÍNH	Cơ Âm	Phát tài			

GIÁP MẬU	Tham	Trung bình	Cả các tuổi	Âm Phá Vũ Liêm Tham Cự Tướng Phá Kỵ	Sinh ác bịnh tán tài quan tụng khẩu thiệt
Cả các tuổi	Dương Đồng Phù Lương Tử Tôn	Vui mừng			

NĂM NGỌ

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	T HÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
ĐINH KỶ GIÁP QUÍ	Tử Dương Vũ Đồng Lương Liêm Phá Sát	Danh tài đều tốt	BÍNH NGỌ NHÂM QUÍ	Tham Lang	án tài Quan sự
Cả các tuổi	Tử Vũ Cơ Dương Phủ Cự Liêm Phá Tướng Lương Tôn	Phát tài có sự vui	Cả các tuổi	Tham Đồng Âm Kinh Đà Kỵ	Tang thương Tai nạn Tấn tài

NĂM MÙI

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THAI TUẾ Gặp sao	Xấu
NHÂM ẤT	Tử Phủ Tướng Cơ	Khỏe mạnh	GIÁP ẤT	Dương	Nhiễm sự Buồn phiền
CANH NHÂM	Thái Âm	Phát tài	ĐINH CANH	Thiên Đồng	Nhiều sự Đổi thay
Cả các tuổi	Tử Phủ	Phát tài	NHÂM QUÍ	Vũ	Nhiều sự Đổi thay

	Liêm Cơ Phá Tướng	Hỉ sự	Cả các tuổi	Âm Dương Vũ Đồng Tham Kinh Đà Kỵ	Đau, kiện tán tài tai nạn
--	----------------------	-------	-------------	---	---------------------------------

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
GIÁP QUÍ CANH	Tử Liêm Phá	Phát phúc	ẤT MẬU	Cơ	Đau, kiện
GIÁP QUÍ CANH TÂN	Cự	Phát phúc	ĐINH	Cự	Rất xấu
GIÁP ĐINH CANH	Cơ	Phát phúc	NHÂM THÂN BÍNH	Liêm	Quan tụng
Cả các tuổi	Tử Phủ Liêm Dương Cự Sát Vũ Xương Tồn	Phát tài hỉ sự	GIÁP CANH	Đồng	Tai họa
			QUÍ BÍNH	Tham	Tai họa
			Cả các tuổi	Đồng Lương Tướng Âm Phá Kỵ	Đau, kiện tang chế tán tài

NĂM THÂN

NĂM DẬU

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
MẬU ẤT TÂN BÍNH	Tử Lương Âm	Phát tài	GIÁP ẤT	Âm Đồng	Rất xấu
Cả các tuổi	Tồn Tử Phú Xương Khúc Tả Hữu	Phát mọi sự như ý	CANH NHÂM	Vũ khúc	Rất xấu
			GIÁP CANH	Thiên Tướng Liêm Phủ	Rất xấu
			BÍNH TÂN	Liêm Trinh	
			NHÂM	Thiên Phủ	
			Cả các tuổi	Liêm Cơ Cự Kỵ Vũ Kinh Đà	Tán tài kiên tụng

NĂM TUẤT

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	xấu
NHÂM GIÁP ĐINH KỶ	Tử vi	Phát tài	QUÍ	Tham Lang	Xấu lắm
			CANH	Thiên Đồng	
ĐINH KỶ	Âm vũ	Vui vẻ	MẬU	Thiên cơ	
GIÁP CANH	Vũ Khúc		ĐINH	Cự Môn	
GIÁP ẤT ĐINH KỶ		Mọi sự vui	GIÁP	Thái Dương	Xấu

TÂN QUÍ ĐINH KỶ	Cự Môn	Mọi sự vui	BÍNH	Liêm Trinh	
			NHÂM	Vũ Khúc	
GIÁP ĐINH KỶ	Đồng Liêm Phá Sát	Hưng vượng	Cả các Tuổi	Cự Dương Tả Tướng Phá Kỵ	Đau ốm Quan phi Tán tài
Cả các tuổi	Cơ Âm Lương Phủ Vũ Sát Tham Đồng Tả Hữu				

NĂM HỢI

Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Tốt	Tuổi	THÁI TUẾ Gặp sao	Xấu
NHÂM QUÍ MẬU	Tử Đông Cự Lương	tốt	BÍNH QUÍ NHÂM	Liêm Trinh	
NHÂM	Thiên Cơ		NHÂM BÍNH	Vũ Khúc	
ĐINH KỶ BÍNH MẬU	Thiên Tướng	Rất tốt	GIÁP	Thái Dương	

MÂU KỶ	Âm	Thăng chức Phát tài	Cả các Tuổi	Liên Phá Sát	Hao tài Quan phi, Đau ốm
Cả các Tuổi	Đồng Âm Tư Lương Xương Phủ Khúc Tồn	Hỉ sự Mọi việc			

XI. LIÊN HỆ GIỮA MỆNH THÂN VÀ HẠN

MỆNH THÂN Có sao	HẠN Gặp sao:	ĐOÁN
Tử Phủ Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sủa	1. cùng nhóm ấy sáng sủa	Được xứng ý toại lòng
	2. Sát Phá Liên Tham Sát tinh hay bại Tinh sáng sủa	Trong cái may có cái rủi, khá phát nhưng dễ gặp tai ương trừ tuổi Kỷ. Nếu sao mờ ám thì khó tránh khỏi tai ương
	3. Gặp Vũ Tướng sáng sủa	Hoạnh phát danh tai. Nếu gặp sao mờ ám có kem đi
Sát Phá	1. Cùng nhóm đó đều sáng sủa	Mọi sự hanh thông danh tài hưng vượng

Liêm Tham Sát tinh hay Bại tinh Sáng sửa	2. Tử Phủ Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sửa	Khá giả nhưng chưa được toại nguyện. Nếu gặp sao mờ ám thì mọi việc bế tắc, thành ít bại nhiều
Tử Phủ Vũ Tướng	La, Tử, Tuyệt, Cự, Đồng Với nhiều sát tinh khác	Có thể bỏ mình nơi trận mạc như Quan Vân Trường
Vũ Tướng (sáng sửa)	Tử Phủ, Cự, Nhật, Cơ, Nguyệt, Đồng, Lương, Phá, Liêm Tham (sát) tinh, bại tinh sáng sửa	Tài quan song mỹ. Nếu các sao hạn mờ ám cũng không dáng lo

MỆNH THÂN Có sao:	HẠN Gặp sao:	ĐOÁN
VÔ CHÍNH DIỆU Cước chú: Cần gặp Sát Phá Liêm Tham (bại tinh) sáng sửa nhập hạn hơn là Tử Phủ Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương sáng sửa	1. Sát Phá Liêm Tham dù sáng sửa hay mờ ám	Mưu sự trước khó dễ sau
	2. Vô Chính Diệu	Tất cả mọi việc đều bế tắc, nhưng cũng nhập hạn gặp Tuần Triệt thì danh tài hưng vượng.
	3. Phá Sát Tham hội Đào Hong Suy Tuyệt	Tính mạng khó an toàn như Gia Cát Võ Hầu đời Tam Quốc
Cự hay Kỵ tọa thủ	Tuế Đà phù hợp	Mắc kiện tụng thị phi
Nguyệt hội Hồng Kình Diêu Kỵ	Xương Vũ	Bị cảm dỗ trước sắc dục khó ngăn được
Thất Sát	Kình hay Đà	Gặp tai nạn khủng khiếp
Thất Sát hay Hình Linh tọa thủ	Bạch Hổ	Dễ mắc tù tội
Tham Lang	1. Đại Tiểu Hao	Sa sút của cải, tung thiếu
	2. Hóa Lộc	Tiền tài phong túc
	1. Tuần Triệt dù có Sao tốt hội	Bị trắc trở lúc đầu

Không hay Kiếp	2. Hạn lại đến cung Mệnh	Sự nghiệp đổ vỡ Tính mạng khó toàn
Đại Tiểu Hao Không đặc địa	1. Gặp Lộc	Phát tài, ăn tiêu dư dật
	2. Sát tinh hội hợp	Túng thiếu
Hỏa hay Linh	Kiếp Không Thương Sứ	Tai họa khủng khiếp
Lộc	Đại Tiểu Hạn hãm	Nghèo túng khốn khổ
Khôi Việt	Hạn đến Mệnh Thân	Hoạnh phát và cận quý
Tướng Quân hội Cái Đào Khúc Mộc	Cơ, Diêu	Trần trọc vì nhu cầu sinh lý suốt đêm
Thân có Sát Phá Liêm Tham	Võng Hình Khôi Kỵ Đà phục binh	Bị ám sát như Trương Dục Đức

Tuổi	Mệnh an tại cung Hoặc có sao:	Hạn gặp sao:	ĐOÁN
GIÁP KỶ	Tử Phủ Vũ Tướng	Hồng Xương Tuế Kình	Tài lộc hanh thông tăng tiền
KỶ	Cơ Nguyệt Đồng Lương	Sát Phá Liêm Tham Tả Hữu	Công danh sớm đạt
ẤT – TÂN	Cơ Nguyệt Đồng Lương Hư Kình Tuế Khách	Hạn lại gặp nhóm ây	Hoạnh đạt võ nghiệp
MẬU CANH	Mệnh tại Thìn Tuất có Vũ Khúc hay Tham Lang toạ là người có tài mà kém đức. Nếu gặp cả Không Kiếp là đề tiện	Hạn gặp Kình Đà	Không toàn tính mệnh
TÂN ĐINH	Mệnh tại Dần Thân có Phá Quân hội Hoá Việt giỏi máy móc	Mã tuyệt và Sát tinh thâm nhập	Khó tránh được qua gậy chân tay
	Mệnh an tại Tí có Tử vi	Hạn đến Thìn Tuất gặp Sát tinh	Khó tránh được tù tội

Tất cả Mọi tuổi	Mệnh rất mờ ám xấu xa	Cung nhập hạn lại là cung mệnh	Không đáng lo ngại trừ trường hợp có Không Kiếp
	Sửu Mùi có Tử Phá toạ đồng cung	Đến cung Thổ có Tả Hữu	Tài quan song mỹ
	Mệnh ở Ngọ có Tử vi Tam Hóa Hình Ấn Xương Khôi Bát Hồng rất đẹp	Cự Sát Đà Linh tất bị uất mà chết như Chu Du	Chết vì uất hận
	Mệnh ở Dần Thân có Cự Nhật đồng cung	Kiếp Sát Hình Địa Kiếp Kỵ	Đề phòng bệnh tim phổi. Nếu có Mã nữa tất bị thương tích chân tay

Tuổi	Mệnh an tại cung Hoặc có Sao:	Hạn gặp sao	ĐOÁN
	Mệnh ở Ngọ có Nhật toạ	Hình Tang Hổ Khốc	Phát đạt khá giả
	Thân ở Dần có Cơ Nguyệt Đồng cung	Liêm Hổ Linh Riêu Tham Kiếp Hình	Khó nuôi con, có mang ắt truy thai. Bị ngục tù. Chỉ Khoa Phượng mới giải được
	Mệnh ở Hợi có Thái Âm	Khúc Xương Quyền Kỵ	Rất khá giả
	Mệnh ở Mão có Thiên Tướng nội sinh Vượng Hồng Đào Tả Hữu Quyền Xương	Phá Kiếp Đà Kinh	Tuy người vũ dũng nhưng gặp hạn này sẽ mang lụy vì nữ sắc như Lữ Bồ
	Mệnh Tí Ngọ có Liêm Tướng đồng cung	La Vông Tham Linh Đà	Bí chết chém thê thảm như Hàn Tín
ẤT KỶ ÂM NAM	Mệnh tại Sửu Mùi có Liêm Sát đồng cung là bậc trí dũng	Khoa, Sinh	Hoạnh phát công danh tài lộc
BÍNH NHÂM	Mệnh an tại Ty Hợi có Tướng Binh, Ấn là người có uy quyền hiển đạt	Phá Quyền Lộc hội	Hoạnh phát danh tài

XIII. ẢNH HƯỞNG SAO NHẬP HẠN

TỬ VI

1. Nhập hạn tại Tỵ Hợi Mão Dậu suy giảm tốt đựp hạn có tai họa cũng khó mà giải được.
2. Đại Tiểu Hạn trùng phùng gặp Tuần Triệt tính mạng đáng lo ngại
3. Có Khôi Việt thêm danh giá, tranh chấp với ai cũng thắng lợi.
4. Gặp Tam Không Kiếp Kỵ: ốm đau mất của
5. Kinh Đà Kiếp Kỵ : đau ốm, bị lừa
6. Phủ Tướng Tả Hữu Tam Hóa: hoạnh phát danh tài

THIÊN CƠ

1. Sáng sủa hoạch phát. Gặp lộc cùng phát
2. Mờ ám bị phiến toái thị phi. Nếu Kinh Đà Cự hội khó tránh tai họa. Nếu đại hạn mờ ám tất phải chết.
3. Hội Nguyệt Đồng Lương Tả Hữu, sát tinh gặp thời làm quyền gian.
4. Lương Tuế Tang: ngã từ cao xuống, trong nhà có tang
5. Cự Hỏa Kinh Thương Sứ hội: đau ốm hao tài, có tang hay tai nạn.
6. Thương Sứ: đau ốm khầu thiệt
7. Tang Khốc: có đại tang hay ngã đau
8. Khốc Hỏa Kinh : trong nhà có sự tranh chấp
9. Khốc Hư: bệnh phổi
10. Quả Tú: túng thiếu. Nếu mệnh có Háo sẽ bị chết đói
11. Tỵ, Hợi Sửu Mùi gặp Hỏa Linh bị tai nạn khủng khiếp, bị lừa, bị hãm hại
12. Tỵ Hợi gặp Hình thì không thoát được tù
13. Gặp Tham Sát Phá:P đau yếu, bị oán trách
14. Phá đồng cung gặp Kiếp Kình bị kiện tụng dễ tù tội
15. Gặp Kinh Đà hay gặp rủi ro, đầy lo lắng
16. Gặp Hình Kỵ Kinh Đà dễ đao thương

THIÊN PHỦ

1. Gặp Tam Không: phá sản
2. Không có Tam Không là kho tài lộc. Nếu gặp được Tam Hóa nữa thì chắc chắc tài quan tuyệt mỹ

THÁI ÂM

1. Sáng sủa tài lộc phong túc, thường tậu được nhà, có nhiều hỷ sự trong gia đình.
2. Mờ ám: hao tán, hay đau bụng hay đau mắt sức khoẻ của mẹ hay vợ suy kém.
3. Trong trường hợp mờ ám mà gặp Đà Tuế Hổ phải đoán là mẹ chết
4. Long trì, Sát thì bị đau bụng (tiết hoá)
5. Đà Kỵ đau mắt nặng, mất của
6. Hỏa Linh bị đau yếu, kiện cáo
7. Hình: mất dễ bị thương, và chạm kim khí

THAM LANG

1. Sáng sửa tốt đẹp hanh thông. Nếu ở Tứ Mộ hợp với tuổi Tứ Mộ càng hiển hách phát đạt. Nếu gặp thêm Linh Hỏa càng thêm rực rỡ muôn phần.

THÁI DƯƠNG

1. Sáng sửa: phát danh tài
2. Mờ ám: đau yếu hao tán. Sức khoẻ của Cha hay Chồng kém. Nếu gặp Tang Kỵ Đà phải e cha hay chồng chết.
3. Gặp Long Trì: đau mắt
4. Thanh Long, Long Trì: trong nhà có người tai nạn sông nước. Hạn ở cung nào thì tai nạn ở phương đó.
5. Riêu Đà Kỵ : đau mắt nặng
6. Hỏa Linh Kinh Đà: mọi việc trắc trở, sức khoẻ của cha chồng kém. Hao tán.

VŨ KHÚC

1. Sáng sửa tốt đẹp, tài lộc hưng vượng
2. Gặp Tả Hữu Xương Khúc: tài quan song mỹ
3. Gặp thêm Quyền sẽ trọng trấn biên thủy
4. Mờ ám thì hao tán tiền tài, giáng quan chức.

THIÊN ĐỒNG

Sáng sửa hay mờ ám đều thay đổi chỗ ở hoặc công việc làm

Sáng sửa: Hưng vượng, trong nhà có việc vui

Mờ ám: mọi việc trước hanh thông, sau bế tắc, hao tán bị bãi quan chức.

Gặp Linh, Kinh toại ý việc cầu hôn

Kỵ: đau bụng

LIÊM TRINH

1. Sáng sửa gặp được sao tốt, danh tại toại mỹ.
2. Ở Ty Hợi giao dịch với người lạ bất lợi, sinh hiềm thù tù tội
3. Mờ ám: chơi bời đến mang họa. Nếu có công danh dễ bị thất giáng.
4. Gặp Vũ Lộc Mã có danh tài
5. Gặp Hồng Đào thanh gia thất
6. Gặp Lương Kỵ bị gỗ đá gây thương tích
7. Gặp Diêu Kỵ tai nạn về sông nước, khẩu thiệt kiện tụng
8. Gặp Không Kiếp mọi sự bế tắc, hao tài.
9. Gặp Hổ mà nhập cung Dần Tuất dễ bị ác thú hay xa cán

CỰ MÔN

1. Sáng sửa là Quyền tinh, mưu sự tất thành, được nhiều người nghe
2. Nhập hạn tại Hợi gặp Lộc không nên mưu sự lớn như "Kiếm xạ Đẩu Ngưu"

3. Mờ ám: mắc thị phi, tán tài, có tang
4. Nếu gặp sao Tử, Mộc dễ bị tai nạn xe cộ. Nếu gốc Đại hạn xấu sẽ bị chết
5. Gặp Kỵ tai nạn sông nước, thị phi
6. Gặp Tang Môn dễ có tang, đau ốm
7. Gặp Tang Môn, Hỏa Linh: có tang, tán tài; nếu không nhà bị cháy

THIÊN TUỞNG

1. Sáng sửa: mưu sự dễ thành, hoạnh phát bất ngờ
2. Mờ ám cũng nhập hạn dễ mắc kiện cáo ốm đau. Nếu gốc Đại hạn xấu thì tính mạng dễ lâm nguy
3. Gặp Không Kiếp: bị tiểu nhân lừa lọc nhưng không đáng ngại
4. Gặp Khôi Hình: tai nạn về đao thương ở đầu mặt, nếu không cũng mắc bệnh bộ phận ấy, công danh thường trắc trở.
5. Tuần Triệt án ngữ: tiểu nhân mưu hại, phòng tai nạn xe cộ đao thương
6. Nếu nhập hạn ở cung Thiên Di mà gặp Tuần Triệt dễ bị giáng chức quan tước ra trận khó toàn tính mạng

THIÊN LƯƠNG:

1. Sáng sửa: hưng vượng gặp việc mừng, đau ốm chóng khỏi, tai nạn gặp quý nhân
2. Mờ ám: hao tán sức khỏe và tiền tài, nếu gặp Lương nhập hạn ở Tí Hợi chắc chắn đi xa hay thay đổi công việc.

THẤT SÁT

1. Sáng sửa: danh tài hưng vượng. Nếu Sát nhập hạn ở Dần Thân thật là tài quan song mỹ, mưu sự thành nhanh chóng
2. Mờ ám: Gặp nhiều chuyện buồn; nếu cả sát tinh như Kinh Đà thì khó tránh được tai nạn xe cộ hay đao thương
3. Sát nhập hạn tại Thìn Tuất mà Đại hạn xấu phải quyết định là chết
4. Gặp Liêm Tham Phượng: dễ bị oán trách. Gặp Phá Hình dễ bị tù tội
5. Gặp Phá Hao Mộc Kỵ sẽ mắc ung thư hay mụn nhọt phải mổ sẽ
6. Gặp Kinh Phục Không Háo Hỏa, Linh Kỵ Kiếp mà gốc Đại hạn mờ ám nhất định phải chết
7. Gặp Kỵ mang tiếng nhục nhã
8. Đau ốm phòng có tang

PHÁ QUÂN

1. Sáng sửa mà gặp được thêm Xương Khúc Khôi Việt tài quan song mỹ, phú quý cực độ
2. Mờ ám: đau ốm kiện tụng, mất chức, vợ con không yên ổn. Nếu có sát tinh mà gốc Đại hạn mờ ám thì tính mệnh dễ lâm nguy. Đàn bà Phá mờ ám không tránh được bệnh khí huyết
3. Gặp Liêm Hỏa hao tán, tù tội
4. Gặp Sát Linh thì tù tội

5. Gặp Hình bị đã thương
6. Gặp Hình Linh Hỏa Việt ị sét đánh hay đao thương súng đạn
7. Gặp Phượng Các bị trách oán
8. Gặp Thái Túê mắc kiện tụng
9. Gặp Quả Tú dễ bị tai nạn dọc đường
10. Phục Tướng Diêu Thai: đàn ông rắc rối về tơ duyên, đàn bà mắc lừa về tình ái.

XIV. LUẬN ĐOÁN VỀ HẠN CHẾT:

Khi các bạn đã biết cách xem và rõ mọi cách xung phá, tính tình hung cát; sự tương quan giữa năm hạn với tuổi như phần III trên đây đã vạch ra, thì tất nhiên bạn có điều kiện tìm xem:

1. Trong các Đại hạn của lá số, Đại hạn nào xung khắc với tuổi nhất, và có những hung tinh hãm hại nhiều nhất để cân nhắc thật kỹ Đại hạn ấy rồi mới tìm Tiểu hạn.
2. Tiểu hạn nào bị mờ ám nhất trong vòng Đại hạn nói trên tất nhiên năm ấy khó thoát được sự ra đi vĩnh viễn
3. Khi rõ Tiểu hạn phải lưu Nguyệt để xem tháng hạn và lưu Nhật để xem ngày hạn. Khi lưu nên chú trọng sao nào ngày tháng nào khắc với tuổi của người có lá số nhất thì việc đoán mới mong xác thực được.

Sau đây; tôi xin trình bày thêm phú đoán chết để tham vào cách suy đoán:

Lại xem sinh tử toàn viên,

Vận cung Thái tuế lưu niên cung nào.

Sát, Dương (Kinh) Thương; Phục; Không Háo:

Hỏa, Linh, Kỵ, Kiếp chiếm vào hạn trung

Dở thay Đại, Tiểu (Đại hạn và Tiểu Hạn) trùng phùng

Để tình thụ ám không vong đó mà

Ấy là vận hạn khó qua;

Lại tham, Sát, Phá: Trúc la thoát nào (Hạn Trúc la)

Để tướng Tam hợp chiếu vào

Hoạ may không chết bỏ sao cát phù.

CHÚ Ý: Khi biết Đại hạn chết, muốn tìm Tiểu hạn phải căn cứ ở Thiên bàn (vòng bên trong) tính tuổi. Ví dụ tuổi Mùi thì căn cứ ở năm Mùi của Thiên bàn là 1 tiếp đến là 13, 25, 37, 49, 61 v. v. . . . Khi đến giáp nào gặp tuổi ở Đại hạn xấu thì tính tiếp từ đó từng năm lẻ đến cung nào mà gặp phải KINH ĐÀ CỰ KỴ, KIẾP SÁT, THIÊN KHÔNG thì phải chú ý lưu niên Thái tuế và xem kỹ đến các chính tinh, Tả Hữu, Hồng, Đào. Vì Tả Hữu Hồng, Đào về già rất xấu. Cứ thế luận xem thật cẩn thận ắt không sai. Sau đó lưu Nhật và lưu Nguyệt cũng đến cung xấu ấy khắc rõ thời gian chết.

PHẦN THỨ IV SỐ TỬ VI MẪU

DIỄN ĐỒNG	QUAN VŨ – PHỦ	NÔ DƯƠNG – ÂM	THIÊN THAM – MÃ
----------------------	--------------------------	--------------------------	----------------------------

Đ. Hao Âm Linh tính Cô thân Th. Trù Tuyệt	Th. L. N và	Bệnh phù Q. phù Mộ	Khúc Tả Long Khoa	Kỵ Tử phù Th. Thương Hỷ Thân Th. Quan Ng. Đức 76 Tử	Việt D. phù	Phi xương Tuế phá Th. Hư Th. Thọ Bệnh Th. Khổ TRIỆT	Liêm Th. Phụ Hữu Phượng G. Thần 66
PHÚC PHÁ Ph. Bình T. môn Th. Khốc Thai	Ph. Cáo Quyền Th. Tài	SỬU DẦN	TÝ DẦN	HỢI DẬU	TUẤT DẬU	GIAI CỖ – CỤ Đ. Không Th. Sứ đức Lưu hà 56 Suy	T. Thu Long Th. Phúc
PHỤ Kính Dương Th. Không Q/ phù Diêu Y Dưỡng	Th. Đào	MÃO THÌN	Song Lộc Mã. Xương Khúc. Tả Hữu Khoa Tướng Ấn. Long Phượng Cái Hổ	TỶ NGỌ	THÂN MÙI	TÀI Tử vi B. hổ 46 Đế	Tướng Q. ấn T. Quân H. cái
MỆNH LIÊM TRINH Th. Tuế Đ. Quân 6 Sinh TUẦN	Tồn B. Toạ L. Tồn C. Sỹ Th. Giải 6	BÀO Đà Đ. Kiếp Trực phù Q. Tú 16 Mộc	Khôi Â. Quang Th. Qui Lực Sĩ Hồng Địa giải	PHỐI TH. SÁT Điều 26 ĐỐI	T. Thai Th. Long	TỬ LƯƠNG T. Hao đức Th. Hình Hoả Kiếp sát 36 Lâm	phúc Th. Đức

NHÂN XÉT LÁ SỐ THÁI HẬU

1. Liêm Tham đồng độ nam đa lãng đãng, nữ đa dâm;
2. Liêm đắc địa có Tử vi chiếu hội Xương Khúc, trong phú có câu

Liêm mà gặp được Tử vi

Ở cung miếu vượng quyền uy đó mà . . .

*Liêm đặc địa Khúc Xương cùng
Là người văn võ anh hùng lược thao.*

3. Song lộc ngũ mã : Mệnh bà Lã Hậu chuyên quyền
: Song lộc ngũ mã chiếu miềm chính cung.
4. Tứ linh triều Thâm Mệnh, có Tả Hữu:
Tứ linh Cái Hồ Phượng Long
Công danh quyền thế vẫy vùng một khi
5. Sinh năm Giáp gặp Thiên khố (ở cung Thân) phú có câu:
*Hở ai Giáp Kỷ mấy người
Gặp sao Thiên khố tiền rời bạn muôn*
6. Xét về ngũ hành thì cung sao và mệnh cục rất tương ứng
7. Cung mệnh Liêm Tham đồng độ nam đa lãng đãng, nữ đa thâm chưa kể cung Nô của đàn bà mà có Đào Hồng ngũ Mộc đục, Diêu Hỉ – cung Phu lại gặp:
Thất sát vũ khúc đồng danh
Bao lần hôn phố mới thanh được chẳng.

<div>NÔ</div> <div>Vũ khúc Phá quân</div> <div>Đại hao Thiên quý</div> <div>Thiên thương</div> <div>Hoá quyền</div> <div>Long đức</div> <div>Hồng loan</div> <div>Địa giải</div> <div>56</div> <div>Lâm</div>	<div>THIÊN</div> <div>Thái dương</div> <div>Phục binh Hóa lộc</div> <div>Thiên khôi</div> <div>Bạch hổ thai phụ</div> <div>Lưu tù</div> <div>Thiên phúc</div> <div>Thiên giải</div> <div>66</div> <div>Vượng</div>	<div>GIẢI</div> <div>Thiên phủ</div> <div>Quan phủ</div> <div>Đà la Phúc đức</div> <div>Thiên đức</div> <div>Thiên hình Quả</div> <div>tú</div> <div>Thiên sứ</div> <div>TRIỆT</div> <div>Suy</div>	<div>TÀI</div> <div>Thiên cơ Thái</div> <div>âm</div> <div>H. Kỵ Lộc Tồn</div> <div>Điều khách</div> <div>Thiên mã</div> <div>Thiên khố Bác sỹ</div> <div>Đẩu quân</div> <div>Lưu hà</div> <div>Bệnh</div>
<div>QUAN</div> <div>Thiên đồng</div> <div>Bệnh phù</div> <div>Tuế phá Văn khúc</div> <div>Hóa khoa</div> <div>Thiên hư Quốc ấn</div> <div>Thiên khố</div> <div>46</div> <div>Đời</div>	<div>HỘI</div> <div>TÍ</div> <div>SỬU</div> <div>DẦN</div> <div>SỐ KHỔNG TỬ</div> <div>Năm Canh Tuất Tháng 11</div> <div>Ngày 1 – giờ Tý</div> <div>Dương nam – Kim mệnh</div> <div>TUẤT</div> <div>Hỏa cục</div> <div>MÃO</div> <div>Cách: Lương Đồng Cơ Nguyệt</div> <div>Hội Song lộc Mã Khố Khách</div>	<div>TỬ</div> <div>Tử vi Tham</div> <div>lang</div> <div>Trực phù</div> <div>Ân quang</div> <div>Kinh dương</div> <div>Lực sỹ</div> <div>Tử</div>	

PHÂN TÁCH SỐ KHÔNG TỬ: Lương vương ở Tí gặp Thái dương, lương lộc, vinh hiển tột bậc, tính chất thanh cao đạo hạnh, trung nghĩa cương cường:

Ấy người tai cán tinh anh . . .

Vân hạn: Khổng Tử sinh năm Tuất mà tiểu hạn đến cung Thìn tối kỵ, đại hạn đến cung Nhâm năm 61 tuổi gặp Thiên Lương Song Hào, Liêm trinh Hỏa tinh, Thiên không Kiếp sát, Kinh dương, Phá toái. Mà tiểu hạn lại gặp lương Tuế, Kỵ, Tang Hư Khốc Điều; không nguy đến tính mạng là vì đại hạn có Tử vi, Hóa quyền, vì vậy mới bị tuyệt lương ở nước trần.

Đến năm 73 tuổi, tiểu hạn cũng về cung Thìn với các hung tinh ám hại đó đóng ở La Vọng mà Thái Tuế ở đó rất độc, đại hạn lại bị gặp phải lương Tang môn Bạch hổ ngộ Thiên trù, Hư khốc lưu niên, mà về già lại gặp cả Tả Hữu đi với hung tinh, đúng là hai kẻ âm công đưa đi về cõi chết.

<div><div><div>BÀO</div><div>Đà Mã</div><div>Điều khách</div><div>Ph.Cáo</div><div>Cô Lực sỹ</div><div>Phá toái</div><div>Th. Trù</div><div>12</div><div>Lâm</div></div></div>	<div><div><div>MỆNH</div><div>THIÊN CƠ</div><div>Hỏa L. tôn</div><div>H. khoa</div><div>B. sỹ</div><div>Phúc đức</div><div>2</div><div>Đôi</div></div></div>	<div><div><div>PHỤ</div><div>TỬ – XÁ</div><div>Kinh Xương</div><div>Quan phù Khúc</div><div>Bạch hổ Long</div><div>Đẩu quân Thượng</div><div>Hoa cái</div><div>Mộc</div></div></div>	<div><div><div>PHÚC</div><div>Địa không L. đức</div><div>Phục binh Ng. Đức</div><div>Th. Diêu</div><div>Th. Y</div><div>Kiếp sát</div><div>Sinh</div></div></div>
<div><div><div>PHỐI</div><div>DƯƠNG</div><div>B. Toạ</div><div>Trực phù Th. Long</div><div>Th. Hình</div><div>Lưu hà</div><div>22</div><div>Vượng</div></div></div>	<div><div><div>MÙI</div><div>THÂN</div><div>DẬU</div><div>TUẤT</div></div><div><div><div>SỐ HẠNG VÕ</div><div>Năm Đinh Mão Thang 8</div><div>Ngày12 – Giờ Mão</div><div>Âm nam – Hổ mệnh</div><div>Thủy cục</div><div>Cách : Cơ nguyệt Đồng</div><div>Lương – Tam Hóa triều</div><div>Lưỡng hợp có</div><div>Xương khúc – Tứ Linh</div></div></div></div>		<div><div><div>DIÊN</div><div>THIÊN PHỦ</div><div>Đ. Hao Việt</div><div>Tuế phá Th. Phụ</div><div>Th. Hư Th. Tài</div><div>Th. Khố</div><div>Văn tinh</div><div>Dưỡng</div></div></div>
<div><div><div>TỬ</div><div>VỮ – SÁT</div><div>Th. Tuế B.</div><div>Toạ</div><div>Tiểu hao Th. Thọ</div><div>L. tù Th.</div><div>Giải</div><div>Th. Khốc</div><div>32</div><div>Suy</div><div>TRIỆT</div></div></div>	<div><div><div>TỶ</div><div>TÍ</div></div><div><div><div>THÌN</div><div>MÃO</div><div>DẦN</div><div>SỬU</div></div></div></div>		<div><div><div>QUAN</div><div>THÁI – ÂM</div><div>Bệnh phù T. Thai</div><div>Tử phù H. Lộc</div><div>Thai</div></div></div>
<div><div><div>TÀI</div><div>ĐỒNG - LƯƠNG</div><div>Đ. Kiếp H. Quyền</div><div>Th. Không Q. ấn</div><div>Tướng quân</div><div>Th. Dương</div><div>Th.quan</div><div>Địa giải</div><div>Bệnh</div></div></div>	<div><div><div>GIẢI</div><div>TƯỚNG</div><div>Tg. Môn Tấu thư</div><div>Linh</div><div>Quả</div><div>Th. Sứ</div><div>Tử</div></div></div>	<div><div><div>THIÊN (THÂN)</div><div>CỰ MÔN</div><div>H. ky Th. Âm</div><div>Phi liên Hồng</div><div>Đào</div><div>Th. Đức</div><div>Mộ</div></div></div>	<div><div><div>NÔ</div><div>LIÊM THAM</div><div>Q. phủ Khôi</div><div>Th. Thương Tả</div><div>Đường phù</div><div>Hỉ thần</div><div>Th. Phúc</div><div>Tuyệt</div></div></div>

NHÂN XÉT SỐ HẠNG VÕ: Mệnh Hỏa đóng cung hỏa, Thiên cơ miếu địa đa tài, hội Thiên lương giỏi về vũ lược. Ở đó Hỏa tinh miếu địa lại gặp Khoa quyền võ nghệ tinh thông. Đáng tiếc là Lộc tồn thủ mệnh không bền, lại gặp cả Không Kiếp nên hãm hại công danh.

Đại hạn 32 đến cung Mão gặp hạn Trúc La gia Liêm Vũ, Thái Tuế Kinh, Hổ, Song hao, là cách sấm sét. Đến tiểu hạn đến cung Thân gặp Cự Kỵ Kiếp, Không phục binh Thiên hình. Đại tiểu như thế nên bức tử ở Ô giang.

“Hạn hành Cự Kỵ hung thần

Phải phòng những chốn giang tân mới lành”

Phú nói về Hạng Võ:

Ai đương Hạng Võ anh hùng

Vì sao Cơ Cự Lương Đồng hợp xung

Cơ miếu địa ở Ngọ cung

Lương Đồng Cự Nguyệt hợp trong 1 miên

Lại thêm Khoa lộc, hóa quyền

Ba cung xung chiếu triển viên một bề.

PHỐI		BÀO PHÁ		MỆNH THIÊN CƠ		PHỤ TỬ PHỦ	
Đà	B. tọa	Kỵ	L. tồn	Kinh	H. cái	Th. Không	Việt
Điếu	A. quang	L. hà	Khúc	Hỏa	Th. Khố	Phục	binh
	Th. Mã	Tr. Phù	B. sỹ	Th. Tuế		Xương	
	Lực sỹ		Th. Thọ	Q. phù		Kiếp sát	Th.phụ
						Th. Trù	Hồng
						Cô thần	
						Diệu	Th. Dương
						Y	
25		15		5			
Lâm		Đới		Mộc			
						TRIỆT	
TỬ VŨ		HỘI TÍ SỬU DẦN		PHÚC THÁI ÂM			
Hình	H. lộc	NĂM KỶ MÙI – THÁNG 8		Địa không	T. thai		
Quả tú	Ph.	NGÀY 23 – GIỜ DẦN		Tang	Th. Quý		
Cáo		ÂM NAM – HOẢ MỆNH		Đ.	Hao		
	Th. Long	THỎ CỤC		Th.quang			
	Phúc đức	Cách: Cơ Cự Đồng Lương					
	Th. Đức						
35		Hội Tả Hữu Long Phượng					
Vượng							

TÀI ĐỒNG B. hổ Hữu Tiểu hao Phượng Th. Giải Giải thần 45 Suy	Lương chính chiếu. Hợp giáp Xương Khúc. Tứ Linh DẬU triều Thân mệnh. Bạch hổ THÌN Kỳ cách Thủ tài. Thiên Khố thủ mệnh (người sinh năm Kỷ)		DIỄN THAM B. phù H. Quyền Th. Âm Thai
GIẢI TH. SẮT Đầu quân Q. ấn Thiên sứ Th. Tướng Th. Tài Long đức Thiên phúc Địa giải 55 Bệnh	THIÊN LƯƠNG Địa kiếp Khoa Tuế phá T. thư Thiên hư Phá toái 65 Tử (TUẦN)	NÔ LIÊM TƯỚNG Linh Khôi Phi liêm Đào Th. Thương Ng. Đức Tử phù 75 Mộ	QUAN (Thân) CỰ MÔN Q. phù Tả Th. Khốc Long Hỷ thần Đ. Phù Tuyệt

NHÂN XÉT LÁ SỐ KỶ MÙI

Cuộc đời: Sinh trưởng phú quý. Vì có Tả hữu Long phượng Đại hạn đến 21 tuổi, ở tiểu hạn gặp cung La vông có Hình, Kỵ, Sát phá tham ở cung Tuất ngọ Thái tuế lưu niên bì tù đầy những có nhiều Cát tinh giải nên tai ương chóng qua.

Thích biện luận, hoạt động vì tước kinh hội. Trung hậu vì Cơ Lương có Hóa Khoa. Đại hạn 15 – 25 mất cơ nghiệp vì Lộc Tồn bị Hóa Kỵ chiếu, cát xử phùng hung. Đại hạn 45 – 55 mới chịu ngồi yên. Thích làm văn chương vì giáp Khúc Xương, tuy công danh lận đận vì Kinh đắc cách mà ngọ Cơ hãm địa. Tài có mà thời vận không gặp được. Đại hạn 55 trở ra vinh hiển an nhàn.

TÀI TH. CƠ Tiểu hao V. khúc Th. Hình A.quang Phá toái Bát toạ Trực phù Thiên thọ 42 Lâm	TỬ TỬ VI Thái tuế Th. Khôi Th. Long Th. Phúc Th. Khố 32 Đối	PHỐI Th. Không Th. Phụ Đà la Lực sỹ Th. Dương 22	BÀO PHÁ Tang L. tồn L. hà Th. Mã Cô thân Bác sỹ 12 Sinh
---	--	--	---

		Mộc (TRIỆT)	
GIẢI SÁT Linh Phượng Đ.khách Quốc ấn Th. Sứ Tướng quân Quả tú Th. Giải Giải thân 52 Vượng	TỶ THÌN MÃO DẦN NGỌ SỬU NĂM CANH – NGỌ – Tháng 9 Ngày 11 – Giờ Sửu Dương nữ – Thổ mệnh – Thủy cục “Mệnh vô chính diệu” Giao hội Xương Khúc, Quang quý MÙI Thai Tọa, Hồng – Đào – Hỷ Tấu. TÍ Giáp lộc củng lộc Tiền cái hậu mã cách		MỆNH Kinh V.xương Diêu Hồng loan Y Tam thai Quan phù Th. Quý Th. Âm Văn tinh 2 Dường
THIÊN Dương lương H. lộc Ph. Cáo T. thư Đào hoa Th. Hỷ Phúc đức Thiên đức Thiên tài Địa giải 62 Suy	THÂN DẬU TUẤT HỢI QUAN CỰ ĐỒNG THIÊN THAM PHÚC TH. ÂM Kỵ Th. Quan Đ.hao Ng. Đức Kiếp sát Đầu quân Tử phủ Tuyệt		PHỤ PHỦ LIÊM Phục binh Hoa cái Địa không Q. phù Long trì Thai TUẦN
NÔ VŨ TƯỚNG B. hổ Quyền Th. Thương Th. Việt Phi liêm Hữu bật Th. Trù Bệnh	QUAN CỰ ĐỒNG THIÊN THAM PHÚC TH. ÂM Kỵ Th. Quan Đ.hao Ng. Đức Kiếp sát Đầu quân Tử phủ Tuyệt	DIÊN THAM Hỏa Tả phụ Đ.kiếp Th. Khốc Th. Hư Tuế phá Bệnh phù Mộ	PHÚC TH. ÂM Kỵ Th. Quan Đ.hao Ng. Đức Kiếp sát Đầu quân Tử phủ Tuyệt

NHẬN XÉT SỐ CANH NGỌ

Cuộc đời: Lúc ấu nhi sung sướng vì có Thai tọa. Nhưng sang đại hạn 12 – 32 phải có đại tang, đến đại hạn 32 – 42 cũng thế.

NỮ MỆNH : mà có Xương Khúc gặp Đào Diêu tất thích văn thi Super Ca hát lãng mạng, đa tình, nhưng may gặp được Thiên hình, Thiên quý nên trở thành đứng đắn : Phú:

Thối dâm dật xướng hòa kém phúc

Ấy vẫn Xương vẫn Khúc ai khen . . .
 Kìa người phượng chạ loan chung
 Đào Diêu số ấy trong lòng chẳng trịnh
 Nhưng gặp được Quí, Hình, Tử phủ
 Dạ sắt vàng nào sợ lung lay

Ở đây lại có cả Hồng Đào Hỉ gọi là tam minh nên giữ được đoan chính tuy phải làm kế thất.
 Nhưng cung “Phối thì Nguyệt đức Đào tinh. Trai lấy vợ đẹp gái lành chồng sang. Số ung dung về
 sau vì tiền mã hậu cái. (đi ngựa vó lọng che) nhưng đáng tiếc vì sinh phùng bại địa phát không bền.
 Mong ở cung Phối hơn.

THIÊN THAM LIÊM T.hao H. lộc K. sát Ph. Đức Th. Trù Th. Đức 66 Lâm	GIẢI CỰ MÔN Điều Khúc Th. Sứ Tướng quân Địa giải Vượng TUÂN	TÀI TH. TƯỚNG Q.tú Th. Việt Đ.phù An quang Trực phù Th. Quí Hồng Tấu thư Thiên quan Thiên tài Thiên giải Suy	TỬ ĐỒNG LƯƠNG Thái tuế v. xương Th. Hình Thai phụ Linh tinh Phi liêm Bệnh TRIỆT
NÔ TH. ÂM B. hổ Ph. Cáo Hỏa Thanh Long Th. Thương Hoa cái 56 Đối	MÃO THÌN TỶ NGỌ DẦN năm Giáp thân – tháng 12 MÙI Ngày 25 – Giờ Dần Dương nam – thủy mệnh – Hỏa cục SỬI Mệnh vô chính diệu hội Tả THÂN Hữu Quang Quí Thai tọa Hợp Lộc cũng lộc cách TÍ HỢI TUẤT DẬU	PHỐI VU SÁT Th. Khg H. Khoa Đ.không Đào Phá toái Hỷ thần Lưu hà Th. Phúc Th. Dương Tử	BÀO TH. DƯƠNG Ky Q.ấn Tang Khốc B. phù Mộ
QUAN (thân) TH. PHỦ H. bật T. thai Lực sỹ Long đức Thiên khố 46 Mộc	PHÚC TỬ PHÁ Đ. Hao Tả phụ	PHỤ TH. CƠ	MỆNH
DIỄN Tuế phá Lộc Tồn	PHÚC TỬ PHÁ	PHỤ TH. CƠ	MỆNH Đ. Hao Tả phụ

Th. Hư	Phượng	Đà la	H. Quyền	Phục binh	Long	Cô thần	B.toạ
	Th. Mã	Địa kiếp	Th. Khôi	Q. phù		Đẩu quân	
	B. sỹ	Q.phù	Ng. Đức	Th. Diêu			Th. Đường
	Giải thần	Tử phù	Th. Hỷ	Th. Y			Th. Thọ
36		26		16		6	
Sinh		Dương		Thai		Tuyệt	

NHẤN XÉT SỐ GIÁP THÂN

Nhận xét thấy cuộc đời mồ côi mẹ từ bé, xem cung Phụ mẫu thấy âm dương phản bội ngũ Linh Hỏa hình phục, Hổ, những Thái dương hãm gặp được Hóa Ky. Mệnh có Song hao mà gặp tuổi Dần, Thân rất hợp nên thông minh. Thiếu thời thích ngao du 4 bể tìm học hỏi, muốn tìm hiểu sâu rộng. Tuy hãm chơi song lúc học thì say mê không kém. Ở đây Hao lại gặp được Tuyệt là hạng khôn ngoan nhưng hơi tính suy lợi hại không thật lòng. Có nhiều tham vọng nhưng khó toại nguyện.

Có An Quý đóng Mùi đắc cách “*Quý, An Mùi Sửu hạng cầu*

Đường mây gặp bước cao sâu cửu trùng”

Năm 20 tuổi đã đỗ toàn cử nhân luật. Bởi Mệnh vô chính diệu nên lúc nhỏ lao đao, không sống cuộc đời bình lặng được, song về sau sẽ hưởng được quý hiển, nhất là sinh Giáp mà gặp được Thiên khố.

“*hỏi ai Giáp, Kỷ mấy người*

Gặp sao Thiên Khố tiền rời bạc muôn”

Nhưng cung Phối xấu vì Vũ Sát khó mong mãn ý toại lòng.

TỬ ĐỒNG	PHỐI PHỦ – VŨ	BÀO DƯƠNG – ÂM	MỆNH(thân) THAM
Địa kiếp Long	L. hà Lộc	Kinh Đ. Giải	Ph.binh H.quyền
Đ. Không	tồn	Tuế phá	Th.trù Th.việt
Tam thai	Tử phù H. lộc	Lưu hà	Ph. Cáo
Đà la Lực sỹ	Đ.hoa	Đẩu quân	Th. Giải
Th. Khốc	Ng. Đức	Q.phù	Long đức
Q. phù	B.sỹ		
34		14	4
Sinh	24	Thai	Tuyệt
	Dương		TRIỆT
	TUẦN		

<div>TÀI PHÁ</div> <div>Linh Hữu</div> <div>V.xương</div> <div>An quang</div> <div>Th. Long</div> <div>Th. Âm</div> <div>44</div> <div>Mộc</div>	<div>HỢI TÍ SỬU DẦN</div> <div>Năm Kỷ Sửu – Tháng Giêng</div> <div>Ngày 26 – Giờ Ngọ</div> <div>ÂM NAM – HỎA MỆNH</div> <div>TUẤT KIM CỤC</div> <div>MÃO</div> <div>Cách: Sát phá liên tham cách</div> <div>Khôi việt tướng ấn thai cáo.</div> <div>Quyền tinh nhập miếu cách</div> <div>Thất Sát cư Quan lộc.</div> <div>Phù: Hồng xương Liêm Khôi phù trì</div> <div>DẬU Sân rồng dẫn bước tên ghi THÌN</div> <div>Cửu trùng</div> <div>THÂN MÙI NGỌ TỶ</div>			<div>PHỤ CƠ – CỰ</div> <div>B.hổ</div> <div>Phượng</div> <div>Đ.hao B.toạ</div> <div>Th. Hình</div> <div>Th.quan</div> <div>Hỏa Tài thọ</div> <div>Giải thân</div> <div>Văn tinh</div> <div>Mộ</div>
<div>GIẢI</div> <div>Tang</div> <div>Tiêu hao</div> <div>Th.sử</div> <div>54</div> <div>Đôi</div>				<div>PHÚC TỬ – TƯỚNG</div> <div>Kỵ Khúc</div> <div>Quả tú Tả phụ</div> <div>B.phù Th.</div> <div>Quý</div> <div>Ph.đức</div> <div>Th.đức</div> <div>Tử</div>
<div>THIÊN LIÊM</div> <div>Cô Hồng</div> <div>Th.không</div> <div>Th. Tướng</div> <div>Kiếp sát Q.ấn</div> <div>Th. Dương</div> <div>Th.phúc</div> <div>Th.khố</div> <div>66</div> <div>Lâm</div>	<div>NÔ</div> <div>Th.diêu H.cái</div> <div>Tuế T.thư</div> <div>Phá toái</div> <div>Th. Thương</div> <div>74</div> <div>Vượng</div>	<div>QUAN SÁT</div> <div>Phi liêm Th.khôi</div> <div>Trực phù Th.phụ</div> <div>Suy</div>	<div>ĐIÊN LƯƠNG</div> <div>Điều Hóa khoa</div> <div>Đường phù</div> <div>Th. Mã</div> <div>Hỉ thần</div> <div>Bệnh</div>	

NHÂN XÉT SỐ KỶ SỬU

Chú ý: Người sinh năm Giáp, Kỷ mà gặp Tham đóng Mệnh ở cung Miếu Vượng đắc địa thì rất thích hợp, sẽ được hưởng phú quý, nhưng phải ngoài 30 tuổi.

Tính chất ít thích ngồi yên, lúc nào cũng thích hoạt động nơi đông người. Số này hợp với kinh doanh kỹ nghệ hoặc quân binh hơn là văn học.

Cung Bào có Nhật Nguyệt gặp Hỉ thần có anh em đệ bào (nhất là có cả Thai Vượng) phú :

Am dương chiếu với Hỉ tinh

Am cùng Thiên phúc cũng sinh đệ bào.

<p>BÀO LƯƠNG</p> <p>Đại hao Ph.cáo Cô thần Th.âm</p> <p>Bệnh</p>	<p>MỆNH SÁT</p> <p>Ph. Binh An quang Q. phù Th. Khôi Long Th.phúc</p> <p>3 Tử</p>	<p>PHỤ</p> <p>Đà la V.xương Q.phù V.khúc Tử phù Th. Hỷ Ng.đức Th.khố</p> <p>13 Mộ</p> <p>↑ TUẦN TRIỆT</p>	<p>PHÚC LIÊM</p> <p>Địa khg Lộc Tồn Tuế phá Th. Quý Th. Diêu Ph.cáo Th.y Giải thân Th. Hư Th. Mã L. hà B.sĩ Th. Tài</p> <p>23 Tuyệt</p>
<p>PHỐI TỬ – TƯỚNG</p> <p>Hỏa Q.ấn Khốc Hình Tang B.phù</p> <p>Suy</p>	<p>MÃO NGỌ</p> <p>DẪN MÙI</p> <p>Năm Canh Dần – tháng 8</p>	<p>THÌN TỶ</p> <p>Kinh Thai phụ Phá toái Lực sĩ Long đức</p> <p>33 Thai</p>	
<p>TỬ CỤ CƠ</p> <p>Th.không Hữu B. tọa Đào Hỉ thần Th. Dương Th. Giải Vượng</p>	<p>SỬU</p> <p>Ngày mừng một – Giờ Mão Dương nam – Mộc Mệnh – Mộc cục</p> <p>Mệnh : Sát Phá Tham hội Khôi Việt. Thân: Tử phủ Vũ Tướng hội Quyền Lộc, quang Quý Tướng ấn Long Phượng.</p>	<p>THÂN</p> <p>B. hổ Th. Long Ng.tướng H. cái</p> <p>43 Dưỡng</p>	<p>QUAN PHÁ</p>
<p>TÀI THAM</p> <p>Địa kiếp Th. Việt Th. Tuế Th. Thọ Phi liêm Địa giải Th. Trù</p>	<p>GIẢI DƯƠNG – ÂM</p> <p>Kỵ H. Lộc Quả tú Tấu thư Th. Sửu Hồng Đường phù Trực phù</p> <p>73</p>	<p>THIÊN (Thân) PHỦ VỦ</p> <p>Điể H. quyền Linh Tướng</p>	<p>NÔ ĐỒNG</p> <p>T. hao H. Khoa Th. Thương Tả Kiếp sát Thiên quan Phúc đức Th. Đức Văn tinh</p> <p>53</p>

Lâm	Đời	63 Mộc	Sinh
-----	-----	-----------	------

NHÂN XÉT SỐ CANH DẦN

Chú ý: Mệnh dương đóng cung Dương. Thất sát miếu địa ở Ngọ tất có tài can. Gặp Thiên phủ chính chiếu; theo phú ta thấy:

Phủ phùng Thất sát chí khôn

Việc làm mệnh bạo những toan hơn người

Tuy nhiên ở đây Sát gặp Quyền nên hay liều lĩnh dễ thất bại trong đời, mà lại bị Tuần Triệt đương đầu tất trắc trở sự nghiệp công danh. Phải ngoài 33 tuổi mới thấy hanh thông vì Thân cư Thiên di được đắc cách. tất có công danh và hiển đạt.

<div>GIẢI DƯƠNG</div> <div>Tang H. quyền Cô Th. Mã Phá toái Q.ấn B.phù Th.phúc Th. Thọ Địa giải Văn tinh Bệnh TRIỆT</div>	<div>TÀI PHÁ</div> <div>Đại hao H.khoa Th.trù V.khúc Th.khôi Th.âm Th.hỉ Th.giải Tử</div>	<div>TỬ CƠ</div> <div>Th.hình Long Th. Binh Phượng Đẩu An quang Q.phù Th.quí H.cái G.thần Mộ</div>	<div>PHỐI TỬ PHỦ</div> <div>Kỵ V.xương Đà Th. Phụ Kiếp sát Ng.đức Q.phủ Tử phù Tuyệt</div>
<div>THIÊN VŨ</div> <div>Th.không Ph.cáo Hỉ thần Th.khố Th.dương 63 Suy</div>	<div>HỘI TUẤT DẬU THÂN</div> <div>Tí Năm Tân Mão – Tháng 11 MÙI Ngày 13 – Giờ Dần Am nữ – Mộc mệnh – Mộc cục Cách : Tham vũ đồng hành hội Khôi Việt. Giáp song lộc SỬU Phúc cung : Có Hồng Đào NGỌ Là cách Nga mi tác áng</div>		<div>BÀO ÂN</div> <div>Địa không Lộc tồn Th. Hư Th.quan Tuế phá B.sĩ Thai</div>
<div>NÔ ĐỒNG</div> <div>Th. Tuế Th.khốc Phi liêm Lưu hà 53 Vượng</div>	<div>DẦN MÃO THÌN TỶ</div>		<div>MỆNH THAM</div> <div>Kình Lực sĩ Long Đức 3 Dưỡng</div>
<div>QUAN(Thân) SÁT</div> <div>Đường phù Tả Trực phù Tam thai</div>	<div>DIỄN LƯƠNG</div> <div>Điều Tướng quân Địa kiếp Th. Tài</div>	<div>PHÚC LIÊM – TƯỚNG</div> <div>T. hao Hữu Linh B. tọa</div>	<div>PHỤ CỰ</div> <div>B. hổ H.lộc Hoả Th. Long</div>

Th.việt Tấu thư	Quả tú	Hồng Đào Th. Đức Ph. Đức	Điều Y
43 Lâm	Đổi	23 Mộc	13 Sanh

NHÂN XÉT SỐ TÂN MÃO

Chú ý: Âm dương ở cung mệnh và Cục đều hợp. Tham miếu địa, đặc biệt nhất hưng tinh đắc cách là Kinh dương đóng tử mộ là hạng vượng phu ích tử, đoan trang thẳng thắn trong mọi việc, đắc cách nhất là Mệnh giáp Song lộc. Thân cư Quan Lộc có Xương Khúc Khôi Việt về sau thích văn chương và có đại khoa.

Nhưng cần xem cung Phu tụy có Tử Phủ Đào, Nguyệt Đức Song gặp Hóa Kỵ, Đà, Kiếp Sát ắt có lúc buồn đau, phiền toái.

<div>PHỤ LIÊM, THAM</div> <div><div>KỵTh. Việt</div><div>Th.tuếPhượng</div><div>Đường phùT.thai</div><div>Hỉ thần</div><div>Th. Phúc</div><div>Giải thần</div><div>Địa giải</div><div>Lâm</div></div>	<div>PHÚC CỰ</div> <div><div>Phi liênH.quyền</div><div>Th.khôngĐào</div><div>LinhTh.quan</div><div>Th.dương</div><div>Th. Giải</div><div>Đổi</div></div>	<div>ĐIỀN TƯỚNG</div> <div><div>TangTấu thư</div><div>Hình</div><div>Hỏa</div><div>Địa kiếp</div><div>TUẦN</div><div>Mộc</div></div>	<div>QUAN(Thân) ĐỒNG, LƯƠNG</div> <div><div>CôQ.ấn</div><div>Tướng</div><div>Th.âm</div><div>Sinh</div></div>
<div>MỆNH ÂM</div> <div><div>QuảH.khoa</div><div>Bệnh phùA.quang</div><div>Trực phùTh.hỉ</div><div>Th.khố</div><div>5</div><div>Vượng</div></div>	<div>MÃO THÌN TỶ NGỌ</div> <div><div>Năm Quý Tỵ – Tháng 11</div><div>Ngày mùng bốn – Giờ Thân</div><div>DẦN MÙI</div><div>Âm nam – Thủ mệnh</div></div>	<div>NÔ SÁT, VŨ</div> <div><div>T.haoLong</div><div>Quan phùB. toạ</div><div>Phá toáiTh.tài</div><div>75</div><div>Dưỡng</div></div>	

<div><div><div>BÀO PHỦ</div><div>Đ.hao Th.khôi</div><div>Đ.không văn tinh</div><div>Điếu</div><div>Đầu quân</div><div>15</div><div>Suy</div></div></div>	<div><div><div>Thổ cục</div><div>Cơ Nguyệt Đồng Lương</div><div>Tồn Khoa Tướng ấn</div><div>Quang quý – Giáp Khôi Việt</div></div><div><div>SỬU</div><div>THÂN</div></div></div> <div><div>TÍ</div><div>HỢI</div><div>TUẤT</div><div>DẬU</div></div>		<div><div><div>THIÊN DƯƠNG</div><div>Tử phù Hồng</div><div>Th. Trù Th.quí</div><div>Ph.cáo</div><div>Th. Long</div><div>Ng.đức</div><div>65</div><div>Thai</div></div></div>
<div><div><div>PHỐI</div><div>Phục binh Tả</div><div>Kiếp sát Xương</div><div>Lưu hà Th.phụ</div><div>Ph.đức</div><div>Th.đức</div><div>25</div><div>Bệnh</div></div></div>	<div><div><div>TỬ TỬ, PHÁ</div><div>Kinh H.lộc</div><div>Hổ H.cái</div><div>Khốc Th. Thọ</div><div>Q.phù</div><div>35</div><div>Tử</div></div><div><div>▲</div><div>TRIẾT</div></div></div>	<div><div><div>TÀI TH- CƠ</div><div>Lộc tồn</div><div>Hữu</div><div>Khúc</div><div>B.sĩ</div><div>Long đức</div><div>45</div><div>Mộ</div></div></div>	<div><div><div>GIẢI</div><div>Đà Mã</div><div>Tuế phá Lức sĩ</div><div>Thiên diêu</div><div>Thiên hư</div><div>Th.y</div><div>55</div><div>Tuyệt</div></div></div>

Cước chú; Mệnh có Nguyệt hãm địa, nhưng được lợi là âm nam mà lại hội được Khoa lộc, Xương Khúc, Hồng Hỉ, Sinh vượng, giáp Khôi Việt nên sẽ thành đạt khoa danh. Tuy tánh ưa nhàn tản và thích ngao du

Về sau có công danh vì Thân cư Quan có Tả Hữu Ấn Tướng Xương Khúc Khoa Tồn đắc cách. đại hạn 35 tuổi hoành phát.

QUAN(Thân) LIÊM, THAM Phục Tả Điếu Mã B.toạ 86 Tuyệt TUẦN	NÔ CỰ Đ.Hao V.khúc Th.thương Văn tinh Trực phù Th.trù 76 Mộ	THIÊN TƯỚNG B.phù Hoa cái Th.tuế Hỏa 66 Tử	GIẢI ĐỒNG, LƯƠNG Th.không quyền Cô Hồng Đầu Th.việt Kiếp sát V.xương Đ.phù Hỉ thần Th.dương Th.tài Th. Phúc Địa giải 66 Bệnh
--	--	--	--

<div>ĐIÊN</div> <div>ÂM</div> <div>Ky Ph.cáo</div> <div>Kinh Thiên quang</div> <div>Quả Ph.đức</div> <div>Q.phù Ph.đức</div> <div>Thai</div>	<div>HỢI TÍ SỬ DẦN</div> <div>Năm Ất Mùi – Tháng 2</div> <div>TUẤT MÃO</div> <div>Ngày Mùng 5 – Giờ Dần</div> <div>Âm nam – Kim mệnh</div> <div>Hỏa cục</div> <div>Tử vi, Sát Phá Liêm Tham</div> <div>Cách hội Khoa Mã, Tả Hữu</div> <div>DẬU</div> <div>Thai Tọa hợp Lộc.</div> <div>THÌN</div> <div>Hoa cái cư Thiên di Sát</div> <div>Phá liêm tham phùng vũ khúc</div> <div>THÂN MÙI NGO TỶ</div>		<div>TÀI</div> <div>VŨ SÁT</div> <div>Phi liêm Tam thai</div> <div>Tang Hữu</div> <div>Địa không Th.giải</div> <div>46</div> <div>Suy</div>
<div>PHÚC</div> <div>PHỦ</div> <div>B.hổ</div> <div>Lộc tồn</div> <div>Phượng</div> <div>Th.quí</div> <div>B.sỹ</div> <div>G.thần</div> <div>Dưỡng</div>			<div>TỬ</div> <div>DƯƠNG</div> <div>Th.hình Tấu thứ</div> <div>Lưu hà Th.âm</div> <div>36</div> <div>Vượng</div>
<div>PHỤ</div> <div>Đà la Th. Hỷ</div> <div>Th.diêu Lực sỹ</div> <div>Th.y Long đức</div> <div>Sinh</div>	<div>MỆNH</div> <div>TỬ, PHÁ</div> <div>Địa kiếp H.khoa</div> <div>Tuế phá Th.long</div> <div>Phá toái Th.khố</div> <div>Th. Hư</div> <div>6</div> <div>Mộc</div>	<div>BÀO</div> <div>CƠ</div> <div>T.hao H.lộc</div> <div>Tử phù Th.khôi</div> <div>Linh Đào</div> <div>Th.thọ</div> <div>Ng.đức</div> <div>16</div> <div>Đới</div>	<div>PHỐI</div> <div>Q.phú Long</div> <div>Th.khốc Ân</div> <div>quang</div> <div>Quốc ấn</div> <div>Tướng quân</div> <div>26</div> <div>Lâm</div>

Cước chú: Tử vi của tuổi Ất Mùi, Trong phú có câu:

Mệnh thân: Tử Phá ở cung

Sửu, Mùi, Thìn, Tuất bất trung bất nghì.

Nhưng nếu là tuổi Sửu, Mùi, Thìn, Tuất thì phản cách vi giai, là người chí hiếu, Nhưng Tử vi đây mất lực vì Kiếp Không nên không tăng cho cách cuộc Thân Mệnh đẹp hơn được.

Tương lai là kẻ cơ chỉ, giỏi về kỹ nghệ kinh thương khí cụ, và có địa vị khá giả. Đại hạn 26 tuổi có Tử liêm ngộ Lộc, bắt đầu hưng vượng về công danh, tài lộc

GIẢI CƠ Kiếp sát Lộc Tồn H. quyền Th. Quan B.sĩ	TÀI TỬ VI Kinh V. khúc Điều T. thai Lực sĩ Th.tài	TỬ Th. Hình Hồng Q.tú Th. Long L. hà Tr.phù	PHỐI PHÁ Th. Tuế H. khoa Linh V.xương Tiểu hao B.toạ Th.phụ
--	--	--	--

Ph.đức Th.đức Đ.giải Bệnh TUẦN TRIỆT	Th.giải Tử	Mộ	Văn tinh Tuyệt
THIÊN SÁT Hoả Ph. Cáo Hổ H. cái Đà Th. Khố 63 Suy	MÃO NGỌ DẦN MÙI SỬU TÍ HỢI TUẤT DẬU	THÌN TỴ Năm Bính Thân – Tháng 11 Ngày 17 – Giờ Dần Dương nam – Hỏa mệnh Mộc cục Tử phủ Vũ tướng. Giáp Khôi việt Thiế âm, Thiếu dương	BÀO Th. Không Th. Việt Địa không Đào Phá toái Tg.quân Ng.đức Th.dương Thai MỆNH PHỦ, LIÊM Kỵ Tấu Tang Th. Thọ Khốc Đg.phù 3 Dưỡng
NÔ DƯƠNG LƯƠNG Phục binh Th. quý Long đức Vượng			
QUAN(Thân) VŨ TƯỚNG Đ.hao Tả Tuế phá Mã Th. Hư Phượng G. thần 43 Lâm	ĐIÊN CỰ ĐỒNG Đ. Kiếp H. Lộc B.phù Q. ấn Tử phù Th. Hỉ 33 Đối	PHÚC THAM Ng. Tướng Hữu Phượng Hỉ thần Th.phúc 23 Mộc	PHỤ ÂM Phi liêm Th.khôi Cô thân Ân quang Th. Diêu Th.âm Th.y 13 Sinh

Cước chú: Tử vi của tuổi Bính Thân

Cách đẹp, những Thiên phủ ngọ Tuần Triệt, không có nhiều trung tinh hội, tuy được lương giáp tốt. Nhất là tuổi này sinh vào giờ Kim xà. Cuộc sống lận đận công danh, dễ vào vòng lao lý, dù học khá có khiếu văn chương.

Cung Phối, xấu, cuộc đời đơn độc, buồn thương, bất mã.

Bù lại Thiên mã ở Quan lộc, Hoa cái ở Thiên di ra ngoài được quý mến. Đại hạn 33 bộc phát và nhiều thay đổi tốt.

Đặc biệt Cung, Mệnh Sao, đều vượng theo lý giải âm dương thế là cuộc đời tốt đẹp, và phá được giờ **Kim xà**.

<div>QUAN (Thân) CƠ</div> <div>Ky L.tồn Linh Tả Lưu hà Hồng An quang Lg.đức B.sĩ Sinh TUẦN</div>	<div>NÔ TỬ</div> <div>Kinh V.khúc Hổ Q.phù Th.trù Dưỡng</div>	<div>THIÊN</div> <div>Phục Th. Việt Ph.đức Th.đức 64 Thai</div>	<div>GIẢI PHÁ</div> <div>Đ.hao V.xương Điều Mã Khốc Th.phụ Địa giải Văn tinh 54 Tuyệt</div>
<div>DIÊN SÁT</div> <div>Đà Ph.cáo Tuế phá Th. Hư Mộc</div>	<div>DẬU THÂN MÙI NGỌ</div> <div>Năm Mậu Tuất – Tháng 2 Ngày 23 – Giờ Dần Dương nữ – Mộc mệnh TUẤT Kim cục TỶ Cách: Cự Đồng hội Khôi Việt Tả Hữu Quang quý, Tướng Ấn, Khoa Lộc. HỢI Sinh Vươngg hợp Lộc THÌN Giáp Long Phượng Thân: Cơ Cự Đồng Âm hội tam hóa, Tả Hữu, Quang Quý Tướng ấn. Toạ qui hướng quý cách</div>		<div>TÀI</div> <div>Đ.không H.khoa Trục phù Hữu B. phù Th.quí Th.giải 44 Mộ</div>
<div>PHÚC</div> <div>Dương – Lương Tử phù Đào Th. Long T.thai Th.quan Th.phúc Ng.đức Th.thọ Đối</div>	<div>TÍ SỬU DẦN MÃO</div> <div>MỆNH CỰ ĐỒNG</div> <div>Đ.kiếp Th.khôi Phá toái T.quân Q.ấn Th.khố 4 Vượng TRIỆT</div>		<div>TỬ PHỦ LIÊM</div> <div>Th.tuế H.cái Th.hình Hỉ thần Đ.phù 34 Tử</div>
<div>PHỤ VŨ TƯỚNG</div> <div>T.hao Long Th. Diêu Y Q.phủ Lâm</div>	<div>MỆNH CỰ ĐỒNG</div> <div>Đ.kiếp Th.khôi Phá toái T.quân Q.ấn Th.khố 4 Vượng TRIỆT</div>	<div>BÀO THAM</div> <div>Tang H.lộc Phượng Tấu thư G.thần 14 Suy</div>	<div>PHỐI ÂM</div> <div>Không H.quyền Hỏa B. tọa Cô Th. Hỉ Kiếp sát Th.âm Đấu quân Th.tài Phi liêm 24 Bệnh</div>

Cước chú: Mệnh Thân đều có đa trung tinh hội, Song Cự Đồng hãm địa : Ở đây Đồng boá hiệu một tật bệnh ở mắt hay nội thương. Cứ ở đây hãm đối với nữ mệnh tất có tướng lạ, ai trông cũng ưa, nhưng là người chua ngoa, đời tình ái dang dở, tính lẳng lơ. Tuy xét về âm dương thì cung mệnh cục được đắc cách nên cuộc đời cũng thừa thãi; lúc trung niên đa bất mãn hoài, nhưng đại hạn 24 có tiền của, ngoài 36 được ung dung

TỬ DƯƠNG	PHỐI PHÁ	BÀO CƠ	MỆNH (Thân) TỬ, PHỦ
Đà Mã Đầu quân Lực sĩ Th. Hư Tuế phá 34 Sinh TUẦN	L. Hà L. tôn Th. Phụ Long đức B.sỹ 24 Dưỡng	Kinh H. cái Hổ Th. Tài Khốc Th. Thọ Điều P.phù 14 Thai	Phục bình Th. Việt Kiếp sát Th. Khố Thiên trù Th. đức Ph. đức 4 Tuyệt TRIỆT
TÀI VŨ	MÃO THÌN TỶ NGỌ		PHỤ ÂM
Kỵ H. Lộc Tử phù Hữu Khúc Hong Ng. đức 44 Mộc	DẬU Năm Kỷ Hợi – Tháng 7 MÙI Ngày 28 – Giờ Tí Am nam – Mộc mệnh – Kim cục Cách: Tử phủ vũ Tướng cách hội Khôi Việt, Quang quý		Đ.hao Th.quan Hỏa Văn tinh Điều Phá toái Mộ
GIẢI ĐỒNG	SỬU	TƯỚNG ấn Đào hồng, Hóa lộc. THÂN Đào hoa cư Quan Thiên Khố Thủ mệnh	PHÚC THAM
T.hao Long Th. Hình Q.phù 54 Đôi	TÍ HỢI TUẤT DẬU		Linh H. quyền Quả Tả B.phù Xương Tr. Phù Th.hỉ Tử
THIÊN SÁT	NÔ LƯƠNG	QUAN LIÊM, TƯỚNG	ĐIÊN CỰ
Cô Ph.cáo Q.ấn Tướng quân Th.quí Thiên giải	Tang H. khoa Tọa Thai Đ.gải	Th. Không Đ. Hoa Phi liêm Th. Khôi An quang Th.dương	Th. tuế Phượng Địa kiếp Hỷ thần Địa không Giải thần

Thiếu âm Thiên phúc 64 Lâm	74 Vượng	Suy	Q.phù Bịnh
-------------------------------------	-------------	-----	-------------------

Cước chú: Tử vi của tuổi Kỷ Hợi: Mệnh Mộc an cung Thân là tuyệt địa, tuy ở đây được cách Tử Phủ Khôi Việt v.v. . . nên gọi là cách tuyệt xứ phùng sinh cứu giải cho tuyệt địa, song cuộc đời tất không tránh được sự thăng trầm nhanh chóng.

Hơn nữa số này lại có Đào cư Quan, gặp Khôi Việt tất học giỏi và có tiền: Phú :Đào hoa cư Quan rất hay

Giàu sang số đã sẵn tay trời dành

Lại được Thiên Khố thủ mệnh; người sinh năm Kỷ là đặc cách:

Hỏi ai giáp Kỷ mấy người

Gặp sao Thiên Khố tiền rời bạc muôn

Tiểu hạn những năm 25, 26, 37, 39, 51 đáng lo biến cố

<div>TÀI</div> <div>THAM, LIÊM</div> <div>T.hao H. lộc</div> <div>Cô Th.</div> <div>dương</div> <div>Th. không Th. hỷ</div> <div>Th. điều Văn tinh</div> <div>Y</div> <div>Kiếp sát</div> <div>Th. trù</div> <div>Sinh</div>	<div>TỬ</div> <div>CỰ</div> <div>Tang Phượng</div> <div> Hữu</div> <div> Th.quí</div> <div>Tướng quân</div> <div>Mộc</div>	<div>PHỐI</div> <div>TƯỚNG</div> <div>Th. viết</div> <div> Hữu</div> <div> Th.quí</div> <div>Thiên quan</div> <div>Th. âm</div> <div>Đôi</div>	<div>BÀO</div> <div>ĐỒNG, LƯƠNG</div> <div>Phi liêm Tả</div> <div>Q.phù Long</div> <div>Địa kiếp An quang</div> <div> Th. thọ</div> <div>12</div> <div>Lâm</div> <div>TRIỆT</div>
<div>GIẢI</div> <div>ÂM</div> <div>Th. tuế T. Thai</div> <div>Th.sứ H. cái</div> <div> Th. long</div> <div>74</div> <div>Dưỡng</div>	<div>HỢI</div> <div>TÍ</div> <div>SỬU</div> <div>DẦN</div> <div>TUẤT</div> <div>MÃO</div> <div>Năm Giáp Thìn – Tháng 5</div> <div>Ngày mùng chín – Giờ Dậu</div> <div>Dương nam – Hỏa mệnh</div> <div>Kim cục</div>	<div>MỆNH</div> <div>SÁT, VŨ</div> <div>Đẩu H. Khoa</div> <div>Tử phù Đào</div> <div>L. Hà Hỷ thần</div> <div>Thiên phúc</div> <div>Ng. đức</div> <div>4</div> <div>Vượng</div>	

THIÊN (Thân) PHỦ Kinh Th.phụ Trực phù Lực sĩ 64 Thai TUẦN	Sát Phá Liêm Tham cách hội Tam Hóa, Xương Khúc, lưỡng DẬU THÌN		PHỤ DƯƠNG Kỵ B. toạ Hư Q.ấn Tuế phá Thiên khố B.phù 14 Suy
	THÂN	MÙI	NGO TỶ
NÔ Điều Lộc tồn Th. thương Th. Mã Địa không B. sỹ 54 Tuyệt	QUAN TỬ, PHÁ Đà H. Quyền Hình Th. Khôi Linh V. Xương Quả V. Khúc Q.phù Ph. đức 44 Th. đức Mộ	DIỄN CƠ Phục Th. tài Hổ Th. giải L.tù 34 Tử	PHÚC Đ.hao Long đức Hỏa Hồng Địa giải Ph.cáo 24 Bệnh

Cước chú: Tử vi của tuổi Giáp Thìn. Mệnh cục tương khắc nhưng cục hợp với cung và chính tinh thành ra đặc cách. ở đây có lưỡng Đế hội tam hóa chủ về uy quyền lãnh đạo. Vũ Khúc hợp Văn Khúc tính chất anh hùng nhất là tuổi Giáp

Dẫu có Đà Kinh Linh Kiếp nhưng gặp Tử vi hóa giải cả.

Phú : *Tham Liêm Vũ Phá chiếu vào*

Mệnh viên có Đế dồi dao lăm thay . . .

Vũ Khúc Văn Khúc rất hay

Ở nơi đắc địa là tay anh hùng

Thi cử tất dễ đạt, văn chương lỗi lạc, âm nhạc tinh thông, ở đây Tam hóa đẹp vô cùng : Lộc ở tài; Quyền ở Quan, Khoa ở mệnh. Một là số đẹp ít thầy. Vì gặp ác tinh được giải, gặp cát tinh đặc cách

Đại hạn đến 34 tuổi và 44 tuổi mới thật rực rỡ

PHẦN V

PHẦN PHỤ LỤC PHÚ CHỮ HÁN MA THỊ CÁCH CHÚ

1. Mệnh hảo bất như vận hảo
Thân hung bất nhược hạn hung
2. Hung tinh đắc địa phát giả như lôi

- Cát tinh đắc địa tâm thường sự nghiệp
 3. Khốc Hư Tí Ngọ đồng cung, tiền bản hậu phú
 Kiếp Không Tỵ Hợi đồng vị, hoạch phát công danh
 4. Hồng Loan cư Tí, thiếu niên định chiếm Khôi Nguyên
 Đào hoa cư Quan, tảo tuế đắc quân hành chánh
 5. Thiên Mã nhập Mệnh, mẫn tiếp đa năng
 Thiên Cơ tại viên, xảo tài xuất chúng.
 6. Thiên Diêu cư Tài Bạch, họa đồ sinh ương
 Mã Hổ, Trường Sinh: công danh đắc lộ
 7. Thân cư Vũ Khúc, hắc tử trung tàng
 Mệnh ngộ Mã Lương tủng du vô yếm
 8. Hoa Cái Thiên Di xuất ngoại cận quý
 Mộc Dục thủ mệnh chỉ hiếu dã dong
 9. Mệnh phùng Thiên Cơ miếu vượng đa năng
 Thân cư Thái Tuế giữ nhân quả hợp
 10. Khoa Quyền nhập Mệnh tuy nhân (cung) lạc diệc hữu hiển danh
 Khôi Việt nhập Thân ư gia quốc tất vi nhân trưởng
 11. Xương Khúc giáp Quan, Đỉnh tắc cao Khoa
 Long Phượng giáp Quan, Thân cư cấm thất
 12. Mộ trung Thai Tọa, văn mưu, vũ lược kiêm ưu
 Ngọ thượng Khoa Quyền tướng ngộ, biên cương nhậm trọng.
 12. Tuần Triệt đương đầu, thiếu niên tân khổ
 Tam Khoong độc thủ, phú quý nan toàn.
 14. Nhị diêu quang huy, công danh tảo đạt
 Cự Môn thê thiếp, đa bất mã hoài
 15. Hóa Kỵ Điền, Tài phản vi giai luân
 Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành
 16. Tật ách kiêm Đà Nhận, mục tật đa sầu
 Nô bộc kiêm Pha Quân, đa chiêu oán đối
 17. Tử Phủ bất khả cư hãm địa
 Nhật Nguyệt bất khả chiếu nhàn cung
 18. Diêu, Đà, Kỵ kế giao, họa vô đơn chí
 Khoa Quyền Lộc trùng phùng, phúc tất trùng lai
 19. Tuần Triệt cư Phụ Mẫu, xuất ngoại khả thành danh
 Tham Lang tại Thê Thiếp, giá thú nghi cần trưởng nữ.
 20. Phong Cáo Thai, Tọa, hưởng ấm thừa quang
 Tả Hữu đồng cung, Thân vô hoạn lự
 21. Nhật Nguyệt cư Quan Lộc, phú quý vạn danh (rất giàu)
 Xương Khúc nhập Mệnh Thân, tài danh quán thế.
 22. Địa kiếp độc thủ, thị kỷ phi nhân
 Tham Lang độc cư, đa hư thiếu thật
 23. Thiên Hình, Thất Sát, cương táo nhi cố (nóng nảy)

- Liêm trinh, Phá Quân, hiểm phòng vô hạn
 24. Lộc Mã Thiên Di, sinh tài hữu lực
 Cự Cơ Điền Trạch, phú hữu lâu dài.
 25. Thiên Khốc, Hóa Quyền minh danh vũ thế
 Thiên Phủ, Vũ Khúc, tích ngọc đổi kim
 26. Thiên Mã yếu thủ ư Điền Tài
 Thiên tướng hỷ cư ư Thê vị
 27. Hỏa Linh hãm ử Tư Tức, đáo lão vô nhi khốc
 Thiên Không liệt ư Mệnh viên, chung than phong hoa ách (tài nạn vì gió trắng)
 28. Sinh lai bần tiện, Kiếp Không lâm tài phúc chi hương
 Xuất thế vinh hoa, Nhật Nguyệt chiếu hư không chi địa
 29. Tức Sát an tàng ư vượng địa
 Lương Hao tối kỵ ư tài cung
 30. Cô Thần, Quả tú yếu thủ ư Điền Tài
 Bạch Hổ, Tang Môn bất nghi ư Điền Trạch
 31. Thất Sát cư Quan đắc địa. Uy áp vạn nhân
 Tham Linh thủ Mệnh miếu viên, tướng bướng chí qui
 32. Tử Phủ đồng cung, tối vi phúc hậu, thiết hiền nội trở Triệt Tuân.
 Nhật Nguyệt phản bối, hà vọng thanh quang, tối hỷ ngoại triều Khôi Việt
 33. Lương Cơ xảo biến đa tài, ngộ Xương Khúc nhi đa tài mã tiếp
 Tham lang nải lãng đăng chi tính (tính lười biếng) ngộ Khoa
 Quyền nhi học nghiệp tính thông
 43. Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bất cát
 Cự Môn phùng Đà Kỵ tối hung
 35. Song ngư (Tí Hợi) Thiên Tướng, Phá Quân, thanh cao minh mẫn.
 Tứ mộ Liêm Trinh, Thất Sát, phú quý phong lua.
 36. Xương Khúc đa học; phùng Tuế Dương (Kình)thiên tác tung sự (làm nghề thầy kiện, quan
 toà)
 Khôi Việt đa văn, ngộ Đà Kỵ thiên di, dật sỹ
 37. Tả phụ phùng cát tinh bất vi yếu chiết
 Hữu bật phùng Quả Tú tất đã trường sinh
 38. Thiên Mã ngộ Trường sinh, chung thân bốn tẩu
 Thanh Long cư Phúc Đức, nhân đỉnh chúng đa
 39. Long Trì khoa đệ, yểm Nhật Nguyệt nhi tử trệ kham ưu
 (Long trì gặp Nhật Nguyệt hãm, thi cử khó thành)
 Phượng cát quan giai, tỵ Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (gặp nhiều hoạn nạn)
 40. Kiếp Không Tỵ Hợi lương nghi
 Hình Diêu Mão Dậu tối cát.
 41. Mệnh cư Đào. Hỷ hướng Tử, Dương (Thái) phú quý khả kỳ
 Thân hữu Hồng Đào, kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất.
 42. Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp không, mặc đàn phú quý (nghèo hết cửa)
 Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ, mặc đạo phỗng ba (người thô tục, ngu độn)

43. Phá Quân xung phá Văn tinh, tam cánh bảo vân song nhi hận (suốt đời ôm hận tri âm)
Hóa Khoa trợ vinh Văn diện (văn tinh) nhất giáp đệ mai bản chi vinh.
44. Thái Tuế phùng Thất Sát, trí đúng hữu dư
Thiên Mã ngộ Tam Thai, anh hùng vô đối.
45. Sửu Mùi Ân quý tương phùng, tam sinh hữu hạnh
Tí Ngọ Khốc Hư tịnh thủ, nhất thế xưng hùng
46. Giáp Thai, giáp Tọa, danh phận tảo vinh
Giáp Sát, giáp Liêm, công danh vãng đạt
47. Phụ Bất phùng Thiên Tướng, Dịch thị lương y
Đào Hồng ngộ Thiên Cơ, Doãn vi xảo họa
48. Lương tại Tỵ tất dật du (chơi bời)
Điều tại Hợi vi minh mẫn
49. Tử vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, bất lương chi thử
Kiếp Không Phục binh phùng Dương Nhận, lộ thượng kiếp đồ (tội côn đồ)
50. Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại
Dương Nhâm bất nghi Nhật, Nguyệt, bệnh tật triền miên.
51. Hình Hỏa Kỵ phần(gặp) Thiên Mã
Sát Phá hung trợ Kinh Dương (càng hung)
52. Tử vi vư Dậu, toàn vô uy lực chi công
Thất Sát tại Thân, hưởng đắc an toàn chi phúc.
53. Lương Vũ củng chiếu ư Sửu vị, kim bạch mãn tương sương (giàu có)
Đồng Tham miếu vượng ư Ngọ cung, điền trạch thu thiên hạ
54. Phá Liêm ngộ Hỏa, tử nghiệp vô nghi (chết vì nghề)
Tham Kỵ trùng Điều, thăng tai nan miễn.
55. Bần tiện mạc ngôn Thìn Tuất, tra Dương (Thái) thu ảnh cánh phú vinh (Thái Dương cư Thìn, Tuất: vinh)
Cát diệu đồng tại Hợi Dần, vãng nhật tuyến hoa đa trắc lạc (Hợi Dần có Thái Dương gặp cát tinh về già được hưởng phong hoa tuyết nguyệt)
56. Nhật Dương sinh ư Tí, nhất Âm sinh ư Ngọ
Nhật Nguyệt trùng chiếu lưỡng tương nghi (tốt)
57. Vật khai ư Dần, Vũ thành ư Thân,
Tử Phủ đồng cung ư đắc địa
Thủy cung Thìn Tuất, mộc cục sát hương (có sao thuộc Thủy ở Thìn Tuất, mộc cục gặp thì chết)
58. Thiên Cơ cư Sửu, Kinh văn: Hải đắc thủy diện cánh nạn tài bổ
Văn Xương cư Ngọ, ký viết: “Khốn, đắc thủy diệu chung thành đại khí”
59. Thất Sát: Tí Ngọ, Dần Thân thọ khảo
Thiên Hình : Dần Thân Mão Dậu anh hùng.
60. Dương Nhận hãm tu bi thiết; miếu vượng tu nhi hào kiệt dương danh
Cơ Lương lâm, thả thiện đàm binh, Tuất cung tỵ nhi văn chương quán thế.
61. Phá tại Khảm Ly (Tí Ngọ) tam chiếu, tam công quyền đắc trọng
Dương cư Đoài chấn (Mão Dậu) lục mậu, lục giáp, phúc nan toàn

62. Dương Nhận Hỏa Tinh uy quyền xuất chúng
Đồng hành Tham Vũ uy áp biên di (Thị Thìn Tuất)
63. Âm Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa
Phụ Bát ngộ Tài cung, y chu tước tử (số Tể Tướng)
64. Phi mã Kim ô, tuy gia sát nhi chi phú
Thanh kỳ ngoạ thổ, tuy lạc hãm nhi bất bần
65. Nhật Nguyệt giáp Tài bất phú tắc qui
Không Kiếp giáp Mệnh, nhi yếu tắc bần.
66. Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thêm cung chiết quế
Tử vi hội Vũ Khúc ư Tử tức, quý nhi thực hoè
67. Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh hưởng phúc
Thanh Long vạn phái thừa Mộc Dục dĩ thanh quang
68. Thiên phủ lâm Giải ách nhi vô bệnh
Địa Kiếp lâm Phúc Đức nhi hữu tại
69. Quyền Lộc trùng phùng Chư Bột vận lai nhập tướng
Khôi Việt đối chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa
70. Bạch hổ lâm Mệnh, Trương Công chi cô hồn thích thích (hồ rượu thất nhiều)
Thanh Long phiếm hải, Thái Công chi triều đầu hàn han
(Thanh Long cư Tí như Thái Công vui gặp được Văn Xương)
71. Quý (Khôi Việt) ngộ quý hưởng (cung Quan) phùng chi quý thịnh (quan rất bền)
Tài cư Tài vị (Tài là phủ, Vũ) ngộ giả phú gia
72. Tang Môn thậm khổ ư Thiên la, thung huyên lãnh đạm
Quan phù đa kinh ư Địa võng, trất cốc (gông cùm) bi sầu
73. Thanh Long, Quan đối: hiên ngang lang miếu
Mã đầu đài kiếm trấn ngự biên cương
74. Chính hỏa (Hỏa tinh) phần Thiên Mã bất nghi viễn hành”
Thốn kim (cung Dậu) ám Kinh dương phản hiềm tao khổn,
75. Hoạ Lộc trùng phùng Phu Tử văn chương quán thế;
Song Lộc lưỡng ngộ, Thái Công vũ lược siêu quần.
76. Vũ Khúc lâm Cô thần, Hàn tướng quốc tần tần tái quý;
Văn xương phùng Quả tú, Trương đế sư bộ bộ tầm tiên
77. Kinh dương ngộ Lực sỹ, Lý Quảng bất phong;
Bạch hổ kiến Tướng quân, Đào Tiềm kiêu án
78. Kinh, Đà tướng giáp Mệnh, phá điền trạch ư phu quân;
Hỏa, Linh, Phá ư Thân, bại điền tài chi tổ nghiệp
79. Phá quân tính khốc bất nhân, vật an Thân Mệnh
Văn xương tinh thanh thả khiết; ích phu lợi tử
80. Hình dữ Dương, Đà hưởng phúc ư ngũ tuần chi hậu;
Kinh cầu Mã, Khúc ư tứ thập nhi tiền.
81. Yển anh phùng Ngọc nữ, giai do Cơ ngộ Kinh dương;
Tề nữ kiến Kim Phu, giai do Phá phùng Thiên mã
82. Vương Bột đầu hà, Phá quân hãm Thiên dương ư Thủy địa;

- Vương lương ải ngục, Liêm trinh hãm Địa kiếp ư Hỏa cung
83. Bát toạ hướng Thái dương thị tụng ư cung cấm;
Thất sát triều đầu cách (Tí, Ngọ, Dần, Thân) nhập tướng ư phủ môn;
84. Văn khúc hí Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân sở ụy (cung Thê ở Hợi có Khúc, Nguyệt vợ khuê các)
Văn xương triều Nhật ư Ngọ, vị phong trần địa bộ thế nan mân (Xương, Nhật đóng Mệnh tại ngộ lịch duyệt ít ai bì)
85. Hóa Khoa tố vi kỳ, vật hướng Thiên hương nhi ám hối;
Hóa lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa dĩ tăng bi
86. Thiên đồng bạch thủ thành gia;
Địa Kiếp đan tâm tất ám
87. Dương, Đà, Hỏa, Linh vị chi tứ sát, đơn phùng Cơ tú nhi hữu duyên;
Hổ, Tang, Điều, Bình vị chi tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh nhi hóa cát.
88. Lãng Lý Đoà hoa gia Địa kiếp, tam canh khai chương ư giai nhân (5 canh sa luy vì sắc đẹp)
Vân đầu Hóa kỵ ngộ Thiên không, sổ tuế hư tư ư hiền phụ (nghi ngờ vợ nhiều năm)
89. Văn Khúc, Vũ khúc đồng mệnh, Lý Tinh toại tướng tướng chi vinh
Lưu Xương, Văn khúc đồng cung. Phong Đồ liệt tướng duy chi thị
90. Lộc cư Nô Bộc tủng hữu quan giả bôn trì
Đẩu cư Thê cung, tuy hữu phú nhi cương ngạnh
91. Đan quế, Đan tri (Nhật Nguyệt) chiếu ư Điền trạch, phúc tử Thạch sủng (đắc địa)
Văn quế, văn hoa (Xương Khúc) đối ư Phu thê thọ như Bành Tổ (cung Phối có Xương Khúc ở Sửu Mùi chiếu, sống lâu)
92. Thiên Lương bảo tư tài dĩ dư nhân (đem tiền ra làm việc phúc)
Thất sát thủ, tha tài vi kỷ vật (lấy tiền người làm của mình)
93. Vũ khúc Tả ư Tử cung, bất tất
Cô Thần nhi hữu hại (cung Tử có Vũ mà không hiếm con thì tất có hại)
Đà La lâm Phu vị, bất tú quả tú diệc tăng bi (đà ở Phu, nếu không ở một mình thì cũng buồn rầu)
94. Khải ụy hàm chi Bạch hổ (Hổ ở cung Dậu có uy quyền)
Kham nghi hỷ Thủy (Tí) chi Thanh Long
95. Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tấn triều nhi tuý khách (Nguyễn Tịch triều Tấn say sửa)
Đại Hao lâm Quan Phủ, Lưu Nghi tôn thất chi hu hồ (giòng Tôn tộc cũng bị hình phạt.)
96. Nhật Lạc Mùi cung, vi nhân tiền cần, hậu lãng (trước siêng sau lười nhác)
Nguyệt tàng Dần vị, tác sự hữu thủy vô chung
97. Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu mệnh
Khoa Quyền củng bất như lâm viên
98. Hữu Bát hội Phu cung, vi nhân hữu tiền tính chi phận
Đẩu quân lâm phu vị, vi nhân tắc cù mộc chi cô (vợ cả bị cô đơn)
99. Tả Hữu Nhật Nguyệt lâm Tử tức, khánh trập ư chung tư (vui nhưng lòng vẫn nghĩ)
Xương Khúc Tả Hữu hội ư Thê cung, diễn trần trần ư lâu chỉ (nhiều con đẹp đẻ)

100. Hữu Bát đơn lâm ư Mệnh cung, ly hương sở nghiệp
Tả, Phụ trùng lai ư Mệnh vị, tiên tổ hữu quang.

CÁCH CUỘC LUẬN

1. Mệnh hảo Thân đáo lão vinh sường
Mệnh suy, Thân suy chung thân khát điều
2. Mệnh hảo bất như vân hảo
Thân hung bất nhược hạn hung
3. Điều khách dự phòng tiểu cố (hình phạt nhỏ)
Cự Môn định chủ thị phi
4. Tấu thư thủ mệnh thị đa khẩu thiệt chi nhân
Quan Phủ thủ viên tỵ thủ phòng nhân chi phản
5. Đào hoa thủ mệnh quả thê (ít ở với vợ)
Hong Loan cư Thê tiểu khắc
6. Nữ tử Hong Loan thủ mệnh chủ nhị phu
Nam tử Hoa cái cư thân, xuất ngoại đa ái
7. Thái Tuế phùng Thất sát ư mệnh viên hung trung, gia diệu toán (xem thân Cát diệu)
Trường sinh hội Thiên Lương ư Phúc địa, thân thường hữu kỳ tài
8. Khoa Quyền ngộ Khôi Việt dị thành công
Xương Khúc hữu Âm Dương nhi đắc lực.
9. Không Kiếp hà hiềm ư Ty Hợi (tốt)
Tuế Đà thiết kỵ ư Dần Thân(xấu)
10. Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng Không Kiếp ám xung
Cơ Nguyệt Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh xâm phá.
11. Đà Kiếp trùng lâm hạn ngộ Thiên Giải nhi khả cứu
Phá Quân hãm địa ư Mão Dậu bản Nguyệt Đức hóa từ nhân (người nhân từ)
12. Quý nhân (Quan, Phúc)bất nhập qui hương nan giải hung tình chi hoạch nhiều
Tử vi đáo thủ nhàn cung, hựu vọng khô miên khả cứu (cư Nô, Giải mà đắc địa thì khả cứu)
13. Đào Hoa ngộ Thiên Mã ư Thiên di du sơn du thủy
Hóa Kỵ ngộ Phục Binh ư thê thiếp, hốt oán, hốt thân
14. Tham Lang đồng Xương Khúc ư Sửu Mùi đích hữu đầu hà chi hoạn (chết đuối)
Quan Phủ hội Dương Đà ư hãm địa, tất nhiên loạn thuyết chi nhân (cung Tỵ)
15. Văn Khúc hãm ư Thiên Thương, Nhan Hôi yếu chết
Khôi Việt lưu tật ách, Giáng Quán vô văn (dốt)
16. Thất Sát đơn thủ mệnh viên vô khả cứu
Trùng lâu chi hạn (Sát ở Thiên La, Địa Võng mà đại tiểu hạn trùng phùng đó rất nguy)
Văn khúc kỵ đồng Hóa Kỵ, hạn ngộ nan phòng yếu tử chi ưu.
17. Thiên Lương cư miếu vượng độ Thái Tuế, Bệnh phù nhi khả giới (gặp Tuế phù rất xấu)
Thiên đồng Ngộ vị hỷ Dương nhận uy trấn biên ải.
18. Không Kiếp tai Phúc lương, thân tộc xuất giao tiểu loại (chết phương xa)
Kỵ Hao (đại) chi ngộ Cự Môn tất hại tổ tông chi nghiệp
19. Giáp Quý giáp Lộc thiếu nhân chi

- Giáp Quyền giáp Khoa thế sở nghi
 20. Giáp Nhật giáp Nguyệt thủy năng ngộ
 Giáp Xương giáp Khúc chủ quý bề
 21. Giáp Không giáp Kiếp chủ bản tiện
 Giáp Kinh giáp Đà vi khất điều
 22. Liêm Trinh, Thất Sát phản vi tích phú chi nhân
 Thiên Lương Thái Âm khước tác phiêu bổng chi khách
 23. Liêm Trinh hãm địa chủ hạ tiện chi cô hàn
 Thái Âm hãm địa chủ nhất thân chi khoái lạc
 24. Xuất thế vinh hoa Quyền Lộc thủ Tài, Quan chi vị
 Sinh lai bản tiện Kiếp Không lâm Tài, Phúc chi hương
 25. Văn Xương, Văn Khúc vị nhân đa học đa năng
 Tả phù Hữu bật bản tính khắc khoan khắc hầu
 26. Thiên Phủ, Thiên Tướng nãi vi y lộc chi thần
 Tử, Sĩ vi Quan định chủ hanh thông chi triệu
 27. thất Sát triều đầu (Tí Ngọ Dần Thân) tước lộc vinh xương
 Tử Phủ đồng cung chung thân phúc hậu (tuổi Giáp cực quý)
 28. Tử vi cư Ngọ vô Sát thấu vị chi công Khanh
 Thiên phủ lâm Tuất hữu tinh. Phù yếu Kim y tử.
 29. Khoa minh lộc ám vị liệt tam thai
 Nhật Nguyệt đồng lâm quan cư hầu bá.
 30. Cự Cơ, đồng cung, công khanh chi vị (đắc địa ở Mão Dậu)
 Tham Linh tinh thủ (ở Tứ mộ và Tí) tướng tướng chi danh
 31. Tả phụ Văn Xương hội cát tinh, tôn cư bát toạ
 Tham Lang Hỏa tinh cư miếu vượng, danh chấn chư bang (ở Tứ Mộ – Mão là thứ, tránh gặp
 Kinh Đà Không Kiếp)
 32. Tử Phủ Nhật Nguyệt cư vượng địa, đoan định công hầu khí.
 Nhật Nguyệt Khoa Lộc Sửu cung, trung định thị phương bá công
 33. Thất Sát Phá Quân nghi xuất ngoại
 Cơ Nguyệt Đồng Lương tác lại nhân
 34. Dần Mệnh phùng Phủ Tướng (ở Ngọ Tuất) vị đương nhất phẩm chi vinh
 Mộ (tứ mộ) phùng Tả Hữu tôn cư bát tọa chi quý
 35. Khoa Lộc tuần phùng, Chu Bội hậu nhiên nhập tướng (Tam hóa chiếu hay trước cung
 Mệnh 3 cung ví như Mệnh ở Hợi mà ở Dần gặp Tam Hóa liền)
 36. Kinh Dương Hỏa tinh uy quyền xuất chúng (ở Tứ mộ)
 Đồng hành Tham Vũ uy yểm biên di,
 37. Trọng Do mãnh liệt, Liêm trinh nhập miếu ngộ Tướng Quân.
 Tử Vũ tài năng, Cự tú Đồng Lương xung thả hợp (ông Tử Vũ)
 38. Dần Thân tối hỷ Đồng Lương hội
 Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cự môn
 39. Lộc đảo, Mã đảo kỵ Thái Tuế (lưu niên) chi hợp Kiếp Không.
 Vận suy, hạn suy, hỷ Tử vi chi giải hung ác

40. Hạn chí Thiên La, Địa Vong Khuất Nguyên nịch thủy nhi vong (có Tham Vũ, Tang Diếu, Hồ Kiếp Không, Tứ Sát)
 Vận ngộ Địa Kiếp Thiên Không, Nguyễn Tịch hữu bản cùng chi khổ.
41. Sinh phùng Thiên Không do như bán thiên chiết sĩ,
 Mệnh trung ngộ Kiếp Không như lãng lý hành thuyền
42. Thiên Lương ngộ Mã, Nữ Mệnh tiện nhi thả dâm
 Xương Khúc giáp Nhật, nam mệnh quý nhi thả hiển
43. Đế cư Mão Dậu đa vi thoát tục chi nhân (phải gặp sát tinh, nếu cát Hóa, Khôi Việt Tả Hữu lại quý cách)
 Trinh cư Mão Dậu định thi công tứ lại bôn (người làm quan lớn phải có cát tinh)
44. Tả Phr đồng cung (Thìn Tuất) tôn cư vạn thừa
 Liêm Trinh Thất Sát lưu đăng thiên nhai.
45. Linh Xương Đà Vũ, hạn chi đầu hà (mệnh ở Thìn Tuất, người sinh Tân Nhâm Kỷ mà hạn đến Thìn Tuất không có cát tinh thì chết nước, chết đường)
 Cự Hỏa Kình dương chung thân ải tử.
46. Tí Ngọ Phá Quân gia quan tiến lộc
 Xương Tham cư mệnh, phần cốt toái thi
 (Mệnh an ở Tỵ Hợi hay 2 sao ấy cư Quan, chết tan tành thân thể)
47. Triều đầu, ngưỡng đầu, tước lộc vinh vượng (Sát ở Tí Ngọ Dần Thân là Triều; 3 phương chiếu về là Ngưỡng đầu)
- Văn Quế Văn Hoa cứu trùng quý hiển
 (Mệnh an ở Sửu Mùi gặp Tam Hóa)
48. Âm Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa
 Phụ Bát ngộ Tài Quan y phi tước tử
49. Cự Lương tương hội, Liêm Trinh tinh hợp Lộc; uyên ương nhất thế vinh
 Vũ Khúc nhân cung đa thủ nghệ, Tham Lang hãm địa tác đồ nhân.
50. Tham Vũ mộ trung, tam thân triều phát phúc (nếu gặp Hóa Kỵ thì yếu)
 Hoá Lộc hoàn vi hoả, lưu hưởng mộ trung tàng
 (Tham Vũ Lộc thì giàu, nhưng ở tứ Mộ Không phát được)
51. Thiên Đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cát chủ đại quý (nếu có Lương Lộc)
 Cự Môn Thìn Tuất vi hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh (nếu có Lương Lộc chiếu)
52. Luận Mệnh tất suy tinh thiện ác
 Cự, Phá, Kình dương tinh tất cương (hãm)
 Phủ Tướng Đồng Lương tinh tất hiếu, Sát (nhất) Kiếp Không Tham tinh bất thường
53. Xương Khúc Lộc Cơ thanh tú hảo
 Âm Dương Tả Hữu tối tù tường
54. Tham Lang Liêm Trinh Phá Quân áo
 Thất Sát Kình Dương Đà La hung
55. Cự Môn Kỵ tinh giai bất cát, Vân, Thân Mệnh Kỵ tương phùng
 Hoả tinh, Linh tinh chuyên tác họa Kiếp Không Thương sử hoạ trùng phùng.

1. Phu quân ký biệt nhân cung, thân mệnh nan ngân hảo địa
 2. Giáp Nhật, giáp Nguyệt cận đắc quý nhân
- Giáp Tả giáp Hữu, tảo hài lịch khách
3. Nam tử tối hiềm Nhật hãm
Nữ nhi thiết kỵ Hắc vân (Hoá kỵ)
 4. Sở ai giả, Hồng Loan tứ mộ, liệt phu quân chi vị (số khóc chồng, Sở hỷ giả Thiên hỷ, Nhị Minh (Nhật Nguyệt địa) phù tử tức chi cung
 5. Long Trì Phương các ôn lương
Thiên Khốc, Thiên Hư tảo bạo
 6. Thiên Diêu, Thiên hỷ da chiêu quái dị chi tai
Địa Kiếp, Địa Không thân mạo gian chi phi hạnh
 7. Thai Hoa, (hoa cái) phùng Kiếp gián đoạn Tử cung (cách xa mới có con) Nhật Nguyệt Tử cung nhất bào song sản
 8. Đào Hoa phùng Thiêm Mã tòng khách có đôi
Thái Tuế ngộ Dương Đà đa chiêu khẩu thiệt
 9. Ách địa hiềm Thai phùng Bạch Hổ (dễ băng huyết)
Mệnh cung kỵ Nguyệt ngộ Đà la (loạn dâm)
 10. Hao cái Tấu thư thanh cao tủng chúng,
Long trì Phương các thu đắc quý nhân.
 11. Mộc dục Hoa cái thủ mệnh hoang dâm
Mã ngộ Không vong chung thân bồn tẩu,
 12. Tham Tang ngộ Phu quân, Mệnh hữu chính (diệu) tắc đích, vô chính tắc thiết
Hồng Loan phùng Địa Kiếp ư Phu quân, Mệnh hảo chi bách
 13. Xương Khúc giáp, chiếu ngộ cát hữu duyên
Xương khúc thủ hựu phùng Cơ dâm loạn
 14. Vượng phu ích tử do Lộc Mã giao trì,
Xuất phát nhập Duy (Dần, Thân, Tỵ, Hợi) Tử phủ đồng vị.
 15. Tử Tức Thái âm tuy hãm hà tổn:
Thái âm ký hãm địch vô, phùng Tham tắc hữu nhi yếu chiết, ngộ Thiên Đồng tắc đa chúng tử
 16. Nữ mệnh phùng Hóa Lộc vô hung tinh tài lộc phong dinh,
Nữ mệnh phùng Xương Diêu, nhất sinh dâm dăng
 17. Tử vi cư Huỳnh đệ diệc hữu trưởng huynh,
Ngộ Hóa Lộc hiện vi Trưởng.
 - Thiên Phá cư Tài Bạch, diệc thi da lộc (tiên) ngộ Thiên Hình tất nhi hao tổn.
 18. Liêm Trinh tranh bạch năng tương thủ (đắc địa)
Cánh hữu Thiên Đồng, lý diệc nhiều,
 19. Phủ Tướng chi tinh, nữ mệnh triền, dương tử quý giữ phu hiền
Đoan chính Tử vi, Thái Dương tinh, tảo ngộ hiền phu tinh khả bằng
 20. Thái Dương Dần đáo Ngọ ngộ cát, chung thị phúc,
Tả phụ, Thiên Khôi vì phúc thọ, Hữu Bát Thiên Tướng phúc tương lâm.
 21. Lộc Tồn hậu trọng đa y thực,
Phủ tướng triều viên mệnh tất vinh

Tử Phủ Ty Hợi tương Hổ phù, Tả Hữu phù trì phúc tất sinh

22. Cự Môn Thiên Cơ vi phá đấng

Thiên lương, Nguyệt Diệu hãm tắc bản

(Ty Hợi có Lương hoặc Dần Thìn có Nguyệt)

23. Phá quân nhất diệu tinh nan minh;

Tham Lang nội lang đa dâm dật

24. Vũ Khúc chi Tử vi quả tú,

Thất Sát trầm ngâm phúc bất vinh

25. Thập thiên Hóa Lộc tối vinh xương

Nữ mệnh phùng chi dai cát tường

Canh đắc Lộc Tồn tương tấu hợp

Vượng phu ích tử thụ ân quang

26. Hỏa Linh Dương Đà Cặp Cự Môn

Thiên Không, Địa Kiếp hựu tương lâm

Tham Lang Thất Sát Liêm trinh tú

Vũ Khúc gia lâm khắc hại sâm

27. Tam phương tử chính hiềm phùng sát

Cách tai phù cung hoạ hoạn thân

Nhược trực bản cung vô chính diệu

Tất chủ sinh ly Khắc hại chân.

HẾT